NĂM THỨ MƯỜI LĂM • # 170 • JUNE 2003

THẾ KỶ 21

14775 Moran Street Westminster CA 92683 USA
E-mail: theky21@kicon.com
Điện thoại *Trị sự:* (714) 775-6301 *Tòa soạn:* (714) 890-6002

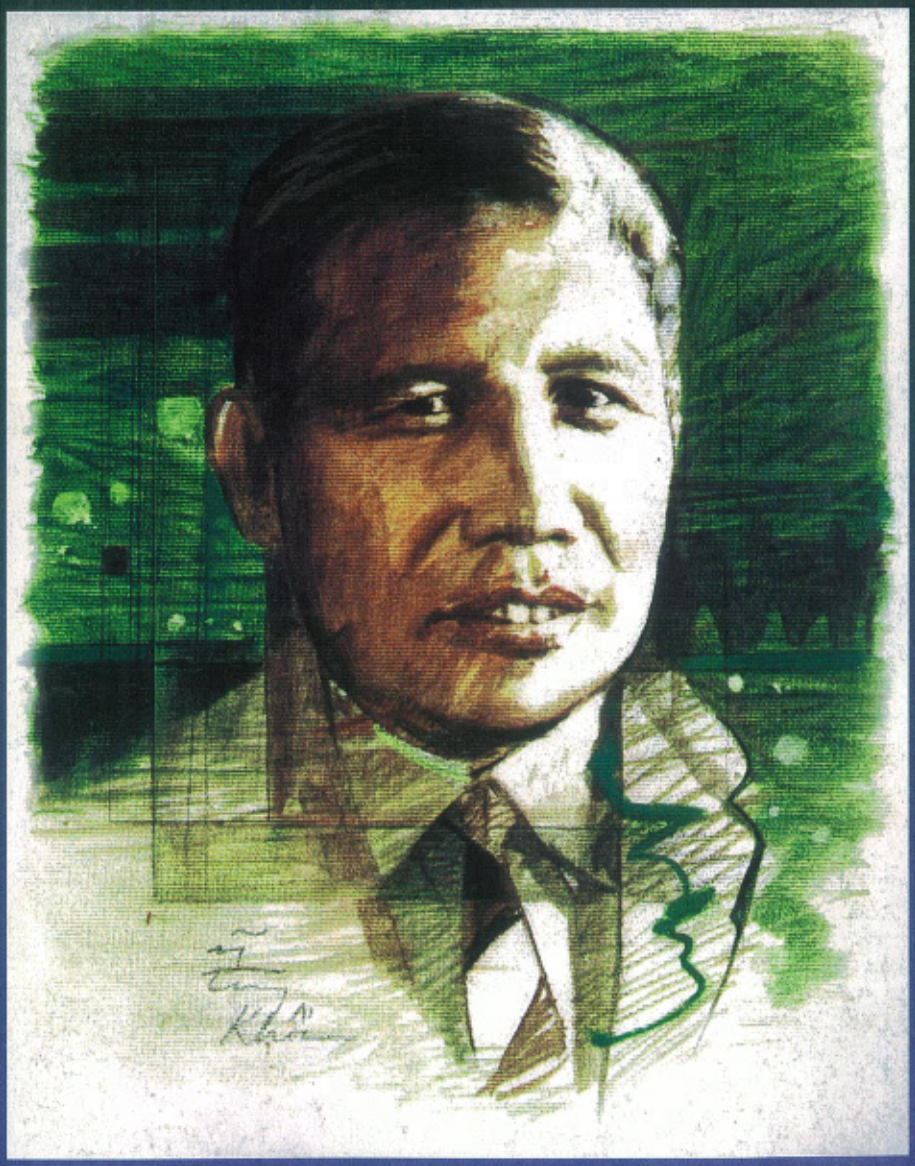

Số Đặc Biệt về

HỒ HỮU TƯỜNG

TRUNG TÂM VĂN SƠN xin trân trọng giới thiệu và kính mời

DVD và VIDEO Tape

TRUNG TÂM WORLD

Xin trân trọng giới thiệu đến Quý thính giả
2 Bộ CDs mới vừa được phát hành khắp nơi "rất tuyệt vời"

Đặc Biệt Mỗi Bộ CD gồm có 2 Disc

Bộ CD "Chút Hương Cho Gió 6 - 7"

&

Bộ CD "Nhạc Hòa Tấu Phiêu Lãng 3 - 4"

Giá Đặc Biệt 2 Disc, bằng giá như 1 Disc mà thôi

Trung tâm World xin gửi đến quý vị 2 Bộ CDs mới này được quy tụ nhiều tiếng hát đang được nhiều cảm tình nhất cũng như mời quý vị thưởng thức những bài hòa tấu du dương rất hay và tuyệt vời hầu mang lại cho quý vị một chút hương vị vui tươi, thoải mái và để quên đi những lo âu phiền muộn. Và để đáp lại sự thương yêu của quý thính giả khắp nơi Trung Tâm World đặc biệt gửi đến quý vị mỗi bộ CD 2 disc với hơn 30 bài được tuyển chọn kỷ lưỡng nhưng giá bán chỉ như 1 disc mà thôi (dưới $10).

Đã Phát Hành Khắp Nơi...

DISC 1: CHÚT HƯƠNG CHO GIÓ 6
1. MÙA XUÂN CÒN XA LẮM *Ngọc Hương*
2. CHIẾC LÁ THU PHONG *Julie*
3. MÙA XUÂN KHÔNG TRỞ LẠI *Ngọc Bích*
4. NGƯỜI TỪ ĐÂU TỚI *Hòa Tấu*
5. VĨNH BIỆT TÌNH TA *Nguyên Khang*
6. LỜI KINH TÌNH YÊU *Ngọc Hương*
7. MARIA ROSE *Ngọc Bích*
8. PHƯƠNG ĐÔNG *Nhạc Hòa Tấu*
9. TÌNH THIÊN THU *Tuấn Hùng*
10. TÌNH KHÚC ALEGRIA *Ngọc Bích*
11. NỖI NHỚ RỜI XA *Julie*
12. BUỒN MÀ CHI EM *Nhạc Hòa Tấu*
13. HẠNH PHÚC KHÔNG NHƯ HÔM QUA *Việt Dzũng*
14. BIỂN SẦU *Ngọc Hương*
15. MỘNG ĐẸP *Julie*
16. TIỄN NGƯỜI ĐI *Nhạc Hòa Tấu*
17. MỘNG ĐẸP *KARAOKE*

DISC 2: LƯU HỐNG ĐẶC BIỆT
Chút Hương cho gió 7
1. NỖI BUỒN GÁC TRỌ
2. TÌNH NGHĨA ĐÔI TA THẾ THÔI
3. GIÁNG NGỌC
4. MƯỜI NĂM YÊU EM
5. HOA ĐẦU MÙA
6. TÌNH HỜ
7. TRỘM NHÌN NHAU
8. NGUYỆN CẦU CHO NGƯỜI
9. TÌM VẾT CHÂN XƯA
10. NGƯỜI ĐÃ ĐI RỒI
11. TRẦM MẾN NGÀN THƯƠNG
12. NGÀY ĐÓ
13. GẶP NHAU LÀM NGƠ
14. BÀI KHÔNG TÊN CUỐI CÙNG
15. BẢN TÌNH CUỐI

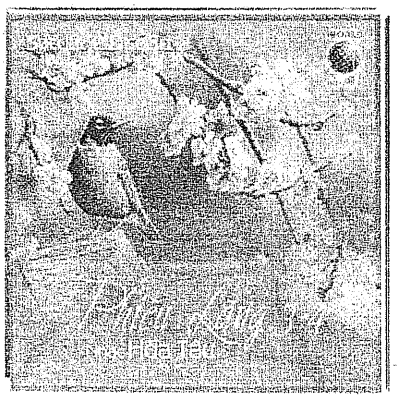

DISC 1: PHIÊU LÃNG 3
1. PHỐ XA
2. CHỈ CÒN MÌNH ANH
3. LẠI GẦN BÊN ANH
4. NGẬY NGẤT BÊN NHAU
5. LÁ ÚA - HẬN TÌNH TRONG MƯA
6. TÀN TRO
7. HƯƠNG YÊU
8. LOVE IS BLUE
9. SẦU LAURA
10. NẮNG THU
11. EM ĐẾN RỒI ĐI
12. NGƯỜI YÊU NẾU RA ĐI
13. TƯỞNG NHỚ NHỮNG NGÀY QUA
14. HÔN MÔI XA
15. CHIỀU XUỐNG
16. GIỌT NƯỚC MẮT HỒNG

DISC 1: PHIÊU LÃNG 4
1. ANH VẪN BUỒN NHƯ XƯA
2. TÌNH VẪN THIẾT THA
3. CHUYỆN ĐÔI TA
4. YÊU EM BẰNG CẢ TRÁI TIM
5. VE SẦU
6. KHÚC TÌNH GIAN DỐI
7. KHI TUYẾT RƠI
8. DARK EYES
9. KHÓC MỘT DÒNG SÔNG
10. THÀNH PHỐ BUỒN
11. ICHIBAN
12. CHIỀU ĐÔNG
13. GIÃ TỪ TRONG ĐÊM
14. THIÊN THẦN BƠ VƠ
15. CÀFÊ MỘT MÌNH
16. ANGIE

Thực Hiện và Chọn Nhạc: **NGUYỄN VĂN THÀNH** - L/L World Productions **(714) 897-0823**
Hòa Âm: Quốc Thắng & Lê Văn Thiện / Photo, Make-up & Hair Design: Nguyễn Cao Kỳ Duyên
Đại Diện Phát Hành tại vùng Los Angeles, San Diego & Orange County - Liên Lạc:
Thăng-Long Music **(714) 899-7898** hoặc Hải Đăng **(714) 531-3862**

Tạp Chí
THE KY 21
14775 Moran Street, Westminster, CA. 92683
Tel: (714) 585.4666 * (714) 839.8746
EMAIL: tapchitheky@aol.com (trị sự) theky21@kicon.com (biên tập)

Tạp Chí Thế Kỷ 21 : **Một Tặng Phẩm đầy ý nghĩa**

PHIẾU ĐẶT MUA/ GIA HẠN/ TẶNG BÁO
SUBSCRIPTION FORM

Họ tên người nhận/ Full mane:.....
Địa chỉ/ Address :.....
.....
Phone/ Fax/ E-Mail:.....
Kèm theo chi, ngân phiếu số/ Check, Money Order#.....
Số tiền/ Amount:.....

	1năm/1 year	2năm/ 2 years	Ghi Chú
Media Mail (AirMail)	US$ 50.00	US$ 90.00	
Hạng nhất/ First class	US$ 64.00	US$ 120.00	
Canada	US$ 68.00	US$ 130.00	
Âu Châu/ Europe (air mail)	**US$ 88** US$ 90.00	**US$ 170** US$ 170.00	**Mới (new)**
Á châu, Úc/ Asia,Austra (air mail)	**US$ 98.00** US$ 106.00	**US$185.00** US$196.00	**Mới (new)**

Effective Nov 1, 2002 (có hiệu lực từ 1 tháng 11, 2002) . To be reviewed October, 2003

Muốn quảng cáo hữu hiệu thích hợp với ngân sách tiết kiệm xin hãy đến với TK21

Advertisings

Giá quảng cáo trắng đen trên Tạp Chí TK 21 .(Art work ready) Áp dụng từ 1/11/2002

	Quảng cáo trên Thế Kỷ 21, rất hữu hiệu với độc giả ở nước Mỹ và 153 thành phố khắp thế giới				
Size	Giá trả sau/ Giá trả tiền trước (prepaid)				Kích thước
	1 kỳ/ 1time	3 kỳ/ 3t	6 kỳ/ 6t	12 kỳ/ 12t	Đứng x ngang
Business card	$20/$15	$50/$30	$100/$60	$180/$100	5x9cm
1/4 page	$35/$30	$100/$85	$180/$155	$355/$290	11x7cm
1/2 page	$70/$60	$180/$150	$350/$280	$600/$500	22x7=11x14.5cm
3/4 page	$100/$80	$250/$200	$450/$370	$850/$700	15x14.5cm
1 page	$130/$100	$320/$270	$600/$500	$1000/$900	22x14.5cm
Muốn tòa soạn trình bày, làm art work xin cộng thêm 20% cho hóa đơn đầu tiên (for art work: 20% in first contract)					

Quảng cáo màu (full color,giấy láng): backcover $550; cover inside $450; inside $400/1 page

For full color with special prices, please contact mangement, tel: (714) 585.4666

những **ước mơ**

sẽ trở thành **sự thật.**

những câu chuyện...

những **kinh nghiệm** *sống...*

những cuộc **hành trình...**

thử thách...

đam mê...

tất cả sẽ **gặp nhau** *tại*

VIFF

Đại Hội Điện Ảnh Việt Nam Quốc Tế

Vietnamese International Film Festival (ViFF)

Sẽ được Hội Văn Học Nghệ Thuật Việt Mỹ (Vietnamese American Arts & Letters Association -VAALA) và VietNamese Language & Culture (VNLC) tổ chức tại University of California, Irvine, Hoa Kỳ, vào tháng 10/2003.

Mời tất cả các đạo diễn người Việt tại hải ngoại hãy gửi phim về tham dự Đại Hội Điện Ảnh Việt Nam Quốc Tế! Ban Tổ Chức nhận phim truyện, phim tài liệu, phim ngắn, phim hoạt họa... Hạn chót nhận phim là ngày **30 tháng 6, 2003.**

Xin gửi phim về địa chỉ:

VAALA
14781 Moran Street,
Westminster, CA 92683, U.S.A.

Mọi chi tiết, xin vào **www.VietFilmFest.com**

Designed by VAL Designs 714-227-0324

ALPHA FUNDING & REAL ESTATE

Mua nhà là việc đầu tư lớn lao nhất trong đời
đối với đa số chúng ta.
Từ lúc tìm được căn nhà đúng giá
cho đến khi mượn được tiền mua nhà đúng ý
là cả một tiến trình phức tạp,
ảnh hưởng nhiều đến tình trạng tài chính
và tình cảm của mọi người trong gia đình.
Việc bán nhà cũng phức tạp không kém.
Vì vậy khi có ý định mua nhà, bán nhà
việc **Chọn Người Đại Diện**, giàu kinh nghiệm,
tận tâm và khả tín có thể nói là điều **Quan Trọng Nhất.**

Thanh Thảo (Tawni Nguyễn)
Real Estate Broker

Thanh Thảo đã được quý vị đồng hương tín nhiệm
trong lãnh vực địa ốc và tài trợ địa ốc trên 10 năm qua.
Nay Thanh Thảo đã về phục vụ quý vị tại:

Alpha Funding & Real Estate

Tel: (714) 896-9000

8231 Westminster Blvd, Westminster, CA 92683
(Góc đường Westminster và Monroe, đối diện Westminster Civic Center)

Hãy đến với
Thanh Thảo tại **Alpha Funding & Real Estate**
để có được kinh nghiệm tốt đẹp trong việc chọn mua, bán nhà
với hồ sơ tài trợ hoặc tái tài trợ nhà, khu thương mại
hoàn tất đúng theo ý quý vị.

Hãy gọi Thanh Thảo
tại (714) 896-9000
hoặc số pager: (714) 592-7456

ALPHA FUNDING & REAL ESTATE
Sẽ Giúp Đưa Quý Vị Về Căn Nhà Của Ước Mơ!

Nhà sách TỰ LỰC hân hạnh giới thiệu:

TRONG CÁNH CỬA, NGOÀI CHÂN MÂY
Hồi ký của NGUYỄN BỬU THOẠI
Hồi ký nhiều chất văn học của một cựu sĩ quan Quân Lực VNCH, trong đó tình yêu và chiến tranh xen kẽ nhau, để diễn tả hai mặt của miền Nam thời chiến: "Thiếp *trong cánh cửa*, chàng *ngoài chân mây*." Người đọc cảm động vì mối tình của chàng sĩ quan với cô giáo, đồng thời hồi hộp theo dõi những trận chạm súng kinh hồn được diễn tả một cách thành thật. Giá 20 Mỹ kim.

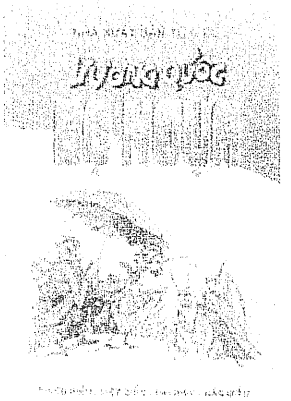

VƯƠNG QUỐC BỌ NGỰA
Các bài báo của **THIỆN ĐIỂU, VIỆT ĐIỂU, HẢI ĐIỂU, HẮC ĐIỂU**
Tập hợp bài viết của các tác giả, phản ảnh nội tình chia năm xẻ bảy của cộng đồng Việt Nam vùng Bắc Cali. Viết với văn phong trào phúng, nhưng tất cả dữ kiện và chi tiết đều thật, để mô tả một nhân vật họ gọi là "Nữ Hoàng Bọ Ngựa" cùng với "Vương Quốc Bọ Ngựa" của "Nữ Hoàng." Giá 20 Mỹ kim.

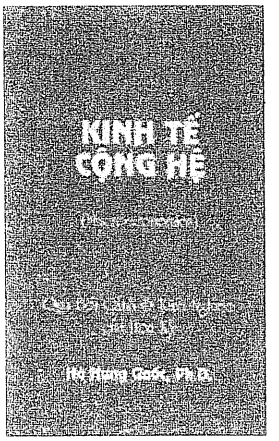

KINH TẾ CỘNG HỆ (Macroeconomics)
Sách kinh tế học của **HÀ HƯNG QUỐC, Ph.D.**
Cống hiến những kiến thức nền tảng về kinh tế: khoa học kinh tế, các lý thuyết gia, phương pháp toán kinh tế, những mô thức, những vấn nạn, ngân hàng và hệ thống tiền tệ... Một cuốn sách sáng sửa, giúp ích cho độc giả đọc tiếng Việt nắm vững các khái niệm cơ bản về kinh tế học hiện đại.
Giá 30 Mỹ kim.

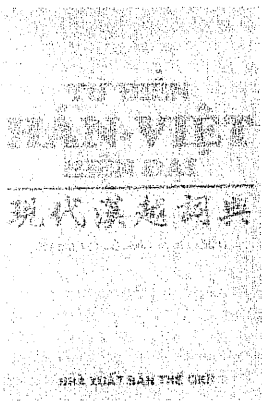

TỪ ĐIỂN HÁN VIỆT HIỆN ĐẠI
NGUYỄN KIM THẢN chủ biên
Dịch khoảng 75,000 từ tiếng Hán ra tiếng Việt., Được chế bản theo chữ "phồn thể" nên tiện dụng cho người dạy và học tiếng Hán hiện nay. Mỗi mục từ cung cấp: phiên âm theo âm Hán hiện đại và âm Việt quen dùng, giải nghĩa bằng tiếng Việt của từ, cách dùng từ ngữ Hán và lời dịch sang tiếng Việt v.v...Giá 38 Mỹ kim.

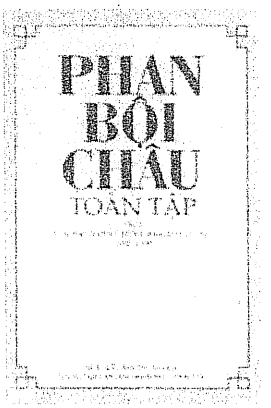

PHAN BỘI CHÂU TOÀN TẬP
Do **CHƯƠNG THÂU** sưu tầm và biên soạn
Gồm tất cả 10 tập, tổng cộng gần 6000 trang, in lại **tất cả** các trước tác (với nguyên bản Hán văn nếu viết bằng chữ Hán) của Phan Bội Châu, nhà tranh đấu giải phóng dân tộc, đồng thời là nhà văn, nhà thơ, nhà tư tưởng có vị trí rất quan trọng trong lịch sử Việt Nam thời cận đại. Mỗi tập là một thời kỳ sáng tác văn thơ, hoặc là tác phẩm quan trọng như Chu Dịch, Khổng Học Đăng, Tự Truyện... Giá toàn tập 299Mỹ Kim. **Đặc biệt giảm giá 20 phần trăm.**

VIỆT SỬ KHẢO LUẬN
Tác giả **HOÀNG CƠ THỤY**
Gồm sáu tập khổ lớn, tổng cộng gần 4000 trang. Bắt đầu từ thời thượng cổ cho đến ngày Việt Nam Cộng Hòa thất thủ tháng Tư 1975. Mục đích của việc viết bộ sử này, theo tác giả, là "để bổ khuyết những cuốn Việt sử cũ và mới, toàn bộ hay cục bộ, do các sử gia việt nam hay ngoại quốc đã viết về Việt Nam."
Giá toàn bộ 6 cuốn 220 Mỹ kim.
Đặc biệt giảm giá 20 phần trăm.

Nơi tập trung tất cả những loại sách cần có trong tủ sách gia đình của bạn:
Văn, Thơ, Nhạc, Chính trị, Kinh tế, Xã hội, Tôn giáo, nghiên cứu phê bình Văn học, Lịch sử, Y học, Khoa học Kỹ thuật... cùng nhiều thể loại khác.

Nhà sách TỰ LỰC, 14318 Brookhurst St.
Garden Grove CA 92843 - USA, Tel: (714) 531-5290
E-mail: BuyBooks@TuLuc.com * www.tuluc.com

TẠP CHÍ
THẾ KỶ 21
CHÍNH TRỊ • VĂN HÓA • LỊCH SỬ

Tạp chí ra hàng tháng
Cty Người Việt sáng lập (1989)
Hội VAALA bảo trợ

14771 Moran Street
Westminster, CA 92683 USA
Tel: (714) 839-8746
E-mail: **theky21@kicon.com**
Web: **http://kicon.com/theky21**

Hội Đồng Quản Trị:
Đỗ Quý Toàn, Đỗ Ngọc Yến,
Hà Tường Cát, Hoàng Ngọc Tuệ,
Lý Văn Chương, Ngô Mạnh Thu,
Nguyễn Phước Quan,
Phạm Phú Minh, Phạm Quốc Bảo,
Trần Văn Ngô.

Chủ nhiệm:
Đỗ Ngọc Yến (1989-91)
Lê Đình Điểu (1991-96)
Phạm Phú Minh (1997-2001)
Hoàng Ngọc Tuệ (2001-)

Chủ bút:
Vương Hữu Bột (1989-2001)
Phạm Phú Minh (2001-)

Bài cho Thế Kỷ 21, xin gửi bằng e-mail, bằng đĩa (có kèm bản in), hoặc bài viết trên một mặt giấy. Bài gửi cho nhiều báo xin ghi rõ để tòa soạn tùy nghi giải quyết. Bài không đăng, không trả lại bản thảo. Tòa soạn nhuận sắc, nếu cần. Bài đăng trên Thế Kỷ 21 không nhất thiết phản ảnh quan điểm của nhóm Chủ trương. Trích đăng bài của Thế Kỷ 21 phải có sự đồng ý của tòa soạn, và ghi rõ ở đầu hoặc cuối bài: Trích Thế Kỷ 21.

Trị sự:
Phan Mỹ Sương
Ngân phiếu đề: THE KY 21

Đại diện phát hành:
Bắc Cali: *Bùi Duy Thuyết*
(408) 225-2199
Đông HK: *Nguyễn Văn Khanh*
(703) 379-8976
Pháp: *Lê Tất Luyện:* 01 45 83 19 12
Ph. Thu Hương: 01 39 84 00 84
Hòa Lan: *Nguyễn Quyết Thắng*
0229 231 666
Đức: *Nguyễn Phi Hùng*
02371 43 9238
Canada: *Hoàng Chiều Nhân*
(450) 466-0895
Western Australia: *Bình Anson*
(61-8) 9448-0637

ISSN 1056-4640

BAN BIÊN TẬP
Bùi Bích Hà, Hoàng Chiều Nhân, Hoàng Khởi Phong, Lan Hương, Ngô Nhân Dụng, Nguyễn Ái Nhân, Nguyễn Chí Kham, Nguyễn Đức Tường, Nguyễn Hùng Vũ, Phạm Xuân Đài, Thanh Thảo, Trần Doãn Nho, Trần Mộng Tú, Trần Ngọc Tuấn, Trần Quán Niệm

Bìa: Chân dung Hồ Hữu Tường do họa sĩ **Nguyễn Trọng Khôi**
Trình bày bìa: **Nguyễn Đồng** và **Nguyễn Thị Hợp**
Minh họa: **Nguyễn Thị Hợp, Thái Tuấn, Vũ Thái Hòa, Đinh Cường**
Kỹ thuật: **Võ Thành Điểm**
Hý họa: **Babui**
Ảnh: **Anh Thành, Nguyễn Doãn Vượng,** tư liệu

MỤC LỤC

Số 170 – Tháng Sáu 2003

ĐẶC BIỆT VỀ HỒ HỮU TƯỜNG
10. Hồ Hữu Tường (1910-1980) – **Thụy Khuê**
11. Tranh chân dung Hồ Hữu Tường – **Tạ Tỵ**
18. Hồ Hữu Tường và cái nghiệp làm báo – **Trần Nguơn Phiêu**
28.Trò chuyện với bà Hồ Huệ Tâm – ***Thế Kỷ 21***
30. Về một kiệt tác của Hồ Hữu Tường – **Thiện Hỷ**
36. Ngô Văn nhớ về Hồ Hữu Tường – **Thụy Khuê** ghi
38. Hồ Hữu Tường trong dòng chính trị Đạo Sĩ dân tộc – **Lưu Văn Vịnh**
42. Hồ Hữu Tường trò chuyện với Nguyễn Ngu Í – **Nguyễn Ngu Í** ghi
51. Con thằn lằn chọn nghiệp – **Hồ Hữu Tường**
53. Tương lai văn hóa Việt Nam – **Hồ Hữu Tường**
58. Nàng mọt sách – **Hồ Hữu Tường**
62. Xuân Thu cũ và Xuân Thu mới – **Hồ Hữu Tường**
64. Tờ báo đầu tiên chỉ một số: Tiền Quân – **Hồ Hữu Tường**
68. Thằng Thuộc con nhà nông – **Hồ Hữu Tường**
CÁC BÀI KHÁC
81. Ông Tây bị nhỡ tàu – **Trần Văn Khởi**
86. Đài Loan và cội nguồn Bách Việt – **Nguyễn Đức Hiệp**
97. Nguyễn Văn Tường và sách lược chống Pháp... – **Nguyễn Quốc Trị**
103. Lý thuyết giáo huấn và chính sách trồng người – **Nguyễn Hữu Chi**
110. Nhật ký du hành – **Nguyễn Doãn Vượng**
THƠ
46. Thu 1941, Nhớ nhau – **Huệ Minh**. 55. Khóc mẹ – **Cung Vĩnh Viễn**. 67. Lời cổ câm – **Thái Anh Duy**. 73. Tháng Giêng/Hai – **Lưu Hy Lạc**. 83. Thoáng trúc Am Mai – **Nguyễn Văn Cường**. 91. Thơ ở Sammamish – **Trần Mộng Tú**. 95. Trời đất một màu mây – **Nguyễn Hà Tuệ**. 99. Giã từ hiên trăng Brookhurst – **Trần Huy Sao**. 107. Gọi suốt thiên thu – **Lê Thị Kim**.
MỤC THƯỜNG LỆ
7. Bạn đọc viết
9. Tòa soạn và Bạn đọc – Thư Trị sự
75. Sổ tay – **Ngô Nhân Dụng**
116. Sách báo: Đọc Nắng Hồng Phương Nam của Nguyễn Chí Kham – **Nguyễn Mạnh Trinh**
118. Chân trời Văn học Nghệ thuật – **Anh Thành, Bùi Văn Phú**

Trong, Ngoài

Ngôn ngữ Việt Nam mà chúng ta quen dùng, hai chữ *trong* và *ngoài* có đến hai cách hiểu. Cách thứ nhất, và là cách chính, *trong* là được bao vây bởi một chu vi nào đó, như trong nhà, trong chén, trong bụng mẹ...; *ngoài* là... ở ngoài chu vi ấy: ngoài vòng cương tỏa, ngoài biển, ngoài biên giới... Cách hiểu thứ hai khác hẳn nghĩa thứ nhất: chỉ hai hướng Bắc, Nam trong vòng lãnh thổ Việt Nam: *ngoài Hà Nội* (nếu người nói ở vị trí phía nam của Hà Nội), *trong Sài Gòn* (nếu người nói ở vị trí phía bắc Sài Gòn), *ngoài bắc, trong nam* v.v... Xin nhắc lại nghĩa nầy chỉ dùng để chỉ hướng Bắc-Nam trong nước Việt Nam mà thôi, một người ở miền Trung Việt Nam chẳng hạn có thể nói *ngoài Hà Nội* nhưng không bao giờ nói ngoài Quảng Đông, ngoài Bắc Kinh, cũng như nói *trong Sài Gòn, trong Cần Thơ* nhưng không bao giờ nói trong Nam Dương Quần Đảo, trong Tân Tây Lan. Quảng Đông, Bắc Kinh, Nam Dương Quần Đảo, Tân Tây Lan là những địa điểm cũng phía Bắc và phía Nam của nơi họ đang đứng, nhưng ở ngoài lãnh thổ Việt Nam. *Trong* ở đây có nghĩa là *phía Nam*, và *Ngoài* có nghĩa *phía Bắc* của xứ sở Việt. Rồi những động từ để chỉ sự di chuyển Bắc hay Nam đó cũng là những động từ chỉ cho nghĩa thứ nhất: ra Bắc, ra Hà Nội (không khác 'ra khơi'), vào/vô Nam, vào/vô Sài Gòn (không khác 'vào/vô nhà').

Quý vị thử ngẫm mà coi, người Việt Nam cư ngụ tại California, từ San Jose đi Santa Ana chẳng hạn (Bắc xuống Nam), có bao giờ nói "Tôi vào Santa Ana" không, hay ngược lại từ San Diego đi San Francisco (Nam lên Bắc) có bao giờ nói: "Tôi ra San Francisco" đâu! Hướng Bắc-Nam bây giờ, tại nước Mỹ, người mình dùng *lên* (hướng Bắc) và *xuống* (hướng Nam), có lẽ theo theo chiều Trên và Dưới của bản đồ. Như vậy rõ rệt chữ *trong Nam, ngoài Bắc, vào Sài Gòn, ra Hà Nội* dùng ở Việt Nam phải có một ý nghĩa đặc biệt nào đó, có tính chất tinh thần hơn là thuần phương hướng. Những tiếng *vào-ra, trong-ngoài* mà chúng ta dùng đời nọ sang đời kia tại Việt Nam nó thân mật, ấm cúng trong nội bộ dân tộc và lãnh thổ của mình thôi, không có dùng cho bên ngoài.

Sinh ra, học nói thì đã được dạy cho nói như vậy, thấy tự nhiên, không bao giờ tôi thắc mắc tại sao chữ *trong* và *ngoài* lại có hai nghĩa như vậy, và hai nghĩa ấy có liên quan gì với nhau không. Cho đến tháng vừa qua đọc bài "Các Chúa Nguyễn Xứ Đàng Trong..." của Tôn Thất Thiện (Thế Kỷ 21 số 169), thấy chữ Đàng Trong được dịch là Inner Region tôi mới giật mình. Theo cái nghĩa thứ hai như vừa nói ở trên thì Đàng Trong phải dịch là Southern Region mới đúng. Thế thì "trong là... inner" và "trong là phía Nam" ở đây ắt có liên quan với nhau.

Nơi đóng đô quyền lực cai trị một xứ sở thường được coi là trung tâm của xứ sở ấy, bao quanh bởi một chu vi hữu hình hay vô hình nào đó. Nơi vua ở có nhiều lớp thành bao quanh, *nội* thành ở *trong* cùng. Thiên tử nước Tầu tự xem là trung tâm của thiên hạ, nên gọi mình là Trung Quốc, nước ở giữa. Tại Việt Nam trải bao đời trung tâm quyền lực vẫn ở Hà Nội, thế mà khi Nguyễn Hoàng đi về nam và "ly khai" thì cái xứ của ông được gọi là Đàng Trong – với nghĩa là Inner -, thế là tại làm sao? Một phe ly khai ở ngoài rìa biên giới bỗng chốc được công nhận là người "ở trong" trong khi quyền lực chính thống bị đẩy ra gọi là Đàng Ngoài, và được ngôn ngữ cả nước chấp nhận. Quý vị có thấy ở đây có một cái gì rất lạ lùng, kỳ quái không?

Từ đó nẩy ra một vấn đề nữa: hai tiếng *trong* và *ngoài* với nghĩa là hướng Nam-Bắc có từ bao giờ trong ngôn ngữ nước ta? Trước hay sau vụ ly khai của họ Nguyễn? Trong-Ngoài, Nam-Bắc tự nhiên trở thành một thắc mắc lớn của tôi, nếu được quý vị học rộng, các nhà sử học, ngôn ngữ học soi sáng cho thì tôi rất lấy làm cảm tạ.

Phạm Thùy Yên
(San Francisco)

Nguyễn Văn Tường

Nước Nam có bốn gian hùng
Tường gian, Viêm láo, Khiêm khùng, Thuyết ngu.

Từ nhỏ học sử tôi đã biết câu thơ đó, như là lời lên án một số nhân vật dưới triều Tự Đức. Tuổi nhỏ ngây thơ, được dạy thế nào thì tin thế ấy, đầu óc cứ đinh ninh những thuộc tính gán ghép cho từng người trong câu thơ là đúng như thế.

Lớn lên học rộng ra thì thấy đó là những người yêu nước, ảnh hưởng của câu thơ quái ác kia phai dần, các ông Hoàng Kế Viêm, Ông Ích Khiêm, Tôn Thất Thuyết đều lộ rõ cá tính, tâm huyết cùng hành động của họ, chỉ riêng ông Nguyễn Văn Tường thì ấn tượng hãy còn lu mờ, thậm chí cái cảm tưởng không tốt về ông qua những gì học và đọc hồi nhỏ vẫn còn lưu lại trong trí óc. Ngay cả không chịu thắc mắc về sự việc sao ổng bỏ kháng chiến về theo Pháp mà vẫn bị Pháp cho đi đày để chết nơi xứ người!

Mới phần đầu bài "Nguyễn Văn Tường và sách lược chống Pháp dưới triều Nguyễn" của Nguyễn Quốc Trị (Thế Kỷ 21 số 169) đã cho thấy một Nguyễn Văn Tường khác hẳn. Tôi thấy trong

bốn người kể trên, chính ông mới là người tài giỏi thao lược nhất trong công cuộc chống Pháp.

Tại sao một nhân vật như thế mà vẫn bị một sự hiểu lầm dai dẳng từ thời của ông cho đến bây giờ? Trước hết có lẽ vì ông không "nổi" bề ngoài với hành động quân sự hay cá tính độc đáo như những vị kia. Các mưu chước kế hoạch của ông, không nghiên cứu, mấy ai biết được? Nhưng quan trọng hơn hết có lẽ là do cách tuyên truyền xám của Pháp. Họ bóp méo lịch sử, tô vẽ những khuôn mặt yêu nước nguy hiểm cho họ thành ra quỷ quyệt, đáng ghét. Hai câu thơ trên đây tôi nghĩ cũng là trong chương trình tuyên truyền xám này. Rồi chương trình học suốt tám mươi năm sau đó, họ tha hồ uốn nắn sửa đổi theo ý muốn của họ. Nghĩ lại, sách vở lịch sử quả là ghê gớm thật. Khi cường quyền đã muốn bóp méo mà nếu đời sau không có người phanh phui sửa chữa lại thì sự sai lầm sẽ kéo dài không biết đến bao giờ mới chấm dứt.

Ky Nguyen (Internet)

Bão biển

Mt Pleasant (IA) May 18, 2003

Thế Kỷ 21 thân mến,

Tôi là người bạn của Thế Kỷ 21 mấy năm nay. Thế Kỷ 21 là người bạn tinh thần rất lớn đối với tôi. Vì vậy tôi muốn đóng góp một chút nho nhỏ với Thế Kỷ 21.

Chúc các bạn ở Tòa soạn luôn vui vẻ và đón nhận tôi. Chúc báo Thế Kỷ 21 luôn có nhiều người đọc và ngày một thêm phong phú. Câu chuyện tôi kể dưới đây là một sự thật ở xóm tôi.

*

Nghe tin sự ra đi của hai người một lúc, cả xóm biển ai cũng đau lòng. Tiếc thương cho họ, tôi cũng buồn lây. Ở Việt Nam nếu ai ở gần biển thì mới biết nỗi khổ và mất mát to lớn của mỗi gia đình. Họ lấy sinh mạng của mình để đổi lấy miếng cơm cho cả nhà. Tôi lớn lên và sinh ra gần biển. Tôi cứ nghĩ biển thật là đẹp và mang đến nhiều của cải vật chất cho con người. Nhưng đó là tuổi thơ nhỏ dại và chưa bao giờ nghĩ đến những nỗi đau của con người. Cho đến nay tôi đã khôn lớn, và sau mười năm xa quê tôi mới trở về thăm biển.

Đêm đó tôi không sao ngủ được vì nghe tin ngoài biển bị bão to gió lớn. Cả chiếc thuyền mười mấy người đã ra đi và hầu như không còn ai sống sót. Vì nhà nghèo, hai anh em nhà bên đã nghỉ học để giúp gia đình, và họ rủ nhau đi làm thuê trên biển, lấy số tiền mà họ kiếm được để nuôi người anh đang học Đại học ở phương xa. Trên thuyền lúc đó có người chú ruột. Chỉ còn một người sống sót và kể lại câu chuyện thương tâm này. Lúc người anh vớ được miếng ván gỗ và nói với em rằng: vì em còn nhỏ và được bố mẹ thương nhiều nên em cố sống mà về với bố mẹ. Sự nhường nhịn đó cứ đổi qua lại cho đến khi gió lớn nhấn chìm và cuốn họ đi xa. Họ ra đi khi chưa tròn 16 tuổi, cái tuổi lẽ ra chỉ biết vui chơi và lo việc đèn sách mà thôi. Cả xóm biển ai cũng đi đưa đám tang cho họ và người nào cũng khóc nức nở. Ai cũng hận người chủ ghe đánh cá có thể biết tin có bão mà không báo cho họ vào bờ sớm.

Tôi vào thăm người chị và đứa cháu con chị bị ốm phải nằm bệnh viện. Người nằm giường cạnh chị tôi khoảng 30 mà nhìn anh ta như gần 50 tuổi vì nước da sạm nắng và nhiều nếp nhăn trên mặt. Nhưng tôi chú ý nhất là đôi tay của anh ta, cả mười ngón không ngón nào là không bị cắt. Nhìn tay anh, tôi biết là bị cá cứa vào. Anh nói là đi biển một tháng nay mới trở về. Nhìn anh, tôi thật xót xa và thương hại. Nhiều người nói nhiều khi sáng họ ra đi đánh cá, chiều chẳng thấy họ về.

Biển ơi! Từ nay tôi đã hiểu biển đã cướp đi rất nhiều sinh mạng, và tôi nghe như có nhiều tiếng gầm thét trong lòng mỗi khi biển động.

Nguyễn Thị Minh
(Mount Pleasant IA)

Tâm lý chiến tranh lạnh

Trong bài điểm sách 'Yen Do And the Story of Nguoi Viet Daily News' trên số 169 vừa qua có vài điểm lý thú. Chúng tôi ở xa, chưa được thấy cuốn sách ấy, nhưng bài điểm sách cũng cho thấy một đôi nét của nội dung. Chuyện dịch các từ tiếng Anh sang tiếng Việt để dùng cho báo chí Việt ngữ chẳng hạn, ông Yen Do cho rằng nhiều chữ cứ để nguyên con thì lại "dễ hiểu" hơn là cứ cố dịch ra tiếng Việt. Đối với cộng đồng người Việt Nam tại Mỹ thì điều này đúng. Có những chữ chỉ những khái niệm mà ở Việt Nam ít hoặc không dùng tới, người Việt tới Mỹ mới biết thì thường là dùng luôn nguyên chữ gốc, khỏi dịch mất công. Ví dụ một đôi câu đối thoại:

- Ủa, giờ này sao không đi làm mà lại ở đây? Nghỉ *vê-kê-sân* (vacation) à?

- Đâu có, mới bị *lai-ốp* (lay off=cho nghỉ việc). Ở cái xứ này thì đành chịu cái cảnh "sáng *ốp-lai* (apply=xin việc) chiều *lai-ốp*."

- Phải chi trước kia anh cố xin *oeo-phe* (wellfare) như tôi thì đỡ biết mấy!

Đó là chuyện chữ nghĩa. Chuyện chính trị mới là mệt. Những năm đầu di dân người Việt Nam vừa ra khỏi cuộc chiến tranh lạnh (thật ra thì ở Việt Nam cả nóng lẫn lạnh) và lại chưa quen với một nền báo chí tự do và khách quan nên làm báo (đúng nghĩa) cho họ đọc khó lắm. Nhu cầu của họ là bài báo nào cũng phải thể hiện tinh thần chống cộng và đề cao chính nghĩa quốc gia. Dần dần mới quen lối thông tin khách quan, nhưng ngay cả bây giờ, gần 30

năm sau ngày Miền Nam sập tiệm, một số nguyên tắc viết lách có tính cách "chiến tranh lạnh" vẫn phải được tất cả các báo tôn trọng, dù không có một luật lệ thành văn nào bắt phải như thế. Ví dụ khi nói về chính quyền Việt Nam hiện tại, các báo Việt ngữ hải ngoại luôn viết: "nhà cầm quyền Cộng sản Việt Nam," một chức vụ trong chính quyền ấy, ví dụ Thủ tướng, thì phải là "Thủ tướng CSVN"... Đó là những cách nói để thể hiện cái ý rằng tôi không công nhận anh là cái gì chính thống đại diện Việt Nam, anh chỉ là cộng sản tạm thời chiếm lĩnh đất nước chúng tôi...

Hoa Kỳ là nước hợp chủng, con dân nước nào tới đây lập nghiệp cũng xem mình còn có một nước mẹ mình đã rời bỏ mà đại diện là chính quyền đương thời. Bây giờ chỉ còn di dân Cuba và Việt Nam là không được ở trong tình trạng bình thường ấy như bao nhiêu di dân khác.Họ không thể công nhận chế độ cộng sản đang cai trị nước họ. Tuy không công nhận chính quyền, vẫn phải đổ hàng tỉ Mỹ kim một năm để nuôi nấng cho xứ sở ấy – cũng là cho chính quyền ấy – thế mới đau! Riêng đối với di dân hai xứ này, tình trạng chiến tranh lạnh vẫn còn, ít ra là trong tâm thức của họ. Và dĩ nhiên báo chí của họ phải là diễn đàn để bộc lộ tâm trạng ấy.

Nguyễn Văn Hiển (San Jose)

Khắc họa cá tính

Mấy tháng gần đây Thế Kỷ 21 có đăng truyện của một tác giả mới là Nguyễn Ái Nhân mà chúng tôi rất thích. Truyện của anh (chị?) Nguyễn Ái Nhân có một cái gì mới mẻ khác với các tác giả quen thuộc từng xuất hiện trên tạp chí. Dĩ nhiên mỗi tác giả đều có một cái hay riêng (được Thế Kỷ 21 chọn để đăng hẳn nhiên phải qua một tiêu chuẩn nhất định nào đó), nhưng quả là tác giả Nguyễn Ái Nhân có khả năng làm mới tâm trí người đọc. Như truyện Anh Bạn Điên ở số 169 vừa rồi, không biết đó là một nhân vật có thực, hoàn toàn hư cấu hay hư cấu một nửa, nhưng khả năng khắc họa cá tính một nhân vật như thế quả thật rất mạnh mẽ. Và quyến rũ nữa. Nói về một con người... điên điên, mà khiến người khác không rứt ra được, cứ say sưa theo dõi cho đến hết, như thế tôi cho là viết có tài. Kể ra thì bạn bè hay người chung quanh chúng ta thì thiếu gì kẻ có nét đặc biệt giống như nhân vật 'anh bạn điên' nhưng chúng ta không có con mắt nhìn ra những chi tiết đôi khi tế vi nơi người đó, rồi lại thiếu khả năng dùng cây bút (hay máy computer) để diễn tả ra. Ví dụ như chỉ một chi tiết anh bạn điên ấy đám cưới nào cũng lên hát hai bài 'Sao em nỡ lấy chồng' và 'Liên Xô bắn lên vũ trụ' cũng đã là một khắc họa rất tài tình và thú vị...

My Le (Internet)

Xin lỗi:

Vì một lý do kỹ thuật, bài thơ Khóc Mẹ của nhà thơ Cung Vĩnh Viễn đăng ở số 169 đã không được đầy đủ. Chúng tôi xin đăng lại bài thơ ấy ở số này, với lời xin lỗi tác giả và quý bạn đọc.

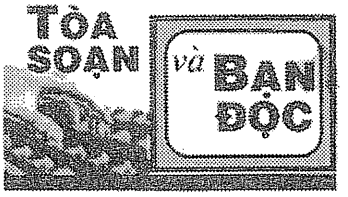

Tháng qua Tòa soạn nhận được bài vở của những tác giả sau:

Thụy Khuê, Nguyễn Đông Thạnh, Nguyệt Thư, Trần Nguơn Phiêu, Thiện Hỷ, Trần Doãn Nho, Trần Văn Khởi, Lưu Văn Vịnh, Nguyễn Đức Hiệp, Tôn Thất Thiện, Nguyễn Mạnh Trinh, Bùi Văn Phú, Ngô Văn, Nguyễn Thị Minh, Chu Vương Miện, Phạm Văn Bân, An Phú Vang, Bùi Tín, Hàm Nguyễn, Mạc Phương Đình, Hoàng Việt Khanh, Trần Quán Niệm, Nguyễn Văn Tuấn.

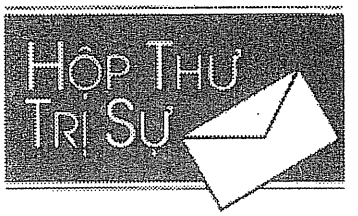

ĐỘC GIẢ GIA HẠN

Tran Thi Tuyet Le CA – Ngo Thanh Tung CA – Lib: Reservoir Library Australia * Westminster Br Libr CA – Le Pham K Thuy AZ – Luong Minh Duc CA – Trieu Ngoc Quach VA – Doan Van De CA – Luu Vinh CA – Nguyen Lan VA – Nguyen Kim Viet CA – Buu Doan CA – Tran Du TX – Tran Phien TX – Le Tam CA – Ha Thanh Binh CA – Nguyen Van Trung VA – Huynh Tan Don CA – Dong Nai Pharmacy CA – Danny Bui CA – Le Chi Toai CT – Pham Tuan MD – Thomas Vy Nguyen CA – Tran Tien CA – Lai Quoc Trang CA – Phan Thi Hao VA – Tran Tu Huyen CA – Vu Thi Giao IA – Nguyen Van Vy MN – Nguyen Tam Tu NJ – Bui Duc Lac CA – Nguyen Van Khoa AZ – Nguyen Van Ngoc CT – Thai Thanh FL – Nguyen Van Son TX – Lib: Radio Free Asia WDC – Doan Thanh Dan VA – Nguyen Tuong Viet VA – Xuong Xoi FL – Lib: Cal State Polytech CA – Trinh Tan CA – Vu Thanh Thong-CA – Pham Thi Hoan France.

ĐỘC GIẢ MỚI

Le Quang CA – Tran Thi Anh Dao CA – Ngo Van, France.

VĂN HỮU ỦNG HỘ

Nguyen Khac Hoach CA – Truong Van Thuy VA–Nguyen Tien Canh, MD. FL.

ĐỘC GIẢ THAY ĐỔI ĐỊA CHỈ

Resource Centre Australia – Thieu Dieu IN – VH Vo Phien CA - VH: Phan Lac Tiep

HỒ HỮU TƯỜNG
(1910-1980)

THỤY KHUÊ

Hồ Hữu Tường, chính trị gia, nhà văn, nhà báo và là một nhân vật kỳ lạ, sống 70 năm trong thế kỷ XX, trải nhiều vòng tù tội dưới tất cả các chính quyền: thực dân, quốc gia và cộng sản. Tác phẩm của ông phản ảnh tính chất nổi loạn trong con người, một con người vừa trào lộng, vừa bi đát, suốt đời đi tìm phương cách giải phóng dân tộc ra khỏi mọi hình thức quản trị giáo điều: từ bị trị đến hủ tục, từ độc tôn đến độc tài, nhưng cũng suốt đời «thất bại» trong việc «chống lại định mệnh,» cho đến phút chót vẫn muốn «cưỡng lại số trời» mà không được. Có lẽ ở bên kia thế giới, Hồ vẫn tiếp tục con đường thiên lý của một Phi Lạc đã đại náo trần gian: Tây, Tàu, Nga, Mỹ và giờ đây, xuống âm ty đại náo địa ngục.

Cuộc đời tranh đấu trên hai mặt trận chính trị và văn hóa của Hồ Hữu Tường đầy tính cách tiểu thuyết chiêu hồi như một truyện Tàu, nhưng cũng lại gắn bó sâu xa với định mệnh bát nháo của dân tộc Việt Nam trong thế kỷ vừa qua. Hồ Hữu Tường luôn luôn giữ hai vai: một Tôn Ngộ Không nổi loạn trong Tây Du Ký và một quân sư du thuyết trong Tam Quốc Chí, khi Khổng Minh, Lỗ Túc, lúc là thằng mõ Cổ Nhuế, thằng mõ Phù Ninh.... Hành động của nhà chính trị Hồ Hữu Tường và những người cùng thời biến thành những thế võ tiếu lâm, hài hước trong tiểu thuyết, hồi ký của nhà văn. Hồ Hữu Tường là tác giả hiếm hoi, trong một xã hội đầy nghi thức, đã hóa giải những trịnh trọng của chính trị thành chuyện giễu để hóm hỉnh chọc cười và đó là một trong những lý do khiến không chế độ nào «dung» Hồ Hữu Tường. Nhưng có lẽ lý do sâu xa nhất vẫn là những gì Hồ Hữu Tường thuyết minh trong tác phẩm toát ra một *chủ nghĩa dân tộc* độc đáo, lấy văn hóa dân tộc làm phương châm và mục đích cấu thành. Hồ Hữu Tường suốt đời biện hộ cho một Việt Nam trung lập chế, chống chiến tranh. Hồ dùng văn hóa thay súng ống để giải phóng dân tộc ra khỏi cảnh tối tăm nô lệ. Tranh đấu chống thực dân bằng ngòi bút của nhà báo, bằng tổ chức thợ thuyền tổng đình công, muốn đánh đuổi hai chữ «căm hờn» mà ông gọi là ác quỷ ra khỏi tâm hồn người Việt.

Con đường ông đi không có nhiều đồng hành, bởi tiếng kêu gọi của ông chỉ là những tiếng kêu trong sa mạc, không ai nghe và cũng ít người hiểu. Một con người như thế, từ đâu đến và những lý do nào đã thúc đẩy ông có một nghị lực khác thường triền miên trong hành động đấu tranh cũng như trong ngòi bút?

Hồ Hữu Tường xuất thân trong một gia đình nghèo, cha mẹ phải làm tá điền cho người cậu là điền chủ, hội đồng. Tại nhà cậu, sáu tuổi đã đọc Nam Phong. Đọc đâu nhớ đấy. Cha đặt cho cái tên là thằng Thuộc vì đọc gì cũng thuộc. Bị Nam Phong «đầu độc,» gieo và đầu chất «tân hủ nho» từ nhỏ, sau phải nhờ Phan Văn Hùm «gột rửa.» Lớn hơn chút nữa, đọc và chịu ảnh hưởng tinh thần yêu nước của Đông Pháp Thời Báo. Tại trung học Cần Thơ, Hồ Hữu Tường và các bạn tổ chức tờ báo «trường» đầu tiên. Báo tiếng Việt, nhưng Hồ viết bài tham luận bằng tiếng Pháp để «cho Tây nó đọc,» ký tên Pierre Vutren, Vutren là chữ nói lái của Ventru, dịch từ biệt hiệu Tường Bụng (Tường bụng to). Ký tên như thế là «lậy ông tôi ở bụi này,» thêm việc tổ chức bãi khóa nhân vụ xử Nguyễn An Ninh, cả nhóm bị đuổi.

Lúc ấy mới 16 tuổi, gia đình cho Hồ Hữu Tường sang Pháp du học, năm 1926. Tại Pháp, kết bạn với Tạ Thu Thâu, Phan Văn Hùm, vào đảng Đệ Tứ Quốc Tế. Bốn năm sau, 1930, Hồ Hữu Tường ở Lyon đang chuẩn bị thi thạc sĩ toán học thì được tin cuộc khởi nghĩa Yên Bái thất bại, Nguyễn Thái Học và các đồng chí bị xử tử; Hồ bỏ học, lên Paris, liên lạc với Phan Văn Hùm, Tạ Thu Thâu, làm báo bí mật lấy tên là *Tiền Quân*. Báo chưa ra thì ban biên tập bị bắt vì tổ chức những cuộc biểu tình, đặc biệt là biểu tình trước điện Elysée, cả bọn bị trục xuất về Việt Nam, trừ Phan Văn Hùm và Hồ Hữu Tường trốn thoát, chạy sang Bỉ, liên lạc với nhóm cách mạng cộng sản ở Bỉ, rồi trở lại

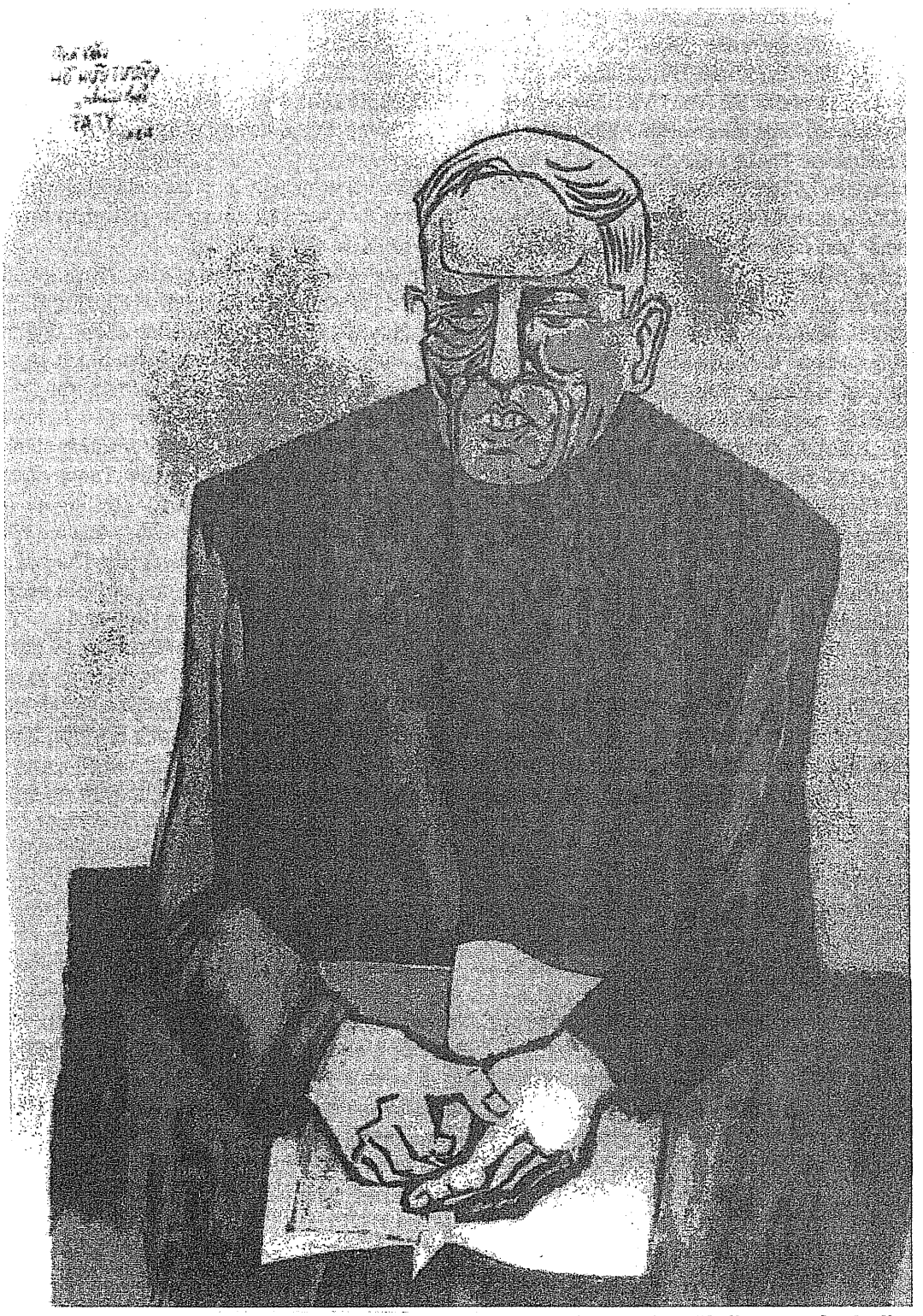

By Courtesy of Mr. Robert H. Bezuijen, Melbourne, Australia

Trên đây là bức chân dung Hồ Hữu Tường do họa sĩ Tạ Tỵ vẽ năm 1964. Chúng tôi xin cám ơn người sở hữu bức tranh này hiện nay là Ông Robert H. Bezuijen ở Melbourne, Australia, đã cho phép tạp chí Thế Kỷ 21 in lại bức tranh trong số báo đặc biệt này.

Paris tiếp tục làm tờ *Tiền Quân* trong năm tháng trước khi về nước hoạt động chính trị.

Từ 1931 đến 1939, Hồ Hữu Tường làm lý thuyết gia cho nhóm Đệ Tứ ở Việt Nam, đồng thời dạy học để sinh sống và điều khiển các tờ báo bí mật như tờ Tháng Mười, từ 1931 đến 1932, tờ *Thường Trực Cách Mạng* từ 1934 đến 1937, tờ *Quần Chúng* từ 1937 đến 1938. Hoặc các tờ báo công khai như *Le militant* năm 1936, tờ Tháng Mười năm 1938, tờ Tia Sáng năm 1939 và tham gia tờ *La lutte* của Nguyễn An Ninh và Tạ Thu Thâu.

Tháng 11 năm 1932, Hồ Hữu Tường bị Pháp bắt lần đầu, giam sáu tháng. Ngày 1/5/1933 ra tòa bị xử án treo ba năm. Trong thời gian bị giam giữ, ông xuất bản nhật báo «nhẩm» Thiên Thu. Thiên Thu là «cứu cánh» của tạp chí Tháng Mười sau này. Trong suốt mười năm làm báo (1930-1939), ông đã viết rất nhiều nhưng nay không còn lưu lại được gì.

Đầu tháng 6 năm 1939, Hồ Hữu Tường bỏ Đệ Tứ và chủ nghĩa Mác; ngày 29 tháng 9 năm 1939, bị nhà cầm quyền Pháp bắt, cuối năm 40 bị đầy đi Côn Đảo cùng với Nguyễn An Ninh, Phan Văn Hùm, Tạ Thu Thâu... và những người chống Pháp khác. Đến cuối năm 1944 mới được trả tự do (Phan Văn Hùm bị phù thũng, Nguyễn An Ninh mất trong tù ngày 14/8/1943).

*

1945 Nhật đảo chính Pháp. Hồ Hữu Tường ra Hà Nội để sang Tầu nhưng bị kẹt tại Hà Nội cùng với Tạ Thu Thâu; có đề nghị với Hồ Chí Minh nên để Việt Nam trung lập nhưng không được chấp nhận. Thời gian này bắt đầu viết *Xã hội học nhập môn*, chống lại biện chứng pháp, và một loạt sách chính trị, kinh tế khác.

1946 Hồ Hữu Tường được mời tham dự hội nghị Đà Lạt với tư cách cố vấn trong phái đoàn Việt Nam nhưng cũng không phát biểu gì. Kế đó, ông giúp bộ Giáo Dục Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa, thiết lập chương trình soạn và in sách giáo khoa bằng tiếng Việt cho bậc trung học. Năm 1947 bị Pháp bắt trong lúc tản cư về Kẻ Sặt (Hải Dương). Rồi ông lại trở về Sài Gòn viết văn, làm báo.

Từ 1948 đến 1949, hợp tác với báo *Sài Gòn Mới* của bà Bút Trà. Viết tiểu thuyết *Phi Lạc sang Tầu*, in dần trên *Sài Gòn Mới* dưới bút hiệu Ý Dư, đồng thời viết *Thu Hương* và *Chị Tập*.

Mùa xuân năm 1949, sang Pháp vì lý do chính trị. Tại đây, năm 1952, chủ trương tạp chí *Pacific*, thử vạch một «đường lối thứ ba» cho các nước Á Phi.

1953, Hồ Hữu Tường về nước, chủ trương nhật báo *Phương Đông*, đưa ra giải pháp «Trung lập chế».

1954, với tư cách ký giả, ông sang dự Hội nghị Genève, hết sức vận động cho giải pháp trung lập Việt Nam nhưng thất bại.

Tháng ba năm 1955, vì có liên lạc với các nhóm trong Mặt Trận Thống Nhất (Cao Đài, Hòa Hảo, Bình Xuyên), chống lại Ngô Đình Diệm, ông bị bắt ở Rừng Sát. Năm 1957 ra tòa và bị kết án tử hình, nhưng nhờ những trí thức ở Pháp trong đó có Albert Camus viết thư can thiệp nên án lệnh được đình chỉ và bị đưa ra Côn Đảo. Sau khi chính quyền Ngô Đình Diệm đổ, Hồ Hữu Tường được trả tự do ngày 31/1/1964. Ra tù, kiệt lực, phải nửa năm sau mới viết lại được. Ông cộng tác với nhật báo *Ánh Sáng*, xét lại biện pháp Trung lập chế và đưa ra giải pháp Siêu lập: đề nghị miền Nam trở nên lãnh thổ của Liên Hiệp Quốc.

1965, cộng tác với tuần báo *Hòa Đồng* để phát huy nền văn minh tổng hợp: kỹ sư, chính ủy và tu sĩ. Làm Phó Viện Trưởng Viện Đại Học Vạn Hạnh. 1967 được bầu làm dân biểu trong Hạ Viện Việt Nam Cộng Hòa.

Sau tháng tư năm 1975, bị đi học tập cải tạo, khi được trả tự do vừa về đến nhà ở Gia Định thì mất, ngày 26/6/1980.

*

Hồ Hữu Tường viết nhiều thể loại:

Chính trị, kinh tế, triết học: *Xã hội học nhập môn* (Minh Đức, 1945), *Kinh tế học và kinh tế chánh trị nhập môn* (Tân Việt, 1945), *Tương lai kinh tế Việt-nam* (Hàn Thuyên, 1945). *Phong kiến là gì?* (Minh Đức,1946), *Vấn đề dân tộc* (Minh Đức,1946), *Muốn tìm hiểu chánh trị* (Minh Đức,1946),*Tương lai văn hóa Việt-nam* (Minh Đức,1946, Huệ Minh, 1965).

Văn học sử: *Lịch sử văn chương Việt-nam* (quyển 1) (Lê Lợi, 1950).

Văn phạm: *Phép nói và viết hỏi ngã (1950), Em học tiếng mẹ* (1950), *Em tập đọc (1951).*

Dịch: *Tam quốc chí* (quyển 1, 1951)

Truyện:

Bộ *Một thuở ngàn năm* (truyện trào phúng chính trị) gồm có: *Phi Lạc sang Tàu* (Sống Chung, 1949), *Phi Lạc náo Hoa Kỳ* (Vannay, Paris, 1955), *Tiểu Phi Lạc náo Sàigòn* (Nam Cường, 1966),

Diễm Hồng xuất giá (Nam Cường, 1966).

Bộ *Hồn bướm mơ hoa* (tiểu thuyết lịch sử xã hội, miền Hậu Giang) gồm 4 tập: *Mai Thoại Dung, Tam nhơn đồng hành, Ông thầy Quảng, Bủa lưới người* (Nam Cường, 1966).

Bộ *Gái nước Nam làm gì?* (tiểu thuyết tranh đấu chống Pháp) gồm *Thu Hương* và *Chị Tập* (Sống Chung, 1949).

Nỗi lòng thằng Hiệp (Lê Lợi, 1949).

Kế thế (tiểu thuyết dã sử) (Huệ Minh, 1964).

Bộ *Thuốc trường sanh* gồm ba tập: *Xây mộng, Phúc đức* và *Vẹn nguyền* (Huệ Minh, 1964). *Hoa dinh cẩm trận* (tiếp theo *Thuốc trường sanh*).

Người Mỹ ưu tư (tác giả xuất bản, Paris, 1968)

...

Tiểu luận: *Những kỹ thuật căn bản của nghề làm báo* (in tại Paris, 1951, Hòa Đồng, 1965), *Trầm tư của một tên tội tử hình* (Lá Bối, 1965), *Luận lâm I* (Huệ Minh, 1965), *Nói tại Phú Xuân* (những bài tham luận đọc tại Đại Học Huế) (Huệ Minh, 1965).

Truyện ngắn, tạp văn: *Quả trứng thần* (1952), *Kế chuyện* (Huệ Minh, 1965), *Nợ tinh thần* (Huệ Minh, 1965).

Tự truyện và hồi ký: *Thằng Thuộc con nhà nông* (An Tiêm, 1966), *41 năm làm báo* (Trí Đăng, Đông Nam Á tái bản tại Paris, 1984), *Un fétu de paille dans la tourmente* (Paris, 1969, chưa in).

Sách viết cho nhà Hàn Thuyên, ký tên Nguyễn Huệ Minh (tên vợ), sách viết cho nhà Tân Việt ký tên Khổng Cưu, cho nhà Minh Đức ký tên Duy Minh, Huấn Chi, cho nhà Sống Chung ký tên Duy Cúc.

*

Trước khi tìm hiểu tư tưởng và phong cách Hồ Hữu Tường, chúng ta thử nhìn lại nguồn gốc dòng họ Hồ, như Hồ Hữu Tường đã trình bày qua các tác phẩm và có lẽ đó cũng là một cách để phân tích những đường hướng chính trong tư tưởng của Hồ Hữu Tường.

Hồ Hữu Tường sinh ngày mùng 8 tháng 5 năm 1910 tại làng Thường Thạnh, huyện Cái Răng, tỉnh Cần Thơ. Cha là Hồ Văn Sây, mẹ là Võ Thị Nữ và ông nội là Hồ Văn Điểu.

Dòng họ Hồ này khi xưa ở đất Nghệ An. Sau khi Hồ Quý Ly thất thế, đầu thế kỷ XV đã bị xua vào đất Qui Nhơn sinh sống. Đến thế kỷ XVIII, trong họ xuất hiện ba anh em Nhạc, Huệ, Lữ, nổi lên cầm đầu phong trào Tây Sơn. Khi nhà Tây Sơn bại liệt, tất cả những người họ Hồ, bà con xa gần với Tây Sơn đều phải lánh nạn. Tỉnh Qui Nhơn bị Nguyễn Ánh đổi tên thành Bình Định. Sự đổi tên này, đối với họ Hồ, có nghĩa là một sự trả thù, một sự đàn áp.

Để tránh sự trả thù của nhà Nguyễn, một thanh niên tên là Hồ Văn Phi trốn vào Nam, lưu lạc đến rạch Cái Răng ở miệt Cần Thơ, lập nghiệp. Vợ chồng Hồ Văn Phi chưa có con trai, nuôi một đứa nhỏ tên là Điểu mà mẹ nó dường như là một người trong hoàng tộc nhà Tây Sơn lánh nạn. Khi trao con lại cho Hồ Văn Phi, bà dặn dò rằng: Cha nó cũng họ Hồ, tôi cho nó cho ông là để nó giữ họ. Khi nó lớn lên, ông bà dặn nó nên nêu lên hai chữ *Kế Thế* mà thờ giữa hai chữ *Hồ phủ*, và truyền lại mãi mãi với con cháu nó nên làm như vậy.

Chữ *Kế Thế* rút từ những chữ *«Kế thế vi đức, dĩ hữu thiên hạ,»* hàm súc cái mộng làm đế vương.

Người con nuôi của Hồ Văn Phi có dòng dõi bí mật, đế vương ấy (dòng Quang Thiệu), chính là Hồ Văn Điểu và là ông nội của Hồ Hữu Tường. Đó là những điều mà Hồ Hữu Tường thuật lại về dòng dõi của mình trong cuốn tự truyện *Thằng Thuộc, con nhà nông* và tiểu thuyết dã sử *Kế thế*.

Đúng hay sai là công việc của những nhà nghiên cứu lịch sử. Đối với chúng ta, người đọc và tìm hiểu Hồ Hữu Tường, thì đây là một trong những yếu tố giải thích tư tưởng cải tổ chính trị và văn hóa của Hồ Hữu Tường, giải thích chí hướng tân tạo lại Việt Nam, chấn hưng đạo *Bửu Sơn Kỳ Hương*, một đạo do con cháu nhà Tây Sơn dựng nên, sau này hưng vượng trong tinh thần *đạo Hòa Hảo* (có lẽ đó là lý do khiến Hồ Hữu Tường có cảm tình với tướng Ba Cụt và đạo Hòa Hảo, và cộng tác với nhóm Mặt Trận Thống Nhất, chống lại Ngô Đình Diệm), và nhất là quyết tâm tái lập tinh thần *Minh Đạo* mà Hồ Quý Ly đã xướng lên từ thế kỷ XIV, để *xây dựng một con đường văn hóa Việt Nam, một hệ tư tưởng Việt Nam không lệ thuộc ngoại bang*, phù hợp với một nước Việt độc lập và tân tiến.

*

Tâm tư Hồ Hữu Tường dường như chia làm hai nhánh: nhánh vọng Tây Sơn và nhánh hướng nhà Hồ. Cả hai tạo nên một hệ «bàng thống» giao thoa hai vua Quý Ly và Quang Trung, cùng một dòng họ. Hệ bàng thống này, độc lập với chính quyền trung ương, tạo thế chân vạc, muốn đứng lên chấn hưng đất nước, theo một đường lối thứ ba, từ một miền đất mới: miền Hậu Giang.

Vọng Tây Sơn, giữ nguồn gốc nông dân nổi

dậy, chống sự đàn áp của thực dân và phong kiến, nhưng khác với cách mạng cộng sản, dựa vào đấu tranh giai cấp và duy vật sử quan, Hồ Hữu Tường muốn bảo tồn một truyền thống tâm linh dân tộc, phát xuất từ miền Hậu Giang, thờ hai bà Chúa Tiên và Chúa Ngọc. Chúa Tiên tương truyền là Ngọc Hân công chúa và Chúa Ngọc là Ngọc Mân, em sinh đôi của Ngọc Hân. Những truyền thuyết này được Hồ kể lại trong tiểu thuyết dã sử *Kế thế*, theo lời kể của một nhân vật bí mật là ông Thầy Quảng (gốc gác từ Quảng Nam). Thầy Quảng trong bộ tiểu thuyết *Hồn bướm mơ hoa*, là một lãnh tụ chính trị, đội lốt thầy bói và đạo sư, truyền bá đạo Bửu Hương Kỳ Sơn (thờ hai bà chúa), chủ trương cải cách đạo Phật, chấn hưng nhà Tây Sơn, cổ động cho những thuyết «Minh Đạo tái sanh,» «Thiên địa tân tạo,» «Việt Nam phục nghiệp.» Tất cả những sứ mệnh này xác định hướng thứ nhì: vọng nhà Hồ, tiếp tục con đường mà Hồ Quý Ly đã mở ra từ thế kỷ XIV về việc canh tân đất nước trên toàn diện chính trị, văn hóa và xã hội.

Xin nhắc lại, từ cuối thế kỷ XIV, Hồ Quý Ly đã áp dụng những chính sách:

- Dùng chữ Nôm thay chữ Hán để chấn hưng quốc học. Dịch các kinh sách chữ Hán sang chữ Nôm.

- Soạn 14 thiên Minh Đạo, nội dung phê phán Nho giáo một cách có hệ thống, đặt Chu Công lên trên Khổng Tử; phê bình Khổng Tử, nêu bốn điểm đáng ngờ trong Luận Ngữ; chỉ trích Hàn Dũ, Trình, Chu... là những bậc hủ nho; ca ngợi vua Trần Minh Tông không chịu rập theo khuôn mẫu lễ giáo của người Tầu.

- Về mặt xã hội, Hồ Quý Ly lập nhà thương, làm lại sổ hộ tịch, định lại thuế khóa, thống nhất đo lường, phát hành tiền giấy, cải cách ruộng đất, v.v...

Ngoài ra Hồ Quý Ly còn là một nhà thơ chữ Nôm và chữ Hán, kiêm dịch giả.

Nối tiếp và giao thoa con đường của hai tiền nhân Quý Ly và Quang Trung trong tinh thần độc lập đối với ngoại bang, từ chính trị, xã hội, đến văn hóa, dường như đó là điều mà Hồ Hữu Tường muốn thực hiện qua hành động và tác phẩm.

*

Suốt đời vào tù ra khám, Hồ Hữu Tường là khuôn mặt trí thức độc đáo của Việt Nam trong thế kỷ XX: một trí thức hành động. Là nhà chính trị, nhưng biết lợi khí của văn hóa, ông luôn luôn tuyên bố: *«Tôi là kẻ dụng văn, chớ không phải nhà văn.»* Lời tuyên bố có vẻ khiêm tốn này nói lên tính chất minh họa tư tưởng trong các tác phẩm của Hồ Hữu Tường. Là một tác giả đa năng, đa dạng, ông viết nhiều thể loại, nhưng thành công nhất ở những tiểu luận, tham luận, tự thuật, truyện ngắn và tiểu thuyết trào phúng.

Cuộc đời và sáng tác của ông trải nhiều giai đoạn.

Từ 1930 đến 1939, theo Đệ Tứ và chủ nghĩa Mác-Lê, thời kỳ mà sau này ông gọi là «sự căm hờn dẫn đi lạc lối trong chín năm,» viết rất nhiều báo nhưng không lưu lại được gì, có thể vì đó là thời kỳ còn lập luận theo duy vật biện chứng, nên sau này ông không cho in lại. Nhưng đối với những nhà nghiên cứu, tìm lại những bài viết của Hồ Hữu Tường trong thời kỳ «Đệ Tứ» cũng là một điều cần thiết.

Thời kỳ 39-44: Giữa 1939 bỏ Đệ Tứ và Mác-Lê, rồi bị Pháp bắt tới cuối 1944. Đó là thời kỳ Côn Đảo lần thứ nhất. Trong năm năm ở tù, Hồ Hữu Tường đã hình thành một hệ thống tư tưởng mới: *chủ nghĩa dân tộc*, không lệ thuộc Tây, Tàu, Nga, Mỹ.

45-46: thời kỳ lập thuyết mới. Từ 1945, khi ra Hà Nội, Hồ Hữu Tường viết những tác phẩm đầu tiên *Xã hội học nhập môn, Kinh tế học và chính trị nhập môn, Tương lai kinh tế Việt Nam, Vấn đề dân tộc, Tương lai văn hóa Việt Nam...* theo con đường tư tưởng mới.

Từ 1948 trở đi, bắt đầu sáng tác tiểu thuyết: *Phi Lạc sang Tầu, Thu Hương, Chị Tập* ... Ngay cả thời kỳ Côn Đảo lần thứ nhì (57-64), ông vẫn tiếp tục sáng tác nhưng cũng bị mối cắn, nhiều tập phải viết lại. Những tác phẩm như *Kế thế, Hồn bướm mơ hoa, Trầm tư của một tên tội tử hình, Thuốc ttrường sanh* ... đều viết tại Côn Sơn và phát hành sau khi được trả tự do.

Trong bài tựa cuốn *Luận lâm I*, Hồ Hữu Tường viết:

"Tôi bước vào mê ly đồ của chủ nghĩa Mác-Lê đầu tháng 6 năm 1930. Tôi bước chân ra ngoài cái mê ly đồ ấy vào đầu tháng 6 năm 1939. [...] Trong 9 năm này, những bài luận của tôi viết thảy đều lập trên nền tảng của duy vật luận biện chứng pháp.

Từ tháng 6 năm 1939 đến tháng 6 năm 1945, ngoài những bức thơ ngắn cho gia đình, tôi không có viết gì khác. Đến Hà Nội vào đầu tháng 6 năm 1945, tôi đã sắp dàn bài cho quyển Xã hội học nhập môn *mà tôi viết xong khi khởi đầu tháng 11.*

Từ hai mươi năm nay, tôi chưa trước tác được tài liệu nào vững chắc và khoa học để đả kích chủ nghĩa của Marx, hơn tập sách nhỏ này. Cả phương pháp biện chứng và duy vật sử quan đều bị «lật vích,» nền tảng triết lý và cơ sở xã hội học của Marx đều bị lật ngược, thế mà kiểm duyệt Việt Minh đọc không hiểu nên chẳng bôi chữ nào.

Từ ấy, phương pháp biện luận của tôi không còn là biện chứng pháp nữa. Trong năm năm nằm ở Côn Đảo, trong những ngày tàn của chế độ thực dân, tôi đã suy tư tìm thấy và thường nói với Nguyễn An Ninh rằng duy vật luận của Marx hóa ra siêu hình, chánh là do Marx đội cho nó cái lốt của biện chứng pháp [...]. Năm năm tù dưới chế độ thực dân đã giúp cho tôi «cai» biện chứng pháp, cũng như người nghiện cai thuốc phiện.

Và, rời bỏ tư duy siêu hình của biện chứng pháp, tôi trở về với tư thái khoa học [...] Khoa học, bao giờ cũng cho phép ngoại suy để mở rộng phạm vi hữu hiệu của mình. Nhưng bao giờ những cuộc ngoại suy nầy phải phê phán cho chặt chẽ, kẻo bị lầm. Nói theo một danh từ mới xuất hiện, mà đã tràn lan khắp nơi, là cần phải «xét lại». Thế mà, biện chứng pháp, tin tưởng như là một giáo điều, không cho tín đồ của chủ nghĩa Marx 'xét lại'.» (trích bài *Tựa* cuốn *Luận lâm I* do Huệ Minh xuất bản năm 1965, tại Sài Gòn). Tiếc rằng hiện nay chúng tôi chưa tìm được cuốn *Xã hội học nhập môn* để trình bầy những lập luận chống Marx xủa Hồ Hữu Tường.

Sách in những năm 45-46 phần lớn ký tên Duy Minh. Với bút hiệu Duy Minh, Hồ Hữu Tường muốn nói lên sự lựa chọn: không nhận cái *Tâm* trong duy tâm chủ quan của triết học Hegel, cũng không nhận cái *Vật* «vô tri vô giác» trong cái duy vật của triết học Các-Mác, mà chọn Duy Minh, bởi vì có duy minh thì mới đến được *cái giác của nhà Phật*. Hồ Hữu Tường chủ trương: muốn cải thiện đời sống -bởi vì chỉ có sống là quan trọng nhất- thì con người phải tổng hợp cả ba nền văn minh lớn: kỹ sư, chính ủy và tu sĩ, nói cách khác: *khoa học, triết học* và *tôn giáo* thành một thể toàn bích thì mới mong đạt tới thiên đường hạnh phúc.

Tôn giáo ở đây là *Đạo Phật đổi mới*. Sự cách tân đạo Phật có trong tinh thần đạo Bửu Sơn Kỳ Hương và đạo Hòa Hảo sau này, và có lẽ đó cũng là tinh thần «Hậu Giang» mà Hồ Hữu Tường là một trong những người đề cao và cổ động.

*

Trở về với tác phẩm chủ yếu đầu tiên của Hồ Hữu Tường, cuốn *Tương lai văn hóa Việt Nam* do Minh Đức in, ký tên Duy Minh, cuốn sách đắc ý nhất của ông, một bản tuyên ngôn tư tưởng của nhà chính trị và nhà văn hóa, trình bày con đường tư tưởng mới: lấy văn hóa dân tộc thay thế cho tất cả các ý thức hệ. Tư tưởng sau này sẽ được đào sâu và phát triển trong toàn bộ tác phẩm của tác giả.

Sách in năm 1946, 500 quyển, những bản quý in trên giấy «sắc thần» chế tạo riêng tại làng Bưởi, bìa do Tô Ngọc Vân vẽ. Sau này được in lại nhiều lần nhưng đã bị cắt bỏ, trừ bản chính của nhà Minh Đức và bản in trên tuần báo Sanh Hoạt (Sài Gòn) của Phạm Mậu Quân là đầy đủ. Đây là một tập văn xuôi, có giọng trầm bổng như thơ, một tập «thơ tư tưởng,» lời lẽ thống thiết. Hồ Hữu Tường viết:

«Tôi muốn cất tiếng mà kêu to. Kêu thật to để ai nấy cùng nghe. Tôi muốn có một giọng tha thiết. Thực tha thiết để ai nấy cùng cảm. Tôi muốn có những luận điệu đanh thép. Thực đanh thép để ai nấy cùng tin. Nghe, cảm, tin,... để cùng tôi đem một cái vinh quang chưa hề có trên quả địa cầu về cho dân tộc ta, dân tộc Việt» (trích *Tương lai văn hóa Việt Nam*, in lần thứ ba, Huệ Minh, Sài Gòn, 1965).

Đó là *Tiếng gọi đàn* của Hồ Hữu Tường năm 1945. Ngay lúc ấy ông đã biết rõ rằng *«dù có thét to đến bực nào, dù có một giọng tha thiết như thế nào, dù có những luận điệu đanh thép cách nào, tiếng gọi đàn của tôi cũng sẽ là tiếng kêu trong sa mạc»* (sđd, trang 12).

Biết là kêu trong sa mạc nhưng vẫn kêu. Biết gọi không ai nghe nhưng vẫn gọi. Tâm sự bi thiết ấy đã đeo đẳng Hồ Hữu Tường suốt đời như một thân phận con người, như một số phận dân tộc.

Nhưng *Tương lai văn hóa Việt Nam* không chỉ dừng lại ở mức kêu gào mà mang một nội dung suy tưởng sâu sắc. Trước hết Hồ Hữu Tường định nghĩa thế nào là văn hóa: *«Văn, trong nghĩa cầu nguyên của nó, là đẹp đẽ, là hiền lành, trái với võ, là hung bạo. Hóa, trong nghĩa cầu nguyên của nó là thay đổi. Hai chữ đó mà ghép lại, thì tôi cho rằng đó là cái gì làm cho người ngày càng cao quý hơn, đẹp đẽ hơn, làm cho người (hạ tiện, xấu xa) hóa ra Người (cao quý, đẹp đẽ)»* (trang 6). Tóm lại cái làm cho *người* trở nên *Người* là văn hóa: *«Tôi vẫn muốn rèn, luyện, uốn, nắn, hun đúc tôi, cho tôi ngày nay đẹp đẽ hơn ngày hôm qua, cho tôi ngày mai càng đẹp hơn tôi ngày nay, để rồi bây giờ tôi là «người» dần dần theo đuổi «Người»»* (sđd, trang 18).

Người đọc có thể tìm thấy ở «cái tôi ngày hôm nay phải hơn cái tôi ngày hôm qua,» một ảnh hưởng xa gần nào đó của Nietzsche. Chữ *Người* viết hoa của Hồ Hữu Tường có những yếu tố tương đương với *siêu nhân* (surhomme) của Nietzsche (chính Hồ Hữu Tường cho biết Nguyễn An Ninh là người Việt Nam đầu tiên đọc Nietzsche và rất thích). Nhưng Hồ đi theo một hướng khác: ông muốn hành trình người (tầm thường) nên Người (cao cả) trở thành lộ trình bình thường của mỗi người Việt Nam, và đó là tương lai văn hóa dân tộc. Tại sao như vậy? Ông giải thích: bởi mọi ý thức hệ, khi mới thành lập, đều có thể giúp ích cho xã hội tiến bộ. Nhưng khi nó không còn thích hợp với điều kiện sống cụ thể nữa, thì cái xác nó, chướng ngại vật phản tiến hóa, là lực lượng phản động, là một tai họa cho nhân loại. Khi đã biết được luật sống thừa của các ý thức hệ, bạn hãy cố gắng xây đắp một nền văn hóa Việt Nam, dựa trên nguyên tắc biến đổi, ngày hôm nay phải đẹp hơn hôm qua, và như vậy bạn sẽ thoát ra được sức chi phối của các ý thức hệ sống thừa (trang 20). Đó là tinh thần chủ yếu trong tư tưởng Hồ Hữu Tường.

*

Tinh thần này xuất hiện năm 45-46, khi phần đông người Việt chưa biết Hồ Chí Minh là ai, và phần đông thế giới chưa biết cộng sản là gì. Hồ Hữu Tường đã đi trước thời đại, vượt qua những người đồng thời để sớm nhận ra ngõ cụt của những ý thức hệ, trong số đó có chủ nghĩa cộng sản. Lập luận của ông trong tập sách nhỏ này cho thấy một dân tộc như Việt Nam, *muốn tìm con đường sống đầy đủ ý nghĩa trong thời kỳ phi cơ, bom nguyên tử và độc quyền đế quốc này, thì dân tộc Việt Nam phải chọn một kế hoạch văn hóa* (trang32), phải tạo ra một nền văn hóa rực rỡ: văn hóa Việt Nam phải làm cho *người* trở nên *Người* (trang 37-38). Ông viết:

«Hiện nay, bạn thấy Tây phương đắc thắng, chiếm địa vị tối thượng, hãnh diện với thế giới.

Về quân sự, về kinh tế, về chính trị, Tây phương là tất cả. Bạn cho Tây phương là cái gương duy nhất, rồi bạn toan nêu cái «văn hóa» Tây phương làm văn hóa Việt Nam.

Tôi van bạn. Tôi ước mong bạn xây đắp riêng cho Việt Nam một nền văn hóa rực rỡ, để trình trước Đại hội đồng nhân loại làm sự nghiệp của mình.» (trang 39)

«Sứ mạng của bạn là sứ mạng sáng tác.» (trang48)

Tìm một đường đi, không theo Đông, không theo Tây, mà chọn lọc và kết nạp những tinh hoa của cả Đông lẫn Tây trên con đường sáng tạo của mình: văn hóa Việt Nam là do người Việt Nam sáng tác và xây đắp nên, nó làm cho người Việt Nam trở nên *Người. Cái hành trình đó là hành trình văn hóa* chúng ta chưa biết nó thế nào, bởi mỗi ngày nó một thay đổi.

Hồ Hữu Tường đã tìm ra cách thúc đẩy hành động sáng tạo, nói lên tính cách biến hóa của sáng tạo, đồng thời coi sáng tạo như một sứ mạng của con người. Một định nghĩa vừa trừu tượng, vừa cụ thể: Con đường sáng tạo là con đường văn hóa. Nó khiến con người từ vị thế tầm thường, kém cỏi, trở nên Người (văn hóa). Một sự hướng thượng mà nhân loại chưa làm được. Từ đó, Hồ bảo rằng phương Tây chưa có văn hóa, bởi tất cả những gì họ sản xuất ra trong văn chương, nghệ thuật, triết học, khoa học... đã bị cái mà ông gọi là «quái hóa» khuất phục. Chính cái quái hóa này đã biến đổi những tư tưởng đẹp đẽ như *«Tự do, bình đẳng, bác ái», thành phương tiện, thành khí giới để chinh phục. Quái hóa đã xui khoa học chế ra đại bác, chiến xa, tầu chiến, phi cơ, hơi ngạt, vi trùng, bom nguyên tử để giết người, để chinh phục kẻ yếu, để đè nén, áp bức, dày xéo chúng ta»* (trang 42).

Văn hóa làm cho con người trở nên Người.

Quái hóa biến văn chương, nghệ thuật, triết học, khoa học... thành phương tiện. Bởi nó không đi theo con đường nhân bản.

Còn mượn Đạo học của Đông phương ư? *Nhưng ở Đông phương chỉ có những thuật tu dưỡng, chớ đã có văn hóa bao giờ?* (trang 48)

Cho nên ta không thể bắt chước Đông hoặc Tây, để làm văn hóa, mà phải tạo văn hóa bằng sáng tạo, làm cho người Việt Nam trở nên Người. *Nó là cuộc vận dụng thường xuyên của tinh thần, không phút nào ngừng, không khi nào nghỉ* (trang 55), *văn hóa (phải) làm sao cho cái chân, cái thiện, cái mỹ, thấm nhuần lý trí, tình cảm, bản năng, cơ thể mọi người, của mọi chế độ, của mọi tương quan xã hội.* (trang 54-55)

«Lương tri sẽ là sản phẩm của người. Nó có nguồn gốc ở người. Nó là một vật nhân bản.» (trang 56)

«Khoa học, văn chương, triết học, nghệ thuật, luân lý, tôn giáo... là những ngành của cây sinh hoạt. Còn văn hóa là nhựa sống trong thân cây, trong các ngành, các lá» (trang 57)

*

Khi cho rằng Tây phương đã biến những thành tích của văn hóa như văn chương, triết học, khoa học... thành những phương tiện để chinh phục và đàn áp, Hồ Hữu Tường có thái quá chăng? Hẳn là không. Ông chỉ muốn minh họa một thực tế hiển nhiên: Hitler, Staline đã trưng dụng khoa học để làm vũ khí, cũng như Hitler đã trưng dụng tư tưởng surhomme của Nietzsche và Staline đã sử dụng triết học Các-Mác trong các chiến dịch thanh trừng và tiêu diệt đồng loại.

Ngày nay, trong tình thế mới, người ta cũng có thể đặt câu hỏi: đệ nhất cường quốc Hoa Kỳ có đang dùng khoa học (bom đạn) như một phương tiện để «san định» thiên hạ theo đúng quan niệm «dân chủ» và «bình đẳng» của Hoa Kỳ?

Điểm cực đoan và cũng gây sốc mạnh trong *Tương lai văn hóa Việt Nam* là «Tây phương và Đông phương chưa có văn hóa.» Nhưng đó chính là điểm độc đáo trong tư tưởng Hồ Hữu Tường: ông coi *văn hóa* không phải là những thành quả đã gặt hái được trong các lãnh vực văn chương, khoa học, nghệ thuật, triết học, mà là một trạng thái động, là một thái độ, một phong cách: Con người thường trực sống trong suy tưởng để tiến tới chân thiện mỹ. Và một con người như thế là con người văn hóa.

«Văn hóa» như vậy rất gần với hành trình tiến đến cõi niết bàn của nhà Phật, tìm đến đỉnh cao của con người. Nhưng đạo Phật tìm sự xuất thế, *giải thoát* cho chính mình, Hồ Hữu Tường tìm sự nhập thế: tiến đến chân thiện mỹ trong hành động để phụng sự xã hội, con người; và đó là lý do cần phải «cải tiến» đạo Phật, đi từ sự tu thân (Đông phương) để tiến tới sự nhập thế hành động, thay đổi diện mạo nhân loại.

(Kỳ tới: Hồ Hữu Tường trong truyện ngắn và hồi ký)

Thụy Khuê

Paris, tháng 5/2003

HỒ HỮU TƯỜNG VÀ CÁI NGHIỆP LÀM BÁO

TRẦN NGUƠN PHIÊU

Trong giới những nhà viết văn, rất nhiều vị đã đi vào làng báo vì tự biết mình có thiên phú văn tài, cần phải có đất dụng võ để nuôi dưỡng tài nghệ. Lần lần về sau, việc viết lách, ngoài sự đem lại danh tiếng, thúc đẩy sự dấn thân vào nghiệp văn chương lại còn giúp họ thực sự lấy việc viết văn làm một nghề sinh sống.

Hồ Hữu Tường cũng ở vào tình trạng nói trên, nhưng ngoài ra ông lại còn là người mang nặng cái nghiệp phải viết, phải say mê nghề báo chí vì ông thấy cần phải giải bày và tranh đấu cho việc thành tựu những ước vọng của đời mình.

Hồ Hữu Tường đã đi vào việc viết văn rất sớm, và cũng như những việc sẽ xảy ra về sau này, chuyện viết lách thường đưa ông vào nhiều tai họa.

Ngay khi mới bước chân vào trường Trung học Cần Thơ, học sinh H.H. Tường cũng như các anh em bạn trẻ khác, đã thấy lòng sôi sục khi đọc những bài tường thuật hằng ngày trên *Đông Pháp Thời Báo* đăng tải vụ cụ Phan Bội Châu bị đưa xử ở tòa Đề Hình Hà Nội. Việc này đã đưa đến việc thực hiện một tuần báo viết tay, với những bài nặng mùi ái quốc. Các tác giả non trẻ này về sau là những tên tuổi thành danh như Ung Văn Khiêm, Tổng trưởng Ngoại giao của chánh phủ đầu tiên của Hồ Chí Minh, Trần Thiêm Thới gốc Hà Tiên dáng cao như cây tre nên lấy bút hiệu Trúc Hà, sau này cộng tác viết tạp chí với Đông Hồ. Hồ Hữu Tường, lúc này có lẽ vì bụng hơi to nên được các bạn đặt biệt hiệu là Tường Bụng, dịch ra tiếng Pháp là Ventru và nói lái lại thành Vutren. Vì thế nên trên tờ báo viết tay này, H.H. Tường vì viết bài tiếng Pháp, nên đã chọn bút hiệu là Pierre Vutren. Báo lọt vào tay ban Giám Đốc của trường và vì báo có nội dung chánh trị, các ký giả tí hon đều bị đuổi! Không hi vọng được trở lại học, Pierre Vutren (!) vận động để được sang Pháp học.

Hồ Hữu Tường phen nầy đã quyết để tâm trí vào việc học, nhưng đến dịp lễ Giáng Sinh 1927, anh sinh viên trẻ này lại có được dịp đến Marseille dự buổi diễn thuyết của hai nhà hùng biện Dương Văn Giáo và Trịnh Hưng Ngẫu. Ngẫu hẹn cho Tường đến gặp sau buổi diễn thuyết và nơi đây Tường lại có dịp gặp thêm Nguyễn Thế Truyền và Tạ Thu Thâu.

Tường khi đó chỉ vào khoảng mười tám tuổi nhưng đã có tiếng là học giỏi, nhứt là môn toán. Nguyễn Thế Truyền - một trong năm người có tiếng của nhóm "Ngũ Long" ở Paris (Phan Văn Trường, Phan Châu Trinh, Nguyễn An Ninh, Nguyễn Tất Thành, Nguyễn Thế Truyền) -, đã khuyến khích và rủ Tường : "*...làm cách mạng phải là những tay học giỏi. Chớ học trong lớp mà 'cầm cờ,' rồi ra làm cách mạng, bọn thực dân nó chê tụi mình là tụi ratés, nên giả vờ làm cách mạng để cứu thể diện.*" Trịnh Hưng Ngẫu thì dạy Tường: "*...nên noi gương Nguyễn An Ninh, muốn làm cách mạng đắc lực, phải viết báo cho hay. Không làm cách mạng mà viết báo hay, cũng có lợi. Đây là qua dạy em cái bí quyết để thành công trong đời đó.*"

Sau Đại học Marseille, H.H. Tường ghi danh vào Đại học Lyon để nạp luận án thi Cao học Toán trong khi ở Việt Nam có tin về cuộc khởi nghĩa Yên Bái của nhóm Nguyễn Thái Học. Việc thực dân Pháp ở Việt Nam ra tay khủng bố, đàn áp dân chúng sau cuộc bạo động đã làm sôi sục tinh thần yêu nước của các sinh viên ở Pháp. Tường nôn nóng mong lên được Paris để tham gia vào các hoạt động kêu gọi chánh giới Pháp làm áp lực với chánh phủ ngưng các bản án xử tử hình các nhà ái quốc Việt Nam. Không cần chờ biết kết quả, sau khi trình luận án, Tường đã từ giã Lyon để lên kinh đô Paris. Tường đã được Tạ

Thu Thâu đón ở nhà ga Lyon và đưa về trú ngụ ở nhà của Huỳnh Văn Phương (Chú của Huỳnh Tấn Phát, Chủ tịch Chánh phủ Lâm thời Miền Nam, Việt Cộng sau này). Ở Paris, Tường đã có cơ hội gặp gỡ những nhà ái quốc lưu vong như Nguyễn Thế Truyền, Phan Văn Trường, Nguyễn Văn Tạo, Tạ Thu Thâu, Phan Văn Hùm, Phan Văn Chánh v.v...Vào thời buổi này, Tạ Thu Thâu đang phụ trách đảng P.A.I (Parti Annamite de l'Indépendance, tức đảng Việt Nam Độc Lập) cho Nguyễn Thế Truyền vì Truyền trở về Việt Nam. Đảng P.A.I. lại bị nhà cầm quyền Pháp giải tán sau một cuộc xung đột ở quán Café Turqueti, ngày 9-1-1929, với một nhóm người Việt thân Pháp. Theo lời khuyên của Phan Văn Trường, việc tái lập đảng P.A.I. đã không được tiếp tục và đã được thay thế bằng một tập hợp có tên là "Nhóm Việt kiều tại Pháp"(Les Émigrés vietnamiens en France). Nhóm cũng quyết định không ra báo công khai như trước như đảng P.A.I. mà chỉ làm báo bí mật lấy tên là *Tiền Quân* để làm cơ quan của nhóm.

Hồ Hữu Tường được giao phó làm chủ nhiệm báo *Tiền Quân* vì Tường là gương mặt mới ở Paris, còn trẻ và nhiều rảnh rỗi, chưa bị Pháp theo dõi các hoạt động. Phan Văn Hùm vì đã có chân trong làng báo từ năm 1923 nên lãnh chức chủ bút. Thành viên của bộ biên tập toàn là những nhân vật sau này được dân chúng miền Nam ngưỡng mộ như Tạ Thu Thâu, Hồ Văn Ngà, Phan Văn Chánh, Huỳnh Văn Phương, Lê Bá Cang... Mặc dầu là báo được viết tay (do chủ bút Phan Văn Hùm thực hiện), nhưng cũng được trình bày thành cột như báo in và được làm bản kẽm để in đẹp. Hồ Hữu Tường đã hãnh diện về sáng kiến chụp làm bản kẽm nầy, một kỹ thuật "tiền quân."

Số phận báo *Tiền Quân* là một số phận ngắn ngủi vì chỉ ra được một số đầu mà cũng là số chót vì Tạ Thu Thâu đã tổ chức một cuộc biểu tình trước điện Élysée là dinh Tổng Thống Pháp để xin giảm án cho các liệt sĩ Yên Bái bị kết tội tử hình. Sau cuộc biểu tình lịch sử ngày 22 tháng 5 năm 1930 nầy, chánh quyền Pháp đã ra lịnh bắt và trục xuất về Việt Nam 19 sinh viên ái quốc. Báo *Tiền Quân* lúc ấy đang in, chưa kịp phát hành. Toàn bộ biên tập đã bị bắt chỉ trừ có chủ nhiệm và chủ bút may mắn thoát được. Bạn bè người Pháp đã tổ chức cho Hồ Hữu Tường và Phan Văn Hùm vượt biên sang nước Bỉ.

Cả hai đã phải trốn tránh ở Bỉ gần hai tháng, đến ngày 14 tháng 7 , ngày lễ Quốc Khánh Pháp mới lén trở lại Pháp. Trong thời gian ở Bỉ nầy, H.H. Tường đã được Phan Văn Hùm giúp huấn luyện lại Việt văn vì Tường có thói quen dùng quá nhiều từ Hán Việt. Khi còn nhỏ, Tường chỉ có được dịp đọc *Nam Phong* nên đã nhiễm lối viết văn của Phạm Quỳnh. Hùm cũng dạy Tường về việc làm thơ Đường. Tường đã từng công nhận là đã nhờ Hùm rất nhiều trong cái lối "học bạn khác với học thầy" này. Tường thuật lại việc một hôm đã quá trưa, bụng đói, đi với Hùm nhưng Hùm vẫn còn dạy Tường học làm thơ. Hùm xướng một câu, bắt Tường làm câu kế tiếp. Câu thứ nhất, Hùm xướng:

Túng nước sang qua Bỉ Lợi Thì,

Tường nhớ lại cảnh ngày hôm trước nên tiếp:

Hai đứa chia nhau một bánh mì.

khiến Hùm phải la:

- Âm điệu là âm điệu của câu thứ tám.

Hùm phải thú thật:

- Tôi cũng biết vậy. Nhưng đói quá rồi. Làm cho đủ mấy câu giữa, thì rã ruột!

Những ngày vượt biên lánh nạn ở Bỉ đã giúp H.H. Tường và P.V.Hùm có dịp gặp gỡ

nhiều nhân vật chánh trị lưu vong có tiếng tăm, nhất là những người thuộc tả phái. Vì vậy khi trở lại Pháp, Tường và Hùm được André Rosmer, chủ nhiệm báo *La Vérité*, cơ quan của nhóm Tả Đối Lập Pháp thuộc cánh Trotsky, giành cho cơ hội được viết trình bày quan điểm người Việt với điều kiện chỉ dùng chung một bút hiệu mà thôi. Hai người vì vậy thường viết hằng tuần trên báo nầy dưới danh xưng "Giải Phóng."

Vì Tạ Thu Thâu, Phan văn Chánh, Huỳnh Văn Phương... đều bị trục xuất về Việt Nam, Tường đã phải giúp thực hiện tập san quay ronéo nhưng chỉ để phân phát cho độ vài chục người, khiến Tường lấy quyết định trở về xứ.

Tình cờ, H.H. Tường gặp Đào Hưng Long, một nhân vật trước thuộc đảng Lao Động, từng được cử làm Đặc ủy miền Tây, nhưng vì có việc bất đồng chánh kiến nên về Cà Mau tổ chức một đoàn thể khác. Đào Hưng Long hợp tác với nhóm của Tạ Thu Thâu thành lập tổ chức Đối lập Tả phái ở Đông Dương. H.H. Tường phụ trách tạp chí lý luận *Tháng Mười* cho tổ chức.

Cơ quan biên tập và in ấn do Đào Hưng Long phụ trách và được đặt trong một chòi lá, cất bên mé rạch Cầu Chong ở Thị Nghè. Một nữ đồng chí tên Huệ Minh đã được đoàn thể gởi đến đây và về sau là người bạn đời của H.H. Tường. Tạp chí *Tháng Mười* cũng như các sách huấn luyện

đều được in theo lối in xu xoa nhưng đã được cải tiến. Xu xoa thay vì đổ vào khuông chỉ in được một lần, thì nay được đổ vào một hộp thiếc dày, trong có đặt nhiều tấm kiếng có gỗ kê cách nhau khoảng một phân. Mỗi miếng kiếng sẽ giúp có được hai mặt xu xoa láng, tốt hơn mặt xu xoa tự nhiên.

Cơ quan ấn loát bí mật nầy được duy trì khá lâu, nhưng đến tháng Chín năm 1932 thì bị phát giác. Đào Hưng Long và Huệ Minh bị bắt. Tạp chí *Tháng Mười* đành phải ngưng hẳn vì Hồ hữu Tường cũng bị bắt hai tháng sau đó, vào ngày lễ Đình chiến 11 tháng Mười một, 1932. Đó là lần thứ hai H.H. Tường làm báo bí mật; lần này được duy trì lâu hơn lần đầu tiên khi tờ *Tiền Quân* chỉ ra được có một số độc nhứt.

Trong bót mật thám Catinat, bị nhốt riêng một mình trong một buồng nhỏ, không biết được ngày ra, H.H. Tường sợ có thể bị quẫn trí phát điên nên đã theo gương một nhà cách mạng Nga là Bakounine tự sáng lập một tờ "báo nhẩm." Bakounine chủ trương cách mạng vô chánh phủ (Anarchisme) và bị chế độ Nga hoàng nhốt tù. Bakounine chủ xướng mỗi ngày ra "báo nhẩm," xuất bản hằng ngày như ngoài đời, với đủ chi tiết: xã thuyết, bình luận thời cuộc, tin tức (bịa đặt), văn chương tiểu thuyết v.v... Tường đặt tên tờ báo của mình là *Thiên Thu* lấy trong câu thơ "nhứt nhật tại tù, thiên thu tại ngoại." Tường đã "xuất bản" được 70 số báo *Thiên Thu* trong bót Catinat và chỉ đình bản khi được chuyển qua Khám Lớn vì nơi đây không còn nạn bị nhốt riêng. Sau nầy H.H. Tường vẫn còn nhớ được chuyện tiểu thuyết đã viết trong *Thiên Thu* và năm 1967, đã kể lại trong lời tựa của tác phẩm "*Người Mỹ Ưu Tư.*"

Trước khi bị bắt, trong thời gian phụ trách tạp chí bí mật *Tháng Mười*, H.H. Tường cũng đồng thời đã thực sự bước vào làng báo công khai. Tường được mời hợp tác viết trong tờ *Nam Nữ Giới Chung* của hai ký giả có tiếng thời bấy giờ là Cao Hải Đễ và Trần Hữu Độ. Trần Hữu Độ là một nhà nho có óc tiến bộ, đã tìm cách thức tỉnh đồng bào bằng cách phổ biến tư tưởng của Lương Khải Siêu, Khương Hữu Vi... Vì vậy nên tờ *Nam Nữ Giới Chung* chỉ ra được một số là bị cấm! Khởi đầu làm báo bí mật *Tiền Quân,* chỉ ra được một số, nay bắt qua làm báo công khai, lại cũng ra được có một số: Hồ Hữu Tường quả đã mang một cái nghiệp lạ đời!

Sau hơn ba tháng thất nghiệp, H.H. Tường có dịp may được mời gia nhập bộ biên tập của nhật báo *Công Luận*, với hai ông Diệp Văn Kỳ và Nguyễn Văn Bá. Bút hiệu của Tường trong *Công Luận* là Bửu Liên, một tên tự đã được một ông đồ nho đặt khi Tường mới ra đời. Thân phụ của Tường nằm mộng thấy một đóa sen lạ đêm sanh ra Tường. Ông thuật việc ấy cho bạn nghe và ông nầy cho đó là một điềm lành nên đặt tên Hữu Tường, với tự là Bửu Liên. Vào thời buổi nầy, giữa Nguyễn Văn Bá và Nguyễn An Ninh có cuộc bút chiến, mặc dầu cả hai đều là bạn. Bá cãi không lại Nguyễn An Ninh nên có mặc cảm bị yếu thế. H.H. Tường, là người đã từng tôn sùng Nguyễn An Ninh, lúc ấy có viết một bài phê bình quyển *Tôn Giáo* của ông Ninh, ký bút hiệu Bửu Liên. Quyển *Tôn Giáo* là một sách dùng Duy vật sử quan để xét vấn đề Phật giáo. Nguyễn Văn Bá thấy hay nên đã nắm cơ hội đăng trong *Công Luận* .

Nguyễn An Ninh đọc luận điệu trong bài phê bình và nghi là do Tạ Thu Thâu viết nên đã trách Thâu : "*Tụi mác xít bây xài không được. Trong chỗ quen biết thâm tình nhau, bây có chỉ trích tao, thì cứ ký tên ngay thẳng đi. Có gì cần cãi, thì tao cãi với. Bộ bây trốn dưới bút hiệu vô danh, đâm sau lưng anh em, mà tao không biết sao?*"

Tạ Thu Thâu đã thề thốt bán mạng là Thâu không phải Bửu Liên nhưng Ninh không tin: "*Tụi duy vật bây có tin có thần có thánh đâu mà thề? Quỉ thần sợ bây, chớ bây đâu có sợ quỉ thần mà bày trò thề thốt?*"

Nhưng rồi cuối cùng khi Nguyễn An Ninh biết được Bửu Liên là Hồ Hữu Tường nên chẳng những đã không giận mà kể từ đó, đã coi Tường là một em út cần được xây dựng.

H.H. Tường ngoài việc giúp báo *Công Luận* còn được Đoàn Quang Tấn, chủ nhiệm và chủ bút tuần báo *Đồng Nai*, một tuần báo do một số trí thức Tây học như bác sĩ Nguyễn Văn Nhã, giáo sư Đặng Minh Trứ chủ xướng. Tường ngoài việc viết bài còn đảm trách việc gọt, giũa văn cho báo. Nhờ sự cộng tác này nên về sau, Đoàn Quang Tấn đã thỏa thuận giao tuần báo *Đồng Nai* lúc đó đang bị đình bản gần hai tháng, cho Phan Văn Hùm và Hồ Hữu Tường quản lý. Phan Văn Hùm khi ấy vừa ở Pháp về và đang tìm cơ hội hoạt động. Tuần báo *Đồng Nai* đã được khởi sắc với những bài viết có lập trường xã hội công khai. Tác giả các bài báo là những người đã có tiếng như Nguyễn An Ninh, Tạ Thu Thâu, Huỳnh Văn Phương... Những cuộc bút chiến về vấn đề "nghệ

thuật vị nghệ thuật hay nghệ thuật vị nhân sinh" giữa Phan Khôi và Phan Văn Hùm đã gây nhiều sôi nổi trong văn giới và chỉ được chấm dứt nửa chừng khi *Đồng Nai* bị chánh quyền thực dân rút giấy phép. Nhóm *Đồng Nai* đã trở thành nơi tập trung của các tác giả "cách mạng" vì ngoài việc viết lách, lại còn tổ chức các cuộc diễn thuyết ở trụ sở hội Đức Trí Thể Dục. Ở hội trường này, Phan Văn Hùm và Tạ Thu Thâu đã trình bày về biện chứng pháp và người đến tham dự rất đông. Nhà cầm quyền thực dân vì thế thấy cần phải sớm ra tay bịt miệng tuần báo *Đồng Nai*.

Hồ Hữu Tường sau khi bị bắt vì vụ báo bí mật *Tháng Mười*, đã bị xử ba năm tù treo và được thả ngày 1 tháng 5 năm 1933. Đó là lúc có cuộc bầu cử nghị viên Hội đồng thành phố SàiGòn-Chợ Lớn. Lợi dụng thời cơ nầy, những nhà cách mạng miền Nam lấy quyết định ra ứng cử để có dịp cổ động công khai đường lối xã hội. Một sổ Lao Động được thành lập với Nguyễn Văn Tạo và Trần Văn Thạch đứng đầu sổ. Vì Nam Kỳ là một thuộc địa của Pháp nên về chế độ báo chí, nếu là báo tiếng Pháp, thủ tục xuất bản rất dễ dàng như ở Pháp. Muốn ra báo, chỉ cần khai trước biện lý cuộc 24 giờ trước khi đem báo rời khỏi nhà in, nhưng chủ nhiệm và quản lý phải là người Pháp. Ban vận động bầu cử đã dựa vào đạo luật dân chủ nầy để xuất bản tuần báo Pháp ngữ *La Lutte* làm cơ quan tuyên truyền. Báo đã gây được ảnh hưởng lớn trong dư luận quần chúng nhưng chỉ ra được bốn số và đình bản sau khi cuộc bầu cử chấm dứt. Hồ Hữu Tường không có tham dự viết trong *La Lutte* ở giai đoạn đầu nầy.

Một năm sau, tờ *La Lutte* được tái bản do sự vận động của Nguyễn An Ninh. Kỳ nầy, với mục đích cùng chung một lập trường tranh đấu chống thực dân Pháp ở Đông Dương, Nguyễn An Ninh đã thuyết phục được cả hai phái Đệ Tam và Đệ Tứ ở miền Nam đồng ngồi chung lại trong ban biên tập. Các bài viết đều không có ký tên và hai hệ phái phải tránh không chỉ trích lập trường của nhau. Kỳ tái bản nầy có H.H. Tường tham gia viết nhưng không tích cực vì bên phía Đệ Tam của Nguyễn Văn Tạo có ít người viết giỏi Pháp văn, nên Tường tự chế không muốn để phía Đệ Tứ có vẻ lấn lướt. Việc hai phái Đệ Tam và Đệ Tứ cùng nhau cộng tác trong một tổ chức là chuyện hi hữu. Trên thế giới, việc này chỉ xảy ra ở Việt Nam mà thôi. Hồ Hữu Tường đã gọi chuyện này là một "quái thai lịch sử " và sử gia Pháp, Daniel Hémery, giáo sư Đại học Sorbonne đã viết một luận án danh tiếng về thời kỳ này.

Đầu năm 1935 có việc bầu cử Hội đồng Quản hạt ở Nam kỳ. Nhân dịp này, nhóm La Lutte quyết lợi dụng cơ hội để có thể công khai tuyên truyền chống chế độ thực dân ở Nam kỳ. Bên Đệ Tam có Nguyễn Văn Tạo, Nguyễn Văn Nguyễn, Dương Bạch Mai thành lập liên danh. Phía Đệ Tứ có Phan Văn Hùm, Trần Văn Thạch và Hồ Hữu Tường. Hồ Hữu Tường vì chưa đến 25 tuổi nên liên danh kể như không hợp lệ nhưng vẫn cứ sinh hoạt dán bích chương, in truyền đơn phân phối cho dân chúng có dịp đọc.

Báo *La Lutte* viết bằng Pháp văn. Phần nhiều các bài thường do Tạ Thu Thâu, Trần Văn Thạch,Nguyễn Văn Tạo, Phan Văn Chánh viết. Nguyễn An Ninh trong công việc di chuyển đó đây bán dầu cù là, lại đảm trách thêm việc giải thích cho dân chúng các bài báo vì ông có biệt tài dẫn giải rất bình dân những tiêu đề khó khăn cho sự hiểu biết thông thường.

Đứng trong hàng ngũ nhóm La Lutte, Tạ Thu Thâu phải theo đường lối chung, không thể hoạt động theo xu hướng Đệ Tư, nên đã giao cho H.H. Tường trách nhiệm tùy cơ, huấn luyện các thanh niên có cảm tình với Thâu. Năm 1936, H.H. Tường được Trịnh Văn Lầu tiếp tay trong việc truyền bá chủ nghĩa, nhân thời cơ thuận tiện của sự thành lập Mặt Trận Bình Dân ở Pháp. Trịnh Văn Lầu đã có sáng kiến tổ chức đánh cắp chữ in của các nhà in và thành lập cơ quan in ấn bí mật để H.H. Tường xuất bản tạp chí *Thường Trực Cách Mạng*, một tạp chí bí mật duy nhứt trong xứ được in bằng chữ in. Cơ quan ấn loát được giao cho một anh thợ nhà in bị bịnh ho lao nặng, phụ trách ở một chòi lá vùng Thị Nghè. Mật thám Pháp vì thấy tạp chí được in đẹp nên tưởng nhầm là được nhóm Đệ Tứ in ở ngoài nước. Khi có tin Mặt Trận Bình Dân thắng thăm vẻ vang ở Pháp, truyền đơn được in và rải khắp Sài Gòn. Phản ứng mau lẹ đó chứng tỏ rằng truyền đơn ắt phải do nhà in trong xứ thực hiện . Mật thám tung ngay một mẻ lưới điều tra và cơ quan in ấn vì vậy bị phát giác, chấm dứt luôn giai đoạn làm báo bí mật của Hồ Hữu Tường!

Hưởng ứng sự thành công của Mặt Trận Bình Dân ở Pháp và cũng để chuẩn bị tiếp đón các phái đoàn điều tra từ Pháp sắp qua Việt Nam, nhóm La Lutte với sự dẫn đầu của Nguyễn An Ninh, rần rộ khởi xướng Phong trào Đông Dương Đại Hội và sự thành lập các Ủy Ban Hành Động. H.H. Tường được đề cử làm Tổng Thơ ký của Phong trào và đã có công trong việc cổ động cho

Đông Dương Đại Hội qua việc vận động ký giả các báo Việt ngữ.

Trong giai đoạn nầy, H.H. Tường có cho xuất bản một tuần báo tiếng Pháp với sự cộng tác của một đồng chí là Đoàn Văn Trương. H.H. Tường lợi dụng việc Nam kỳ là một thuộc địa của Pháp nên trên danh nghĩa, người Việt sanh sống ở Nam kỳ được coi là thần dân Pháp (Sujet francais de Cochinchine). Vì vậy nên Đoàn Văn Trương có đủ tư cách làm quản lý một tờ báo tiếng Pháp. Tuần báo *Le Militant* (Chiến Sĩ) do đó được ra đời trót lọt và đã gây được một tiền lệ: ở Nam kỳ, ra báo Pháp ngữ không cần phải có quản lý người Pháp. Ra được bốn số, tuần báo *Le Militant* hết vốn nên phải đình bản cho đến một năm sau mới tái bản được và lần nầy ra được 21 số. *Le Militant* đến giai đoạn này phải dẹp vì hai nhóm Đệ Tam và Đệ Tứ đã ly khai, không còn hợp tác nhau được nữa trong nhóm Tranh Đấu: Nhóm Đệ Tam cho ra báo *L'Avant Garde*, về sau đổi tên thành *Le Peuple*. Tờ *La Lutte* được nhóm Đệ Tứ tiếp tục nắm giữ nên không thấy có lý do phải duy trì hai tờ báo cùng một chủ trương và đường lối.

Đến năm 1938, một hội ký giả lấy tên là A.J.A.C. (Association des journalistes annamites de Cochinchine) được thành lập để tranh đấu cho báo chí tiếng Việt được hưởng quy chế tự do giống như quy chế các báo Pháp ngữ. Hội trưởng là Nguyễn Văn Sâm, chủ nhiệm báo *Đuốc Nhà Nam* và Tổng Thơ ký là Trần Văn Thạch. Nhóm Đệ Tam tình nguyện đi tiên phong, ra báo với thủ tục y như báo Pháp ngữ. Nhưng đến khi báo in được số nào thì nhà cầm quyền đều cho sở mật thám đến, hốt hết. Ra tòa, anh quản lý bị lên án. Sau các thủ tục chống án lên tòa trên, qua tòa Phá án, cuối cùng bản án được chuyển đến Hội đồng Quốc gia bên Pháp vào mùa thu năm 1938. Hội đồng này cũng giống như một Tối Cao Pháp Viện, đã hủy bản án vì luật pháp không minh định rõ ràng về tự do báo chí cho báo Việt ngữ ở Nam kỳ. Đây là một thắng lợi lớn về tự do báo chí.

Nhóm Đệ Tam lập tức đổi tờ *Le Peuple* thành tờ báo Việt ngữ *Dân Chúng*. Nhóm Đệ Tứ cánh Tạ Thu Thâu đổi tờ *La Lutte* thành tờ *Tranh Đấu*; cánh Hồ Hữu Tường cho xuất bản: tuần báo *Tia Sáng*, sau sáu tháng đổi thành nhật báo, tạp chí lý luận hằng tháng tên *Tháng Mười* và một tuần báo nghiệp đoàn tên *Thầy Thợ*. Tạp chí *Tháng Mười* và *Thầy Thợ* được H.H. Tường giao cho Đào Hưng Long làm quản lý.

Cuối năm 1938, chế độ báo chí và xuất bản ở Nam kỳ được đặc biệt nới lỏng khi sắc luật Daladier ngày 30 tháng 8, 1938 cho báo chí chữ quốc ngữ được xuất bản không cần xin phép trước. Việc kiểm duyệt và tịch thâu báo không còn thấy xảy ra như trước.

Ở Bắc và Trung, phong trào tự do báo chí được hưởng ứng nồng nhiệt. Các ký giả trong Nam cũng như ngoài Bắc đua nhau viết vì đều tiên đoán chiến tranh sắp sửa xảy ra, và nhà cầm quyền Pháp sẽ siết chặt lại hoạt động của giới truyền thông. H.H. Tường đã thú nhận là chưa có bao giờ lại có cơ hội làm việc hăng hái như thời trước Đệ nhị Thế chiến này: mỗi ngày, ngoài việc đi dạy học tư, Tường phải viết thông thường là bốn bài báo.

Đến cuối tháng 8, năm 1939, không khí chiến tranh đã thấy bao trùm ở Âu châu. Đêm 23 rạng ngày 24, hiệp ước Hitler-Stalin được ký kết. Ngày 1 tháng 9 quân đội Đức tiến vào Pologne. Lịnh tổng động viên được ban hành ở Pháp và ở Đông Dương. Ngày 3 tháng 9, Pháp và Anh tuyên chiến với Đức. Ngày 25 tháng 9, đảng Cộng sản Pháp bị cấm hoạt động. Toàn quyền Đông Dương hưởng ứng sắc lịnh cấm đó và ngày 29 tháng 9, mật thám tiến hành việc bố ráp trong toàn xứ.

Chỉ trong vài ngày, 121 người theo phái Stalin và 55 người theo xu hướng Trotsky đã bị bắt. Nhà cầm quyền đã thi hành 323 cuộc lục xét, tịch thâu 2332 cuốn sách và 26316 ấn phẩm báo chí (Báo cáo của Thống đốc Nam kỳ gởi Toàn quyền ngày 3-11-1939, AOM NF 1820). Các báo chí của cả hai phái Đệ Tam, Đệ Tứ đều bị cấm. Hồ Hữu Tường cũng như Nguyễn An Ninh, Tạ Thu Thâu, Trần Văn Thạch và các nhà cách mạng khác đều hoặc bị bắt vào tù hay bị đưa vào các trại tập trung ở núi Bà Rá và Tà Lài (Biên Hòa).

Hồ Hữu Tường đã vào tù hơn năm năm, không còn cơ hội hoạt động báo chí cho đến mãi đầu năm 1948 mới có dịp trở lại làng báo, do thi sĩ Đông Hồ mời cộng tác. Sau khi mãn tù ở Côn Đảo về và còn bị án biệt xứ, cư trú ở Cần Thơ, năm 1944, Hồ Hữu Tường đã tuyên bố với các bạn đồng chí cũ: "*Tôi trở về con đường dân tộc, tôi cho rằng việc giai cấp vô sản giải phóng nhân loại là một huyền thoại lớn của thế kỷ 19 và tiềm năng cách mạng của giai cấp vô sản ở châu Âu và Bắc Mỹ là một huyền thoại lớn của thế kỷ 20.*"

Ngày 9 tháng 3 năm 1945, quân đội Nhật đảo chánh chánh quyền Pháp ở Đông Dương. Các đoàn thể chánh trị Việt Nam có cơ hội hoạt động công khai. Những lãnh tụ các đảng bị Pháp lưu

VÔ SẢN TOÀN THẾ GIỚI TỔ HỢP LẠI !

tranh đấu

Cơ-quan chánh-trị của nhóm LA LUTTE

Năm thứ hai — Số 81

GIÁ BÁO

Ngày thứ năm
13 Juillet 1939

Kỷ niệm Cách mạng Pháp lần thứ 150

1789, dân chúng Paris phá ngục Bastille.
1939, khắp thế giới còn biết bao nhiêu ngục Bastille !

CUỘC CÁCH MẠNG PHÁP 1789 TRONG LỊCH SỬ giải phóng của nhân loại

1789 - 1939....

14 Juillet 1789

Kỷ niệm ngày 14 Juillet

Dân chúng Đông-dương phải đội :

TOÀN XÃ CHÁNH-TRỊ-PHẠM

Báo *TRANH ĐẤU*, năm 1939

Prolétaires de tous les pays, unissez-vous !

le militant

Organe de défense prolétarienne et de combat marxiste

Une soixantaine de syndicalistes sont arrêtés

La contre-grève de Renault

Báo le Militant (Chiến sĩ)

đày biệt xứ đã trở về các đô thị, tái tổ chức hàng ngũ. Tạ Thu Thâu, Phan Văn Hùm, Trần Văn Thạch... đều trở về lại Sài Gòn, củng cố lại nhóm Tranh Đấu. Hồ Hữu Tường chọn việc du hành ra Bắc, cho đến ngày Việt minh cướp chánh quyền ở Hà Nội. Trong bức điện tín ngày 27 tháng 8 năm 1945 của Ủy ban Nhân dân Cách mạng Bắc Bộ, gởi khẩn cầu Bảo Đại thoái vị, ngoài chữ ký của Nguyễn Văn Huyên, Nguyễn Xiển, Ngụy Như Kontum cũng có tên Hồ Hữu Tường. Bảo Đại sau nầy đã cho biết ông đã đồng ý vì thấy trong những người ký bức điện tín có Hồ Hữu Tường là nhân vật mà ông biết đã từng hoạt động chánh trị và am hiểu tình hình thế giới.

Tuy nhiên, năm 1945, Hồ Hữu Tường cũng biết Việt Minh chủ trương diệt các thành phần Đệ Tứ. Để tránh tai mắt trinh sát Việt Minh ở Hà Nội, Tường nhờ được bác sĩ Phạm Ngọc Khuê đưa về Nam Định. Ở đây, H.H. Tường đã viết quyển *Muốn hiểu chánh trị*, tác giả lấy bút hiệu Huân Phong. Họa sĩ Tô Ngọc Vân e sợ ký như vậy, Tường sẽ dễ bị lộ tung tích vì câu thơ "Huân phong tự Nam lai" nên đã sửa lại là Thuần Phong. Về sau, Tường đã chọn lại bút hiệu Huân Phong để kỷ niệm những ngày sống với Phạm Ngọc Khuê.

Trên các quyển viết cho nhà xuất bản Tân Việt ở Hà Nội, như *Kinh Tế học và Kinh Tế chánh trị nhập môn, Xã Hội học nhập môn* Hồ Hữu Tường chọn bút hiệu Khổng Cưu. Sách do Hàn Thuyên xuất bản đều đề tên Nguyễn Huệ Minh là tên của vợ H.H. Tường. Trên các quyển viết cho nhà xuất bản Minh Đức , bút hiệu được chọn là Duy Minh vì H.H. Tường muốn tỏ lập trường biệt lập giữa Duy tâm và Duy vật. Trong thời gian ở Bắc, năm 1946, H.H. Tường có viết một tác phẩm mà ông đắc ý nhất. Đó là quyển *Tương Lai văn Hóa Việt Nam,* viết trong hình thức "thơ bằng văn xuôi," bìa do họa sĩ Tô Ngọc Vân trình bày, Minh Đức in 500 bản hình thức sách quý, giấy đặc biệt chế tạo riêng tại làng Bưởi.

Đầu năm 1948, Hồ Hữu Tường từ Hà Nội trở lại về Sài Gòn. Nhà văn Thiên Giang đưa H.H. Tường đến thăm thi sĩ Đông Hồ. Nơi đây Tường gặp chẳng những Đông Hồ, lại có thêm Dương Tử Giang. Hai nhà văn này đang lãnh phụ trách làm một báo Xuân, do Lư Khê bỏ vốn. Đông Hồ mời H.H. Tường viết giúp và đưa trước ngân khoản cho Tường lúc đó đang túng thiếu. Tường nhận lời với điều kiện không ký tên thật. Đông Hồ đề nghị cho Tường các bút hiệu Lân Trinh và Ly Duệ. Lân Trinh có nghĩa là gần với chữ Trinh. Trong thành ngữ, hai chữ Trinh, Tường thường hay dùng chung nhau. Đông Hồ đặt Lân Trinh, cố ý chỉ rằng tác giả là Tường đó! Còn Ly Duệ để nhắc rằng tác giả bài đó là con cháu của Hồ Quý Ly. Đông Hồ thường nhờ H.H. Tường viết nhiều bài trong mỗi số do ông chủ trương biên tập nên Tường phải có nhiều bút hiệu khác nhau. Như khi viết những tiểu thuyết *Thu Hương, Chị Tập* , H.H. Tường ký Duy Cúc, là tên thiệt của một nữ sinh viên mà ông đã gặp khi ở Hà Nội. H.H. Tường đã mượn hình ảnh của sinh viên Duy Cúc để phác họa nhân vật Thu Hương trong tiểu thuyết. Duy Cúc sau đã sang Paris du học và đã là một nhà điêu khắc nổi danh.

Trong thời gian hợp tác với Đông Hồ, H.H. Tường có giới thiệu với Đông Hồ và đưa vào làng văn trong Nam, văn sĩ Triều Sơn, từng làm chủ bút tờ *Kháng Chiến* ở Bắc. Vào Sài Gòn, Triều Sơn làm công nhân cho hãng đóng tàu CARIC ở Thủ Thiêm, lo việc vô dầu, làm máy cho tàu của hãng. Triều Sơn đã rút kinh nghiệm về các cán bộ cách mạng gốc bần cố nông để tạo ra nhân vật " Nuôi Sẹo." Triều Sơn đã gọt giũa tác phẩm nhưng đến năm 1954 vẫn chưa vừa ý nên chưa chịu xuất bản, cho đến khi anh qua đời!

H.H. Tường cũng được Đặng Văn Ký mời làm cai thầu biên tập cho tuần báo *Sanh Hoạt* trong thời Trần Văn Ân làm Tổng trưởng Thông tin. Đặng Văn Ký là một nhân vật tên tuổi trong Nam, đã từng hưởng ứng phong trào Nguyễn An Ninh và phong trào của nhóm Tranh Đấu. Ông đã bị thực dân Pháp đày ở Bà Rá và đã được Nhật giúp đưa lánh nạn ở Tân Gia Ba với Trần Văn Ân, Trần Trọng Kim, Dương Bá Trạc. Trong tuần báo *Sanh Hoạt* H.H. Tường thường chỉ viết bài xã thuyết. Các bài khác ông được một sinh viên lỗi lạc ở Hà Nội cùng theo ông vào Nam là Phạm Mậu Quân, tình nguyện "bao sân." Phạm Mậu Quân là một sinh viên về toán đã được giáo sư Hoàng Xuân Hãn phục tài vì chép bài rất giỏi. Vào Nam, Phạm Mậu Quân tiếp tục học toán ở Đại học Sài Gòn và cư ngụ ở nhà H.H. Tường. Quân có tài về Toán học nhưng cũng có thêm tài viết báo và viết giống lối văn của Hồ Hữu Tường. Trong các bài viết, Phạm Mậu Quân tìm cách cổ võ cho việc dùng tiếng Việt trong các chương trình giáo dục. Cuối năm 1948. báo *Sanh Hoạt* ngưng hoạt động, Phạm Mậu Quân sang Pháp học và nay là một giáo sư Toán danh tiếng. H.H. Tường tuy ít viết trong *Sanh Hoạt* nhưng đã nhờ tuần báo này mà phổ biến

được chủ trương lập trường Dân tộc trong bài *Thân Việt*, không thân Mỹ hoặc thân Nga.

Trong khoảng các năm 1948, 1949, H.H. Tường được dịp cộng tác trong báo *Sài-gòn Mới* của bà Bút Trà. Tường đã cho đăng hằng ngày, từng đoạn của tiểu thuyết *Phi Lạc Sang Tàu,* một tiểu thuyết mà ông đã ngẫm trong những ngày tránh trinh sát Việt Minh ở Hà Nội. Bút hiệu lúc bấy giờ là Ý Dư, tên mà H.H. Tường đã thấy ký dưới một bức thư tỏ tình thống thiết của Đặng Ngọc Tốt gởi cho em gái của Phạm Ngọc Khuê. Thời bấy giờ, ở giới Đại học Hà Nội có ba sinh viên quái kiệt về diễn thuyết là Nguyễn Đình Thi, Huỳnh Văn Tiểng và Đặng Ngọc Tốt. Trong thời Kháng chiến Nam Bộ, Đặng Ngọc Tốt cũng nổi tiếng, khi phụ trách Ban Tuyên Truyền Lưu Động Nam Bộ nhưng khi ra Bắc phụ trách đảng Dân Chủ thì không biết vì lý do gì, lại ít được nhắc nhở. Khi được biết trong khu Nam Bộ , Tốt hay ăn nói lớn lối, giống như anh chàng Phi Lạc trong tiểu thuyết, một thằng mõ ở Bắc được đặt trên ngôi tiên chỉ, nên H.H. Tường mới chọn bút hiệu đó cho câu chuyện.

Bộ tiểu thuyết "*Ngàn Năm Một Thuở* " với: *Phi Lạc Sang Tàu, Phi Lạc Náo Huê Kỳ, Phi Lạc Bỡn Nga* đã được H.H. Tường cho trích đăng từng đoạn trên *Sài-gòn Mới, Phương Đông, Ánh Sáng*...

Mùa xuân năm 1949, Hồ Hữu Tường đáp tàu sang lại Pháp, tình nguyện làm đặc phái viên của *Sài-gòn Mới* và tiếp tục gởi về các đoạn của tiểu thuyết *Phi Lạc Sang Tàu*. Ông cũng tiếp tục viết bài về cho Đông Hồ khi có được dịp. Được sự giúp đỡ của một người bạn cũ đang mở một chương trình dạy khoa Cảnh Sát bằng lối hàm thụ, H.H. Tường noi theo ý kiến hay của bạn, mở một lớp dạy làm báo. Các bài nầy đã được cho in lại trong báo *Hòa Đồng* và năm 1965 được nhà xuất bản Khai Trí in thành sách: *Những kỹ thuật căn bản của nghề viết báo.*

Ở Pháp, H.H. Tường cũng đã thực hiện được tờ *Cảo Thơm,* một tập báo Xuân in theo kỹ thuật tối tân Hélio, nhờ sự cộng tác kỹ thuật của Việt Hồ, một Việt kiều đã sống bằng nghề in rất lâu năm ở Pháp.

Trong dịp cộng tác giúp ý kiến cho kỹ sư Nguyễn Ngọc Bích về nhà xuất bản Minh Tân, H.H. Tường được tặng một số vốn. Nhờ vậy H.H. Tường có được khả năng để thực hiện tạp chí song ngữ Pháp-Anh *Pacific* năm 1952. Tạp chí được xuất bản ba tháng một kỳ. H.H. Tường đã có phương tiện để cổ võ cho thuyết Trung Lập và kêu gọi các nước nhược tiểu thành lập "thế giới thứ ba." Đây sẽ là một lực lượng mới, có khả năng cân bằng giữa hai khối Nga, Mỹ đang đối đầu. Tờ *Pacific* được duy trì đến tám số cho đến năm 1954, khi H.H. Tường bị vào tù khi trở về xứ. Tuy tập san được nhiều giới ở ngoại quốc chú ý nhưng đã bị thủ tướng Nguyễn Văn Tâm ra lịnh cấm lưu hành ở Việt Nam nên số vốn đã tan dần.

Hồ Hữu Tường đã được dịp trở về xứ đôi ba lần sau năm 1952 và đã được dịp cùng bạn bè tổ chức tuần báo *Phương Đông* . Về sau, *Phương Đông* đổi thành nhật báo và là cơ quan truyền bá tư tưởng của H.H. Tường. Chủ bút do Lê Văn Siêu phụ trách; Thái Linh là Thơ ký tòa soạn; Nguyễn Hữu Ngư tự Ngu Í là nhà chuyên môn phỏng vấn. Độc giả miền Bắc ủng hộ báo rất mạnh, miền Nam chỉ tiêu thụ khoảng một phần tư. Do được độc giả đất Bắc chiếu cố nên báo được duy trì, trong khi dân miền Nam đinh ninh là *Phương Đông* sẽ đóng của sớm. Vì báo chủ trương đường lối Trung Lập, nhiều nguồn tin trái ngược được đồn đãi, khi thì cho là báo đượcViệt Minh tài trợ, khi thì nghi do cơ quan phòng Nhì của Pháp đưa tiền, hoặc do Mỹ chuẩn bị nhảy vào Việt Nam khi Pháp bỏ cuộc, hoặc do tình báo Anh giúp vốn, xuyên qua các nước Ấn Độ, Miến Điện...

Khi có hội nghị Hòa Đàm Genève năm 1954, H.H. Tường qua Thụy Sĩ phổ biến bài thuyết trình về "trung lập chế" đã được in trong số đặc biệt *Phương Đông*. Bản dịch tiếng Pháp là "La seule bonne voie," tiếng Anh là "The only good way." Nhưng việc làm không đem đến ảnh hưởng mong muốn và kết cuộc , ngày 20 tháng 7 năm 1945, đất nước Việt Nam đã phải chịu chia đôi.

Trở về nước, Hồ Hữu Tường vướng trong vụ Bình Xuyên, bị vào tù tháng 3 năm 1955 và bị chế độ Ngô Đình Diệm kết án tử hình. Nhờ được sự lên tiếng ủng hộ mạnh mẽ của các danh nhân trên thế giới như Thủ tướng Ấn ông Pandit Nehru, văn hào Albert Camus v.v... nên Hồ Hữu Tường mới được thoát chết.

Khi chế độ Tổng thống Ngô Đình Diệm bị lật đổ, H.H. Tường mới ra khỏi nhà tù vào tháng Giêng năm 1964. Sau bao năm tù đày ở Côn Đảo, sức khỏe của H.H. Tường đã suy giảm rất nhiều. Mãi đến gần năm tháng sau ông mới bắt đầu bình phục để có thể tập trung tư tưởng, ngồi viết một vài bài báo cho tờ *Ánh Sáng* của Hoàng Hồ. Hoàng Hồ lúc đó làm giám đốc tờ báo nên có mỹ ý dành cho H.H. Tường cơ hội tập viết lại. Trong tờ *Ánh Sáng* của Hoàng Hồ, H.H. Tường đã đề nghị chủ

trương "liên hiệp quốc hóa Việt Nam," thay thế cho lập trường "trung lập chế" của ông trước kia.

Qua năm sau, ông Nguyễn Lương Hưng mời H.H. Tường vào ban biên tập của một tuần báo tên *Hòa Đồng Tôn Giáo* mà ông đã đứng xin cho Hội này. Sau khi có được phép của Bộ Thông tin thì Hội lại không tìm đủ ngân khoản cho ông Hưng thực hiện ra báo. H.H. Tường đi vay được một số vốn nên tuần báo mới được dịp ra đời, với cái tên cắt ngắn là *Hòa Đồng*. Tuần báo được nhiều độc giả trí thức ưa chuộng nhưng không sống lâu dài khi làng báo, vào lúc đó đang gặp phải khủng hoảng vì việc đầu cơ giấy.

Sau khi *Hòa Đồng* đình bản, H.H. Tường đã được Chu Tử mời viết trên *Sống*, quyển tiểu thuyết thời đại "*Người Mỹ Ưu Tư.*" Vì sách không được giấy phép in ở Việt Nam nên ông Tường đã đem qua Pháp xuất bản dưới hình thức loại sách quý, viết tay, chỉ dành cho một số thân hữu. Tác giả và các bạn đã có lúc dùng văn bản *Người Mỹ Ưu Tư* là một tác phẩm có tánh cách thời sự quốc tế, để vận động cho Hồ Hữu Tường tham dự giải văn chương Nobel nhưng không có được kết quả.

Sự hợp tác với *Sống* của Chu Tử lại có tác dụng giúp ông Tường, năm 1967, làm dân biểu Hạ Viện. Đây cũng là giai đoạn ông được nhiều nhà báo mở rộng cửa mời ông viết bài như *Tiếng Nói Dân Tộc, Quyết Tiến, Đuốc Nhà Nam, Tin Sáng, Saigòn Mới, Điện Tín* v.v...

*

Vợ chồng tác giả bài nầy đã từng khâm phục ông Hồ Hữu Tường, từ khi biết được ông năm 1951, khi còn là sinh viên ở Pháp. Khi trở về nước, cũng thường được gặp ông, nhất là giai đoạn ông cho ra tuần báo *Hòa Đồng*. Khi ông Tường ra làm dân biểu Quốc hội, ông thường ghé nhà chúng tôi trong cư xá Hải Quân, đường Chu Mạnh Trinh. Lúc đó ông lại bắt đầu mặc áo cà sa màu nâu, cổ mang chuỗi nhà Phật. Gia đình chúng tôi vốn rất phục ông vì tài viết văn: ngồi viết sau một buổi ăn, chỉ độ một giờ là xong một bài cho *Hòa Đồng* chẳng hạn, sửa chữa lại rất ít là có thể đưa đi in. Tiếc tài của ông vì nhiều khi bị dư luận công kích vô lối, chúng tôi thường năn nỉ ông, xin mỗi ngày ông đến với gia đình chúng tôi để ngồi viết hồi ký chánh trị của ông, truyền lại cho hậu thế. Lúc tôi có được dịp tham gia chánh phủ, tôi có cho ông biết, tôi muốn mời ông giữ một chức như công cán ủy viên ở bộ Xã Hội, để ông có lương hằng tháng. Ông sẽ khỏi cần làm một việc gì trong bộ tham mưu, ông chỉ ngồi nhà viết hồi ký.

Ông Tường cười, phô cái hàm răng đặc biệt của ông và nói: "*Tôi có cái tật ngồi yên một chỗ không được, phải luôn luôn tìm cơ hội hoạt động. Anh mới là người phải ngồi viết truyện về thập niên 1940 như tôi đã bảo với anh.*"

Ông muốn nhắc đến việc lần đầu gặp ông ở Paris. Nhân dịp nghỉ lễ Giáng Sinh, tôi từ Bordeaux lên Paris. Tiền túi ít nên trưa thường đi theo các bạn thổ công ở Paris, mua giùm phiếu để được vào "ăn lậu" ở các quán ăn sinh viên. Một hôm ở quán Parc Montsouris, trong khi xếp hàng, thấy một "sinh viên" Á Đông lớn tuổi, miệng có hàm răng cửa rất lớn, đang cười, nói tiếng Việt, nhờ một sinh viên đứng sau, dùng hai tay đấm thùm thụp vào lưng cho đỡ lạnh. Anh bạn đưa tôi đi ăn cho biết: "Ông đó là Hồ Hữu Tường. Hôm nay chắc ổng cũng tìm được thẻ để đi ăn lậu như anh."

Lúc đó, tôi đã biết danh Hồ Hữu Tường, nhưng không được biết là trong thời gian ở Côn Đảo, sau ba năm suy gẫm, ông đã tuyên bố ly khai với chủ nghĩa Các Mác. Tôi đã bắt chuyện với ông trong buổi ăn, thuật những chuyện Cộng sản Đệ tam đã thủ tiêu các nhà ái quốc và nhóm Tranh Đấu thuộc Đệ tứ, khi mở đầu giai đoạn kháng chiến ở Nam Bộ. Ông Tường rất chú ý và rủ tôi ra quán cà phê Dupont để tiếp nối câu chuyện. Khi tôi kể đến việc đấu khẩu giữa Dương Bạch Mai và Phan Văn Hùm, buổi chiều trước đêm Mai ra lịnh thủ tiêu ông Hùm và các chiến sĩ Đệ Tứ, ông Tường đã tỏ ra bị xúc động mạnh. Ông nói với tôi: "Anh có bổn phận phải viết lại giai đoạn này."

Cho đến nay tôi chưa hoàn tất việc viết sách vì không có được cái tài viết nhanh như Hồ Hữu Tường. Ông Tường là người gắn bó với nghề viết báo. Ông là người có nhiều ý kiến đi trước thời cuộc và muốn phổ biến các tư tưởng của ông. Có lẽ vì ông có thêm thiên phú về Toán học, nên ông thường dự tính được nước cờ trước nhiều người khác. Từ khi khởi đầu viết báo bí mật thời thực dân Pháp đến các giai đoạn viết báo công khai, ông lúc nào cũng say mê với các cải tiến kỹ thuật làm báo và tìm cách hướng dẫn việc viết báo trong thời kỳ ở trong xứ chưa có trường dạy về môn này.

Rất tiếc là sau ngày 30 tháng Tư năm 1975, Hồ Hữu Tường đã phải gánh chịu cái oan nghiệp mà đảng Cộng sản Việt Nam đã áp đặt lên đầu dân chúng miền Nam. Ngoài cái cộng nghiệp mà

các giới miền Nam phải đương đầu, H.H. Tường có lẽ còn có cái thêm cái biệt nghiệp: nghiệp làm báo. Tưởng cũng nên kể thêm đến một giai thoại tiếu lâm được Đỗ Thái Nhiên ghi lại, khi bị nhốt ở phòng giam tập thể thuộc trại giam số 4 Phan Đăng Lưu: Một hôm, cả phòng đang giờ nghỉ, Lý Hùng, một người tù Việt gốc Hoa, cất cao tiếng, hỏi Hồ Hữu Tường đang nằm ở cuối phòng:

- Bác Tường ơi ! Thời Tây, thời Ngô Đình Diệm và cả thời nầy nữa, thời nào Bác cũng ở tù. Bác có hiểu tại sao Bác cứ ở tù hoài hoài vậy không?

Hồ Hữu Tường nhìn Lý Hùng vừa cười vừa hỏi dò chừng:

- Mày trả lời giùm tao đi, tại sao ?

Lý Hùng nhanh nhẩu trả lời:

- Dễ quá mà ! Tên Bác là " Hữu Tường" nên Bác phải "hưởng tù" dài dài !

Hồ Hữu Tường, mắt nhìn xa xăm trông thật buồn, nói nhỏ giọng:

- Có thể thằng nầy nói đúng !

Năm 1999, nhà văn đã quá cố, Như Phong Lê Văn Tiến có nhờ tác giả viết bài về Đức Thầy Huỳnh Phú Sổ cho Đài Á Châu Tự Do phát thanh về Việt Nam. Khoảng hai tháng sau, tác giả tình cờ nhận được một thơ gởi từ Việt Nam, nhờ Đài VOA tìm chuyển đến tác giả. Trong các cuộc trao đổi thơ tín về sau, người gởi (tác giả xin miễn đề cập đến tên, nơi sinh sống hiện nay...) cho biết anh là đồ đệ và bạn tù của Hồ Hữu Tường ở trại giam Hàm Tân. H.H. Tường lúc ấy sức khỏe rất suy giảm, đã nhờ anh nếu ra khỏi tù, hãy tìm tác giả để nhắn những chuyện phải làm nếu H.H. Tường qua đời. Vì vậy nên tác giả còn mang nhiều nợ với ông Tường!

Chánh quyền Cộng sản đã bắt H.H. Tường vào năm 1977. Sau bao nhiêu năm bị giam cầm ở Sài Gòn, các bạn tù đều cho biết là sức khỏe H.H. Tường khá tốt. Lúc nào ông cũng ngậm một lát gừng tươi trong miệng. Có thể việc ngậm gừng này là việc áp dụng những bàn cãi giữa ông Tường và tác giả. Tác giả có cho ông Tường biết về việc các đồng nghiệp quân y sĩ Pháp của tác giả đã báo cáo trong một hồ sơ ở Trường Quân Y Hải Quân Bordeaux: những tù binh Pháp bị bắt sau trận Điện Biên Phủ được sống sót trở về, phần đông là những người thích tìm ớt rừng để ăn hoặc hay ăn gừng để chống lạnh và sốt rét. Tác giả và các bạn đồng nghiệp cho rằng các tù nhân đã sống nhờ sinh tố A (màu đỏ của ớt). Ông Tường góp ý là nên thử nghiên cứu kỹ thêm, vì các thức ăn có chất cay, nhất là thảo mộc, ngoài nhiệt năng (énergie calorifique) hiện được đo lường bằng đơn vị calories, có thể còn chứa chấp loại năng lượng về sức sống (énergie vitale) mà khoa học hiện tại chưa tìm được cách thức dò xét? Các bạn tù của ông Tường còn cho biết thêm, là mỗi đêm khuya, ông Tường thường ngồi đánh cờ một mình, tay trái đi cờ đối thủ với tay mặt! Ngoài ra, chắc chắn thế nào ông cũng có viết trong đầu, một "tiểu thuyết ngầm" mà tiếc thay, ông đã đem theo ông, ngày 26 tháng 6 năm 1980, khi ông từ giã để qua một thế giới khác! Bốn năm sau, cuối mùa Đông 1984, tác phẩm cuối cùng của ông, "*41 năm làm báo,* Hồi Ký" được Đông Nam Á xuất bản ở Paris.

Một người đã có nhiều kinh nghiệm, biết thể thức giữ gìn sức khỏe và tinh thần qua bao nhiêu năm tháng trong các lao tù, thế mà chỉ trong vòng hai tháng bị đưa đi giam ở Hàm Tân, lại bị lần lần kiệt sức và chỉ được đưa về để gục chết trước thềm nhà mình (*VIỆT NAM 1920-1945,* Ngô Văn, Chuông Rè-L'Insomniaque, California 2000, trang 436) , là một việc lạ cần được các sử gia điều nghiên trong tương lai.

Tưởng cũng nên ghi lại là đã có một lần, xe chở Hồ Hữu Tường chuyển trại đã bị tai nạn (?) dọc đường và Hồ Hữu Tường đã được đưa trở về Sài gòn chữa trị. Dưới một chế độ nắm toàn quyền lực sinh sát trong tay, với một nghành Công An có nhiều kinh nghiệm học hỏi ở Nga Sô về các kỹ thuật tinh xảo, âm thầm giết người, thì việc thủ tiêu một đối phương đang bị tù, không có gì là khó khăn. Nhưng cũng nên hi vọng là với những cải tiến không ngừng của nền khoa học hiện đại, nhiều âm mưu ám hại, tưởng là bí mật, rồi cũng có ngày bị phát giác.

Texas, đầu Xuân 2003

Sách Tham khảo:

1-Daniel Hémery, *Révolutionnaires vietnamiens et pouvoir colonial en Indochine* , Francois Maspero, Paris Vè, 1975

2- Đỗ Thái Nhiên, *Hồ Hữu Tường: Người Chết U Uẩn,* Tài liệu chép trên Internet, VMAFORUM, 2-18-02

3-Hồ Hữu Tường, *41 Năm Làm Báo, Hồi Ký,* ISBN-2-85881-011-7, Đông Nam Á, Imprimerie Sudestasie, 17 rue Cardinal Lemoine-75005, Paris, 1984.

4-Ngô Văn, *Viêt Nam 1920-1945,* ISBN: 2-908744-14-7, L'Insomniaque, Paris, juillet 1995.

5-Ngô Văn, *VIỆT NAM 1920-1945,* ISBN: 2-908744-40-06, Chuông Rè-L'Insomniaque, California, USA, 2000.

TRÒ CHUYỆN VỚI BÀ HỒ HUỆ TÂM

THẾ KỶ 21 *thực hiện*

Trong lúc chuẩn bị thực hiện số đặc biệt về nhà văn Hồ Hữu Tường, chúng tôi được biết một người con gái của ông hiện đang sinh sống ở Hoa Kỳ, đó là bà Hồ Huệ Tâm ở Boston. Chúng tôi bèn liên lạc với bà để xin một cuộc phỏng vấn. Bà vui vẻ nhận lời ngay. Tuy nhiên, bà cho biết dù là con, nhưng vì không sống với thân phụ lâu nên có nhiều điều bà không nắm vững lắm, biết gì bà nói nấy. Và bà xem như đó như là một cuộc trò chuyện chứ không phải là phỏng vấn.

Chúng tôi đến thăm bà tại khu đại học Cambridge vào một buổi tối đầu năm 2003. Trong một căn phòng ấm cúng, bà mời chúng tôi uống trà và trò chuyện bên cạnh mấy chục tác phẩm của thân phụ mà bà còn lưu giữ được. Xin ghi lại buổi trò chuyện như sau:

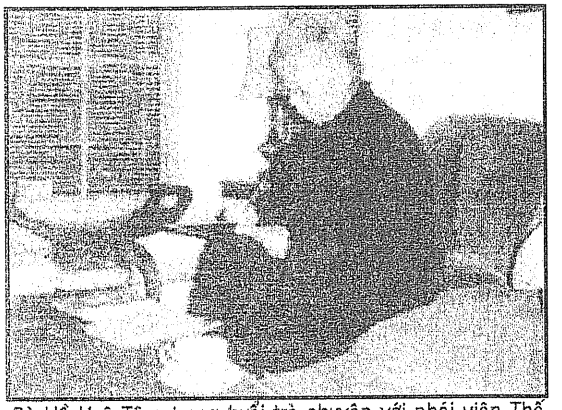

Bà Hồ Huệ Tâm trong buổi trò chuyện với phái viên Thế Kỷ 21 tại tư gia.

Thế Kỷ 21(TK21): Chào chị Tâm.

Bà Hồ Huệ Tâm (HHT): Chào các anh.

TK21: Chị hiện đang dạy tại đại học Harvard...

HHT: Phải. Tôi dạy lịch sử Việt Nam ở Harvard từ năm 1980.

TK21: Chị đi du học từ năm nào?

HHT: Tôi du học từ năm 1966.

TK21: Và học về ngành gì vậy thưa chị?

HHT: Ban đầu tôi tòng học ở đại học Brandeis, và chuyên về ngành chính trị học. Sau khi lấy xong bằng B.A, tôi chuyển qua đại học Harvard. Tôi lấy bằng M.A về "Regional Studies-East Asia" vào năm 1972, và Ph.D. về "History and East Asian Languages" vào năm 1977.

TK21: Gia đình có bao nhiêu anh chị em? Chị là con thứ mấy?

HHT: Cha mẹ tôi có chín người con. Tôi là thứ tám, đếm theo lối người Nam.

TK21: Thời gian ông cụ bị chế độ Ngô Đình Diệm kết án tử hình, chắc chị còn nhỏ. Chị có còn nhớ gì về thời gian đó không?

HHT: Lúc ông cụ bị bắt thì tôi đang ở bên Pháp. Trong khi ông cụ còn ở khám Chí Hòa, bà cụ đem các đứa nhỏ về Việt Nam, trong số đó có tôi. Lúc đầu bà cụ giải thích là ông cụ đau. Trong khi ông cụ còn ở khám Chí Hoà thì tôi có đi thăm một vài lần, nhưng lúc đó còn nhỏ, mà chưa biết tiếng Việt, cho nên không hiểu chỗ đó là nhà tù, mà cũng không hiểu tại sao ông cụ lại ở đó. Mãi về sau tôi mới biết là ông cụ bị tù và bị kết án tử hình.

TK21: Vậy là lúc đó ông cụ về Sài Gòn có một mình thôi. Ông cụ đem gia đình sang Pháp vào lúc nào chị?

HHH: Đâu khoảng sau năm 1950. Hồi đó tôi còn nhỏ nên không nhớ rõ lắm.

TK21: Chị có biết vì sao ông cụ lại đưa gia đình sang Pháp không?

HHT: Theo tôi nghe kể lại thì hồi đó, trước sự kiện thế giới chia thành hai khối thù nghịch nhau, ông cụ tiên đoán rằng trước sau gì có lẽ Việt Nam cũng sẽ chịu ảnh hưởng của hai khối mà chia rẽ. Ông sang Pháp để vận động quốc tế cho một nước Việt Nam trung lập, không nằm trong ảnh hưởng của một khối nào.

TK21: Vậy sao ông cụ lại quyết định về vào thời điểm lúc ông Diệm về nước?

HHT: Nói là sang Pháp chứ thực ra ông cụ tôi qua qua về về nhiều lần. Lần cuối cùng là vào năm 1955 thì dính vào vụ biến động Bình Xuyên nên bị ông Diệm bắt.

TK21: Đời sống gia đình chị lúc đó thế nào?

HHT: Khi ông cụ ở Côn Sơn thì bà cụ một mình phải nuôi các đứa con và lại cả mẹ già và phụ nuôi bà mẹ chồng. May mắn là bà cụ được người mến mộ ông giúp đỡ ít nhiều. Ông cụ ra tù vào cuối năm 1963, sau khi chế độ Ngô Đình Diệm đổ. Vì thế thời gian tôi sống với ông cụ chỉ được có ba năm mà thôi.

TK21: Thế à! Nhưng chị vẫn lưu ý đến các hoạt động của ông cụ chứ, chị. Chị có thể cho biết thời gian đó ông cụ hoạt động như thế nào?

HHT: Trong lúc tôi còn ở nhà với cha mẹ, ông cụ lo in sách báo. Ông cụ cho ra một số sách ông cụ viết khi còn ở tù, và cho ra tạp chí Hòa Đồng. Ông cụ cũng cộng tác với Viện Đại Học Vạn Hạnh.

TK21: Xu hướng chính trị của ông cụ lúc đó thế

nào?

HHT: Nói thực ra, lúc đó thì tôi còn nhỏ mà cũng không lo đến chính trị cho nên không để ý đến xu hướng chính trị của ông cụ. Tôi có cảm tưởng là ông cụ đang từ từ suy xét tình hình, vì dù sao ông cụ ở tù cả chín năm trời. Trong thời gian đó, tình hình trong nước và ngoài nước đã thay đổi rất nhiều.

TK21: Trong thời gian chị du học, chị có thường về thăm nhà không? Ông cụ bà cụ có sang Mỹ thăm chị không?

HHT: Trong khi du học, tôi không có dịp về thăm nhà vì thiếu phương tiện tài chánh. Nhưng năm 1970, khi tôi lấy chồng thì ông cụ và bà cụ có đến thăm trong một thời gian ngắn.

TK21: Vào thời gian tháng 4/1975, chị đang ở đâu?

HHT: Lúc đó tôi vừa mới đến Anh Quốc.

TK21: Chị có theo dõi tình hình không?

HHT: Tôi có theo dõi tình hình và rất lo lắng cho gia đình.

TK21: Ông cụ chắc biết rõ tình hình. Sao ông không tìm cách thoát đi?

HHT: Ông cụ bà cụ đều cho rằng cả đời họ đã hy sinh cho tổ quốc, và họ muốn sống chết ở Việt Nam. Vì thế, dù là anh tôi làm việc cho Air Viet Nam và có phương tiện đưa ông cụ và bà cụ đi, nhưng họ không muốn đi.

TK21: Thời gian ông cụ bị bắt đi cải tạo, chị có nhận được tin tức đều đặn về gia đình và ông cụ không?

HHT: Ông cụ bị bắt vào cuối năm 1978. Trước bị giam ở Chí Hòa, sau đi cải tạo ở Hàm Tân. Trong lúc đó tôi vẫn còn sống ở Anh Quốc. Lúc đó, thơ từ đến bất thường. Cả mấy tháng mới được một lá thư và thường thường mẹ tôi viết rất ngắn

TK21: Vậy là mãi đến cuối 1978 ông cụ mới bị bắt đi cải tạo à?

HHT: Vâng. Nghe nói lúc đó, ông cụ đang vận động đòi hỏi nhân quyền gì đó, nên bị bắt.

TK21: Ông cụ mất vào năm nào? Và vì sao?

HHT: Ông cụ tôi mất vào cuối tháng 6 năm 1980. Theo bà cụ viết từ mấy tháng trước, ông cụ đau vì thiếu ăn. Ông cụ bị phù thủng và sanh ghẻ lở cùng thân thể. Khi bịnh tình nguy kịch, các nhà chức trách trong trại mới đem vào bệnh viện Hàm Tân. Đến lúc ông cụ sắp mất thì mới cho phép mẹ tôi đem về Sài Gòn. Theo lời bà cụ viết, khi xe chở ông cụ về Sài Gòn đến trước cửa nhà là ông cụ từ trần.

TK21: Sau đó bà cụ vẫn ở Sài Gòn?

HHT: Vâng.

TK21: Bà cụ còn sống không không thưa chị?

HHT: Bà mất rồi anh ạ. Mất năm 1986 ở Sài Gòn. Bà bị ung thư.

TK21: Còn mấy anh em của chị hiện giờ thế nào?

HHT: Tính cả tôi nữa thì còn bốn người, nếu không kể mấy người con của bà hai.

TK21: À, vậy là ông cụ còn có bà hai à?

HHT: Anh ngạc nhiên à?

TK21: Vâng...vâng...cũng có hơi ngạc nhiên.

HHT: Nghe nói ông cụ quen bà hai đâu từ hồi 1945 ở Hà Nội. Bà là bà Phạm Kim Chi đó anh.

TK21: Bà Phạm Kim Chi?

HHT: Vâng. Bà ấy là em, tôi không rõ là em họ hay em ruột, của bác sĩ Phạm Ngọc Khuê ở Hà Nội.

TK21: Bà còn sống chứ chị?

HHT: Vâng. Hiện bà đang ở Pháp với ba người con.

TK21: Ra thế. Vậy là chị còn đến bảy anh chị em.

HHT: Vâng.

TK21: Có ai còn ở lại Việt Nam không chị?

HHT: Tôi còn một cô em gái hiện sống ở Sài Gòn.

TK21: Chị có đọc hết tất cả các tác phẩm của ông cụ viết không? Và nếu có đọc thì chị có theo dõi tư tưởng và những chuyển biến tư tưởng của ông cụ từ lúc con thanh niên cho đến thời điểm trước 1975 như thế nào không?

HHT: Thú thật, tôi không đọc hết tất cả các tác phẩm của ông cụ.

TK21: Theo như ông cụ viết, ông cụ đã dứt khoát từ bỏ chủ nghĩa Cộng Sản từ năm 1939. Chị có ý kiến gì về việc này?

HHT: Ông cụ từ bỏ chủ nghĩa Marx vì ông phản đối Moscow và cách đối xử của Stalin đối với đảng phái vô chính phủ Tây Ban Nha. Nhưng theo tôi nghĩ, ông cụ đã từ lâu không những theo chủ nghĩa Marx mà còn thấm nhuần ý thức hệ Bửu Sơn Kỳ Hương. Và theo ý tôi, ông cụ tìm cách dung hòa hai luồng tư tưởng đó.

TK21: Hiện chị và gia đình có lưu giữ được tất cả những tác phẩm của ông cụ viết từ trước đến nay không?

HHT: Tôi có một số sách khá lớn, nhưng không đầy đủ.

TK21: Chị có dự tính làm một công việc gì để gìn giữ, bảo tồn sự nghiệp văn hóa và chính trị của ông cụ không? Như sưu tập tất cả những gì ông viết và in lại một "Hồ Hữu Tường toàn tập" chẳng hạn?

HHT: Tôi thiết nghĩ việc bảo tồn sự nghiệp văn hóa của ông cụ thì nên để cho các thư viện làm.

TK21: Chị đánh giá sự nghiệp và cuộc đời ông cụ như thế nào? Về phương diện văn hóa, chính trị, cuộc sống?

HHT: Làm con, tôi không dám hỗn hào mà đánh giá ông cụ.

TK21: Xin cám ơn chị.

HHT: Không dám. Cám ơn các anh./.

VỀ MỘT KIỆT TÁC CỦA HỒ HỮU TƯỜNG*

THIỆN HỶ

Thuở nhỏ, song song với những cuốn sách khác, tôi đọc sách của Hồ Hữu Tường. Cuốn đầu tiên, *Phi Lạc Sang Tàu* in tại Pháp, bìa nhiều màu, được tôi đọc đi đọc lại vài lần: tôi thích nghe anh chàng Phi Lạc "nói dóc" và cũng vì phần mở đầu rất hấp dẫn đối với tôi. Trong chương đầu, một người nào đó do theo sấm ký đi tìm "thánh nhơn" khởi từ Cầu Bông qua Lăng Ông Bà Chiểu, mà nhà tôi ở Đakao, gần Cầu Bông, thật là một điều trùng hợp lý thú. Tôi rất ao ước được gặp anh chàng Phi Lạc bằng xương bằng thịt luẩn quẩn ở Đakao, Tân Định (1). Những cuốn sau đó gồm những chuyện ngụ ngôn, truyện Ngày Xuân: Con Ve và Con Kiến (2), sự tích con chim trích, sự tích bánh chưng bánh dày, ăn quả trả vàng, người anh tham lam, cũng được in tại Pháp, nhà xuất bản Kim Khánh vào khoảng năm 1950, mỗi trang đều có hình vẽ rất đẹp. Có người nói với tôi rằng những truyện ngụ ngôn và cổ tích nói trên do Hồ Hữu Tường kể nhưng ông không ký tên. Rồi đến hai cuốn sách mỏng: *Nối Lòng Thằng Hiệp, Muốn Hiểu Chính Trị*, hai cuốn tiểu thuyết: *Thu Hương, Chị Tập* trong bộ "Gái nước Nam làm gì?"

Vào khoảng 1952 tôi đọc những bài của Hồ Hữu Tường trên báo *Mới* xuất bản tại Sài Gòn, chủ nhiệm: Phạm Văn Tươi và đồng thời tôi đọc tập san *Cảo Thơm* do Hồ Hữu Tường làm chủ nhiệm, xuất bản tại Paris. Tập san Cảo Thơm đăng tiểu sử và công trình của nhà bác học Bửu Hội, Nguyễn Đạt Xường, nhà văn Phạm Duy Khiêm, Triều Sơn... (3). Năm 1953, tôi đọc hai cuốn có tính cách nghiên cứu của Hồ Hữu Tường: *Kinh Tế Học, Xã Hội Học Nhập Môn* (4). Cũng trong năm 1953 tôi đọc hai tờ nguyệt san *Pacific* (xuất bản từ năm 1952) do Hồ Hữu Tường làm chủ nhiệm, xuất bản tại Paris, in nhiều màu, nhiều hình ảnh đẹp. Những cây viết trên báo đó ký những tên lạ hoắc. Họ viết về đất nước của họ. Họ không khoe vẻ đẹp của quốc gia họ, chỉ đề cập đến những vấn đề gai góc, hóc búa mà dân tộc của họ đang gặp phải. Tôi có cảm giác như tôi đang quan sát năm, bảy cái mụt nhọt, không có mụt nào chịu nung mủ, mà tôi không có tài mổ một mụt nào cả. Vài tháng sau tôi quên hết những vấn đề thời sự lẩm cẩm của đầu thập niên năm mươi trên *Pacific*, vì những vấn đề ấy không liên quan gì đến non sông đất nước của mình, vì đâu phải "chuyện ông chuyện cha" gì của mình mà mình phải lý tới cho mệt tim mệt óc. Nhưng tờ *Pacific* để lại trong tôi một ấn tượng tốt đẹp: kể từ ngày có chủ nghĩa thực dân, vấn đề Việt Nam không bao giờ được giải quyết cách riêng rẽ, vấn đề Việt Nam nằm trong toàn bộ Đông Dương, liên quan mật thiết với vấn đề của những quốc gia Thái Bình Dương. Đầu óc của Hồ Hữu Tường khi cho ra đời nguyệt san *Pacific* là đầu óc của con chim đại bàng, còn đầu óc của tôi lúc bấy giờ là đầu óc của con chim sẻ. Hai khối Nga, Mỹ trong tương lai sẽ cùng nhau lo cho tất cả những quốc gia Thái Bình Dương trong thế "cộng tồn," do đó nước Việt Nam sẽ là một nước trung lập.

Pacific ra được tám số thì dẹp tiệm vì Hồ Hữu Tường, năm 1954, khăn gói từ Paris trở về Việt Nam. Từ 1952 cho đến nay, trải qua hơn 40 năm, chưa có người Việt Nam nào tiếp tục công trình *Pacific* của ông.

Đầu năm 1954 tôi đọc tuần báo *Phương Đông*, rồi nhựt báo *Phương Đông* (không đọc liên tục vì không đủ tiền mua báo mỗi ngày) do Hồ Hữu Tường làm chủ nhiệm để lắng nghe ông trình bày chủ trương "trung lập chế." Cũng vào đầu năm 1954 tình cờ tôi đọc "*La seule bonne voie*" của Hồ Hữu Tường. Bài viết này dày khoảng mười trang giấy, cỡ giấy đánh máy, giấy quý, in đẹp, không phải một cuốn sách, cũng không phải một bài báo, không đề giá bán, tôi gọi nó là một thứ truyền đơn. "La seule bonne voie" (Con đường tốt đẹp duy nhất) là bản tuyên ngôn về "trung lập chế" của Hồ Hữu Tường. Trong phần mở đầu ông cực lực phản đối việc chia đôi đất nước, yêu cầu cựu Thủ tướng Bửu Lộc hoặc cựu hoàng Bảo Đại không ký tên vào Hiệp định Genève. Phần sau

Hồ Hữu Tường đề nghị một giải pháp cho nước Việt Nam mà Hồ Hữu Tường gọi là "con đường tốt đẹp duy nhất": Trung lập chế. Bản tuyên ngôn này với lời lẽ nghiêm túc, đoan chính khác hẳn với những câu nói bông đùa, trào lộng của thằng mõ làng Cổ Nhuế khi nói chuyện "đánh cuội" với phái Hồng Môn.

Năm 1965 tôi đọc tuần báo *Hòa Đồng* do ông chủ trương cũng để nghe lại lập trường trung lập chế của ông. Vài năm sau báo *Hòa Đồng* chết ngủm vì lý do thời cuộc, báo không chuyên chở đến được miền Trung. Tôi lại theo dõi bài viết của ông trên nhựt báo *Ánh Sáng* do Hoàng Hồ làm chủ nhiệm. Trên báo này ông hô hào chủ thuyết "siêu lập chế" hoặc "liên hiệp quốc hóa" hoặc "quốc tế hóa" nước Việt Nam. Năm 1967, trong hồi ký "*41 Năm Làm Báo*," Hồ Hữu Tường viết: "Mà nếu trào lưu lịch sử khiến cho nước Việt Nam chảy xuôi theo dòng trung lập, ấy là thuận lòng trời, đẹp ý người" (5). Rồi đến *Phi Lạc Bỡn Nga, Phi Lạc Náo Hoa Kỳ, Tiểu Phi Lạc Náo Sài Gòn* (được đăng rải rác trên các nhựt báo xuất bản tại Sài Gòn), *Thằng Thuộc Con Nhà Nông, Trầm Tư Của Một Người Tội Tử Hình*...

Tại Mỹ, năm 1992, tôi đọc lại hồi ký "41 Năm Làm Báo." Nói tóm lại, tôi đọc gần hết tác phẩm của Hồ Hữu Tường, từ những quyển tiểu thuyết (6), những cuốn khảo luận cho đến những bài viết trên nhựt báo, tuần báo, bán nguyệt san, nguyệt san... Cuốn tiểu thuyết cuối cùng của Hồ Hữu Tường là cuốn *Người Mỹ Ưu Tư*, phổ biến hạn chế, in tại Pháp vào cuối thập niên 60, tôi chưa được hân hạnh thưởng thức.

Trong số những tác phẩm của Hồ Hữu Tường có một cuốn tôi cho là sáng giá nhất, giá trị đáng được lưu lại mãi mãi đến ngàn sau: *Tương Lai Văn Hóa Việt Nam* in tại Hà Nội, năm 1946. Cuốn sách này rất mỏng, đồ chừng ba mươi trang giấy in, khổ nhỏ, mỏng như cuốn *Muốn Hiểu Chính Trị* và *Nỗi Lòng Thằng Hiệp*. Cuốn sách ấy chứa đựng những lời tâm huyết của Hồ Hữu Tường về văn hóa Việt Nam và nhất là về tương lai văn hóa Việt Nam. Trong *Tương Lai Văn Hóa Việt Nam*, Hồ Hữu Tường bảo rằng ông đã thấy được văn hóa Việt Nam là một kho tàng hết sức quý báu, một kho tàng tỏa đầy ánh sáng rực rỡ không những trong tương lai nó sẽ chói lọi khắp miền Đông Nam Á Châu mà còn sáng rực trên khắp thế giới (7). Ông nói rằng ông đã khám phá được cái kho tàng văn hóa Việt Nam giống như một người đã ôm được một rương vàng bạc, ngọc ngà, trân châu, xà cừ, mã não... ông muốn la thật to, muốn hét thật lớn cho mọi người đều biết chứ ông không muốn ôm trọn kho tàng ấy làm của riêng. Nhưng rồi ông cho rằng có thể có nhiều người không tin. Nhưng riêng ông, ông tin lắm vì ông đã từng khám phá cái kho tàng ấy. Đặc biệt trong cuốn *Tương Lai Văn Hóa Việt Nam*, Hồ Hữu Tường không định nghĩa hai chữ văn hóa. Không cần phải hiểu văn là gì, hóa là gì, culture là gì, Kultur là gì. Cũng không cần phải tìm hiểu nhà văn này định nghĩa văn hóa ra sao, triết gia kia định nghĩa văn hóa như thế nào. Cũng không cần tìm hiểu văn hóa khác văn minh ra sao. Ông không hề so sánh văn hóa giữa nước này với nước họ, văn minh giữa nước nọ với nước kia. Hồ Hữu Tường rất mực có lý vì theo tôi định nghĩa một từ chuyên môn chỉ gây cho độc giả thêm nhức đầu, rối rắm, không bổ ích gì. Văn hóa đã là như vậy rồi, khi đề cập đến văn hóa trong trí mỗi người đã có sẵn ý niệm sơ khởi, căn bản, nền tảng về văn hóa thì cần chi phải định cho nó một nghĩa nữa (8).

Trở lại ý chính của cuốn *Tương Lai Văn Hóa Việt Nam*: Hồ Hữu Tường nói rằng dân tộc Việt Nam đã có một nền văn hóa lâu đời, và nền văn hóa Việt Nam là một kho tàng trong tương lai sẽ là một ngọn đuốc sáng rực cả thế giới. Thấy được kho tàng ấy ông hết sức vui mừng, ông muốn reo hò, nhảy múa, muốn la hét cho mọi người đều biết sự khám phá quí báu ấy của ông. Ông kỳ vọng trong tương lai con cháu của chúng ta sẽ làm cho nó rạng rỡ khắp năm châu.

Với bút pháp cực kỳ đơn giản, ngắn, gọn, với giọng văn hết sức bình dị, chân thành, lôi cuốn, Hồ Hữu Tường muốn cho mọi người cùng cảm nhận như ông, đều nhận chân giá trị cao quý của nền văn hóa Việt Nam. Rất tiếc, hiện nay tôi không có cuốn *Tương Lai Văn Hóa Việt Nam* của Hồ Hữu Tường trong tay để trích dẫn vài đoạn văn chính yếu (10).

Một ưu điểm nữa của cuốn *Tương Lai Văn Hóa Việt Nam* là Hồ Hữu Tường không hề nói rõ một số hay tất cả chi tiết về nền văn hóa Việt Nam. Việc khai triển, phát huy ấy dành cho thế hệ tương lai. Mỗi người thò tay vào rương vàng đều có thể đem ra một thỏi vàng, một viên ngọc...

Như trên đã nói, cuốn *Tương Lai Văn Hóa Việt Nam* của Hồ Hữu Tường ra đời năm 1946. Mười mấy năm sau, 1967, trên tuần báo *Hòa Đồng* Hồ Hữu Tường minh chứng một cách mạnh mẽ rằng truyện cổ tích "Cô Bé Lọ Lem," Cendrillon của Pháp, Cinderella của Anh, của Mỹ là do truyện

cổ tích "Tấm Cám" của Việt Nam mà ra. Truyện Tấm Cám được người Tàu diễn ra bằng chữ Tàu rồi sau đó được người Âu Châu diễn lại thành truyện "Cô Bé Lọ Lem" và ngày nay nhiều nước có truyện cổ tích ấy. Minh chứng rằng truyện cổ tích Tấm Cám là nguồn gốc cổ tích Cô Bé Lọ Lem chủ đích của Hồ Hữu Tường muốn hé lộ cho chúng ta thấy một chút xíu ánh sáng lấp lánh từ cái rương vàng văn hóa Việt Nam. Rương vàng văn hóa Việt Nam đã từng bị khối văn hóa Tàu che lấp, đè bẹp muốn nghẹt thở. Trong cuốn *Phi Lạc Sang Tàu*, mượn lời trào lộng của Phi Lạc, Hồ Hữu Tường "chửi cha" văn hóa Hán tộc đồng thời cực lực đề cao văn hóa Việt Nam. Hồ Hữu Tường chê từ kinh điển Tứ Thư, Ngũ Kinh cho đến y, lý, số, tướng... Những thứ này tiêm nhiễm vào đầu óc người Việt Nam quá lâu khiến cho bọn hủ nho cứ nhai đi nhai lại cái bã của văn hóa Hán tộc. Lúc nào mở miệng ra cứ thuộc lòng Khổng Tử "viết," Mạnh Tử "viết," Tử "viết" mà tại sao không phải là một người Việt Nam nào đó "viết"?

Trong *Phi Lạc Sang Tàu* chúng ta thấy Nguyễn Bỉnh Khiêm "viết," La Sơn Phu Tử "viết," đức Phật Thầy Tây An "viết" chứ không còn những triết gia Trung Hoa "viết" nữa. Hồ Hữu Tường rất giận và rất ghét văn hóa ngoại lai Hán tộc cho nên ông trói gô tất cả triết gia Trung Hoa vào một bó và gọi là "ông ba Tàu" (11). Phải đến lúc không còn ông ba Tàu nào "viết" nữa mà là người Việt Nam "viết" cho dẫu là những gì "viết" đó nằm trong ca dao, tục ngữ, truyện tiếu lâm, hoặc nơi cửa miệng của nhân vật tưởng tượng Cống Quỳnh. Tất cả đều "rặc ròi" Việt Nam không pha lẫn một chút chữ Tàu. Nguyễn Mạnh Côn trách cứ Hồ Hữu Tường rêu rao sấm ký mê tín dị doan của Bửu Sơn Kỳ Hương. Thật không phải vậy, ngàn lần không phải vậy. Nguyễn Mạnh Côn không phải là tri kỷ của Hồ Hữu Tường. Trong *Phi Lạc Sang Tàu* chúng ta thấy tất cả nền văn hóa Hán tộc đều sụp đổ cách thê thảm dưới gót chân của Phi Lạc, thằng mõ làng Cổ Nhuế, làm nghề gánh phân, một tên hạng bét của nước Việt Nam. Đọc truyện Cống Quỳnh, *Phi Lạc Sang Tàu* tôi cảm thấy sảng khoái vì được giải tỏa mặc cảm tự ti của người dân Việt bị Tàu cai trị quá lâu.

Cho nên dù Hồ Hữu Tường hoạt động trong lãnh vực nào ông cũng dùng "tinh thần dân tộc" làm nền tảng. Năm 1948 ông tuyên bố: "Vấn đề lớn nhứt là đường lối dân tộc" (12). Đến năm 1954, nước Việt Nam sắp sửa bị chia đôi ông cũng thốt ra một câu nghe rất xót xa và cảm động - xót xa vì có những kẻ đi ngược lại đường lối dân tộc, cảm động vì câu nói của ông rất mực bộc trực, chân thành và khẩn thiết - "Mà không ai thương tình cho rằng mình đi đường lối dân tộc" (13). Đường lối dân tộc chính là kim chỉ nam do Hồ Hữu Tường hoạt động trong lãnh vực chính trị lẫn văn hóa. Đường lối dân tộc, tinh thần dân tộc cuộn tròn trong di sản văn hóa dân tộc Việt Nam sẽ mãi mãi tồn tại, không có áp lực nào, không có kẻ thù nào cũng không có chủ thuyết ngoại lai nào tiêu diệt nổi.

Đầu thập niên bảy mươi, Hồ Hữu Tường ra tận quận Bình Khê, Qui Nhơn để, với uy tín sẵn có của ông, mời toàn ban "Nhạc Võ Tây Sơn" vào trình diễn tại Sài Gòn. Buổi trình diễn "Nhạc Võ Tây Sơn" được trình chiếu lại trên đài truyền hình Việt Nam để tất cả khán giả Việt Nam thưởng thức. Để thực hiện công trình văn hóa này dĩ nhiên Hồ Hữu Tường phải tốn khá nhiều thì giờ, khá nhiều công của. Ban "Nhạc Võ Tây Sơn" gồm từ mười lăm đến hai mươi tay trống, mặc quần áo võ thuật, đứng theo đội hình phức tạp, mỗi người đứng sau chiếc trống với chiếc dùi nhỏ. Trống có nhiều cỡ lớn nhỏ khác nhau. Ngoài trống ra không có một nhạc cụ nào khác. Tất cả tiếng trống nổi lên tạo thành một hòa tấu khúc. Người đánh trống vừa đánh vừa ra một ít điệu bộ giống như múa nhưng nghiêng về võ. Bản nhạc được trình diễn thuộc loại "tiếng trống thúc quân." Đó là tiếng trống lịnh: khi nghe điệu trống này đoàn quân tiến về phía trái, khi nghe điệu trống kia đoàn quân tiến về phía phải, khi nghe điệu trống khác tiến lên hoặc dừng lại. Tôi không thể nào dùng văn tự để diễn tả chu đáo nhạc, càng không thể nào diễn tả rõ ràng võ trong "Nhạc Võ Tây Sơn." Nếu tôi cố gắng e rằng tôi làm hư mất thực chất của Nhạc Võ Tây Sơn. Sau bản nhạc "trống thúc quân" một anh chàng ra sân khấu biểu diễn quyền Tây Sơn, sau đó một cô gái múa roi Bình Định theo điệu trống. Ngày nay chúng ta thưởng thức Nhạc Võ Tây Sơn trên sân khấu, nhưng vào thời Hoàng đế Quang Trung, mỗi người đều phải học Nhạc Võ Tây Sơn để khi lâm trận biết nghe theo trống lệnh.

Đầu thập niên 1990 trong kỳ Đại Hội Văn Hóa Quốc Tế tổ chức tại Houston, Texas (14) ban tổ chức đã mời được ban nhạc Võ Nhựt Bổn trình diễn. Những tay trống trong ban nhạc gồm toàn những cô gái trẻ măng mặc đồng phục tuyệt đẹp cũng đứng thành đội hình phức tạp, cũng mỗi

người sử dụng một trống lớn nhỏ khác nhau, cũng vừa đánh trống vừa ra ít điệu bộ như vũ nhưng nghiêng về võ, nội dung bản nhạc cũng như "trống thúc quân." Thi sĩ Huy Lực và tôi lấy làm ngạc nhiên vì Nhạc võ Nhựt Bổn tương tự như Nhạc Võ Tây Sơn. Tôi giả thuyết rằng khi xâm lăng Việt Nam trong đệ nhị thế chiến, người Nhựt đã học lấy Nhạc Võ ấy rồi đem về Nhựt thành lập ban Nhạc Võ Nhựt lưu truyền cho đến ngày nay. Tôi lặp lại trên đây chỉ là giả thuyết. Nếu giả thuyết ấy đúng chúng ta ghi thêm điểm son cho nền văn hóa Việt Nam, nếu giả thuyết ấy sai độc giả cứ xem như những lời bâng quơ của thằng mõ làng Cổ Nhuế!

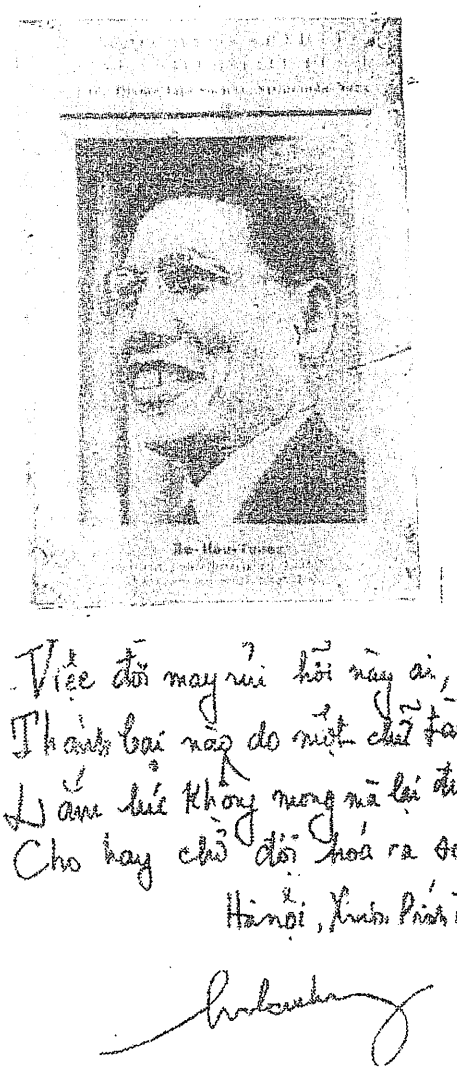

Chẳng những giả sử vào thế kỷ XX Nhạc Võ Tây Sơn được truyền vào nước Nhựt mà thuở xa xưa cách nay một ngàn hai trăm năm nhạc vũ được truyền vào nước Nhựt do Thiền sư Phật Triệt. Thiền sư Thích Mãn Giác viết: "Theo học giả Hajime Nakamura, Vũ Nhạc Triều Đình Nhựt Bổn (tên Nhựt là Bungaku hoặc Gagaku) đã được du nhập vào Nhựt Bổn cách đây một ngàn hai trăm năm do một Thiền sư Việt Nam, tên là Phật Triệt. Đó thực là một kỳ quan của nhân loại (one of wonders of the world). Người Nhựt đã hãnh diện chí lý về nghệ thuật này mà họ đã gìn giữ được qua bao nhiêu thế kỷ (cf. Hajime Nakamura, Contribution of Eastern Thought and Buddhism to world culture, Vạn Hạnh Bulletin, Vol. V, Number 2, June, 1973, trang 157). Theo học giả Nhựt Kyòshò Hayashima thì Thiền sư Phật Triệt đã dạy nhạc Việt Nam ở Học Nhạc Viện Hoàng Gia Nhựt, vũ nhạc tên là Rinyù-hachiraku, và Thiền sư Phật Triệt dạy chữ Phạn cho Tăng sĩ Nhựt" (cf. Encyclopedia of Buddhism, Vol. III, 1992). (Thiền sư Thích Mãn Giác, Kinh Pháp Bảo Đàn, Trung Tâm Văn Hóa Phật Giáo Việt Nam xuất bản, 1990, trang 98).

Tôi đã đọc một ít sách về Hoàng đế Quang Trung. Những cuốn sách sau đây không nhắc đến Nhạc Võ Tây Sơn: *Quang Trung Nguyễn Huệ* của Hoa Bằng (15), *Hoàng Lê Nhất Thống Chí*, Ngô Tất Tố dịch (16), *Nguyễn Huệ, Giấc Mộng Lớn Chưa Thành* của Nguyễn Ngu Í (17), *Nguyễn Huệ* của Huy Lực (18), *Nước Non Bình Định* của Quách Tấn (19), *Một Vài Sử Liệu Về Bắc Bình Vương Nguyễn Huệ* gồm những bài viết của Tạ Quang Phát, Tạ Chí Đại Trường, Nguyễn Nhã, Hoàng Xuân Hãn, Lý Văn Hùng, Đặng Phương Nghi (20), *Việt Nam Sử Lược* của Trần Trọng Kim (21). Trong cuốn *Một Vài Sử Liệu Về Bắc Bình Vương Nguyễn Huệ* những giáo sĩ người Pháp, người Tây Ban Nha: Lavoué, Diego de Jumilla, Girard, Labarette, Le Roy, Le Labousse, Barixzy... sống vào thời Tây Sơn, viết những điều tai nghe mắt thấy dưới triều đại Tây Sơn từ chính trị, quân sự, thuế khóa, thương mại, tiểu công nghệ, tập quán, cách ăn mặc, cách giải trí, các tuồng hát nhưng tuyệt nhiên không hề nhắc đến Nhạc Võ Tây Sơn, chỉ có Đào Đặng Quý trong cuốn *Nhân Vật Bình Định* (22) nhắc một cách sơ lược về Nhạc Võ Tây Sơn. "Nhạc Võ Tây Sơn," một trong những thành tựu văn hóa quý báu, thuần túy Việt Nam. Nếu như trong tương lai nó có cùng số phận với hát bài chòi, hát bội là một điều hết sức đáng tiếc.

Cho rằng truyện cổ tích Tấm Cám là nguồn cội của những truyện Cô Bé Lọ Lem trên toàn thế giới, mời toàn ban Nhạc Võ Tây Sơn từ Bình Khê, Bình Định trình diễn tại Sài Gòn, Hồ Hữu Tường đã hé lộ cho chúng ta một vài tia sáng lấp lánh thoát ra từ rương vàng Văn Hóa Việt Nam. Còn nhiều nữa, nhiều nữa, những dữ kiện văn hóa Việt Nam mà Hồ Hữu Tường đã ủy thác lại cho thế hệ mai sau đào xới, khai triển, phát huy và phổ biến. Nhưng làm thế nào để mà đào xới, phát huy văn hóa Việt Nam? Đây là câu trả lời: Chúng ta phải nhìn lại cái quá khứ quý báu 4000 năm văn hiến để mà tiến tới. Đó là nguyên tắc mà Phạm Công Thiện đã nêu ra: "Tại sao nhìn lại? Càng nhìn lại đằng sau thì càng nhìn thấy đằng trước. Những gì đã xảy ra trong quá khứ là sức mạnh khủng khiếp xô đẩy mình phóng tới đằng trước tương lai rất rõ ràng dứt khoát. Tất cả tương lai đều nằm ở đằng sau lưng mình; tất cả mấy ngàn năm lịch sử Việt Nam đã là tương lai..." (23). Niềm tin mãnh liệt của Hồ Hữu Tường: Văn hóa Việt Nam sẽ chói lọi trên toàn thế giới trong tương lai, cái tương lai như được mang cõng trên lưng, trên vai quá khứ.

Nhân đây tưởng cũng nên nhắc lại ý kiến của Hồ Hữu Tường về công tác hay sinh hoạt văn hóa. Hồ Hữu Tường cho rằng làm văn hóa không phải dễ. Ông nói: "... tôi mới thấy rằng làm văn hóa cực kỳ khó... (24) vì "muốn làm văn hóa phải có khả năng văn hóa (25). Đã có khả năng rồi phải có phương tiện. Chẳng hạn sau khi đã hoàn tất một cuốn sách rồi phải có tiền để in. Ông viết: "Viết xong rồi còn phải in ra... Chẳng có một vị Mạnh Thường Quân nâng đỡ thì đó là một ảo mộng" (26). Muốn in một cuốn sách, xuất bản một tờ báo, lập một phòng sinh hoạt văn hóa, xây cất một thư viện, khai quật những cổ vật, nghiên cứu một thổ ngữ, trước tiên phải có tài chánh. Hồ Hữu Tường kỳ vọng ở "đàn hậu tấn" đầy đủ tài năng và phương tiện để làm văn hóa (27).

Hồ Hữu Tường cho biết trong bức thư gởi Jean Paul Sartre, ông nhận giữ chức Phó Viện Trưởng Viện Đại Học Vạn Hạnh, Sài Gòn, mục đích chỉ để tham dự vào việc đào tạo "đàn hậu tấn," những người trẻ trí thức tin tưởng vào sự luân hồi: "... j'ai accepté le poste de vice-recteur de l'Université bouddhique Vạn Hạnh pour participer à la formation intellectuelle des jeunes croyants de la transmigration." (*Dialogue*, sđd, tr.31).

Hồ Hữu Tường muốn đào tạo "những người trẻ tin tưởng vào sự luân hồi," ý nói sinh viên trí thức Phật Tử Vạn Hạnh tin tưởng mãnh liệt vào Phật Pháp. Cho nên cuối bức thư ấy Hồ Hữu Tường nói với Sartre rằng, chúng tôi tin tưởng trong tương lai, theo lời huyền ký của đức Phật Thích Ca, đức Phật Di Lạc sẽ tái sanh để tái tạo cõi trần này: "Il me reste plus qu'à attendre, comme tous les paysans bouddhiques, l'arrivée du bodhisttva Maitreya sur cette terre, pour réaliser le miracle annoncé par Cakya-Mouni, dans un sermon, à la fin de ses jours: sauver le monde de la destrucion totale..." (*Dialogue*, sđd, trang 35 và 36). Cho nên chính trong bức thư gửi Sartre, Hồ Hữu Tường nói rằng ông không bao giờ tin tưởng vào bất cứ chủ nghĩa (isme) nào của Tây phương: "Tôi chống lại tất cả những chủ nghĩa, chúng làm táng thất nhân loại. (...) Cho nên tôi sợ tất cả chủ nghĩa, chúng đưa dẫn đến Chiến Tranh Thế Giới." (Je suis contre tous les ismes qui ra vagent l'humatiné (...). C'est pourquoi j'ai peur des ismes qui amènent la Guerre Mondiale). (*Dialogue*, sđđ, trang 29 và 30).

Nhắc lại cuối bức thư ấy, Hồ Hữu Tường tin tưởng mãnh liệt vào sự tái sanh của đức Phật Di Lạc. Đức Phật Di Lạc sẽ tái sanh. Ấy là sự kiện sẽ xảy đến trong tương lai xa. Trong hiện tại và trong tương lai gần, Hồ Hữu Tường trông cậy vào "đàn hậu tấn" đang có hoặc sẽ có những công trình sáng chói, rực rỡ làm vẻ vang văn hóa Việt Nam.

Trở lại cuốn sách *Tương Lai Văn Hóa Việt Nam*. *Tương Lai Văn Hóa Việt Nam* tuy là một cuốn sách mỏng - mỏng như một xấp giấy truyền đơn khiến tôi nghĩ rằng nó rất khó được lưu giữ tại các thư viện hoặc trong tủ sách gia đình - nhưng đầy ắp những câu văn bốc lửa, nóng bỏng, cháy hừng hực tựa hồ như ngọn đuốc soi sáng cho thế hệ Việt Nam mai sau. Hơn hai mươi năm sau, kể từ khi cuốn *Tương Lai Văn Hóa Việt Nam* ra đời, 1967, cũng như Hồ Hữu Tường, Phạm Công Thiện cũng có niềm tin cực kỳ mãnh mẽ về tính cách sáng rực của văn hóa Việt Nam: "... tất cả những khám phá vĩ đại nhất của văn hóa loài người mấy ngàn năm nay bỗng nhiên và tự nhiên được thể nhận tựu hình tại Việt Nam" (28). Nói cách khác, theo Phạm Công Thiện, tất cả văn hóa của loài người sẽ được kết tụ lại tại Việt Nam.

Hồ Hữu Tường đã từng hoạt động trong nhiều địa hạt (29), nhưng không bao giờ ông quên hoạt động văn hóa. Ông tin tưởng mãnh liệt rằng ông thành công rực rỡ trong lãnh vực này: "Hơn ai

hết, tôi nhận thức rằng tôi chắc chắn sẽ thành công vĩ đại trong địa hạt văn hóa..." (30). Trong thực tế, Hồ Hữu Tường đã thành công vĩ đại trong lãnh vực văn hóa: ông đã để lại cho chúng ta cả ngàn bài báo bằng tiếng Pháp, tiếng Việt trên cả chục tờ báo trong suốt 41 năm, từ báo lậu, báo bí mật, báo viết tay, báo in trên xương xoa, báo công khai... cho đến những cuốn tiểu thuyết, khảo luận, hồi ký.

Tương Lai Văn Hóa Việt Nam, một cuốn sách mỏng, là gốc của một cây cổ thụ, còn những cuốn sác khác như *Phi Lạc Sang Tàu, Phi Lạc Náo Huê Kỳ, Phi Lạc Bỡn Nga, Tiểu Phi Lạc Náo Sài Gào, Thu Hương, Chị Tập*... chỉ là những cành, những lá của cây cổ thụ ấy. Ông nói: "Các tác phẩm khác chỉ là đem những tư tưởng đã nói rồi trong quyển này (*Tương Lai Văn Hóa Việt Nam*) đem ra mà mở rộng về bề mặt hay nói sâu hơn mà thôi" (31). Cho đến năm 1967, sau khi đã viết xong hàng ngàn bài báo, xuất bản hơn chục cuốn sách, Hồ Hữu Tường kết luận về cuốn Tương Lai Văn Hóa Việt Nam như sau: "Đến nay (1967), tôi chưa viết quyển sách nào đắc ý hơn" (32).

Carrollton, Texas tháng 6-1993

CHÚ THÍCH:

* Bài này trích từ cuốn *Trở Về Cố Hương* của Thiện Hỷ, Viên Thông xuất bản, California 1999.

(1) Năm 1935, Hồ Hữu Tường cư ngụ tại Đakao, sau đó ông dời đi nơi khác. Đến đầu thập niên 1970, ông cư ngụ tại đường Trần Quang Khải, Đakao gần Cầu Bông.

(2) "Con Ve và Con Kiến" là một vở kịch gồm ba hay bốn màn. Những màn đầu giống y như truyện ngụ ngôn La Cigale et La Fourmi của La Fontaine. Màn cuối như sau: giữa mùa đông dông bão nổi lên ì ầm rồi lụt lội khắp nơi. Kiến ta bị dòng nước cuốn phăng giữa dòng tình thế rất nguy kịch. Đứng trên cây thấy kiến sắp chết đuối, ve đưa chân đạp chiếc lá vàng. Chiếc lá từ từ rơi trước mặt kiến. Kiến bám lấy. Ve lặng lẽ bay đi. Ấy luân lý của Hồ Hữu Tường như thế, cao hơn La Fontaine một bực.

Tại Mỹ những phim ngắn hoạt họa trên TV phần nhiều chỉ là những đòn "ăn miếng trả miếng."

(3) Những bài viết này có tính cách kích thích thanh niên Việt Nam lúc bấy giờ xuất dương sang Pháp du học. Du học để mà "nên" chứ không phải du học để mà "hư."

(4) Hồ Hữu Tường ký bút hiệu Khổng Cưu, hai cuốn sách ấy do Tân Việt xuất bản, năm 1946.

(5) Hồi ký *41 Năm Làm Báo*, trang 173, Trí Đăng xuất bản 1968, Đông Nam Á, Paris tái bản năm 1984.

(6) Hồ Hữu Tường nói rằng ông không có khả năng viết tiểu thuyết. Tiểu thuyết của ông nhằm triển khai sấm ký của đức Phật Thầy Tây An, người sáng lập Bửu Sơn Kỳ Hương, Phi Lạc và Tiểu Phi Lạc đi đến đâu "nói dóc" đến đó cho nên tiểu thuyết của ông thuộc loại tiểu thuyết trào phúng. Vạn bất đắc dĩ ông mới viết được hai cuốn tiểu thuyết tình, tình cách mạng, do thi sĩ Đông Hồ khuyến khích: *Thu Hương, Chị Tập* (*41 Năm Làm Báo*, sđd, trang 136-137).

(7) Trong bản nhạc Việt Nam! Việt Nam! Phạm Duy viết: "Lửa thiêng soi toàn thế giới!"

(8) Trong chữ définition (định nghĩa) của Pháp có chữ finir nghĩa là chấm dứt. Như vậy tất cả mọi câu định nghĩa về một ý niệm đều có tính cách hạn hẹp, khô cằn, cái ý niệm ấy bị đóng chết trong một khuôn khổ chật hẹp do đó định nghĩa một ý niệm không thể đạt được thể tính của ý niệm ấy. Chẳng hạn chúng ta không thể định nghĩa "tình yêu" là gì. Nhưng nói đến tình yêu thì ai ai cũng đều cảm nhận.

(9) *Im Lặng Hố Thẩm* của Phạm Công Thiện, xuất bản tại Sài Gòn, 1967, Trần Thi tái bản tại Hoa Kỳ, 1987.

(10) Bạn đọc nào còn giữ cuốn *Tương Lai Văn Hóa Việt Nam* của Hồ Hữu Tường, nhà xuất bản Minh Đức Hà Nội, 1946, xin copy cho tôi trọn cuốn. Thành thật đa tạ trước. Năm 1965, nhà xuất bản Đồ Chiểu tái bản quyển này, nhưng không đúng nguyên văn, đã bị "tam sao thất bản" nhiều.

(11) 41 Năm Làm Báo, sđd, trang 156

(12) Sđd, trang 143

(13) Sđd, trang 173

(14) Internartional Festival's Houston

(15) Bốn Phương, Sài Gòn xuất bản, 1956

(16) Nhà Xuất Bản Tự Do, Sài Gòn, 1958

(17) Không nhớ tên nhà xuất bản và năm in

(18) Tác giả xuất bản, in tại Houston, 1990

(19) Không nhớ tên nhà xuất bản và năm in

(20) Đại Nam, California xuất bản, 1992

(21) Đại Nam, California tái bản, không rõ năm in

(22) Không nhớ tên nhà xuất bản và năm in

(23) Trang 10, bài tự cuốn *Rèn Luyện Tâm Thuật Huyền Linh* của Phạm Công Thiện dịch Ascèse Spiritual Excercise của Nikos Kazantzakis, Đại Nam, California xuất bản, 1991.

(24) (25) *41 Năm Làm Báo*, sđd, trang 165

(26) (27) *41 Năm Làm Báo*, sđd, trang 169

(28) *Im Lặng Hố Thẩm*, sđd, trang 20. Trong bài viết Trở Về Cố Hương, tôi diễn giảng đoạn văn trên đây một cách sâu thẳm hơn nữa.

(29) Hồ Hữu Tường nói về chính ông như sau: "Nào là nhà cách mạng, nào là nhà nghệ sĩ, nào là nhà khoa học, nào là nhà văn, nào là kẻ đam mê tình ái, nào là tâm hồn tu sĩ, và nào là nhà báo" (41 Năm Làm Báo, trang 46).

(30) *41 Năm Làm Báo*, trang 164. Nhưng ông thú thực ông không thành công trong lãnh vực chính trị: "... mà có thể 'thân bại danh liệt' trong địa hạt chính trị." "Hơn ai hết, tôi muốn làm văn hóa hơn là muốn làm chính trị" (sđd, trang 164).

(31) (32) (33) *41 Năm Làm Báo*, trang 145.

NGÔ VĂN NHỚ VỀ HỒ HỮU TƯỜNG

THỤY KHUÊ *ghi*

Ngô Văn, nhà biên khảo, nhà hoạt động cách mạng trong nhóm Đệ Tứ, sinh năm 1912 ở xóm Tân Lộ, gần Thủ Đức. Đi làm từ 14 tuổi. Gia nhập xu hướng Cộng Sản tả đối lập năm 1932. Sau 45 sang Pháp, làm việc trong các xí nghiệp, và tích lũy những tài liệu để biên khảo. Các tác phẩm chính: *Ở Xứ Chuông Rè, Vụ án Moscou* (Nxb Chống trào lưu, Sài Gòn, 1937), *Divination, magie et politique dans la Chine ancienne* (PUF, Paris, 1976), *Revolutionaries They Could Not Break* (Index Book Centre, London, 1995), *Vietnam 1920-1945, révolution et contre-révolution sous la domination coloniale* (L'insomniaque, 1996; Nautilus, 2000), *Việt Nam 1920-1945, cách mạng và phản cách mạng thời đô hộ thực dân* (L'insomniaque, Paris, 2000), *Avec Maximilien Rubel, une amitié, une lutte 1954-1996* (L'insomniaque, 1997) ...

Tôi gặp Hồ Hữu Tường năm 1932 (ông ở Pháp về năm 1931), lúc ấy ông đang làm tờ Phụ Nữ Giới Chung ở Sài Gòn. Tôi vừa dịch xong bản *Tuyên ngôn Cộng Sản* của Marx, có người bạn tôi đem lại trình với ông để đăng báo Phụ Nữ Giới Chung. Đọc xong, Hồ Hữu Tường cho biết muốn gặp tôi. Đó là lý do tại sao tôi gặp Hồ Hữu Tường.

Ông là một người thông minh, hiền hậu và duyên dáng lắm. Lúc đó Hồ Hữu Tường đã có một tổ chức bí mật, kêu bằng nhóm Tháng Mười, xuất bản tạp chí bí mật Tháng Mười, theo xu hướng Trotsky để chỉ trích hoạt động của đảng Cộng Sản Đông Dương lúc ấy. Ông không trực tiếp giới thiệu tôi vào nhóm của ông, mà ông đưa Đào Hưng Long, một chiến hữu trong nhóm, giao thiệp với tôi. Tới cuối năm 32, Hồ Hữu Tường bị bắt, năm 33 bị kết án ba năm tù treo.

Năm 33, dù bị tù treo nhưng ông vẫn nhập vào nhóm tranh đấu do Nguyễn An Ninh thành lập tháng 4 năm 1933, nhân dịp có cuộc bầu Hội Đồng Quản Hạt, lợi dụng tuyên truyền chống chánh phủ thuộc địa một cách công khai.

Nguyễn An Ninh là một nhà cách mạng đàn anh mà những người Cộng Sản Đệ Tam lẫn Đệ Tứ, và cả quốc gia nữa, đều là đàn em, cho nên ông rất có uy tín đối với họ; ông lập nhóm La lutte, quy tụ tất cả những khuynh hướng chính trị chống Pháp lúc đó, và Hồ Hữu Tường tham gia tờ La lutte.

Tới năm 1936, nhóm La lutte chia hai. Nhưng muốn hiểu sự chia rẽ đó, phải trở lại tình hình chính trị ở Pháp năm 1935.

Năm 1935, Pháp-Nga ký hiệp ước Laval-Staline: Pháp và Nga liên kết quân lực. Do đó, đảng Cộng Sản Pháp không còn chống chính sách quân phiệt nữa, mà cổ võ cho chính sách quân sự, chống lại sự đòi độc lập của Cộng sản Đông Dương và ủng hộ việc giữ vững các thuộc địa. Đảng Cộng Sản Đông Dương, vẫn theo đảng Cộng Sản Pháp cho nên không còn theo con đường chống Pháp để giải phóng dân tộc nữa, mà dần dần họ chọn con đường chống Nhật.

Nhóm La lutte lúc ấy có hai khuynh hướng:

- Một khuynh hướng ủng hộ Mặt Trận Bình Dân (Front Populaire), đảng cầm quyền ở Pháp, tức là ủng hộ chính sách thuộc địa, trong đó có những người Cộng Sản Đệ Tam.
- Một khuynh hướng chống Mặt Trận Bình Dân trong đó có những người Đệ Tứ.

Nhưng khi thành lập nhóm La lutte đã có lời giao ước là Đệ Tam và Đệ Tứ không gây chuyện với nhau, cho nên nhóm Đệ Tứ phải ngậm miệng.

Hồ Hữu Tường mới lập một nhóm bí mật mà ông làm cố vấn, gọi tên là Chánh Đoàn Cộng Sản Quốc Tế Chủ Nghĩa, phái tán thành Đệ Tứ Quốc Tế, và tôi là một thành viên, mục đích chỉ trích đảng Cộng Sản Đông Dương đi theo đường lối của chính phủ thuộc địa và tách ra khỏi nhóm La lutte.

Giữa năm 1936, ở Pháp có tổng đình công. Nhóm Chánh Đoàn Cộng Sản Quốc Tế Chủ Nghĩa bí mật cổ động tổng đình công, tháng 6 năm 1936 tại Sài Gòn. Cả nhóm bị bắt, cả Hồ Hữu Tường, nhưng vì là «cố vấn» nên ông không bị truy tố.

Ra khỏi nhóm La lutte, Hồ Hữu Tường công khai xuất bản tờ Militant (lúc đó các đảng đối lập không được quyền ra báo tiếng Việt), để tự do đả kích đảng Cộng Sản, theo tinh thần Trotsky, nhưng trong vòng bán bí mật vẫn tiếp tục hoạt động cho

Một số tác phẩm của Hồ Hữu Tường

nhóm Chánh Đoàn Cộng Sản Quốc Tế Chủ Nghĩa vừa bị tiêu hủy, đồng thời tiếp tục phong trào tranh đấu bán công khai. Hai năm 36-37 là những năm phong trào thợ thuyền và nông dân nổi lên cực độ.

Nhưng đến tháng 5 năm 1937, nhóm La lutte tan rã vì đảng Cộng Sản Pháp theo lệnh của Moscou, ra lệnh cho đảng Cộng Sản Đông Dương không được cộng tác với Đệ Tứ nữa. Các phong trào thợ thuyền đình công do Đệ Tứ tổ chức, bên Đệ Tam không tham gia, chỉ lập những hội ái hữu thôi. Đệ Tam chỉ huy ở nông thôn, vừa ủng hộ Mặt Trận Bình Dân, vừa chống đối những áp bức ở nông thôn.

Hồ Hữu Tường vẫn tiếp tục tổ chức và chỉ huy Đệ Tứ trong vòng bí mật. Nguyễn An Ninh theo phái Đệ Tam. Tạ Thu Thâu tiếp tục La lutte, làm cho tờ La lutte trở nên cơ quan có khuynh hướng quốc tế. Sau khi tờ La lutte trở thành xu hướng Đệ Tứ quốc tế, Hồ Hữu Tường ngưng tờ Militant. Đến năm 1938, khi chính phủ Mặt Trận Bình dân đổ ở Pháp, chính phủ cấp tiến Doladier cho phép các đảng đối lập ra báo quốc ngữ, tờ La lutte trở thành tờ Tranh Đấu và Hồ Hữu Tường ra báo Tháng Mười.

Đến tháng 9 năm 1939, khởi đầu thế chiến, chính phủ thuộc địa mở phong trào tổng đàn áp, bắt hết những đảng phái đối lập, giam trong các trại giam rồi đầy đi Côn Lôn, năm năm. Nguyễn An Ninh, Hồ Hữu Tường, Tạ Thu Thâu ... đều bị bắt hết. Lúc ấy tôi ở trên Nam Vang nên chỉ bị bắt và bị tù tám tháng.

Đến năm 1945, Hồ Hữu Tường được trở về, bị quản thúc ở Cần Thơ. Tôi gặp ông vì lúc ấy tôi đang làm việc ở Cần Thơ. Tôi có giúp đỡ vợ con ông. Ông bảo năm năm ở Côn Lôn, ông đã suy nghĩ kỹ rồi, ông không theo Đệ Tứ nữa, ông quay trở lại con đường quốc gia, quay về với tổ quốc.

Trong cuốn Un fétu de paille dans la tourmente, đánh máy ở Paris năm 1969, có một sai lầm mà tôi muốn đánh chánh sau đây: Ông cho rằng năm 1945, trong sự thanh trừng những người Đệ Tứ, Việt Minh vẫn còn một chút cảm tình (quelques sentiments). Cho nên thay vì giết hết trước khi bỏ Sài Gòn để lên chiến khu, họ đem giam tất cả vào tù, và cảnh sát Pháp đã thả tất cả. Sự thật thì Dương Bạch Mai hạ ngục những người Đệ Tứ cốt là để sẽ đưa họ ra tòa án nhân dân. Nhưng binh lính Anh-Ấn thình lình chiếm khám lớn, trước khi giúp binh Pháp tái chiếm Sài Gòn ngày 23/9/1945. Sau đó, binh Anh-Ấn giao mấy người Đệ Tứ lại cho mật thám Pháp. Một thời gian sau những người Đệ Tứ mới được thả ra. Cho nên việc khỏi bị Đệ Tam tàn sát là một sự tình cờ chớ không phải vì lòng tốt của phái Đệ Tam./.

Paris tháng 5/2003

HỒ HỮU TƯỜNG
trong dòng Chính trị ĐẠO SĨ dân tộc

LƯU VĂN VỊNH

Một nhân vật được huyền thoại tu tạo không phải dễ: huyền thoại là cái bóng trùm lên con người thật, bóng ấy đôi khi lớn hơn chính cuộc sống, như hào quang tự chân tài tỏa ra cũng cơ, mà được nhãn quang của quần chúng yêu kính, phóng thêm rực rỡ cũng có.

Hồ Hữu Tường là loại người mang hai vòm hào quang, một vòm của chính năng khiếu sáng tác của ông, một vòm của quần chúng mến mộ ông. Ở thời tiền chiến, đậu Cử nhân Toán học, dự thi Thạc sĩ Toán (?), không phải dễ, lại trở về nước, hoạt động văn hóa, một cây bút hiếm hoi của Việt Nam, viết về những đề tài Kinh tế, Xã hội, Chính trị, bổ ích cho quần chúng hiếu học từ thập niên 1940... tới 30 năm sau, loại sách ấy ở SàiGòn, Hà Nội, vẫn là hiếm. Nhưng tới năm sáng tác *Phi Lạc Sang Tầu* thì Hồ Hữu Tường trở thành một huyền thoại, quần chúng Việt Nam thấp cổ bé họng, dân đen dân nghèo, đang khát khao huyền thoại loại "*bê bú bò*, bò con cắn vú bò mộng phải bỏ chạy," loại mưu mẹo Trạng Quỳnh, loại " *bé hạt tiêu,*" loại *châu chấu đá xe* nhược tiểu vùng lên chơi lại mấy anh khổng lồ... Khi viết Phi Lạc thì Hồ Hữu Tường đã nắm bắt được linh hồn dân tộc, đã cảm được niềm ước mơ sâu xa của quần chúng, **ông đã vượt Mác, đã bỏ Mác từ thời điểm này**, ông đứng về phía dân tộc, vẫn cười – *An Nam gì cũng cười*, tếu— ngang nhiên trước quốc tế, dù chỉ là một anh mõ làng Cổ Nhuế, dù chỉ là một người dân đen, từ quần chúng đi lên, thách đố, như cậu bé lên ba Phù Đổng, lớn bổng từ đáy tầng dân tộc lớn lên, đại náo cả Nga, cả Mỹ , cả Tầu.

*

Tuổi 20 say mê huyền thoại, tôi đến tìm ông ở giảng đường Đại Học Vạn Hạnh, hè 1965, lúc ấy trường đặt tạm tại chùa Ấn Quang và Hồ Hữu Tường đang làm Khoa trưởng Văn Khoa, ông ngồi ở bàn viết ngửng đầu lên, buổi chiều không có sinh viên, tôi mạnh dạn tiến lại gần thưa chuyện với ông... Ông tuổi 55 (1), tóc bạc trắng, cắt ngắn, mặc áo sơ mi trắng, quần kaki, tôi không để ý chiều cao của ông, nhiều người sau này nói ông tướng ngũ đoản, tôi chỉ nhớ cái miệng răng vẩu của ông, loại miệng chân tình, cởi mở, rất mộc mạc "nông dân." Gần 40 năm, tôi không nhớ đã bắt đầu câu chuyện thế nào, chỉ nhớ nói chuyện với ông về Triết học. Ông ăn nói điềm đạm thân mật, bàn về văn hóa, nói một hồi mãi tới khi tiễn tôi ra cửa, ông mới hỏi "đang học gì *?" Tôi nói thật với ông, vừa tốt nghiệp ban Triết Tây Đại Học Văn Khoa Sài Gòn, mà sao thấy mung lung quá... ông mỉm cười từ tốn* "dzậy về đọc Will Durant đi, cuốn ấy gọn, dễ đọc." *Tôi ra về, một chiều hè nóng nực, ông trở vào, cúi xuống tiếp tục viết trên một tập vở mỏng, giấy vàng, bìa xanh nhạt, loại tập vở học trò tiểu học... Sau này mỗi lần đọc Will Durant tôi lại nhớ đến ông, quả thật các tác giả Anh Mỹ trình bày vấn đề triết lý thường minh bạch cụ thể, dễ nắm bắt, không khô khan như sách Pháp sách Đức...*

Hai vị Khoa trưởng Văn Khoa thời ấy mỗi vị một cung cách: Cụ Nguyễn Đăng Thục, cung cách học giả, thường nghiêm túc trong bộ đồ trắng, hơn Hồ Hữu Tường sáu bảy tuổi. Có lần nghe Cụ than thở ngay giữa hành lang Văn Khoa: " Mình cứ cố gắng xây dựng văn hóa dân tộc bao nhiêu thì họ lại phá bấy nhiêu!" Cho đến nay tôi vẫn thắc mắc không biết đích xác "họ" là ai. Còn Hồ Hữu Tường là một nhà văn, không hẳn là học giả, dáng dấp bình dân, có lẽ ông cũng khó nhập vào khối nhà tu ở cổng chùa nổi lửa, *nên chẳng bao lâu ông lại bỏ ra... Thập niên 70 cụ Thục hồi hưu bên Văn Khoa Sài Gòn lại sang làm Khoa*

Trưởng Văn Khoa Vạn Hạnh, ngồi ghế của Hồ Hữu Tường dăm năm trước...Cụ Thục rất thâm hậu về Phật học, gần 70 tuổi, họp Hội đồng khoa, Cụ chỉ ngồi yên lặng nghe các nhà tu trẻ, vọng ngôn vọng ngữ đến đâu, Cụ cũng nhịn được. Sau này, 1972, dự Hội đồng khoa đúng một lần, tôi mới hiểu tại sao Hồ Hữu Tường lại bỏ đi sớm như vậy.

*

Bây giờ nghĩ lại thuở gặp ông, tôi ở tuổi 20 đang đi vào mê hồn trận Triết lý, thì lúc ấy ông đã ở tuổi tri thiên mệnh đang thoát ra khỏi ngôn từ. Ông đến với không khí đạo giáo Vạn Hạnh, ít lâu sau, ông từ biệt, tới lui vùng Bến Tre có lẽ để gặp gỡ ông Đạo Dừa. Rồi chính ông cũng ăn mặc bộ đồ nâu đạo sĩ, năm 1969 đòi đại diện miền Nam ra Bắc phúng điếu Hồ Chí Minh mới nằm xuống. Thế hệ ông giữa cơn lốc chính trị, không đi về phía này thì đi về phía kia. Thời trẻ bên Tây, ông theo đệ Tứ— dường như qua lần gặp gỡ ở Bruxelles với một nữ cán bộ khả ái người Nga "*nói được cả chục thứ tiếng... nàng mang khoe cuốn sách quý có hình Lenin và Trostky chụp chung...*" (2). Nhưng với khối óc thông minh Toán học của ông, với cái nhìn đôn hậu mộc mạc của con người từ sông nước Cửu Long, ông thừa biết cái phương trình Tư Bản Cộng Sản, Quốc với Cộng, Đông với Tây, rất khó cân bằng, ẩn số lịch sử nằm trong túi tư bản hay nằm ở đầu nòng súng, làm gì có trong cái khố anh mõ làng Cổ Nhuế! Nhưng *quân tử cố cùng, tịch tà cự bí*, ông vẫn ước mơ một thuở **Trung lập**, *hòa đồng*. Á thánh Gandhi

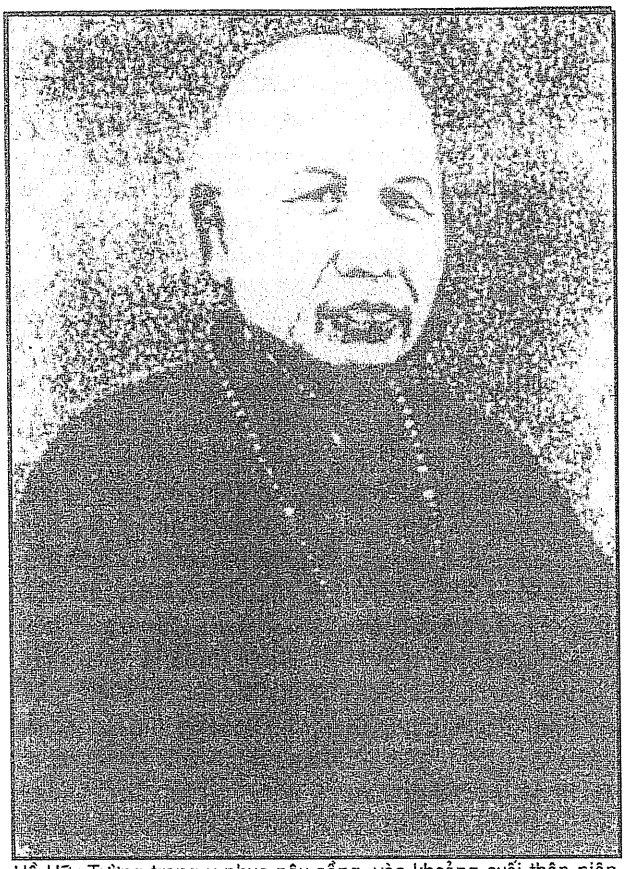

Hồ Hữu Tường trong y phục nâu sồng, vào khoảng cuối thập niên (19)60

nước người, gần cận Việt Nam, hình ảnh đạo sĩ ấy ám ảnh ông và rất nhiều nhân sĩ Á Đông, kể cả ông lãnh tụ Đệ Tam cũng muốn bắt chước, để râu dài, đi dép, làm bộ cha già dân tộc... mà không được, bởi vì muốn đạt tầm vóc Gandhi, phải có chất Thiện tỏa ra, phải có lòng Nhân chân thành, phải có khối dân Ấn 500 triệu người sùng kính, không đóng kịch được. Hơn nữa thực dân Pháp là loại "*kiến tiểu lợi, loạn đại mưu*" thiển cận, không có được tầm nhìn xa, thâm trầm hào hiệp *gentleman* của Anh Cát Lợi cho nên lá bài Trung lập chỉ là lá bài "*không thành công thì thành nhân,*" ông giữ cái đẹp ấy, ông có thiện căn của con người Việt tinh túy, của kẻ sĩ gắn mình vào sông núi, ông cố làm một cái gì, *siêu văn hóa, siêu chính trị*, như ông thường nói.

Sông nước **miền Nam** rất mới trong lịch sử dân tộc, mới khoảng 300 năm, nhưng chính nơi đây là cánh cửa mở rộng mênh mông cho vùng đất cổ Việt đã rất chật, rất cũ, suy tàn, cứng nhắc trong khung cũi giáo điều Tống Nho phong kiến, kiềm tỏa trong lũy tre làng mạc... Người ta ví mảnh đất Việt hình chữ S hai đầu là hai thúng gạo, ở giữa là đòn gánh, hình ảnh rất tiêu biểu. Đồng bằng sông Hồng, đồng bằng sông Cửu, ruộng lúa phù sa nuôi sống triệu triệu dân, đòn gánh Trường Sơn gánh trĩu, gánh nặng quá, suốt 200 năm, từ đời Gia Long thống nhất lần đầu, đến đời cờ đỏ thống nhất lần hai, hai lần giống nhau, thúng gạo hai đầu dân tình đồng bằng có nhu cầu tương đồng. Nhưng thúng gạo mới đồng bằng Cửu Long so với đồng bằng Hồng Hà, phì nhiêu gấp bội, tôm cá dồi dào, mật độ dân số chưa đẩy tới nạn kèn cựa sát phạt nhau, đấu tố

nhau... Một bữa cơm thường ngày của một tiểu công chức miền Tây, một tô canh chua cực lớn, tôm càng nướng... thịnh soạn hơn bữa ăn một nhà giầu quan chức ở miền Bắc; nếp sống thảnh thơi, không mưa phùn gió bấc, tạo nên một xã hội Việt Nam mới, rộng lượng, hiền hòa. Có thực tất vực được đạo, dân no bụng mới hướng về đạo nghĩa, cho nên miền Nam, Tiền giang Hậu giang, lại là nơi tiếp tục dòng đạo lý cổ truyền dân tộc, dân tình chất phác lễ độ, trọng và nghe những *ông thầy* có học, có tu... Thất sơn linh thiêng, Bà Đen huyền bí, Phật Thầy Tây An vào thời Tây sang, Hòa Hảo, Cao Đài vào thời kháng Pháp, khất sĩ Tiểu thừa sâu rễ bền gốc khắp nẻo, rồi đến ông Đạo Dừa... tạo một dòng đạo sĩ rất đôn hậu, mang chút kỳ bí, có dân dã bao bọc tin cậy tôn kính đi theo, sinh hoạt hồn nhiên trên vùng đất mới. Hồ Hữu Tường tuy chẳng chính thức là một ông đạo, nhưng ông mang cốt cách đạo sĩ, quần chúng thích cái tàng tàng Phi Lạc của ông, phục những ý kiến mới mẻ của ông: *Tân Xuân Thu, Cái nghiệp của con thằn lằn, Tiếng Việt không đơn âm, giáo dục kiểu mới-EOMIR (3), cách đọc sách nhanh, cách trau dồi ngữ vựng theo nhóm gốc, Người Mỹ ưu tư*... ông bàn đủ chuyện, ông bình mọi phía... Ông thử nhiều, như cụ Khổng ngày xưa bôn ba tứ xứ tìm cách hành đạo, quần chúng mến mộ đức tính đạo sĩ : nhập thế với tinh thần xuất thế, ông không háo danh, ra dân biểu một lần chẳng cần vận động lấy phiếu, từ chối chức vụ cao với chính phủ quân nhân thời 1965, bỏ luôn chức Khoa trưởng Văn khoa, mặc áo bà ba nâu về với dân dã, chơi lan... Có thời ông viết báo, bác bỏ lối nhìn hẹp hòi địa phương "*hồi loạn lạc ở Sài Gòn, người đến báo cho tôi chạy trốn trước khi bị vây bắt là một anh đạp xích lô Bắc kỳ chưa hề quen biết, chuyện địa phương nếu có thì chỉ có trong lãnh vực hành chánh, không có trong dân chúng*..." đầu óc rộng lượng như vậy nên ông được quý mến là phải.

Điểm nổi bật của **nhân sĩ miền Nam, thế hệ cũ, là nét đạo sĩ**, hiền, thẳng, không quanh co, ăn nói mộc mạc chân tình, ruột để ngoài da, không mưu đồ hiểm hóc... Tiêu biểu như cụ Trần Văn Quế, hình ảnh một *phối sư* đạo sĩ khó quên, năm 1951(?) cụ ra Hà Nội làm Thứ trưởng Dân Huấn Vụ, năm 1954 dường như cụ bị rắc rối về chuyện Cao Đài với Ngô Đình Diệm. Mãi tới khoảng 1957- 58, mới thấy cụ đến thăm ba tôi, bạn học Sư phạm từ thời 1925, tôi ra hầu trà, còn nhớ cụ tâm sự: "*Anh à, nhóm chánh trị họ Ngô ấy tệtu cứng đầu lắm, không bàn chuyện chung được... đất miền Nam phì nhiêu nuôi bao nhiêu dân cũng được, mà hay phát về võ... Hồi tôi đi Tân Gia Ba nhìn người Anh xây dựng bên đó mới thấy người Pháp kém và xấu vô cùng*..." vẻ hiền hòa, nói năng chậm chãi lên xuống như đọc kinh. Ba tôi kể lại hồi ở nội trú, có khi thấy cụ Quế cầu cơ...

Hồ Hữu Tường, trước sau ngồi tù 17 năm, có nét khảng khái của kẻ sĩ, có nếp đạo sĩ muốn vượt thế thời, dù là vượt trong tâm thức. Thế hệ sau ông, như Nguyễn Ngọc Huy, vẫn giữ phong cách tâm tư tân Nho tuy không còn nét đạo sĩ của thế hệ trước: "*Miền Nam giao thương buôn bán với Trung Hoa rất nhiều nên sách Tầu đưa vào miền Nam không thiếu, có thể nhiều hơn miền Bắc miền Trung.*" Ông Huy có cái nhìn thời thế của một nhân sĩ miền Nam, càng ngày tôi càng thấy ông đúng, miền Nam có những nét mới mà miền đất cũ, Bắc, Trung không có. Thoáng hơn, phong phú hơn, tâm thức miền Nam là tâm thức của người có *cá thiệt chứ không giả đò ăn cá gỗ*. Các chính quyền thường **đánh giá sai miền Nam** và khối dân miền Nam. Trong khi, sức kéo Việt Nam khỏi vũng lầy cổ hủ phong kiến, sức đổi mới xã hội, nhất thiết nằm nặng ở miền Nam chứ không ở miền Bắc.

Nhưng có đạo sĩ quân sư thì phải có **minh chủ**. Từ thời Cần Vương, kẻ sĩ đi tìm minh chủ, nào Kỳ Ngoại Hầu Cường Để, nào cụ Phan vào chiến khu tìm Đề Thám, phe xúm quanh ông niên trưởng Đệ Tam quốc tế, phe tôn quân Bảo Đại... Sử gia Pháp, Philippe Devillers, đã có lý khi đặt hình hai lãnh tụ trên bìa sách *Histoire du Viet Nam*, hai mặt tả, hữu, có thế lực vì có giây nối quốc tế, còn lại là những "minh chủ" tầm vóc nhỏ hơn, kiểu Lương Sơn Bạc: Bẩy Viễn, Ba Cụt, Năm Lửa...kiểu đạo sĩ như Huỳnh Phú Sổ, Hộ Pháp Phạm Công Tắc, kiểu lãnh tụ mật khu như Trịnh Minh Thế...hầu hết ở miền Nam. Lịch sử phải đánh giá lại công trình của những nhân vật này, ít nhất họ cũng đã lôi cuốn được quần chúng dân dã không để lọt vào guồng máy tuyên truyền dựa trên SẢN HẬN của Cộng Sản, ít nhất họ cũng lập được những chiến khu vừa chống Pháp vừa chống Cộng... Cuộc biểu tình 200,000 người đòi dân chủ đầu tiên của Việt Nam nhân lễ quốc táng cụ Phan Chu Trinh vào năm 1926, xẩy ra ở Sài Gòn chứ không ở Hà Nội ở Huế hay ở Nghệ Tĩnh; cuộc biểu tình ở Vườn Lài của Nguyễn An Ninh, Trần Văn Thạch chống Thực dân Pháp xẩy ra từ năm 1928, trước khởi nghĩa Yên Báy hai năm. Xét ra quần chúng miền Nam đã làm hơn và làm

trước những đảng phái quốc gia ở miền ngoài, các tổ chức miền Nam giữ được dân, không để Việt Cộng một mình một chợ, không thu hẹp trong khối trí thức "nói nhiều hơn làm."

Hồ Hữu Tường nhìn ra điểm ấy, ông từng viết về *Khuyết điểm căn bản của trí thức thành thị,* về *Kết hợp đảng phái quốc gia thống nhất hành động*. Suốt thời kháng chiến có lẽ chỉ có hai nhân vật quốc gia hành động đúng nhất là Huỳnh Phú Sổ và Trình Minh Thế, có quần chúng, có chiến khu, Tây cũng nể mà Cộng cũng kiềng. Anh em họ Ngô sau này – xuất thân trưởng giả quan liêu — không nhìn ra tầm quan trọng của đáy lòng bình dân, không cảm được niềm tự hào của người dân đất mới, họ sống với sông lạch bóng dừa miệt vườn, kỳ bí, mầu nhiệm, với lãnh tụ huyền thoại của lòng họ. Diệt huyền thoại là giết lòng dân, là đẩy dân sang huyền thoại khác, bá đạo, lừa dối, tai hại hơn nhiều.

Miền Bắc cũng có chính trị gia đạo sĩ như Lý Đông A, lúc ẩn lúc hiện, có nhà văn hóa đạo sĩ như Nguyễn Đức Quỳnh ngồi ghế xích đu quy tập thân hữu, có Nghiêm Xuân Hồng viết chiến lược Đông Tây cổ kim rồi cũng khoác áo cư sĩ giảng kinh đất khách quê người, cho đến ông cố vấn Ngô Đình Nhu cũng chẳng ngoài truyền thống ấy, tìm tòi mang triết lý Nhân vị của E. Mounier ra phò ông anh ruột! Dòng đạo sĩ quân sư Việt bắt đầu từ sư Vạn Hạnh, đến Trạng Trình, La Sơn Phu tử, rồi Đào Duy Từ... là những người dựng nên vua, *king makers*, cố vấn cho vua, trên thông thiên văn, dưới rành địa lý. Thời nay thì có cơ quan nghiên cứu chính sách -*think tank*— thời xưa là não sách lược của một khối óc như Vạn Hạnh "*cầm trụ tích trấn kinh kỳ*," như Trạng Trình "*Hoành sơn nhất đải vạn đại dung thân,*" như Đào Duy Từ đắp lũy Trường Dục viết "*Hổ Trướng Khu cơ,*" như La Sơn chú trọng *quân đức dân tâm* "*chúa công đi ra chuyến này, không quá mười ngày giặc Thanh sẽ bị dẹp tan*"... Nhưng ngay La Sơn Phu tử cũng đã than :

Dĩ hỉ Văn vương bất khả phùng
Tứ dân bách nghệ trường bần cùng

(chẳng gặp được thời Văn vương, tứ dân trăm họ nghèo đói bần cùng),

cho thấy hơn 200 năm nay, chẳng kẻ sĩ nào gặp được minh chủ! Đến thời "*thiên hạ vô quân*" cuộc diện càng đảo điên, càng vuột khỏi tầm tay quân sư, càng bạy khỏi mảnh đất nhỏ hẹp của tổ tiên, quyết định ở đâu đâu dáng búa rìu lên nhược tiểu.

*

Kẻ sĩ Việt, buồn thay, kể cả Hồ Hữu Tường, chất chứa trong lòng hoài bão Nghiêu Thuấn mà thời cuộc lại là bạo Tần... Khổng Minh giữ cái *nhân hòa* nhưng vẫn mất với Tào Tháo nắm được người và vật Trung nguyên, Giang Đông *địa lợi* đất giầu như miền Cửu Long, mà vẫn bị rơi vào gọng bạo quyền. Việt Nam nằm cạnh Tầu, anh khổng lồ cựa hướng tả thì Việt xoay sang tả, xoay sang thị trường tự do định hướng xã hội, thì cả hình chữ S cũng uốn éo quay theo... Hồ Hữu Tường từng phân ra ba loại văn minh: ***văn minh tu sĩ, văn minh kỹ sư, văn minh chính ủy***. Thời nay, xem ra chỉ còn có nền văn minh kỹ nghệ và "văn minh mại bản." "Văn minh chính ủy" coi như đã cáo chung, còn văn minh đạo sĩ tu sĩ thì may ra còn ở Tây Tạng và Ấn Độ. Nhưng với đà cách mạng điện tử này thì đến ngay ông Du già hay Lạt ma đạo sĩ cũng phải dùng điện toán *cell phone* mà hoằng đạo. Giá Hồ Hữu Tường còn sống, không biết ông sẽ bàn ra sao về cái thế nhược tiểu Việt Nam và Đông Nam Á trong cuộc Toàn cầu hóa này? Không phải dễ kiếm một người nhìn xa thấy rộng như ông, và Việt Nam lúc nào, thời nào, cũng cần có một ông Phi Lạc bàn đường sống còn cho dân tộc. Từ ngày ông chết, Việt Nam thiếu hẳn một nhân vật có tầm vóc bàn chuyện Tam Quốc Chí Đông Tây, nhưng Phi Lạc thì vẫn còn, vẫn sống, vì đó là linh hồn bất khuất của dân tộc. Cầu cho những đạo sĩ Phi Lạc Việt Nam gặp thời vương đạo mà thi thố hóa độ dân gian.

Chú Thích :

(1) Hồ Hữu Tường tuổi Canh Tuất - 1910 (cùng tuổi với Ngô Đình Nhu), sanh ngày 29 tháng 3 giờ Mão, theo cụ Thiên Lương, từng xem số cho Hồ Hữu Tường 20 năm, ghi lại. Số Tử Vi Kim mạng Hỏa cục, **khắc**, đời không suông sẻ. Giá ông chỉ làm đạo sĩ, khoác áo nâu, ngồi am bàn chuyện năm châu, thì giấc mộng Phi Lạc đại náo Tầu, Mỹ, Nga của ông an toàn hơn.

(2) Theo cuốn *41 Năm Làm Báo* và *Người Mỹ Ưu Tư của Hồ Hữu Tường* –1968. Chúng tôi phỏng đoán cô này là Nga Do Thái, họ rất quốc tế, thường nói được nhiều thứ tiếng. Hồ Hữu Tường đánh giá cô ta mang tầm vóc Borodin ở Âu Tây.

(3) Hồ Hữu Tường bàn về Giáo dục theo phương pháp mới, ông viết tắt là EOMIR, chúng tôi chỉ nhớ E là Education, không nhớ rõ các chữ tắt sau.

HỒ HỮU TƯỜNG TRÒ CHUYỆN VỚI NGUYỄN NGU Í

(*Sống và viết với Hồ Hữu Tường* - Nguyễn Ngu Í, Sài Gòn, 1966)

LTS. *Sau đây là một số đoạn chúng tôi trích từ cuốn "Sống và viết với Hồ Hữu Tường," do Nguyễn Ngu Í viết lại những cuộc trò chuyện với Hồ Hữu Tường, bắt đầu từ năm 1946 ở Hà Nội, kết thúc vào 1966 ở Sài Gòn. Nguyễn Ngu Í viết quyển này theo lối chữ quốc ngữ cải cách của ông, chúng tôi đánh máy lại sửa thành chữ thường để độc giả dễ đọc.*

(...)

Một đêm mùa hạ, năm 1954. Anh sắp sửa lên đường sang Pháp để rồi đi Genève vận động cho "Trung lập chế," tôi ở lại chơi với anh có hơi khuya, và bởi căn phố anh ở hẻm Frère Louis ấy tối đến muỗi khá nhiều, nên chúng tôi chui vô mùng trò chuyện. Bỗng anh hỏi tôi có đọc *Phong Kiếm Xuân Thu?*

Tôi gật đầu.

- Thế anh phục ai?

- Tôi đọc lúc lên mười. Đúng hơn là đọc cho bà chủ trọ nghe trong những ngày nghỉ học lúc ở Phú Lâm. Không nhớ mình phục ai, song thương ai thì lại nhớ rõ!

- Ai vậy?

- Tôn Tẩn.

- Chắc vì Tôn Tẩn bị chặt cụt chân.

- Vì nạn ấy thì ít mà vì Tôn Tẩn quá thương mẹ, quá yêu Tổ quốc mình mà đem hết sức chống lại nhà Tần, tuy biết rằng "số Trời" đã định, Tần Thỉ Hoàng sẽ gồm thâu Lục quốc.

Anh im lặng một hồi, rồi chậm rãi:

- Trường hợp bi đát của Tôn Tẩn ám ảnh tôi từ thuở nhỏ. Và bây giờ, tôi càng thông cảm cái nỗi bi đát ấy của họ Tôn. Tâm sự với anh một chút trước khi đi. Từ cuối năm ngoái, tôi được biết Pháp và Việt cộng đã bí mật điều đình với nhau: chia hai đất nước mình. Như thế là một đại họa cho dân tộc. Miền Bắc Cộng sản sẽ bị áp bức và bóc lột nặng nề; miền Nam Quốc gia sẽ bị Cộng sản dùng sách thuật "thả sâu vào quả" mà chịu cảnh nội chiến triền miên. Thế là sau mười năm máu lửa, nước mình không được thống nhứt, dân mình còn bị lầm than và chết hại, "số Trời" định thế đó, tôi nghĩ ra biện pháp "Trung lập chế" thuyết trình trước một số thính giả chọn lựa, đăng trên báo *Phương Đông* (1) rồi sắp đích thân đi vận động ở Genève, là tôi muốn "cãi số Trời" như Tôn Tẩn thuở xưa.

Im lặng một chặp.

- Tôi có khi đâm ra lẩn quẩn. Không tin rằng dân tộc ta đã dùng sắt máu để tiêu diệt dân Chàm, mà đã đồng hóa họ nhờ Văn hóa cao hơn, thế mà sao đôi lúc tôi nghĩ rằng tổ tiên ta đã "làm sao ấy" đối với họ cho nên con cháu ngày nay phải trả cái "nợ" nặng nề kia. Có vùng vẫy đến đâu, rốt cuộc rồi bi đát cũng hoàn bi đát!

Và tôi nghe một tiếng thở dài. Nhưng liền sau đó:

- Nhưng đã là con Thần lằn đã chọn nghiệp (2) thì "cãi số Trời" cứ cãi cho đến hơi thở cuối cùng xem sao!

*

Một trưa mùa thu năm 1946, ở thủ đô Hà Nội. Tôi ngừng ở lại đầu thang gác. Anh đang chăm chú sửa ấn cảo một cuốn sách, trông anh có vẻ một học giả lừ đừ hơn là một chiến sĩ say sưa, hay một công nhân lanh lẹ, hai hình ảnh quen thuộc của anh lúc ở trong Nam. Tôi ngừng lại ở đầu thang gác, vì lần đầu bắt gặp ở anh hiện thân của sự đau buồn: cái lưng khom khom như mang gánh nặng vô hình, đầu tóc dài kém trật tự như không hề làm bạn với cái lược cái gương, đôi mắt có vẻ mệt mỏi, có dáng nặng nề, gương mặt hằn nỗi lo âu của sự luôn luôn phải đối phó, ở trong căn gác im lìm bày biện sơ sài, cạnh chiếc nôi mà thỉnh thoảng anh vói tay đẩy nhẹ. Mấy người bạn đường cũ, nay cỏ đã xanh mồ, riêng anh ngồi đây, giữa chữ, đưa con.

- Người chưa chết đang làm gì đó?

Anh quay lại, tròn đôi mắt, mỉm cười:

- Đang sửa di chúc đây.

Tôi bước lại gần anh:

- Di chúc để lại cho ai?

- Chịu khó đọc vậy.

- *Tương lai văn hóa Việt Nam. "Tặng X. T. độc giả vị lai của quyển này..."*

Tôi nhìn "đứa con đỏ" đang nằm ngủ trong nôi, rồi nhìn anh:

- Để cho hai chục năm về sau?

- Ba chục năm.

- Tam thập nhị lập... À, anh khinh người đồng thời mà trọng kẻ đến sau. Anh "làm phách," thế mà "thiên hạ" chưa cho anh mò tôm nhá!

Anh không đáp, chỉ cười, một cái cười buồn, rất buồn.

*

(... ...)

Xét lại đời anh trong hai mươi lăm năm nay, hết thất bại nầy đến thất bại khác. Anh thì chắc sau những phen mệt mỏi, chán ngán không tránh khỏi, sẽ liên tục con đường "cãi số Trời" của mình đến hơi thở cuối cùng "để xem sao." Nhưng còn người bạn đời mà tù đày đã giành hết phân nửa thời gian chung sống với chồng?

- Chị có thất vọng về anh không?

Chị nhìn tôi, như chưa hiểu câu tôi hỏi.

- Anh cứ đuổi theo những mộng mà thiên hạ cho là khó thành, để mình chị gánh vác bao nhiêu là bổn phận, hẳn chị có lúc cũng thấy ông chồng "kỳ khôi" của mình làm mình thất vọng phần nào.

- Tôi hiểu chú muốn gì rồi. Tôi có những lúc khổ vì nhà tôi thật, mà không thất vọng. Vì ba mươi năm về trước, khi nhận lời làm vợ nhà tôi, thì nhà tôi là một anh chàng công nhân, mà tôi không biết tên thật là gì.

- Sao lạ vậy chị?

- Lúc đó chúng tôi là đồng chí, hoạt động trong bí mật.

- Việc cũng ly kỳ. Nếu chẳng có gì bí mật, chị có thể cho biết sơ qua cái thuở ban đầu gặp gỡ ấy...

- Năm ấy, tôi hoạt động trong một chi bộ ở Cà Mau, thì được lệnh lên Sài Gòn. Bắt được liên lạc với người đồng chí cao cấp ấy rồi, tôi kín đáo theo anh xuống dưới gầm cầu Móng. Gặp một đồng chí lạ, mặc áo công nhân. Đó là đồng chí Năm, mà tôi phải sống chung làm một cặp "vợ chồng đối phó" để tiện bề hoạt động.

- Vậy anh chị đóng vai vợ chồng giả trong bao lâu thì thành "vợ chồng thật"?

- Ba tháng sau, chú à.

*

Năm đã hầu tàn. Anh có phần rỗi rãi. Tôi lợi dụng khoảng thời gian anh hết bận rộn vì chức vụ Phó viện trưởng và Giáo sư viện Đại học Vạn Hạnh mà quấy rối anh.

- Nhờ anh cho biết anh bắt đầu viết lúc nào.

- Lúc tôi mười sáu tuổi, đang theo học Đệ nhị trường Trung học Cần Thơ. Tôi viết báo, báo tay với anh em cùng lớp. Chủ bút là người anh biết, *Trúc Hà* Trần Thiêm Thới, sau này sẽ đi xa trong báo giới và học giới; trong bộ biên tập, có hai anh này sau sẽ đi xa về Quân sự và Chánh trị, là Nguyễn Văn Tây và Ung Văn Khiêm. Lâu quá, tôi quên tên tờ báo học trò ấy. Nhưng tôi không quên việc tréo cẳng ngỗng này: báo Quốc ngữ, mà anh em giao tôi mỗi kỳ cố "rặn" cho ra một bài xã thuyết bằng tiếng Tây. Đố anh biết để chi? Để rủi báo có bị tịch thâu thì ông đốc Tây biết ngay đại ý tờ báo muốn nói gì.

- Chắc bài này không ký tên.

- Có chớ. Ký biệt hiệu Tây đàng hoàng: *Vu-Tren*!

- *Vu-Tren?*

- Nói lái là *Ventru*. *Ventru* nghĩa là "Bụng bự." Lúc đó bụng tôi to hơn mức bình thường, anh em gọi đùa tôi là "*Tường bụng*."

- Hồi đó, mà anh đã tỏ ra "rắc rối" rồi! May mà anh chưa biết biện chứng pháp... phổ thông! Không thì bạn học còn "ngán" anh đến đâu! Tờ báo tay ấy có thọ không, anh?

Anh lắc đầu:

- Nhân vụ án Nguyễn An Ninh, bọn chúng tôi tham gia phong trào bãi khóa, và bị đuổi. Sang Pháp, tôi lại viết báo... bằng tiếng Pháp lần nữa, và ở một trường hợp đặc biệt. Anh Thâu đang viết loạt bài "*Après Yên-Bái, que faire?*" (3) trong tờ *La Vérité*, thì bị trục xuất vì dự cuộc biểu tình trước điện Élysée phản đối việc xử tử Nguyễn Thái Học với 12 liệt sĩ Việt Nam Quốc dân đảng. Tôi và anh Hùm nhờ lẹ chân trốn sang Bỉ lên khỏi bị đuổi về nước. Tôi thay anh Thâu viết tiếp loạt bài bỏ dở.

- *Après Yên-bái, que faire?* Ký tên ai?

- Ký: *Un émigré indochinois* (4).

- Thế bao giờ anh mới bắt tình với báo Việt?

- =Năm 1931. Khi ở Pháp về. Anh Thâu có người thày cũ rất thương anh, anh Nguyễn Văn Bá, lúc ấy nghỉ dạy và trông nom tờ *Công Luận*. Anh Thâu đưa tôi lại thăm thầy cũ, và trổ tài hùng biện để kéo thầy cũ theo chủ nghĩa của mình. Anh nói nhiều, không để thày nói bao nhiêu. Làm ông Bá bực. Còn tôi vốn trầm lặng, ít nói, nên ngồi làm thinh mà nghe. Ông Bá hỏi, tôi mới trả lời; ông có cảm tình với tôi ngay và mời tôi cộng tác. Tôi nhận lời, và bút hiệu Bửu Liên

của tôi xuất hiện từ đó.

- Báo Tây, báo Ta, báo công khai... giờ anh cho biết về báo... bí mật, thứ báo chẳng thấy trưng bày trong cuộc triển lãm 100 năm Báo chí vừa qua ở nhà Văn hóa.

- Tôi chắc anh em bây giờ không ai còn giữ được số nào. Có trên ba chục năm rồi, và biết bao nhiêu phen máu lửa xảy ra! Họa may Công an còn giữ số nào chăng, nếu được thực dân Pháp không chở về Tây để làm của quý! Anh nhờ nói đến việc này, là anh làm tôi trẻ lại như hồi mới hai mươi! Viết bài, thì tôi viết. Anh Đào Hưng Long, chữ tốt, đóng vai trò "thợ sắp chữ," nghĩa là ảnh chép lại những bài của tôi bằng mực tím đậm rồi giao cho "nhà in," tức là những nữ đồng chí có nhiệm vụ "in" ra trên xu xoa. Anh chắc cũng biết qua lối "in" này. Úp bản cái lên mặt khuôn xu xoa, vuốt cho đều tờ giấy, để đó mười lăm phút cho mực thấm vô xu xoa, vuốt cho giấy sát. Rồi gỡ bản cái ấy lên, mình có bản chánh "in" ngược lên xu xoa. Giờ chỉ còn lấy giấy để lên mặt xu xoa, vuốt giấy cho sát, để chừng một phút, gỡ ra. "In" độ năm mươi bản thì chữ mờ. Tôi có nghĩ ra một cách có lợi cho việc "in xu xoa" này. Thói thường là nấu xu xoa, đổ vô một cái khuôn, và chỉ dùng được có mặt xu xoa ở trên mà thôi. Tôi cho cắt những tấm kiếng bằng nhau để trong khuôn, tấm này cách tấm kia độ một phân (giữa hai tấm kiếng ở hai đầu, có cây cạnh cao chừng một phân), đổ xu xoa vô, thì mỗi lớp xu xoa có hai mặt, mặt trên in cũng được, mà lật lại mặt dưới, in cũng được. Ví như ta có năm tấm kiếng thì ta có sáu miếng xu xoa, tức là mười một mặt xu xoa in được.

- Chẳng khác nào trước ta có một máy in, mà giờ ta có mười một máy in vậy. Thế mà anh chẳng làm đơn xin bằng phát minh cũng uổng!

Chúng tôi cùng cười. Rồi anh tiếp:

- Đến khoảng 1935, chúng tôi có ý chẳng ngu này: làm sao báo bí mật của đoàn thể mình "in" bằng chữ nhà in, mà gạt được bọn mật thám Tây. Nghĩa là làm sao cho chúng nó bảo nhau báo này không thể in ở Việt Nam được, mà in ở bên Pháp; được thế, chúng không tìm ở bên này, mà lo kiếm ở bên Pháp để làm cho ướt ngòi từ Mẫu quốc.

"Chúng tôi tổ chức một cuộc ăn cắp. (*Anh mỉm cười*). Chuyện đã xưa rồi, bây giờ khai ra đây, chắc không ai bắt thường bắt tội mình đâu. Chúng tôi tổ chức một đám trẻ em, xin vô làm nhà in Ardin, học nghề sắp chữ. Anh còn nhớ nhà in Pháp này ở đường Catinat chớ? Nhà in lớn, có chú hạch gác cửa, giờ về, chú khám thợ thuyền, sợ ăn cắp chữ. Thế mà không khỏi tay... các "tiểu đồng chí" của chúng tôi. Mò túi, rờ lưng, chú hạch chẳng bắt được gì. Thế mà về đến cơ quan, các em nộp "chiến lợi phẩm" cho chúng tôi: trung bình mỗi ngày bốn gói, mỗi gói độ vài chục chữ. Đố anh biết các em làm sao qua mặt chú Chà-và gác dan kia không? Chữ ăn cắp, các em giấu trong... gi đông xe đạp. Kiến tha lâu đầy ổ. Rồi một ngày nào đó, chúng tôi "đủ sức" dựng một cái "nhà in" bí mật. Nói dựng nhà in cho oai, chớ thật ra là cất một cái chòi, để các em ở đó. Ban ngày lại nhà in thực dân, học; ban đêm, về nhà in của mình, thực hành. Tôi còn nhớ anh bạn phụ trách "nhà in" này, anh tên X hiện ở Paris. Sắp chữ xong xuôi, "mi" rồi, là vỗ. Công phu nhất là phần việc chót này. Vỗ cho cẩn thận, cho khéo léo, thì tờ báo xem i hệt như là in máy thật. Tờ *Thường Trực Cách Mạng* "in" bí mật theo lối này, làm bọn mật thám bứt đầu bứt cổ. Số in à? Thường thì vài trăm. Gặp trường hợp đặc biệt, tới mấy ngàn.

Và mắt anh như mơ màng. Chẳng biết anh nhớ đến một thời hay những bóng hình ai.

Tôi thì nhớ dịp kỷ niệm trăm năm Báo chí, nên chưa muốn rời địa hạt này. Huống hồ chi lại định hỏi anh về tờ báo đã từng đóng một vai trò lịch sử trong công cuộc chống thực dân và phong kiến, mà đời hoạt động cách mạng của anh lúc đầu "ăn chịu" nhiều với báo.

- Anh bật mí báo chí bí mật do anh điều khiển, bao nhiêu đó cũng tạm đủ. Nhờ anh cho biết về tờ báo công khai *La Lutte*. Mấy anh dính líu mật thiết với nó đã bị Đệ tam sát hại cả, chỉ còn có mình anh. Gợi kỷ niệm xưa, chắc anh buồn, nhớ những bạn đồng hành xấu số, nhưng anh lại giúp cho anh em đến sau một số tài liệu sống của người trong cuộc.

Anh hơi mỉm cười:

- Nói ra, thì khó tin, nhưng nguyên nhân ra báo là một trò "giỡn chơi." Mà giỡn chơi với nhà cầm quyền Pháp. Số là sắp có cuộc tranh cử Hội đồng thành phố. Anh em có ý đưa ra một sổ đối lập với các sổ tay sai thực dân. Lấy tên là sổ Lao động, gồm có mười hai người. Tôi chỉ nhớ tên sáu người là Nguyễn Văn Tạo, Trần Văn Thạch, Lê Văn Thử, Lê Văn Lưỡng, Huỳnh Văn Tài. Đứng trong sổ Lao động nên nghề nghiệp anh em đưa ra đều có màu sắc Lao động cả, trái lại với các ông điền chủ nhà giàu. Tạo làm nghề viết báo, Thạch làm nghề dạy học. Thử với "chức": thợ nhà in, Lưỡng: thợ máy, Tài: lon ton. Có sổ rồi,

phải có báo, vì có báo ai mà dám cổ động cho bọn tay làm hàm nhai này. Ra báo chữ Tây cho khỏi phải chịu chế độ kiểm duyệt. Chúng tôi nhờ ông Ganofsky làm quản lý. Ông là một nhà báo, có tinh thần cấp tiến, nên vui lòng tham gia "trò chơi" này. anh em thì nghèo mà số đầu cần ra gấp, tiền chạy chưa đủ. May thay, ông huyện Của, chủ nhà in Union và cũng là chủ tớ báo kỳ cựu *Lục tỉnh tân văn*, vui lòng cho in chịu. Báo chạy. Trả nợ nhà in và lo tiền cho số kế. *La Lutte* đợt đầu chỉ bán ra có bốn số, trong thời vận động tranh cử. Đến số bốn, mới có tôi.

- Thế lúc ấy, anh ở đâu?

- Tôi bị kẹt trong tù. Kẹt sáu tháng. Về tội... "báo bí mật." Và lãnh ba năm tù treo. Sẵn đây, tôi kể anh nghe vì sao tôi từ bí mật ra hoạt động công khai. Cũng do một người bạn "giỡn chơi." Vừa ra tù, tôi đi dự một cuộc họp ở rạp hát Thầy đội Có ở Tân Định, do các ứng cử viên đối lập với sổ Lao động tổ chức để vận động cử tri. Những cuộc họp như thế, có chất vấn, có tranh luận, nên mở đầu là giới thiệu người vào chủ tọa đoàn. Anh Nguyễn Bá Tường (giờ là một nhà triệu triệu phú, một trụ cột của xưởng thuốc điếu Bastos) muốn phá tôi chơi, bèn giới thiệu tôi làm thị sự (ascesseur). Tôi đành phải bước lên diễn đàn. Thính giả cười ồ. Vì tôi mới ở khám ra, "cái đầu trọc lóc như trái dừa khô." Anh bạn nhân đó bồi thêm một chưởng: "Đây là một nhà chánh trị thứ thiệt. Thành tích chống thực dân ở ngay trên đầu. Để đồng bào tiện bề kiểm soát!" Cả rạp vỗ tay. Từ trước, tôi hoạt động trong bí mật, có viết bài ở báo công khai, thì đều ký biệt hiệu, nên đại chúng chẳng biết tôi làm chánh trị. Lần này vì bạn phá chơi, tôi kẹt, mà phải ra công khai từ đó. À, tôi quên nói là việc xảy ra năm 1933. Còn có điều đáng nói là trong những buổi tổ chức như thế, anh em trong sổ Lao động thường "cướp diễn đàn." Nhờ kinh nghiệm quần chúng, nhờ tài hùng biện, nhờ tài xoay xở. Người ta tốn của mướn rạp, tốn công mời công chúng, mình chỉ có chờ cơ hội là nhảy ra bắt bí diễn giả đối lập, làm họ tắc tị, hay khiến họ làm trò cười cho thính giả, rồi mình lôi cuốn công chúng về phe mình, và tha hồ tuyên truyền, cổ động cho "gà" nhà. Người ta dọn cỗ sẵn để mình ăn!

Anh như toan nói gì thêm, nhưng lại dừng. Sao tôi lại đoán rằng anh định nói: "Sân khấu Chánh trị ba mươi năm về trước coi *vui nhộn* hơn bây giờ nhiều."

- Theo anh, thì ra *La Lutte* đợt đầu là để "giỡn chơi" trong mùa tranh cử Hội đồng thành phố Sài Gòn - Chợ Lớn, nhưng còn qua năm sau, các anh cho ra lại *La Lutte*, cơ quan binh vực quyền lợi cho giới lao động, thì lần này là "làm thiệt" chớ?

Anh gật đầu.

- Vậy vì nguyên do nào?

- Hơi dài dòng đó. Năm 1934, phái đoàn Cộng sản Pháp do Gabriel Péri cầm đầu qua xem xét tình hình, thấy hàng ngũ Đệ tam tan rã gần hết, Péri mới tìm Nguyễn An Ninh để bàn bạc (Anh Ninh vốn là một chiến sĩ thuần túy quốc gia, nhưng anh không ngần ngại gì bắt tay với các tổ chức quốc tế để chống thực dân, nên có cuộc đối thoại mà tôi rút gọi như sau:)

Péri: Thất bại trong bí mật, sao Đệ tam không tìm ra công khai?

Ninh - Vì không đủ tài.

Péri - Không đủ tài thì bước đầu hợp tác với những người có tài. Rồi sau sẽ tùy cơ ứng biến. Nhóm nào có năng lực?

Ninh - Nhóm Tờ rôt kit.

Péri - Có đông không?

Ninh - Năm, sáu đứa.

Péri - Họ bằng lòng hợp tác?

Ninh - Tui nó dễ chịu lắm.

Thế là Péri chuyển đề nghị qua Moscou. Moscou chấp nhận. Paris mới đưa ra chỉ thị cho Sài Gòn; anh Ninh làm mối lái. Anh em chúng tôi bằng lòng: nhóm *La Lutte* thật sự ra đời sau đó. Nó gồm có những phần tử Đệ tam, Đệ tứ và những phần tử chân chánh quốc gia như Nguyễn An Ninh, Trịnh Hưng Ngẫu. Tờ *La Lutte* lại ra đời, đánh số 5 ngày 4-10-1934. Qua tháng hai năm sau, nhóm quyết định đưa người ra tranh cử Hội đồng Quản hạt. Bản tuyên ngôn của nhóm (Aux électeurs des classes moyennes: Gởi cử tri các giai cấp trung lưu), Thâu và tôi thảo. Anh em bảo tôi ra, tôi không chịu, vì không thích, mà cũng vì tôi trẻ nhứt trong đám anh em, thiếu hai tuổi để làm ứng cử viên. Nhưng anh em cứ biên đại tên tôi, đứng cùng sổ với Phan Văn Hùm, Nguyễn Văn Nguyễn, ra quận 1, gồm những tỉnh Bà Rịa, Biên Hòa, Thủ Dầu Một. À, chút nữa quên, còn Côn Nôn nữa!

Tôi cười:

- Quả là tiền định. Ba anh ra ứng cử cái quận có Côn Nôn, nên về sau, anh nào cũng nếm mùi Côn Đảo. Còn anh thì thiếu hai tuổi... nên duyên nợ với nó đến hai lần! Mà này, như thế, thì hai Đệ tứ và một Đệ tam ra ứng cử. Đệ tam chịu lép vế sao?

- Đâu có, còn sổ thứ nhì: Dương Bạch Mai, Nguyễn Văn Tạo, Trần Văn Thạch ra ứng cử quận nhì (tức Sài Gòn, Chợ Lớn, Tân An, Mỹ Tho). Nam kỳ lúc đó chia ra làm năm quận bầu cử.

- Nhưng chuyến "xuất quân" đầu tiên ấy thắng hay bại?

- Bại. Chúng tôi thất cử vì bị ăn gian thăm.

- Trong thời làm báo *La Lutte*, có gì vui không anh? Tranh đấu, thì có lúc bại, lúc thắng, khi buồn, khi vui...

- Tôi còn nhớ hai cái khoái. Một là ủng hộ Trần Văn Thạch trong việc mở mục *Petits clous* (Đinh cúc), và góp ý với ảnh để ảnh dùng giọng văn trào phúng mà viết mục bài phong kiến, đả thực dân này. Anh Thạch viết Pháp văn rất cừ và có duyên, nên mục *Đinh cúc* được độc giả hoan nghênh. Anh biết hạng độc giả nào đọc mục châm biếm này nhiều nhất không? Ba phần tư là... người Pháp. Thực dân Pháp ghét cay ghét đắng tờ La Lutte. Nhưng lại thích đọc mục *Petits clous* (có những người mua *La Lutte* để chỉ đọc có mỗi mục này), và buồn cười, là họ lại cho chúng tôi tuy dô để viết bài "hạ" đồng bào họ nữa chớ. Đó là cái khoái thứ nhứt. Cái khoái thứ nhì là việc hạ uy tín Nguyễn Phan Long ở phe Lập hiến. Bọn chúng tôi biết được hiện tượng kỳ cục này: thiên hạ phục Nguyễn Phan Long, chẳng phải vì đường lối chính trị của ông, mà vì ông viết tiếng Tây hay. Vậy muốn hạ con "Rồng" có uy tín với đồng bào này, thì tìm cách chứng minh rằng ông ta viết tiếng Pháp... sai mẹo. Anh em đọc thật kỹ các bài của ông Long, hễ thấy lỗi là mách cho anh Thạch. Anh Thạch bèn viết bài bắt bẻ Gờ ram me ông Long. Vài lần, là ông Long mất mặt với độc giả. Uy tín riêng của ông - và cả uy tín của đảng Lập hiến - sút đi vì vụ này. Các bạn trẻ bây giờ hẳn không tin đó là sự thật. Phải sống vào thời kỳ ấy, mới thấy có lúc không thể lấy cái "lô gic" (logique) mà giải thích một hiện tượng xã hội.

"Lại còn một điều tức cười này. Tòa soạn *La Lutte* ở 99 đường Lagrandière, giờ là đường Gia Long. Chắc chắn đó là tòa soạn nhỏ hẹp nhất của báo... công khai. Nửa căn phố thôi, vì phân nửa đầu bị cái thang lầu chiếm gần hết. Nhỏ, hẹp

Hai bài thơ của
HUỆ MINH (bà Hồ Hữu Tường)

THU 1941

Lá thu lác đác, giọt thu rơi,
Cảnh ấy tình đây ruột rối bời.
Con dại liu chiu thân gió bạt,
Mẹ già lụm cụm tóc sương phơi.
Tuổi chàng đang thắm: vùi lao lý,
Duyên thiếp còn xanh: khóa mộng đời.
Ly cách, lại rồi ly cách nữa,
Trùng phùng tưởng đến lệ đầy vơi.

NHỚ NHAU (1959)

- Nhớ chàng... thôi cách trùng dương,
- Nhớ nàng... lối cũ cố hương mộng về!
- Thân chàng: sóng gió tư bề,
- Phận nàng: áp bóng trăng thề mà mơ.
Chàng đi cho thỏa nước cờ,
Quản chi thiếp đợi bên bờ tử sanh.
Côn Sơn đất nước có lành?
Dung người phước mỏng chưa thành chí ngang.
Dù cho duyên kiếp lỡ làng,
Non sông mà được vinh quang, thiếp đành.

lại bất tiện, nên chẳng ai thèm mướn. Phố của chú Hỏa. Chúng tôi chỉ phải trả tiền phố tháng đầu. Những tháng sau - mà chúng tôi ở đó tới hai năm - chú Hỏa không dám thâu tiền phố chúng tôi.

- Không dám? Anh chủ quan rồi đó. Chú Hỏa cũng thuộc về đám... thực dân da vàng, thì có sợ gì đám dân lao động bị trị các anh. Chẳng qua là chú Hỏa biết các anh nghèo, nên... thương tình, không nỡ thâu tiền phố đó thôi. Vả lại người Tàu vốn thấy xa, nên chú tư bản này bắt đầu thực hiện khẩu hiệu: "lao tư hợp tác" mà các anh vì say cái thuyết tranh đấu nên chẳng hiểu cái "logic" ấy!

Chúng tôi cùng cười.

- Bây giờ, hỏi anh đôi cái bí mật trong nghề đây. Tuần báo *La Lutte* mỗi kỳ in bao nhiêu số?

- Một ngàn.

- Cái vốn để ra báo...

- Anh em chúng tôi góp tiền kẻ ít người nhiều. Rồi các nhà trí thức hảo tâm giúp đỡ, nên phần tài chánh cũng nhẹ lo. Hơn nữa, lần lần tờ báo tự túc được.

- Làm báo mà khỏi lo "chạy tiền" là các anh thành công trên mặt thương mãi rồi đó.

- Nhưng làm báo để tranh đấu, thành ra vẫn cứ "chạy tiền" như thường. Cần tổ chức những cuộc đình công, bãi thị để chống thực dân, thì phải sẵn tiền để giúp đỡ anh chị em cơm nước hoặc thuốc men trong suốt thời gian tranh đấu.

- Anh còn nhớ mỗi lần tổ chức một cuộc tranh đấu như thế, cần bao nhiêu tiền?

- Một ngàn. Nhưng ngàn đồng lúc đó lớn hơn ngàn đồng bây giờ nhiều. Anh muốn hỏi "chạy" đâu ra một số tiền lớn thế? Thì đi quyên. Những người bạn hay quen biết giầu có mà ghét thực dân, không phải ít. Họ luôn luôn sẵn lòng. Kẻ công người của!

- Có chút thắc mắc nầy, vừa dính đến báo lại dính đến sách. Có vài người nói quyển "*Phong kiến là gì?*" của anh ký Duy Minh, do nhà Minh Đức xuất bản năm 1946 ở Hà Nội là gồm những bài báo trước đăng ở *Công luận*, ký Phan Văn Hùm. Chẳng hay chị Hùm - Mai Huỳnh Hoa (5) - có tìm anh để hỏi đầu đuôi câu chuyện chưa?

Anh "À" lên một tiếng.

- Chị Hùm - Mai Huỳnh Hoa (để nói theo anh) tới nay chưa làm "khó dễ" gì tôi về vụ "sang đoạt" này. Chắc là chỉ chưa hay. Số là dạo ấy, năm 1935, nếu tôi nhớ không lầm, "ông già" Phan Khôi có viết một bài dài, cho rằng nước Việt ta không có gì là phong kiến cả, và những kẻ nào nói có, là những kẻ dốt. Rồi ông lại kêu đích danh Phan Văn Hùm ra bút chiến với ông. Anh Hùm không thể làm thinh. Nhưng khổ nỗi là ảnh chuyên về Triết học, mà không chuyên về Xã hội học. Trong anh em, tôi là người đã nghiên cứu chút ít về môn này, nên lãnh cái "nợ" viết những bài trả lời lão tướng Phan Khôi. Anh Hùm sửa lại cho có "giọng" của ảnh và ký tên ảnh. Tuy thế, vốn là người cẩn trọng, ảnh chú rằng tài liệu vốn mượn của tôi.

- À ra thế!

- Trong những phong trào chính trị, thường thì người này viết tài liệu, rồi để người khác ký tên. Các sử gia về sau nếu chỉ căn cứ theo những gì nằm trên giấy trắng mực đen, thì làm sao tìm cho ra sự thật! Tôi xin đưa ra một trường hợp của tôi: chính tôi là người điều khiển tạp chí bí mật *Thường trực Cách mạng*, nhưng khi đổ vỡ, thì một đồng chí đứng ra "chịu tội" trước pháp luật. Mai sau, có sử gia nào đó tìm tòi trong hồ sơ của tòa án, thấy tên người đồng chí nọ, vội bằng lòng với kết quả đó, rồi công bố trong sách vở mình, trong khi "chánh danh thủ phạm tên là thằng tôi!" Và nếu lúc ấy, những người trong cuộc không còn, thì sự sai lầm kia được truyền mãi về sau, như là một chân lý!

Nhân trường hợp của tôi mà suy ra, tôi mong những ai muốn viết về lịch sử nước nhà trong thời Pháp thuộc - nhất là về những đảng Cách mạng - phải hết sức cẩn trọng và chớ có bằng lòng những tài liệu đã có trong sách, trong báo. Khảo cứu mà làm như Nguyễn Văn Tố trước kia, tôi cho là hẹp hòi, máy móc, khó tìm ra sự thật.

- Tôi nhớ anh có đem "ông cụ" Ứng Hòe nhà ta mà ngạo trong Phi Lạc sang Tàu, với bốn câu hỏi đặt vào miệng ông ấy: "Ngài dựa vào sách nào? Trang mấy? Tờ a hay tờ b? Dòng thứ mấy?"

- Tôi dụng ý công kích cái tinh thần "nệ sách" của một hạng người khảo cứu mà điển hình là "Tố tiên sinh!"

- Thế là anh đả kích phương pháp sử học của Âu - Mỹ mà các "sử gia" của ta tốt nghiệp tại các trường Sorbonne, Harvard, Columbia đang áp dụng trong khi nghiên cứu sử nước nhà hoặc đang truyền lại cho sinh viên "bản xứ."

- Tôi đâu dám phê bình phương pháp sử học Tây phương, vì tôi không phải là một sử gia, mà cũng không phải là người rành sử. Chẳng qua là tôi muốn góp chút ý mọn của mình, là hoàn cảnh nước nhà nó có khác, vậy nên uyển chuyển trong

việc nghiên cứu sử của dân tộc, chớ còn một mực áp dụng phương pháp học ở phương trời Tây, thì e kết quả thâu thập có phần thiếu sót, không sống động, đôi khi còn có thể sai lạc. Bởi vì nước ta thường sống trong cảnh loạn ly, tài liệu chép, in mất đã nhiều, mà còn tệ một nỗi là triều đại sau có cái thói hủy diệt dấu tích triều đại trước nếu triều đại này vốn là thù nghịch; lại còn ngàn năm thuộc Tàu, trăm năm thuộc Pháp. Viết sử nước nhà trong hai thời này, mà chỉ căn cứ vào tài liệu của sử gia Tàu, Tây (hoặc sử gia người mình mà mất gốc), thì hẳn là khó mà đầy đủ, khó mà chính xác. Tôi tưởng ta không thể bỏ qua loại văn chương truyền khẩu thời Bắc thuộc, văn chương "quốc cấm" thời Pháp thuộc ở trường hợp này.

"Tôi mong sao các sử gia của ta, xuất thân từ các trường dạy sử danh tiếng Âu - Mỹ, ngoài các phương pháp của Seignobos, còn cố tìm phương pháp của văn chương sử liệu."

(.....)

- Tác phẩm mà tôi mong được dịch ra tiếng Pháp, Anh... và xuất bản ở Âu, Mỹ để làm bức thơ cám ơn chung cho những ai ở ngoại quốc và ở trong nước đã ký tên xin ân xá cho tôi, là bộ *Thuốc trường sanh.*

Tôi viết nó ở trong tù Côn Đảo, tháng 4 và tháng 5-1958. Đó là một quyển khảo cứu về Triết học, trình bày dưới hình thức tiểu thuyết, có tánh chất thời đại. Nó khảo cứu về thuyết nhân quả, về hành động, về đức tin. Các nhà văn Âu châu tả sự cô đơn của cá nhân; trong *Thuốc trường sanh*, tôi tả sự cô đơn tập thể, sự cô đơn của nhóm Tuyết-Lê, trong thế giới hai phe đương chống đối nhau kịch liệt bằng máu lửa, mà không theo một bên nào được, nên đuổi theo mộng "lập cái hố của đấu tranh, của hận thù." Và nhân vật chánh trong tiểu thuyết tượng trưng này, tôi dành cho loài cọp, mà tôi thấy hơn loài người: cọp giết người vì bản tánh tự nhiên, còn người giết người lắm khi vì một cớ không đâu.

- Anh viết nó chắc là không giống như mấy lần trước: bị anh em giao cho trách nhiệm viết tuyên ngôn, thuyết trình, khảo cứu, bị vợ hụt tiền chợ xúi anh bán văn, bị ở vào cảnh không còn sanh kế nào khác, như có lần ở Côn Đảo anh viết thơ cho tôi, khi tôi phỏng vấn anh về truyện ngắn hay cho *Bách Khoa.*

- Đúng vậy. Lần này, không bị ai hay bị gì bắt mình phải viết. Mà chính mình buộc mình phải viết. Và viết có chương trình hẳn hoi. Để quên cái ám ảnh bị chết mòn. Vì rời khám Chí Hòa, vô ngục Côn Nôn, chúng tôi thấy ngay anh em họ Ngô Đình quyết tình giết chúng tôi một cách từ từ mà chắc chắn: chân bị còng, đồ ăn nuốt chẳng vô: mắm chưng thì mục nát, cơm đỏ thì hẩm, lộn đầy thóc sạn. Tôi cắm đầu cắm cổ viết, trừ giờ ngủ và giờ ăn.

- Hẳn lúc ấy, anh viết một cách say sưa?

- Không đâu. Tôi say sưa hành động thì có, còn say sưa viết thì không. Tôi viết đều đều, chậm chậm. Anh đã thấy bản thảo mấy tác phẩm tôi viết ở Côn Đảo thì rõ: tuồng chữ đều đều, chẳng có vẻ gì là "chuếnh choáng hơi men" cả, thỉnh thoảng mới bôi hay thêm đôi chữ.

- Với bộ *Thuốc trường sanh*, hẳn là anh phải làm một cái dàn trước?

- Làm sơ trong đầu thì có, chớ làm trên giấy thì không. Mà quyển nào cũng thế, trước kia cũng như bây giờ. Nuôi đề tài trong trí, rồi cầm viết lên là viết. Chỉ trừ một lần. Mà lần nầy, chẳng phải tôi làm cho tôi, mà cho anh Khái Hưng. Việc xảy ra ở Hà Nội, năm 1946. Tôi có bàn với anh Khái Hưng nên đưa hình thức tiểu thuyết mới, vì từ 1945, quần chúng bước ra sân khấu lịch sử, vai trò của cá nhân phải lu mờ trước vai trò của đoàn thể. Vậy, nội dung và thể tài của tiểu thuyết này phải khác. Anh Khái Hưng đồng ý, và chúng tôi hợp tác với nhau để viết chung một bộ tràng giang tiểu thuyết. Tôi chọn đề tài, dựng sườn, phác họa nhân vật; anh Khái Hưng viết. Tên bộ tiểu thuyết: Gái nước Nam làm gì? Quyển đầu có tên: *Nổi cơn gió bụi*, mượn ở câu đầu "Chinh phụ ngâm": *Thuở Trời Đất...*

- Chớ không phải *Thu Hương*?

- Không. *Thu Hương, Chị Tập* là hai phần trong bộ *Gái nước Nam làm gì*? cũng như *Jean Valjean, Fantine, Cosette, Marius*, trong bộ *Les Misérables* của Victo Hugo.

- Nhưng sao lại chọn đề tài *Gái nước Nam làm gì*? mà không *Trai nước Nam làm gì*? như một cuốn sách viết về thanh niên của anh Hoàng Đạo Thúy?

- Vì người con gái hành động do tình cảm, theo bản năng, mà rất nhẹ về lý trí. Tôi thấy lúc ấy lịch sử sắp lật qua trang mới, nên tôi muốn đặt lại vấn đề: "Hành động phải làm sao?" trong bộ *Gái nước Nam làm gì?* Anh Khái Hưng sửa soạn bắt tay vào việc, thì chiến tranh toàn quốc bùng nổ. Anh tản cư rồi bị hại. Tôi bị quân Pháp bắt về Hà Nội, rồi tôi về Sài Gòn. Tôi mới viết hai phần giữa rút ra trong bộ ấy. *Thu Hương*, rồi *Chị Tập* ra đời trên nhựt báo *Ánh sáng*, rồi sau in thành

sách. Đây chỉ là hai phác họa trong cái bích họa dự định để đánh dấu sự chỗi dậy của dân tộc khởi từ 1945, mà sự chỗi dậy này chẳng những đánh dấu lịch sử nước mình, mà cũng đánh dấu lịch sử nhân loại, vì do đó mà khơi mào cuộc chiến tranh nguội giữa hai khối Cộng sản và Tư bản. Tôi vẫn luyến tiếc cái dự định văn chương này, nên ra ngoài ngày tôi sẽ khởi đầu viết để đăng trên *Hòa đồng*.

- Trước *Thu Hương, Chị Tập*, có *Phi Lạc sang Tàu*, sáng tác dài đầu tay này hẳn làm anh mệt, như phần đông sáng tác đầu lòng?

Anh xác nhận rằng anh rất mệt vì cái quyển tiểu thuyết trào phúng này. Bởi anh phải giải quyết một bài toán hết sức khó, gồm năm phương trình:

1) Làm sao mà trình một văn kiện chánh trị vạch rõ được tiền đồ, chiến lược và triển vọng của dân tộc Việt?

2) Làm sao mà văn kiện này lọt qua lưới kiểm duyệt của Việt Minh cũng như của Pháp?

3) Làm sao mà văn kiện này, tuy lọt qua lưới kiểm duyệt, mà vẫn để cho quần chúng hiểu được nó nói gì?

4) Làm sao mà nó thâm nhập được trong nhân gian mau lẹ và có thể ảnh hưởng được thời cuộc nước nhà?

5) Làm sao mà độc giả xem qua một lần, không ném nó một bên lại dành để mà đọc đi đọc lại, và nhờ ánh sáng của thời cuộc rọi, mỗi lần đọc lại thấy phong phú và xác đáng hơn?

Do đó mà nói chuyện nước Tàu (Quốc, Cộng đánh nhau) để nói chuyện nước nhà sẽ phải chia hai, và chọn hình thức tiểu thuyết với thể tài trào phúng vốn được dân gian thích, rồi đến dùng sấm kí của Tàu và của Ta (dân ta thích nghe sấm, bàn sấm và suy nghĩ về sấm); họ của nhân vật chánh nhắc lại Quang Trung với chiến lược trước thành công ở Nam, sau thu công ở Bắc (nhưng không dùng biện pháp quân sự, mà phải dùng biện pháp chánh trị và đạo đức, tức là *Minh đạo*) và tên là tượng trưng cho đường lối dân tộc.

- Anh mà bạc đầu sớm cũng vì "mang nặng" đứa con so nầy. Như thế, hẳn khi đẻ nó cũng đau chớ?

- Mang nặng thì có, mà đẻ không đau. Lúc bấy giờ - năm 1948 - cả ngày lo chạy sống, gặp bạn bè xa gần, rồi khoảng bốn giờ chiều, ngồi lại, viết một mạch. Báo *Sài-gòn mới* cho tùy phái đến, viết được trang nào họ lấy trang nấy, tôi không thì giờ để đọc lại nữa.

- Anh tạo nhân vật chánh của bộ *Ngàn năm một thuở* ấy, cái anh chàng Phi Lạc chỉ đem cái miệng tài mà chọc Tàu, phá Mỹ, bỡn Nga, chắc cũng do một nhân vật thật nào đó...

- Do một nhân vật tưởng tượng mà người Việt nào cũng biết và cũng thích: đó là Cống Quỳnh.

- Còn nàng Thu Hương, cô sinh viên xinh đẹp và khả ái, tham gia phong trào cách mạng năm 45, và đi buôn lậu cho đoàn thể?

- Không cổ Thu Hương sinh viên, nhưng có Thu Hương buôn lậu mà tôi và anh Thâu đi nhờ xe từ Huế ra Hà Nội, sau khi tôi xoay cho cổ một cái giấy phép của ông bộ trưởng Tiếp tế, như trong sách đã kể.

- Việc cũ rồi qua việc mới. Một số anh em bực mình vì những gì anh viết sau này thường hay nói đến cái "tôi." Mà cái "tôi" của anh lại là cái "tôi" đặc biệt: anh thông minh, anh nhớ giỏi, anh có dính dấp đến những người, những việc lịch sử...

Anh cười.

- Thì tôi xin các anh em ấy đừng đọc những gì tôi viết nữa.

Rồi anh chau mày:

- Nghĩ cũng buồn: ta học thầy Pháp rồi đem cái câu "cái *tôi* đáng ghét" (Le moi est haissable) của Pascal nói từ thế kỷ XVII mà áp dụng cho ngày nay. Ngày nay, các nhà tư tưởng trên thế giới đều nhận cái học nó minh mông vô cùng, không ai dám nhận rằng mình nắm được chân lý, mình thấu hiểu tất cả, không ai dám nói với cái giọng tuyệt đối. Cho nên phải nói đến kinh nghiệm cá nhân của mình. Vì lẽ đó mà các nhà tư tưởng lớn hiện đại đều nói đến cái "tôi" của họ cả. Tôi đem cái "tôi" của tôi ra, chẳng phải để cho mình là một nhà tư tưởng lớn, mà để chịu trách nhiệm những gì mình nói. Kinh nghiệm bản thân tôi là thế. Tôi đã nghe như thế, tôi đã thấy như vầy, tôi đã nghĩ như vậy, tôi đã làm như ri, tôi đã là thế đó. Trong không gian nào, trong hoàn cảnh nào. Tôi thành thật với chính tôi. Tôi cho những ai hành động như thế mới đích thị là khiêm tốn. Tôi thẳng thắn: tôi không dùng ngôi thứ ba, tôi không nhờ một ai khác viết. Còn những anh em nào đó lại cho như thế là thiếu khiêm tốn, là tự đề cao, là khoe khoang khoác lác, thì tôi còn biết nói sao.

Ngừng một chặp, anh tiếp:

- Tôi viết tự truyện *Thằng Thuộc, con nhà nông* là để tôi tìm hiểu lại tôi, cái tôi thật ẩn náu tận đáy lòng, ở trong tiềm thức sau này tô lên một lớp sơn dày. Mà *Thằng Thuộc, con nhà nông* cũng là quyển đầu của bộ *Một kinh nghiệm sống*. Quyển kế sẽ là *Căm hờn*, tả nỗi lòng của tôi từ

khi ý thức được thân phận của mình, thân phận của con một nhà nông nghèo bị đè đầu, bị hiếp đáp, bị bóc lột; phải phục thù, tôi chụp lấy cái khí giới Mác-Lê. Quyển ba là *Mê li đồ*: người tín đồ cuồng tín của chủ nghĩa Mác-Lê là tôi đã hành động, rồi băn khoăn để tỉnh ngộ ra sao, đó là đại ý quyển này.

(.....)

- ... À, tôi muốn biết anh em, ngoài "cái *tôi* của tôi" còn thắc mắc gì nữa?

- Còn ba điều. Anh em muốn biết rõ vì sao anh công khai rời bỏ chủ nghĩa Mác-Lê mà anh đã phụng sự hết mình?

- Có nhiều nguyên do. Nhưng tựu trung có hai nguyên do chánh. Sau 1936, phong trào thợ thuyền ở Pháp xẹp, cuộc cách mạng bình dân ở I-pha-nho bị bỏ rơi, tôi thấy cuộc Cách mạng vô sản thế giới mà chủ nghĩa hứa hẹn sẽ không bao giờ có, tôi mất đức tin từ đó. Rồi tính năng nguyên tử xuất hiện, loài người mà cứ theo thuyết tranh đấu, sẽ tận diệt lẫn nhau. Tôi thấy chủ nghĩa Mác-Lê lỗi thời nên tìm một ý thức hệ khác cao đẹp hơn (6).

- Điều thứ hai: anh em thắc mắc sao khi đọc hai tiểu thuyết trào phúng mới của anh đăng trên **Hòa đồng**: *Tiểu Phi-Lạc náo Sài-gòn* và *Diễm Hồng xuất giá*. Họ thấy trong đó, anh "nói xuôi cũng ngược, nói ngược cũng xuôi." Chẳng biết đâu mà rờ!

Anh cười:

- Đó là tôi cố ý chứng minh rằng "biện chứng pháp" chỉ là một... luật sư. Luật sư ăn tiền thì dầu biết thân chủ mình có tội, cũng cãi xuôi rót. Với biện chứng pháp, hễ "ở đâu" muốn nó *trắng*, thì nó biện luận ra cho *trắng*, mà "ở đâu" muốn nó *đen*, thì nó làm ra cho *đen*. Không thể nhờ nó là tìm ra Chân lý được. Thế là tôi đã giải hai điều anh em thắc mắc. Còn điều thứ ba?

- Điều thứ ba... còn khuya! Để bao giờ thế chiến thứ... ba nổ, tôi sẽ cho anh biết. À này, anh ở tù nhiều lần, lại nhiều năm, hẳn lắm kỷ niệm. Anh kể cho đôi cái làm quà cho bạn đọc.

- Cha! người ta khó dễ với nhau để làm tiền, anh khó dễ với tôi để làm kỷ niệm. Thì tôi kể cho anh một kỷ niệm có tánh chất... lưu manh vậy.

"Lần tôi ở Côn Lôn kỳ nhất, có hai anh bạn trẻ rất mến tôi. Anh L. và anh N. Sau nầy, một anh làm khu trưởng, một anh làm bộ trưởng. Hai anh mến tôi đến đỗi học nghề ăn cắp để ăn cắp đồ ăn chia cho tôi! Ở tù, lúc nào mà no được, nên được một miếng khi đói trong hoàn cảnh ấy, bằng mấy gói khi no.

"Coi bộ anh muốn 'làm' một kỷ niệm nữa. Thì đây: lần nầy trong đất liền, khám Ca-Ti-Na, năm 1932. Tôi bị nhốt vào xà lim. Một lần nọ, người nhân viên gác khám trao qua cái lỗ vuông ở cửa một cái hộp quẹt, bảo nhỏ rằng trong đó có một bức thơ, của một cô 'rất ngộ' bị nhốt ở xà lim đằng kia nhờ gởi cho tôi, dặn tôi coi rồi thì nhai cho nhỏ rồi bỏ lỗ cầu tiêu. Tôi mở hộp quẹt ra, bức thơ là một bài thơ tứ tuyệt:

Thương người tình nghĩa nặng oằn vai,
Hồ hải tang bồng cả chí trai.
Hữu chí vô phần thân phải lụy,
Tường cao ngăn đón bực anh tài!

"Năm qua, có lúc buồn chán quá, tôi lại nhớ đến người-rất-ngộ-*nạn* mà mình không biết mặt, cũng chẳng biết tên. Và buồn cười, là tôi có lúc bắt gặp mình như chờ đợi một bà già tóc bạc đến tìm mình, mở đầu:

"Ba mươi năm về trước, một đêm vừa..."

*

Anh tỏ ý muốn tôi kết thúc bài này bằng một chuyện ngụ ngôn do anh đặt từ Côn Đảo, nhưng tôi không đồng ý với anh, mà lại chấm dứt bằng bốn câu của một bài thơ do anh làm ở Hà Nội (và anh đặt vào miệng một nhân vật đứng vào hạng chót trong xã hội nước nhà) nhưng lại đổi đi một dấu chấm câu:

Việc đời may rủi hỡi nầy ai,
Thành bại nào do một chữ Tài?
Lắm lúc không mong mà lại được,
Cho hay chờ đợi hóa ra sai?

Thủ đô nước Việt, đầu năm Ngựa (1966)

Chú thích:

(1) Số 12, ngày 13-3-1964

(2) Con Thằn lằn chọn nghiệp, tên một truyện ngắn triết lý của anh đăng ở tuần báo Mới, số 28, ngày 16-5-1956, sau đăng trong quyển "Nợ tinh thần," 1965. Bạn thân thường gọi đùa anh là "Thằn lằn chưa chọn nghiệp."

(3) "Sau Yên-Bái, làm gì đây?"

(4) Một người dân Đông Pháp kiều cư.

(5) Gọi dài dòng thế, vì có tới hai chị Phan Văn Hùm; chị Hùm trên đây vừa là bạn đời vừa là bạn văn của tác giả "*Nỗi Lòng Đồ Chiểu.*"

(6) Tôi nghĩ đến hai câu ca này của Phạm Duy ở bài hát *Kẻ thù ta* trong "Mười bài Tâm ca" vừa xuất bản:

Kẻ thù ta đâu có phải là người
Giết người đi thì ta ở với ai?

CON THẦN LẦN CHỌN NGHIỆP

HỒ HỮU TƯỜNG

Giữa một đường truông thăm thẳm, vắng vẻ, âm u, không một xóm nhà, ít người qua lại, có một cái am nhỏ. Am ấy mới cất độ non ba năm thôi. Trong am chỉ có một cụ sư già, thui thủi một mình, quanh năm chẳng được ai thăm viếng. Trước am, nơi giữa sân, chất sẵn một đống củi, vừa lớn vừa cao ngất, củi xếp rất vuông vắn, thẳng thắn, dường như được chăm sóc chẳng khác một vườn kiểng do một vị lão trưởng giả chăm nom.

Một hôm, trời đã tối rồi, nhà sư vừa lên đèn được một chặp, thì có hai người khách đến trước ngưỡng cửa vái mà thưa rằng:

- Bạch sư cụ, nhờ ngọn đèn dắt dẫn, chúng tôi mới dõi đến đây. Mong nhờ sư cụ, cho tá túc một đêm, sáng mai chúng tôi sẽ lên đường.

Nhà sư ung dung chấp tay đáp:

- Mô Phật, cửa thiền bao giờ cũng mở rộng cho người lỡ bước.

Rồi dừng một phút, dường như để trấn tĩnh nỗi vui đương sôi nổi trong lòng, nhà sư tiếp:

- Ngót ba năm nay, tôi mở am nơi này, không được một ai đến viếng. Ngày nay là ngày ước nguyện, may được hai ngài quá bước ghé nghỉ chân. Âu cũng là duyên trước...

Nói xong, nhà sư dọn cơm chay cho khách dùng, và câu chuyện không đề, vô tình dẫn khách đến câu hỏi:

- Bạch sư cụ, chẳng hay sư cụ thích tụng kinh nào?

Vui sướng, vì như gặp bạn tri âm, nhà sư đáp:

- Tôi quy y Phật pháp từ thuở bé, rừng thiền có thể nói rằng đã viếng khắp nơi. Cách ba năm nay, lòng huệ được mở ra...Và từ ấy tôi chỉ tụng kinh Di Lặc.

Một người khách hỏi:

- Sư cụ có thể cho tôi biết duyên cớ vì sao chăng?

- Mô Phật. Chỉ có lời nói, mà độ được người, sao tôi dám tiếc lời! Vậy tôi xin vui lòng mà nói cho hai ngài rõ. Bởi tôi đọc qua các kinh sách, thấy rằng Phật Thích Ca khi đắc đạo, có dạy: hai nghìn năm trăm năm về sau, Phật pháp sẽ đến chỗ chi li: ấy là hồi mạt pháp. Di Lặc sẽ xuống trần cứu độ chúng sanh và chỉnh đạo lại. Nay kể cũng gần đến kỳ hạn. Chắc là Phật Di Lặc đã xuống trần mà độ kẻ thành tâm tu hành. Bởi vì lẽ ấy cho nên tôi có nguyện tụng đủ một nghìn lần kinh Di Lặc. Nếu lời nguyện được y, ấy là tôi sẽ đắc đạo.

Người khách thứ hai hỏi:

- Sư cụ đã tụng được bao nhiêu lần rồi?

- Đã được chín trăm chín mươi chín lần. Bây giờ, chỉ còn lần thứ một nghìn: lần tụng của đêm nay. Chắc hai ngài trước có duyên lành, đêm nay đến mà chứng kiến tôi tụng lần thứ một nghìn ấy.

Đến đây, bữa cơm chay đã mãn. Khách mệt mỏi, xin ngả lưng. Nhà sư dọn dẹp trong am cho thanh khiết, rồi bước lại trước bàn Phật, khêu bấc đèn dầu, mở kinh ra mà khởi sự tụng. Tiếng tụng kinh chậm rãi, như nện vào không gian. Thỉnh thoảng một tiếng chuông ngân lên, đánh dấu chuỗi tiếng mõ dài đăng đẳng...

*

Trước khi nhắm mắt ngủ, hai người khách còn trao đổi vài câu:

- Tội nghiệp thay cho cụ sư già, quá mê tín, mất sáng suốt mà không giác ngộ. Phật pháp lập ra đã hai nghìn năm trăm năm về trước, tránh sao cho chẳng có chỗ lỗi thời. Nhận thấy có chỗ lỗi thời, các môn đệ ắt phải lo tài bồi, phát xiển mối đạo. Thế là có tư tưởng này, học thuyết nọ; rồi sinh ra môn, ra phái, ấy là nguồn gốc của sự chi li. Nay rừng thiền có hơn tám mươi bốn nghìn cội khác nhau, ấy là lẽ dĩ nhiên vậy.

- Tôi cũng đồng ý với anh về chỗ đó, và nghĩ thêm rằng: nếu bây giờ có một vị Di Lặc xuống trần thì vị ấy có trọng trách cất nhắc Phật pháp cho cao kịp với sự tiến hóa của mọi việc từ hơn hai nghìn năm nay. Và trách nhiệm của mỗi tín đồ của Phật là dọn mình cho sẵn để đón rước cái pháp mới sắp ra đời. Chớ mê mải trong việc gõ mõ tụng kinh, há chẳng phải phụ lòng mong mỏi của Thích Ca chăng.

Lời nói của hai người khách, giữa một cái am vắng vẻ, không dè có kẻ trộm nghe. Kẻ nghe trộm nầy là một con thằn lằn, đến ở am, khi am vừa mới dựng lên, và đã nghe chín trăm chín mươi chín lần kinh, nên có linh giác, nghe được tiếng người, biết suy nghĩ và phán đoán. Câu phê bình của hai người khách đã giúp cho con thằn lằn

giác ngộ. Nó vốn biết nguyện vọng của nhà sư: là hễ tụng xong lần thứ một nghìn, thì nhà sư sẽ lên giàn hỏa mà tự thiêu... Rồi nó nghĩ: nhà sư lòng còn mê tín, chưa được giác, phỏng có thiêu thân, thì làm sao nhập được Niết Bàn. Hay là ta tìm thế ngăn người, đừng để cho người thiêu thân, đợi chừng nào người giác, rồi sẽ hay.

Rồi con thằn lằn quyết định phải ngăn ngừa, đừng để cho nhà sư tụng xong lần thứ một nghìn. Nó nghĩ được một kế: ấy là nó bò lên bàn Phật, đến dĩa đèn dầu, ráng sức uống cạn dĩa dầu. Bấc sẽ lụn, đèn tắt, nhà sư không thấy chữ mà tụng nữa.

Một sức mầu nhiệm đã giúp con thằn lằn đạt được ý nguyện: chỉ trong một hơi mà dĩa dầu đã cạn, bộ kinh chỉ mới tụng quá nửa mà thôi. Đèn tắt, nhà sư ngạc nhiên, nhưng nghĩ: hay là hai người khách là kẻ phàm tục, không được duyên lành chứng giám việc đắc đạo của mình. Âu là xếp kinh nghỉ, chờ ngài mai khách lên đường, sẽ tụng lần thứ một nghìn ấy.

Nhưng sau đó, đêm nào cũng vậy, buổi kinh đọc chưa xong mà đèn lại tắt đi. Nhà sư có lúc tính tụng kinh lần này vào khoảng ban ngày, nhưng nhớ lại rằng khi xưa đã có lời nguyện tụng kinh vào khuya, tĩnh mịch nên không dám đổi.

Và một đêm kia, dằn lòng không được, tuy tụng kinh mà mắt chốc chốc nhìn đĩa dầu để xem sự thể do đâu, nhà sư bắt gặp con thằn lằn kê mỏ mà uống dầu. Nổi giận xung lên, nhà sư dừng gõ mõ, mà mắng rằng:

- Loài nghiệt súc! Té ra mi ngăn ngừa không cho ta được đắc đạo!

Rồi tay cầm dùi mõ, nhà sư nhắm ngay đầu con thằn lằn mà đập mạnh. Con thằn lằn bị đánh vỡ đầu, chết ngay. Hôm ấy, nhà sư tụng xong lần kinh, bước lên dàn hỏa, tự châm lửa mà thiêu mình.

*

Và cũng đêm ấy, hai cái linh hồn được đưa đến trước tòa sen của Phật. Uy nghiêm, ngài gọi nhà sư mà dạy:

- Nhà ngươi theo cửa thiền từ thuở bé, mà chẳng hiểu bài học vỡ lòng của Pháp ta là thế nào! Pháp ta đã dạy phải trừ hết dục vọng thì mới đắc đạo, mà ngươi lại dục vọng quá nhiều: bởi việc muốn đắc đạo, để được thành Phật kia cũng là một cái dục vọng. Có dục vọng ấy là THAM; bởi tham nên giận mắng con thằn lằn ấy là SÂN; bởi sân nên tưởng rằng trừ được con thằn lằn thì tha hồ tụng kinh, rồi đắc đạo, ấy là SI. Có đủ THAM, SÂN, SI tất phải phạm tội sát sanh, thì dầu ăn chay trường trọn đời cũng chưa bù được.

Tội của ngươi lớn lắm, phải tu luyện rất nhiều mới mong chuộc được. Vậy ta truyền cho Kim Cang, La Hán hốt hết đống tro đó tung khắp bốn phương trời. Mỗi hột tro đó sẽ hóa sanh làm một người. Chừng nào mọi người ấy được đắc đạo, đám chúng sanh ấy sẽ được quy nguyên, trở lại hiệp thành một, thì nhà ngươi sẽ đến đây mà thành chánh quả.

Rồi Phật cho gọi hồn con thằn lằn mà dạy:

- Nhà sư chưa được giác mà làm tội, tội ấy đáng giá là một mà thôi. Còn nhà ngươi, được nghe lời hai người khách, được giác một phần rồi, mà làm tội, tội ấy đáng mười.

- Bạch Phật Tổ, lòng của đệ tử muốn độ nhà sư, dầu nát thân cũng không tiếc. Chẳng hay đệ tử có tội chi?

Phật phán:

- Muốn độ người kể thiếu chi cách, sao ngươi ngăn đón việc tụng kinh của người? Đã đành rằng tụng kinh như nhà sư là một việc mê tín, song vẫn là một tín ngưỡng. Cõi Phật vốn là cõi tự tại, nếu phạm đến tự do tín ngưỡng, gọi để dắt người vô, thì làm sao cho được? Bởi ngươi không dùng phương pháp tự do, ngươi là kẻ mất tự do, thì cả hai làm sao được vào cõi tự tại.

Một lần nữa, con thằn lằn được giác, quỳ lạy mà xin tội:

- Xin Phật Tổ mở lòng từ bi, cho đệ tử hóa sanh một kiếp nữa, để dùng phương pháp tự do mà độ vô số chúng sanh do những hột tro mà các vị Kim Cang, La Hán vừa tung ra đó.

Phật đáp:

- Ta cho ngươi được toại nguyện.

Hồn con thằn lằn vừa muốn lạy Phật mà đi đầu thai, thì sực nhớ lại, nên bạch rằng:

- Xin Phật Tổ dạy đệ tử phải hóa sanh làm kiếp chi?

Phật đáp:

- Nhà người đã gần bến giác, phải tự mình chọn hình thể mà hóa sanh. Tự do chọn lựa mới có thể luyện mình để bước vào cõi tự tại.

*

Hồn con thằn lằn từ ấy trôi theo mây gió, không biết trụ vào đâu, để có thể vừa dùng phương pháp tự do mà độ người, vừa có thể độ được đông người, số người đông như số hột tro do một cái xác thiêu ra. Thật chưa hề lúc nào có một linh hồn bị trừng phạt phải đau khổ đến thế.

(Tuần báo Mới số 28, ngày 16/5/1953)

TƯƠNG LAI VĂN HÓA VIỆT NAM

HỒ HỮU TƯỜNG

Một trong những cuốn sách được nhiều người chú ý nhất của Hồ Hữu Tường là cuốn Tương Lai Văn Hóa Việt Nam, một tập sách mỏng, viết năm 1946 tại Hà Nội. Dưới đây Thế Kỷ 21 xin trích đăng một số đoạn của cuốn sách ấy để giới thiệu cùng bạn đọc.

TIẾNG GỌI ĐÀN

Tôi muốn cất tiếng mà kêu to. Kêu thực to để ai nấy cùng nghe. Tôi muốn có một giọng tha thiết. Thực tha thiết để ai nấy cùng cảm. Tôi muốn có những luận điệu đanh thép. Thực đanh thép để ai nấy cùng tin. Nghe, cảm, tin... để cùng tôi đem một cái vinh quang chưa hề có trên quả địa cầu về cho dân tộc ta, dân tộc Việt.

Đây là một gia đình nghèo nàn, khốn khổ. Mẹ bịnh la liệt, không tiền chạy thuốc. Gạo trong vò hết sạch. Em nhịn đói không nỗi kêu khóc vang tai. Tất cả anh, chị, em đều đuối sức, mệt hơi, vì thời buổi làm ăn vất vả... Ngẫu nhiên, một đứa con trong gia đình nầy gặp ở giữa rừng một khối vàng to. Khối vàng quá to, thừa sức cung cấp để chạy thuốc cho mẹ, mua gạo nuôi cả nhà, trang trải các mối nợ và làm cho gia đình trở nên mấy ngàn lần triệu phú. Khối vàng quá to, nên sức mình ôm về, hay lăn về không nổi. Rồi hối hả, đứa con ấy chạy đi kêu anh, chị, em, lên "tiếng gọi đàn," để vào rừng cùng đem khối vàng về. Đem khối vàng về, có thể giải quyết tất cả sự khốn nạn của gia đình và có thể làm cho từ đây trở nên giàu sang không ai bì kịp.

Trong lòng của đứa con ấy, ồ ạt những nỗi vui mừng, sung sướng. Say mê, nó sống trước những khoái lạc. Khoái lạc vì thấy sắp cởi thoát được bao nhiêu cùng cực đè nặng trĩu tự bao giờ. Khoái lạc vì đượm nhuần cái bầu không khí huy hoàng tráng lệ của một tương lai mà những chuyện thần tiên cũng chưa tả nổi.

Trong lòng của đứa con ấy, nhộp nhịp những sự tính toán, suy nghĩ. Khối vàng quá to, thì làm sao mà đem về? Để nguyên khối, rồi anh, chị, em ráng sức cùng lăn một lượt chăng? Hay là dùng đòn mà xeo, mà bắn nó đi tới? Hay là chia nó ra từng khối nhỏ lần lượt mà đem về?

Trong lòng của đứa con ấy, bận rộn những mối lo âu: Khi về gọi đàn, phỏng có kẻ khác gặp khối vàng của mình chăng? Nếu họ có gặp, liệu tự họ có thể đem về một mình không? Hay là họ cũng phải như mình mà trở về gọi đàn, rồi trong khoảng thời giờ ấy, anh, chị, em mình đến kịp mà đem vàng về chăng? Hay là phải giành với họ, và nếu không đem cả khối về, thì cũng được lấy một phần. Một phần mà cũng đủ tạo ra cái hạnh phúc và vinh quang đã mộng thấy chăng?

Trong lòng của đứa con ấy, dồn dập những luồng thổn thức, e ngại. Làm sao mà có được những lý lẽ đanh thép để cho anh, chị, em tin? Cảm hóa, tin rằng mình đây không phải là điên rồ, không phải là mê mộng, lại sáng suốt mà báo tin mừng cho gia đình và lên tiếng gọi đàn, để cùng nhau chung sức, nắm ngay lấy hạnh phúc và vinh quang.

Nếu tôi là văn sĩ, tôi sẽ hổ thẹn vì phải dài dòng kể lể cái hình ảnh tượng trưng ở trên. Nhưng tôi không phải là văn sĩ. Tôi không muốn cho người ta khen mến một vài nét chấm phá có tài hoa. Tôi chỉ tha thiết muốn cho ai ai cũng cảm thấy sự vui mừng, sung sướng, những sự tính toán, suy nghĩ, những nỗi lo âu, những điều thổn thức kia. Để rồi tôi mượn tình trạng ấy mà diễn tả tâm hồn của tôi trong lúc nầy. Thế mà tôi vẫn tiếc. Tiếc sao không đủ tài, đủ lời để tả cái tâm trạng ấy cho linh hoạt. Tiếc rằng, dù tả cái tâm trạng ấy cho linh hoạt đến bực nào, cũng khó thể làm cho người ta lĩnh hội được bao nhiêu ồ ạt trong lòng tôi.

Bởi vì sự nghèo nàn túng bấn của gia đình kia, đem so với những khốn nạn của dân tộc Việt, thì

nào có ra cái gì? Bởi vì món nợ to mà nó phải trả, đem so sánh với món nợ mà dân tộc Việt phải trả với lịch sử nhân loại, thì nào có ra gì? Bởi vì khối vàng của đứa con kia tìm được, đem cân với cái tôi thấy có thể đem hạnh phúc và vinh quang cho dân tộc Việt thì giá trị có bao nhiêu?

Nhưng mà tôi biết. Tiếng gọi đàn của đứa con kia còn có thể làm cho anh, chị, em của nó cảm, hóa, tin theo được. Còn tiếng gọi đàn của tôi, dù có thét to đến bực nào, dù có một giọng tha thiết như thế nào, dù có những luận điệu đanh thép cho cách nào, tiếng gọi đàn của tôi cũng sẽ là tiếng kêu trong sa mạc. Tung lên trời, nó chạy thẳng, đuổi theo cái vô biên, không một tiếng vang, không lời đáp lại... Mà lòng thổn thức, không thể nào dằn. Phải cất giọng to mà lên tiếng gọi đàn. Ấy là để cổi lòng, nếu không đem lại tất cả những kết quả của tôi trông thấy.

Ngài không làm như lời tôi bày vẽ, thì ngài hãy tin giùm. Ngài không tin theo lời tôi bầy vẽ, thì ngài hãy cảm giùm. Ngài không cảm vì lời tôi bày vẽ, thì ngài hãy nghe giùm. Nghe cho nốt tiếng gọi đàn của tôi, để giúp cho tôi khỏi cái đau khổ của một kẻ phải thét to trong sa mạc.

Nhắn bạn...

Bạn đã lên đường. Bạn đi dự hội nghị Văn hóa toàn quấc. Bạn là Nguyễn. Bạn là Lê. Bạn là Lý. Bạn là Trần. Bạn là Đinh. Bạn là... một nhà văn hóa Việt Nam. Bạn là "anh" mà bạn cũng là "chị" nữa. Ủy ban vận động hội nghị đã vạch rõ sứ mạng lớn lao của bạn.

Này:

"Cuộc phấn đấu giải phóng dân tộc của chúng ta đang bước sang một giai đoạn mới, giai đoạn giành độc lập hoàn toàn trên lập trường chính trị, kinh tế, văn hóa nhiều hơn là bằng võ lực, tuy rằng việc chuẩn bị võ lực không phút nào chúng ta xao lãng."

Bạn tham gia vào công việc của hội nghị. Bạn say sưa với sứ mạng, cảm động vì thấy dân tộc sở cậy vào bạn, sung sướng vì lần thứ nhứt bạn được trình bày tài ba riêng tư và hoài bão thầm kín của bạn, với một hi vọng nồng nàn rằng mộng bạn sắp được thực hiện! Bấy lâu, tinh thần thượng võ chỉ ca tụng những đấng anh hùng sống dưới lằn tên mũi đạn, chết da ngựa bọc thây, lấy xương máu xây đắp vinh quang cho dân tộc. Bạn là nhà văn hóa. Bạn sống trong cảnh yên tịnh, bạn chết giữa thân thuộc vợ con, bạn chỉ đem cái văn hóa vô hình mà gom góp vào việc xây dựng xã hội. Trong những lúc ai nấy góp phần xương máu để xây dựng một tương lai khoáng đãng và rực rỡ, bạn muốn đem một cái mà, riêng bạn, bạn cho là cao quí hơn, có công hiệu hơn, để góp phần; cái ấy là trí óc của bạn, mà hiện thân là văn hóa. Điều này, chỉ có riêng bạn biết. Khổ nỗi! "Người ta" phỏng có chê bạn hèn nhát, không dám đem xương máu mà góp phần, lại bày đặt đem một cái vô hình là văn hóa mà thay thế vào chăng? Càng khó hơn nữa là "Người ta" ấy, chính là lương tâm của bạn!... Nay trong giai đoạn mới này, văn hóa của bạn được lãnh một sứ mạng lớn lao, ngang hàng với chính trị và kinh tế. Chắc bạn đã khỏi phải phập phồng, e ngại như hồi xưa! Không còn băn khoăn riêng tây ở cõi lòng, bạn sẽ tham gia vào công việc của hội nghị với tất cả tâm lực.

Tôi không phải là một nhà văn hóa.

Vì lẽ ấy, tôi cảm thấy Văn hóa có một cái gì thiêng liêng, có một sự sáng suốt toàn tri, có một sức lực toàn năng như Thượng Đế. Hơn nữa, Thượng Đế chỉ là một vật sáng tạo của những văn hóa cũ xưa, thì tôi tin rằng Văn hóa tương lai sẽ đến bực thiêng liêng, toàn tri và toàn năng! Phỏng có ai cắt nghĩa cho rằng tôi lầm, tôi sẽ không nghe. Tôi sẽ tin mãi nơi Văn hóa... cho đến chừng thành một nhà văn hóa, đạt đến tuyệt đỉnh của Văn hóa, xem đã cùng, đã khắp, đã thấu, đã triệt những đại thể, chi li và khả năng của Văn hóa, tôi lại phải đến kết luận rằng Văn hóa không có gì là thiêng liêng cả. Chừng đó, tôi sẽ thay đổi tin tưởng của tôi. Nhưng bây giờ, tôi chưa phải là một nhà Văn hóa. Thì hãy để cho tôi tin vậy.

Đuổi theo một mục đích thực tiễn, bạn thấy "nghề văn hóa" nuôi sống bạn rất khỏe thân hơn là nghề cầm cầy, nghề phu mỏ. Bạn chọn một ngành hoạt động văn hóa nào đó làm sinh kế. Tôi nào có trách chi bạn về việc gán cho Văn hóa một giá trị quá ư thực tiễn. Tôi chỉ nhắm vào giá trị tinh thần của sự hoạt động của bạn. Tôi chỉ kể tính cách tu dưỡng của sự hoạt động ấy. Hễ thấy loài người được rèn, luyện, uốn, nắn, hun, đúc, cho ngày càng tốt đẹp cao quí hơn nhờ cái "nghề văn hóa" thì tôi đã cảm thấy cái giá trị thiêng liêng của Văn hóa rồi. Tôi sẽ thay lời cho tất cả những kẻ như tôi mà cám ơn bạn, đinh ninh với nhau rằng: những sung sướng vật chất, hãy để cho nhà văn hóa riêng hưởng, còn cái Văn hóa tự thân, thì chúng ta, nhân loại đây, chúng ta hãy giành hưởng lấy tinh hoa!

Đuổi theo những hương vị riêng của thuật hành lạc, bạn thấy "chơi văn hóa" thích ý bạn hơn là uống rượu, hút thuốc phiện, đánh bạc. Bạn chọn

một ngành văn hóa nào đó làm tháp ngà để riêng sống một đời thú vị. Tôi nào có trách chi bạn về việc gán cho Văn hóa một tính cách quá ư vị kỷ. Tôi chỉ nhắm vào giá trị nhân bản của sự hành lạc ấy. Hễ thấy loài người được rèn, luyện, uốn, nắn, hun, đúc cho ngày càng tốt đẹp, cao quí hơn nhờ cái "chơi văn hóa" thì tôi đã cảm thấy cái giá trị thiêng liêng của Văn hóa rồi. Tôi sẽ thay lời cho tất cả những kẻ như tôi mà cám ơn bạn, đinh ninh với nhau rằng: những vui thú ở tâm hồn, hãy để cho nhà văn hóa riêng hưởng, còn cái Văn hóa tự thân, thì chúng ta, nhân loại đây, chúng ta hãy giành hưởng lấy tinh hoa!

Đuổi theo những phương tiện quảng cáo và tuyên truyền, bạn thấy ngón văn hóa khéo léo, hiệu quả hơn những phương tiện khác. Bạn chọn một ngành văn hóa nào đó làm phương tiện để theo đuổi một mục đích chính trị, kinh tế, quân sự. Tôi nào có trách chi bạn về việc lợi dụng Văn hóa để bước sang qua một địa hạt khác. Tôi chỉ kể năng lực tiềm ẩn của sự vận dụng tâm hồn quần chúng. Hễ thấy loài người được rèn, luyện, uốn, nắn, hun, đúc cho ngày càng tốt đẹp, cao quí hơn nhờ cái "ngón văn hóa," thì tôi cảm thấy giá trị thiêng liêng của Văn hóa rồi. Tôi sẽ thay lời cho tất cả những kẻ như tôi mà cám ơn bạn.

Bạn là anh?
Bạn là chị?
Bạn là già?
Bạn là trẻ?

Bạn là ở tầng lớp xã hội nào đó, giai cấp nào đó, bạn có học lực nào đó, có sự nghiệp danh vọng nào đó.

CUNG VĨNH VIỄN

KHÓC MẸ

gửi Chị và Em

Nửa đêm chuông điện thoại
rền rĩ vang bên tai
nửa đêm nghe chuông gọi
hồn vía bỗng rụng rời
dường như trong tiềm thức
nức nở gào Mẹ ơi.

Cầm máy nghe run rẩy
tiếng chị thật xa xôi
giọng em đầy nước mắt:
"Mẹ chúng mình đi rồi."

Mẹ đi đâu hả Mẹ?
muốn hỏi như ngày xưa
mỗi lần Mẹ thay áo
định đi ra khỏi nhà
đàn con níu tay Mẹ
đòi Mẹ phải mua quà.

Đàn con giờ lưu lạc
mỗi đứa một phương xa
đêm nghe tin Mẹ mất
dáo dác như bầy gà.

Nằm im trong bóng tối
nuốt cạn dòng lệ khô
trong tâm thần bất định
đêm sâu tựa đáy mồ.

Mẹ đi đâu hả Mẹ?
sao Mẹ không trả lời
như ngày xưa Mẹ vẫn
xoa đầu con mỉm cười
hẹn khi về Mẹ sẽ
cho quà đứa ngoan thôi.

Mẹ đi đâu hả Mẹ?
để lại trên cõi đời
chúng con đầu đã bạc
vẫn thành đám con côi.

Tôi nào có nghĩ đến những điều ấy bao giờ. Nhà văn hóa của tôi là kẻ gắng sức một cách thường xuyên để rèn, luyện, uốn, nắn, hun, đúc loài người cho ngày càng tốt đẹp, cao quí hơn.

Bạn có cố gắng như thế, bất cứ ở một địa hạt nào, hoặc cải tạo hoàn cảnh sinh sống, hoặc cải tạo điều kiện xã hội, hoặc cải tạo thân thể, lý trí, tâm hồn của loài người, mục đích tu dưỡng, bạn đạt bằng đường lối cá nhân hay đường lối tập thể, ý nghĩ cao quý, bạn đeo đuổi bằng ý thức hệ nầy, hay bằng ý thức hệ khác... bạn có cố gắng "người" trở nên NGƯỜI, bạn là nhà Văn hóa của tôi vậy.

Mà nếu là như thế, tất cả những ai không buông mình thả trôi theo cái chiều của sự sống lười biếng, trái lại cố gắng vận dụng tinh thần để đeo đuổi mục đích "người" trở nên NGƯỜI, tất cả những kẻ ấy đều nuôi nấng một tinh thần Văn hóa.

Thú thực với bạn,

Tôi vẫn hoài bão tinh thần nhân bản ấy.

Tôi vẫn muốn rèn, luyện, uốn, nắn, hun, đúc tôi, cho tôi ngày nay đẹp hơn ngày hôm qua, cho tôi ngày mai càng đẹp hơn tôi ngày nay, để rồi bây giờ tôi là "người" dần dần đuổi theo NGƯỜI, cái NGƯỜI ngày càng to lớn, đẹp đẽ, phát triển với thời gian. Tôi chưa ghi được một thành tích gì trong phong trào văn hóa, song lòng ham muốn tha thiết, tôi vẫn có thừa. Phỏng tôi bất tài không đủ sức lượm được kết quả gì, bạn có cho tôi nhập vào đại gia đình Văn hóa chăng?

Cao vọng ấy, ngày nay tôi chưa đặt ra. Nhưng tôi xin bạn một điều: bạn hãy nghe những lời băn khoăn, những đòi hỏi tha thiết của một kẻ yêu mến Văn hóa và hãy nghe cuồng mộng của một kẻ, vì không phải là nhà Văn hóa VIỆT NAM.

...TÂY PHƯƠNG KHOA HỌC

Bạn là một nhà "văn hóa" Tây phương. Bạn là một nhà triết học. Bạn là một nhà khoa học. Bạn theo một thuyết nào đó. Bạn hoạt động theo một ngành văn hóa nào đó.

Bạn cảm thấy sức mạnh của Tây phương. Tôi không nói bạn mê say sức mạnh của tàu bay, tàu lặn, của đại bác, của bom... Không đâu! Bạn thấy văn chương cổ điển có cái gì phổ biến, văn chương lãng mạn có cái gì say sưa, ồ ạt. Bạn thấy nghệ thuật có cái gì sâu sắc, đậm đà, ủy mị. Bạn thấy triết học có cái gì uyển chuyển, tinh tế. Mà nhất là khoa học. Khoa học, cái quí báu độc nhất vô nhị của Tây phương!

Hiện nay, bạn thấy Tây phương đắc thắng, chiếm vị trí tối thượng, hãnh diện với thế giới. Về quân sự, về kinh tế, về chính trị, Tây phương là tất cả. Bạn cho Tây phương là cái gương duy nhất, rồi bạn toan nêu cái "văn hóa" Tây phương làm Văn hóa Việt Nam.

Tôi van bạn. Tôi ước mong bạn xây đắp riêng cho Việt Nam một nền Văn hóa rực rỡ, để trình trước Đại Hội đồng nhân loại làm sự nghiệp của mình.

Sao bạn nỡ vô tình, bảo tôi cúi đầu dưới "văn hóa" Tây phương? Sao bạn còn ác ý, bảo tôi đem cái văn hóa Tây phương mà cổ võ gọi là của mình?

Không đâu! Tôi không chịu đâu! Đã tủi nhục về mặt quân sự, đã thiệt thòi về mặt kinh tế, đã khổ sở về mặt chính trị, tôi còn lòng nào đem tâm hồn mà rèn luyện, uốn nắn, hun đúc theo khuôn mẫu của nó.

Tôi đã như thế.

Mà dân tộc Việt có lẽ cũng như thế. Một nghìn năm bị Tàu đô hộ mà còn không bị đồng hóa, nay lại hăm hở đồng hóa với Tây phương sao?

*

Bạn thấy văn chương Tây phương đáng yêu?

Thì bạn cứ yêu!

Bạn thấy nghề thuật Tây phương đáng thích?

Thì bạn cứ thích!

Bạn thấy triết học Tây phương đáng quí?

Thì bạn cứ quí!

Bạn thấy khoa học Tây phương đáng dùng?

Thì bạn cứ dùng!

Nhưng văn chương, nghệ thuật, triết học, khoa học của Tây phương là khác. Mà "văn hóa" Tây phương là khác. Bạn hãy phân biệt.

Tây phương không có Văn hóa. Tây phương chỉ có Quái hóa. Chính cái Quái hóa này chế ngự tâm hồn Tây phương, nó rèn luyện, uốn nắn, hun đúc con người ngày càng lánh xa nhân bản.

Văn chương tốt là đẹp, là đáng yêu. Cái Quái hóa này lại chi phối lấy, hướng dẫn lấy, làm một cái lợi khí ru ngủ, lường gạt để đặt lên đầu cổ loài người áp bức, đè nén, bóc lột.

Nghệ thuật vốn là khéo, là đáng thích. Cái Quái hóa này lại chi phối lấy, hướng dẫn lấy, làm một phương tiện mê ngủ, lường gạt để đặt lên đầu cổ loài người sự áp bức, đè nén, bóc lột. Đến những tư tưởng đẹp đẽ như tự do, bình đẳng, bác ái, cái Quái hóa này cũng đổi làm khí giới chinh phục.

Cái Quái hóa ấy rèn luyện, uốn nắn, hun đúc người Tây phương xảo trá, quỉ quyệt, nham hiểm

vô cùng, làm cho họ không đeo đuổi mục đích phụng sự loài người, không theo nhân đạo, không lấy nguồn gốc ở nhân bản.

Ở thế kỷ XVI, đã có người thấy cái trạng thái ấy, giật mình mà cả tiếng kêu: "Khoa học mà không lương tâm chỉ tổ làm tiêu hủy tâm hồn." Nhưng mà cái Quái hóa ấy đã thúc giục mãnh liệt hơn lời gọi kia. Quái hóa ấy nô lệ hóa khoa học nốt.

Quái hóa ấy đã xui khoa học chế ra đại bác, chiến xa, tàu chiến, phi cơ, hơi ngạt, vi trùng, bom nguyên tử, để giết người, để chinh phục kẻ yếu, để đè nén, áp bức, dày xéo chúng ta.

Thỉnh thoảng, một hai cá nhân tự nhiên xướng một hai học thuyết cao siêu, một hai chủ nghĩa hùng vĩ. Nhưng không lâu, học thuyết ấy, chủ nghĩa ấy bị Quái hóa biến thành phương tiện ru ngủ và chinh phục.

Thỉnh thoảng, một hai nhóm quần chúng tự nhiên vùng vẫy nổi lên cách mạng. Nhưng không lâu, phong trào cách mạng ấy bị Quái hóa biến thành phương tiện để lập một bộ mấy đè nén, áp bức và chinh phục.

Quái hóa ấy điều khiển, chế ngự, làm cho tinh vi tất cả các ngành Văn hóa để đi ngược lại mục đích của Văn hóa.

Cũng đồng rèn luyện, uốn nắn, hun đúc loài người.

Nhưng Văn hóa đuổi theo cái mục đích làm cho "người" trở nên NGƯỜI. Còn Quái hóa đuổi theo mục đích trái lại, làm cho người trở nên nô lệ.

Nô lệ tất cả. Người hèn yếu bị làm nô lệ cho kẻ giàu mạnh. Kẻ giàu mạnh bị làm nô lệ của tiền bạc. Tiền bạc bị làm nô lệ của một lực lượng huyền bí, vô hình... của Quái hóa.

Tinh túy của Tây phương là rèn luyện, uốn nắn, hun đúc tất cả cái gì cũng thành phương tiện, bất cứ phương tiện nào cũng trở nên tinh xảo, để cho Quái hóa sai khiến, lợi dụng.

Văn chương, nghệ thuật, triết học, khoa học... tất cả đều là phương tiện. Thử cho Tây phương một cái văn hóa nào đó xem! Chẳng bao lâu, cái văn hóa ấy bị đổi thành phương tiện nốt.

Bạn hãy kiểm điểm lại xem. Có tư tưởng, học thuyết, chủ nghĩa nào không bị đổi làm phương tiện, không bị lợi dụng đâu?

Bạn cãi với tôi. Bạn nói rằng đó là thời cũ, người cũ, văn chương cũ. Bạn nói rằng thời mới, người mới, văn hóa mới, sẽ không còn trạng thái ấy nữa. Tôi cũng ráng tin theo bạn vậy.

Nhưng mà ít nữa cái Quái hóa phải bị tiêu diệt. Nó không còn chế ngự, hướng dẫn văn chương, nghệ thuật, triết học, khoa học. Tây phương không còn theo đuổi mục đích chinh phục, đè nén, áp bức, bóc lột. Tây phương phải đi ngược dòng lại.

Người Tây phương theo đuổi tha thiết, cái mục đích rèn luyện, uốn nắn, hun đúc, cho người ngày càng tốt đẹp, cao quí hơn, cho "người" trở nên NGƯỜI.

Tây phương phải có Văn hóa.

Và cái văn hóa ấy chúng ta đây, dân tộc Việt chúng ta hãy xây đắp để cung cấp cho Tây phương, cho Đông phương: cho tất cả nhân loại.

Nầy bạn!

Ở Hội nghị Văn hóa toàn quốc, bạn có thể nêu lên khẩu hiệu: thu nạp các phương tiện của Tây phương. Trong văn chương của Tây phương, bạn có thể chọn lọc những tinh hoa, những nguồn cảm hứng, những thuật diễn tả để cung cấp cho văn chương Việt Nam. Trong nghệ thuật của Tây phương, bạn có thể chọn lọc những ưu điểm, những đề tài, những ngón tinh xảo để bồi bổ cho nghệ thuật Việt Nam. Trong triết học Tây phương, bạn có thể chọn lọc những siêu việt, những phương pháp, những tư biện, để gây dựng một nền triết học Việt Nam. Trong khoa học, nhất là trong khoa học, bạn có thể chọn lọc những thành tích, những nền nếp, những tinh thần để kết cấu một tòa khoa học Việt Nam.

Chọn lọc, chọn lọc!

Nhưng bạn phỏng theo cây thước đo nào mà chọn lọc?

Nhưng bạn phỏng theo tâm hồn nào mà chọn lọc?

Nhưng bạn phỏng theo mục đích nào mà chọn lọc?

Tất cả cái gì của Tây phương đã khoa học hóa, kỹ thuật hóa, nghĩa là đã thành những phương tiện. Bạn chọn ở Tây phương cái gì không phải là phương tiện để phỏng theo!

Không có cái gì không phải là phương tiện cả!

Bạn chỉ còn có một con đường. Ấy là phỏng theo Văn hóa, cái làm cho "người" trở nên NGƯỜI.

Bạn hãy tạo ra vậy!

Bạn hãy tạo ra để làm ý nghĩa sống cho dân tộc Việt, để làm vinh quang cho dân tộc Việt... Và tôi mượn nó hãnh diện cho tôi vậy!

* Trích từ tập Tương Lai Văn Hóa Việt Nam, Huệ Minh xuất bản, in lần thứ ba, Saigon 1965.

NÀNG MỌT SÁCH

HỒ HỮU TƯỜNG

(Trong tập Kể Chuyện, nxb Huệ Minh - Sài Gòn 1955)

Ngày xưa...

Ở đất Hậu Xuyên có chàng học trò nọ, họ Hồ, tên Lân Trinh, tự là Khổng Cưu. Lân Trinh vốn nhà nghèo, nên lúc nhỏ, vừa học biết chữ, thì sang học nghề, chớ chưa được theo đòi thơ phú. Chàng thấy những bạn cùng trang lứa vịnh hoa, thưởng nguyệt, uống rượu, rung đùi, thì cũng biết thèm thuồng. Song nghĩ rằng: Những thú đắt tiền nầy chưa phải để cho mình, âu là nhịn vậy. Chừng nào đánh đuổi được con ma nghèo đang quấn quít bên lưng, chừng ấy hãy thưởng thức văn chương, cũng chẳng muộn đó!

Cho hay, trời ít chiều người. Khi Lân Trinh dành dụm được một món tiền, toan đến tỉnh thành mua văn thơ để đọc, thì giặc giã nổi lên, đốt thành, phá xóm. Chàng phải trốn tránh, bỏ xứ, đến ở ngụ một vùng sơn cước rất quê mùa, nơi tư am của một vị lão đạo sĩ. Ngày ngày, đạo sĩ chỉ lo việc dưỡng thần, nuôi khí, luyện đơn không ưa trò chuyên nên Lân Trinh kéo dài một đời chán phèo, cách khoảng bằng những việc trồng khoai, tỉa bắp. Một hôm, khi dọn am cho sạch sẽ, chàng lượm được trong xó một quyển sách xưa. Mừng như được vật báu, chàng giở ra xem, thì than ôi, không có một trang nào là con nguyên cả. Và có một con hai đuôi đương vội vẽ len mình vào giữa những tờ sách để trốn.

Giận lắm, chàng lấy ngón tay đè lên con hai đuôi. Chỉ nhấn mạnh một cái, thì con vật ấy nát ngấu... Chàng nói:

- À, té ra mi đã đục khoét những tờ sách quí nầy. Để ta giết mi, mà phạt cái tội ấy.

Nhưng đã nói được, thì cơn giận hạ xuống. Trí chàng sáng lại, và nghĩ:

- Ta bảo nó có tội, nhưng mà tội gì? Cắn giấy, ăn sách để sống, thì nó cũng như ta, ăn cơm để sống; mà có ai bắt tội ta ăn cơm?

Nghĩ thấy mình vô lý, chàng giở tay lên, thả con hai đuôi lẩn trốn giữa hai tờ sách. Rồi, tiếc của quí, chàng tìm đọc chữ được, chữ mất, trang có, trang không. Đọc mãi, mắt hoa, trí mệt, mà không hiểu chi cả. Chàng mới dựa cột, xấp sách lại để nghỉ...

Bỗng nhiên, chàng phải giựt mình, chóa mắt vì những tia sáng phóng về hướng chàng. Lân Trinh nhìn kỹ, thì từ ngoài sân bước vào một thiếu nữ, mặc áo dài tha thướt, bằng một thứ lụa ngời như bạc, phản chiếu ánh sáng nên lấp lánh như kim cương. Nàng bước tới nhẹ nhẹ, vạt áo sau kéo dài. Lân Trinh nhìn thấy vạt áo có hai tà còn lê thê tận ngoài bãi cỏ, không khác chi các thứ áo lễ phục của những bà hoàng ở Tây phương. Chàng đứng dậy vái chào. Thiếu nữ mỉm mỉm cười duyên, gật đầu đáp lễ và thưa:

- Thấy chàng cô độc, cùng ở với lão đạo sĩ mà không được mấy khi hầu chuyện, tìm làm bạn với sách vở lại không nên việc, thiếp đường đột đến luận chuyện thơ văn với chàng, gọi để đền chút ơn riêng. Chẳng hay chàng có vui lòng chăng?

Lân Trinh vốn là một thơ sinh chưa từng có dịp nói chuyện thân mật với một trang gái đẹp, nên luống cuống và ấp úng nói:

- Chẳng hay nàng là ai, có họ hàng chi với lão đạo sĩ chăng?

Thiếu nữ đáp:

- Chàng hỏi như vậy rất chí lý. Vậy xin nghe thiếp thuật chuyện sau đây.

Ngày xưa, trên Thiên Đình, luôn mấy năm, những Táo quân về chầu Ngọc Hoàng đều dâng sớ tâu rằng: Dưới trần thế không có việc chi cả. Ngọc Hoàng lấy làm lạ sao loài người thình lình lại ngoan như thế; bèn sai Thái Bạch Kim Tinh xuống trần xem xét, coi sự thể do đâu.

Sau khi xem xét xong rồi, vị tiên ấy về tâu lại rằng:

- Sở dĩ loài người đương ngoan ngoãn thế nầy, ấy bởi họ đương trải qua một hồi "văn trị." Họ không mê say việc chiến đấu, giết lẫn nhau: họ không thèm nghĩ đến việc hại nhau, lừa nhau...

Ngọc Hoàng nghe tâu đến đó, ngạc nhiên hỏi:

- Thế thì họ không tuân theo luật của Tạo hóa đặt để cho là: "Cạnh tranh sanh tồn," "Ưu thắng liệt bại" nữa sao?

Thái Bạch Kim Tinh đáp:

- Tâu Ngọc Đế, điều ấy tôi không dám dự đoán về tương lai. Song xét hiện tình, tôi thấy họ chỉ thích ngâm thơ và rung đùi, đọc sách mà đánh chén... và quên luật tranh đấu của Tạo hóa.

Ngọc Hoàng hỏi;

- Sách là cái gì, mà chúng nó đọc phải mê, quên cái luật vĩ đại của Tạo hóa?

Thái Bạch Kim Tinh thưa:

- Tiên, Phật chúng ta là người của thời thái cổ, bởi dày công tu luyện, mà đã sớm thành chánh quả. Bởi sớm thành chánh quả, nên chưa chứng kiến được những việc phát kiến sau nầy của loài người, do một lòng muốn vô biên. Ấy là lòng cố gắng tìm tòi để sáng chế vật nầy món nọ, hầu đoạt quyền của con Tạo. Lòng cố gắng ấy do óc tranh đấu kích thích. Tranh đấu lẫn nhau chưa đã, họ còn muốn thi đua với Tạo vật nữa... Vì vậy mà suốt một quãng hạ ngươn, hai mươi bảy ngàn năm, họ giết chóc lẫn nhau, chuyên lấy võ mà trị nhau, làm mồi cho Quỉ Vương cám dỗ, thoát xác, thì sa xuống Diêm Đình, bị phán xét rồi, thì chịu những hình phạt của Địa Ngục.

Trong khi "Cạnh tranh sanh tồn," "Ưu thắng liệt bại," kẻ nào có khí giới lợi hại hơn thì hơn. Mà cái khí giới siêu đẳng lại là thứ "khí giới để chế tất cả khí giới khác": Ấy là trí óc. Trí óc của loài người đã giành đoạt không biết bao nhiêu bí mật của vũ trụ, lại sáng chế lắm thứ, mà con Tạo chưa thể chế ra. Thế nên, để ghi chép bao nhiêu thành tích nầy, trí óc loài người bày ra văn tự, vừa là cái kho tàng để chứa bao nhiêu phát kiến, vừa là một lợi khí sắc bén để tranh đấu lẫn nhau.

Hướng theo chiều của tranh đấu, thì văn tự là một thứ khí giới lợi hại hơn tất cả khí giới khác. Mà thỉnh thoảng, khi nào không có dịp chiến đấu, một đôi kẻ nhìn trở vô tâm tình mình, họ thấy có cái gì hay hay, đẹp đẹp. Họ cũng mượn văn tự mà ghi lấy, gọi là Thơ. Thơ có thể làm cho loài người say mê, mê hơn mê gái đẹp. Rồi ca lên mãi, tụng lên mãi. Thơ lại chiều lòng người, hiện hình ra, đến cùng người, đem lại quyến luyến. Một tôn giáo mới xuất hiện, mà giáo chủ là Nàng Thơ. Kẻ tín đồ của tôn giáo nầy cũng say mê, khổ hạnh, hy sinh, tử đạo. Và thỉnh thoảng cũng có kẻ đắc đạo. Và khi đắc đạo rồi, không sa xuống Địa Ngục, chẳng sang Tây phương chầu Phật, chẳng đến Bồng Lai mà thành Tiên. Kẻ đắc đạo nầy về một cõi riêng gọi là Tao Đàn, do Nữ Hoàng là Nàng Thơ làm giáo chủ.

Quỉ ở Diêm Cung khó gặp. Đạo sĩ phải dày công tu luyện lắm, mới ra mắt được Tiên. Tu sĩ phải khổ hạnh mấy chục kiếp mới mong tao ngộ Phật. Còn những vị đắc đạo của tôn giáo nầy, những vị mà tín đồ của họ tặng gọi là Thi Sĩ, lại dễ cầu khẩn, mà đến ngay. Họ cũng dễ thoát xác, mà thành trường sanh bất tử. Nhưng mà khi họ còn tu luyện, mỗi vị đều để lại những phù chú riêng mình, ghi lại trong những thứ gọi là sách. Muốn cầu họ đến, tín đồ chỉ có việc giở sách ra, mà đọc lại những lời phù trú ấy. Lập tức các vị trường sanh bất tử kia đến ngay mà đàm đạo thân mật với tín đồ. Kẻ thấp tu, thì chỉ nghe họ thuyết pháp. Người bắt đầu vào đường đạo, thì được tự do thảo luận, biện bác tùy nghi. Rồi khi giáo chủ là Nàng Thơ điểm đạo cho, thì người ấy cũng có thể thành Thi Sĩ, ghi phù chú vào sách để đời sau truyền tụng thành ra bất tử, lên cõi Tao Đàn.

Ngọc Hoàng nghe báo cáo, suy nghĩ giây lâu, rồi phán rằng:

- Thứ tôn giáo nầy, tu dễ đắc đạo, có thể nào bị Quỉ Vương len vào cám dỗ tín đồ chăng?

Thái Bạch Kim Tinh tâu rằng:

- Thưa Ngọc Đế, thỉnh thoảng cũng có kẻ bị Quỉ Vương cám dỗ, dùng lời thơ mà ca tụng sự giết chóc, dùng hồn thơ mà phụng sự cho lẽ tà.

- Thế thì, Thiên Bồng Nguyên Soái, mau xây dựng một viện tàng thơ cho to rộng; các Thiên Thần mau đi khắp trần giới sưu tầm tất cả những tập kinh của tôn giáo ấy đã có từ bao giờ; và đặt luật nạp bản để về sau, mỗi Thi Sĩ mới đều phải cung cấp cho Thiên Đình bản nạp để làm dấu tích. Trước là để Thiên Đình khảo dượt xem tôn giáo ấy phải chăng là một chính giáo hay là một tà giáo? Sau để Tiên, Phật có thể có đủ thứ sách mà đọc. Chẳng lẽ người phàm ô trược, lại được hưởng thú đọc sách, còn bực dày công tu luyện, lại chẳng được hưởng thú ấy sao? Và cũng chẳng lẽ, khi Tiên Phật muốn đọc sách, lại phải xuống trần gian, chịu luật đấu tranh, ngụp lặn trong biển khổ, mới được đọc sách? Như vậy, Bồng Lai và Niết Bàn sẽ tẻ nhạt, nếu ta cho Tiên Phật tự do mà xuống trần đọc sách. Còn nếu ta sợ Tiên Phật cạm vào mùi tục lụy mà ngăn cấm, thì Thiên Đình sẽ loạn mất đi! Bởi cái lý dễ hiểu rằng Tiên Phật cố tình làm vi pháp để được, nghe rõ chưa, để được bị đày xuống trần gian... mà đọc sách!

*

Cách đó không bao lâu, Ngọc Hoàng gọi Tiên Dung công chúa, là gái út, đến mà dạy rằng:

- Ngày nay là ngày khánh thành tàng thơ, các

bác Phật, các chú Tiên của con đều đến đủ mặt để dự lễ. Con hãy sớm sang bên đó, dọn sẵn đào trường sanh nơi sảnh đường, chưng tất cả những ché tiên tử cho ấm để đãi khách.

Tiên Dung công chúa nghe lời cha, đã thấy vui lòng rồi, thêm khấp khởi mừng, vì được chứng kiến một lễ có mời đủ Phật, Tiên, một lễ chưa từng có trên Thiên Đình.

Đúng giờ, tường vân bao phủ khắp, hào quang muôn sắc chọc thủng nóc trời, bắn tia ngoài càn khôn, rọi khắp ta bà thế giới. Từng chập, đàn hạc do các vị Tiên cưỡi đến, kết thành những ca vũ đoàn thiên nhiên, múa hát tưng bừng; tiếng nhạc

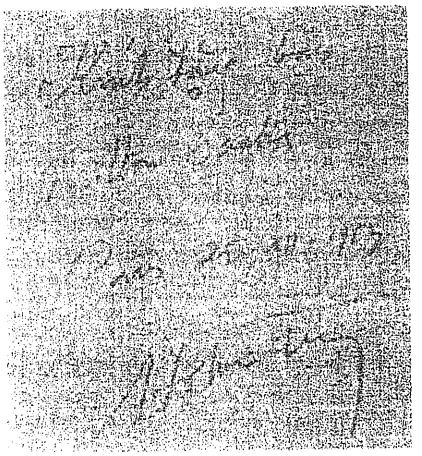

A.
Milton Sacks
hommage de l'auteur,
Ho Huu Tuong
1-7-66

Hai thủ bút của Hồ Hữu Tường, cách nhau 13 năm.

trong, trầm bổng ngân, len lỏi khắp mọi nơi, làm cho lũ ngạ quỉ bị trừng phạt ở Diêm Đình nghe mà mê say, quên cả đau khổ của tra tấn. Vừng Thái Dương nghe nhạc, dừng lại trên đường, nghiêng tai nghe, rồi nhảy múa theo nhịp. Còn vừng trăng, nãy giờ bỏ trống bởi chị Hằng-Nga được mời dự lễ, bây giờ nghe nhạc, trở nên lửng lờ, như say vì nhạc, như mê vì âm. Rồi mùi hương sen, do các hoa sen như Phật ngự đến, xông lên như thủy ba gợn sóng, làm cho vạn vật ngửi lấy mà tự nhiên thoi thóp thở; đồi, núi được luồng sóng ấy gởi vào, chỗi dậy, nghiêng tai nghe, suối thác thì thầm nói chuyện với nhau, ca ngợi mùi hương lạ chưa hề ngửi được...

Nơi sảnh đường, đủ mặt như Tiên, chư Phật, Ngọc Hoàng ra lệnh gọi Tiên Dung công chúa dâng tiên tửu chưng ấm, để làm lễ khai mạc cuộc khánh thành tàng thơ nầy. Nghe lịnh, Tiên Dung công chúa sụt sè tiến đến trước Vua cha, mọp xuống, mặt biến sắc, thất thần, chỉ nói được câu:

- Con xin chịu tội!

Chư Tiên, chư Phật đều làm lạ sao buổi lễ long trọng dường nầy, lại là một tòa án đặc biệt để cho Ngọc Hoàng xử tội đứa con gái cưng của mình. Cả thảy đều nhìn vào Đức Phật Di Lặc, như nhờ người hỏi tại sao có việc lạ vậy? Không dè chính Ngọc Hoàng cũng lấy làm lạ, mà nhẹ nhàng hỏi con:

- Sao con không bưng rượu chưng lên để đãi khách, mà lại xin tội? Tội gì?

- Tội con thiếu nữ công, nữ hạnh...

Ngọc Hoàng, chư Phật, chư Tiên nghe Tiên Dung công chúa tâu đến đó, dường như nghe sét đánh bên tai. Tất cả muốn hiểu vì sao vị công chúa ngoan ngoãn như thế kia, lại phạm vào trọng tội nọ. Thì công chúa tâu tiếp:

- Bởi vì con đã lỡ tò mò, muốn biết trước lý do của cuộc lễ long trọng nầy. Nên con đã để tất cả rượu lên lửa, rồi con lẻn vào tàng thơ coi nơi ấy có gì. Con thấy chồng chất đầy trên ngăn, những vật giống nhau, đưa gáy ra ngoài, trên gáy có chữ vàng. Không biết là vật gì.

Tâu đến đây, dường như cảm xúc, Tiên Dung công chúa tức tưởi khóc. Đức Di Lặc thấy vậy động lòng thương hỏi:

- Tại sao cháu lại khóc?

Tiên Dung công chúa thưa:

- Phải chi con là gái trần tục quê mùa, thì có lẽ con không đến đỗi phạm trọng tội nầy. Nhưng bởi con là Tiên, không học cũng biết, nên con tò mò lấy ra một mà xem. Thì giữa hai cái bìa cứng,

dính nhau bởi một cái gáy bằng da, lại có những tờ mỏng chi chít chữ là chữ. Bởi không học mà biết đọc, nên con đọc thử xem trong ấy nói gì, thì dường như có người hiện ra, kể chuyện cho con nghe vậy.

Tiên Phật nghe thuật, liền hiểu ngay rằng chính Ngọc Hoàng vừa chứa được một kho tàng vô tận những bửu bối. Lấy một món, không cần niệm chú, đọc phù, chỉ giở ra, thì hiện ngay một đấng, đàm đạo với mình. Và khi đã được một kho tàng bửu bối như vầy, làm lễ trọng, mời đủ chư Tiên, chư Phật đến dự một cuộc khánh thành là phải lắm.

Tiên Dung công chúa tâu tiếp:

- Ban đầu con phải sợ, vì nơi vắng vẻ, thình lình có người đến nói chuyện với mình. Nên con xếp để vào chỗ cũ, chạy trở về, coi chừng lửa mà chưng rượu. Nhưng có một sức gì quyến rũ, nhịn không được, con trở lại tàng thơ, lấy bất cứ món nào, giở ra xem, thì tức khắc nghe tiếng người hiện đến mà kể chuyện. Và chuyện nào khởi đầu cũng lý thú cả. Con nói rằng khởi đầu chuyện, vì con không dám đọc nốt, xem sơ vài tờ, rồi trở lại coi chừng hâm rượu.

Tiên Dung công chúa tâu đến đây, lại ngập ngừng, rồi dừng lại không dám nói tiếp. Các vị Phật Tiên khuyên:

- Con cứ thuật. Sẵn đủ mặt tại đây, chúng ta sẽ cứu rỗi cho con.

Nghe khuyên, Tiên Dung công chúa kể:

- Thế rồi, con bị cám dỗ, mê say, quên cả trách nhiệm. Đến chừng nghe nơi trù phòng phát hỏa, hơi nóng bốc lên, lửa phụt sáng ngời, con chợt tỉnh, chạy đến, thì rượu chưng quá nóng, bốc thành hơi, xông lên, gặp lửa phát cháy. Cũng may mà trù phòng cất bằng lưu ly, mã não, xa cừ, lại có trấn ngọc tỳ hỏa, nên không phát cháy theo. Nhưng con không sao cứu được mấy chén rượu tiên tửu nối nhau cháy phừng phừng, không còn một giọt.

Chư Phật, chư Tiên nghe kể, ngẫn người không hiểu sao một nàng công chúa ngoan ngoãn như Tiên Dung, lại có thể bị cám dỗ dường ấy. Riêng Ngọc Hoàng lại tự thấy thẹn. Thẹn vì mời đủ khách quí đến, mà không còn một giọt rượu tiên để đãi khách. Thẹn vì chính con gái mình lại kém nữ công, nữ hạnh. Thẹn thêm vì đứa con gái ấy thú nhận trước Phật Tiên rằng mình đã bị cám dỗ. Rồi vì gia phong, vì để làm cho luật trời được tôn nghiêm, Ngọc Hoàng phán:

- Trọng tội như thế nầy, người phải đầu thai xuống trần mà tu luyện lại để chuộc tội.

*

Tiên Dung công chúa chỉ có lạy cha mà vâng lệnh, rồi lạy mẹ, rơi lụy, mà từ biệt.

Chư Phật, chư Tiên không dám nói thế nào, vì tự xét một cái lỗi to như vậy, nếu không trị tội, thì làm sao giữ được uy nghiêm của luật trời. Chỉ có Phật Di Lặc, vị Phật đang hoài bão cái mộng lớn là sửa đổi lại luật trời cho hiệp với sự tiến hóa của người, của vũ trụ, Phật Di Lặc e rằng trong việc Tiên Dung công chúa phạm tội nầy, ắt có đôi điều trắc ẩn. Ngài bèn gọi Tiên Dung công chúa đến an ủi:

- Nay con bị đày xuống trần gian, con có mong được đầu thai làm thế nào, con cứ nói. Bác liệu có tâu rồi giùm, thì bác cố gắng.

Tiên Dung công chúa ngập ngừng rồi thưa:

- Nếu bác thương tình, con lạy bác, xin bác tâu với vua cha cho con đầu thai làm con mọt sách.

Phật Di Lặc lấy làm lạ hỏi:

- Tại sao con muốn đầu thai làm giống vật chỉ có ăn giấy mục, mực hôi loài người thù ghét, gặp đâu giết đó, lại đem thuốc độc mà phun vào giấy, vào hồ, để con ăn phải, thì chết ngay?

Tiên Dung công chúa thẹn thùng thưa:

- Con vốn biết cái kiếp con mọt sách là như thế. Nhưng mà trót đọc lở dở một chuyện lý thú, mà dừng nửa chừng, con tiếc không cùng. Con nguyện, khi xuống trần, tìm khắp nơi, quyển sách con đã đọc một phần, để đọc nốt cho hả dạ. Mà có giống gì mãi mãi sống bằng sách vở, ngoài ra con mọt sách?

Nghe thuật đến đây, Lân Trinh chận ngang hỏi:

- Vậy thì Tiên Dung công chúa được đầu thai làm con mọt sách à?

- Chính là như vậy! Nàng đã đời đời, kiếp kiếp len lỏi tất cả đủ các thơ viện, khắp tất cả tủ sách, để tìm một quyển như quyển đã được mình đọc lúc còn ở Thiên Đình. Thế mà chưa gặp, nên lang thang kéo dài một nghiệp ăn giấy mục, mực hôi. Và khi gặp người, thì bị giết.

Dừng lại một phút để nén sự cảm động, nàng nói tiếp:

- Chỉ có một lần thôi, Tiên Dung công chúa không bị giết. Vừa bị tay đè lên mình, tưởng đã nát thân, chính là chàng đã cất tay lên để dung cho mạng sống. Nên bây giờ, tôi đến đây, để đền ơn tha chết, kể lại văn thơ tôi đã được đọc cho chàng nghe. Chàng không sách mà đọc, thì hãy nghe tôi kể chuyện. Cũng chẳng khác nào chàng được đọc sách vậy./.

(**Truyền Tin** số Xuân Ất Mùi)

XUÂN THU CŨ VÀ XUÂN THU MỚI
Nhìn ngang qua bộ ĐÔNG CHÂU LIỆT QUẤC

HỒ HỮU TƯỜNG

(Trong tập Nợ Tinh Thần, NXB Huệ Minh, Sài Gòn 1965)

Tôi biết lịch sử tiểu thuyết ấy, khi tôi còn nhỏ tuổi. Cha tôi ngày ra đồng phát cỏ dọn ruộng để cày; người đã mệt, nên không đọc trong bản chữ Hán, thì tôi, trước khi đi ngủ, tôi có phận sự đọc cho cha tôi nghe mấy chục trang ĐÔNG CHÂU LIỆT QUẤC trong bản dịch ra quấc ngữ. Mãn một mùa nước, tôi đọc đi đọc lại đến mấy lượt. Và càng lấy làm lạ, là vì tôi không thấy nó thú ở chỗ nào, còn cha tôi lại mê nó. Mê cho đến đỗi đọc chữ Hán đã mấy lượt rồi, mà còn bắt tôi đọc bản dịch ra văn Nôm mấy lần nữa.

Thú thật với các bạn rằng, từ thuở nhỏ, tôi vốn là một đứa trẻ thích truyện Tàu lắm: PHONG THẦN, THỦY HỬ, TAM QUẤC, THUYẾT ĐƯỜNG, NHẠC PHI, TÂY DU, CHINH ĐÔNG, CHINH TÂY, BÌNH NAM... bộ nào cũng đọc. Có được bộ truyện, là quên chơi, quên ăn, quên ngủ, đọc một mạch từ đầu chí cuối, mê say. Thế mà tôi không mê được bộ ĐÔNG CHÂU LIỆT QUẤC. Nếu không phải vì cha tôi bắt buộc, chắc tôi không có can đảm mà đọc đến một phần tư bộ truyện.

Đến năm 1935, tôi có dịp đọc lại bộ tiểu thuyết ấy để giết thì giờ, tôi vẫn chưa thấy nó hấp dẫn tôi như những áng văn chương khác. Mãi đến năm 1947, sau khi bị bắt trong một cuộc hành binh đem về Hà Nội, không có sách đọc, thình lình có người cho xem bộ ĐÔNG CHÂU, đọc đi đọc lại mấy lần, thật có thú vị.

Nay anh Dương Tử Giang bảo tôi viết một bài về tác phẩm xứ ngoài mà tôi thích hơn hết, tôi không ngần ngại mà viết nói về bộ ĐÔNG CHÂU LIỆT QUẤC. Xét ra sách hay ở xứ ngoài thiếu gì. Mỗi áng văn chương đều có thể sánh với một hòn ngọc lộng lẫy. Nhưng đối với tôi, ĐÔNG CHÂU LIỆT QUẤC có thể ví như hòn đá của Biện Hòa, hai lần xem không thấy giá trị gì mấy, mãi đến khi nhờ những kinh nghiệm to tát của mấy năm vừa qua mở trí cho, thì mới biết cái hay của nó không chừng. Tháo nào, khi đứng tuổi, cha tôi phải mê say nó, thì phải!

Mỗi bộ tiểu thuyết có một cốt truyện một, từ đầu đến cuối mật thiết chằng chịt nhau. Phân tích bộ tiểu thuyết ấy, người ta thường tóm tắt cốt truyện cho dễ hiểu, dễ nhớ, bộ ĐÔNG CHÂU lại khác hẳn. Không ai phân tích nó được, bởi vì nó không có cốt truyện, mà hàng trăm cốt truyện khác nhau và kết nối với nhau. Ở các tiểu thuyết khác, có một ít nhân vật điển hình làm cho ta thấy tính cách của họ có gì hay hay, ngộ ngộ. Ở bộ ĐÔNG CHÂU, ta có hàng năm sáu trăm nhân vật, mỗi người thảy đều đặc biệt, thảy đều nhân vật điển hình. Ở mỗi bộ tiểu thuyết khác, phảng phất một cái triết lý thì ở ĐÔNG CHÂU lại bày ra hàng trăm cái triết lý khác nhau. Cái phong phú của ĐÔNG CHÂU không phải một bức tranh (tableau) mà lại là một cái bích họa (fresque) to tướng, vừa trông qua ta chẳng hiểu là gì, mà khi nhìn kỹ thì đề tài rất phong phú, nét vẽ rất thần tình, màu sắc rất lộng lẫy.

Người ta lấy làm lạ về lối văn tả chân của Âu Tây, nhưng người ta phải phục cái lối văn chấm phá của ĐÔNG CHÂU, với mấy dòng mà lột trần được tinh thần của nhân vật.

Nhưng mà kể làm chi cái hay về hình thức? Sở dĩ tôi muốn nói về bộ ĐÔNG CHÂU, nào phải là ở chỗ đó?

Tôi muốn cho độc giả nhận điều nầy. Tất cả văn chương khác đều có tánh cách là dùng phép kết cấu hoa mỹ, dùng lối văn bướm bay, để khêu gợi cảnh mộng mà giúp cho độc giả "thoát," cho tâm hồn độc giả đi chơi trong cảnh hoang đường, xa hẳn với sự thật. Trái lại, ĐÔNG CHÂU LIỆT QUẤC giúp cho ta trở về sự thật, cái sự thật cay đắng, sâu xa, lạ lùng của một thời loạn của chế độ phong kiến.

Đọc kinh sách, ta thường lầm tưởng rằng các bực vua chúa là những kẻ đáng kính mến, nhiều nhân đức, được trời cho cầm đầu dân. Đọc ĐÔNG

CHÂU, ta mới thấy họ dốt nát, tàn bạo, loạn luân, ác nghiệt, không có một đức tánh nào tốt xứng đáng với địa vị của họ. Làm tôi giết chúa, làm con giết cha, anh em tranh giành nhau, gây giặc giã không ngớt, bao nhiêu cảnh thật không mơ mộng, không tô điểm, bày chán chường trước mắt kẻ đọc.

Thì ra, các nhà văn khác có tài cho ta đánh đồng thiếp mà đi vào cảnh không có. Còn tác giả bộ ĐÔNG CHÂU lại khéo biết kéo ta trở lại sự thật, một sự thật trần truồng, chua chát.

Mà nhắc đến sự thật lịch sử của thời ĐÔNG CHÂU, tôi lại có một ý khác. Tôi muốn nhắc đến sự tranh biện của hai nhà học giả xứ ta về Khổng học. Một bên là giáo sư Phạm Thiều, một người có một nền cựu học đầy đủ, một bên là Phan Văn Hùm, một nhà tân học hoàn toàn theo duy vật sử quan. Ông Phạm Thiều thì bảo rằng Khổng học là một học thuyết về nhân luân, cốt để rèn luyện con người, còn Phan Văn Hùm thì bảo rằng Khổng học chỉ là một ý thức hệ để phụng sự chế độ phong kiến.

Cuộc tranh biện của hai nhà học giả ấy đã xảy ra hơn mười mấy năm nay, tuy không ồn ào kịch liệt, tuy không nhan nhản trên báo chí, song giới học hỏi ở xứ nầy cũng còn nghe nói đến. Sự thật ở bên nào? Khổng học là luân lý hay là một ý thức hệ để phụng sự chế độ phong kiến? Muốn trả lời về khoản nầy, tôi xin mạn phép mời độc giả đọc lại bộ ĐÔNG CHÂU để thấy sự thật thế nào? Độc giả sẽ thấy rằng theo sự thật trần truồng, Khổng Tử và môn đệ của ngài là những kẻ hoạt động hăng hái để phụng sự cho chế độ phong kiến. Họ nhận thấy rằng dốt nát, ác nghiệt, vô luân, tàn bạo chỉ làm cho các chư hầu hư việc; họ muốn rèn luyện một hạng "quân tử," tức là một giai cấp quí tộc đủ tư cách tồn tại, và như thế, đạo Khổng là một ý thức hệ phong kiến chớ gì?

Thì ra nhà "Nho" là kẻ "cần thiết" cho sự trường tồn của chế độ phong kiến. Hay thay phép viết tả ý của chữ Hán: Nho .... . Ấy là chữ nhơn đứng ... viết cạnh chữ nhu ... (nhu: cần có mới được) thì nhà nho tức là một hạng người cần thiết cho sự trường tồn của giai cấp "quân tử." Nhà Nho đối với chế độ phong kiến thì có khác gì bọn "organisateur" của chế độ đặc quyền ngày nay, mà bọn Burnhams đề cập trong sách "L'ère des organisateurs."

Và sau cùng, nhắc đến "Nho" cũ, hay là bọn "organisateurs" mới, tôi cũng quanh quẩn trong việc so sánh thời bây giờ với thời loạn Xuân Thu, mặc dầu tôi biết rằng loạn Xuân Thu là cuộc loạn chấm dứt chế độ phong kiến nhà Châu, còn cuộc loạn ngày nay thì chấm dứt cái văn minh vật chất của Tây phương. Sự nghiệp nhà Châu tám trăm năm kể cũng dài, sự nghiệp của Âu Tây khởi từ thế kỷ XV đến nay, đối với cả hai, thú thật tôi không có mến thích gì cả. Bởi không mến thích, nên tôi mời bạn xem ĐÔNG CHÂU để hiểu thời nay; hiểu để ghét.

Mà mời các bạn làm hai việc này, tôi vốn có một ý muốn, tuy không quan hệ gì, mà bởi can hệ đến cá nhân của tôi, nên nói phứt cho rồi, để khỏi trả lời riêng từ người mất công. Số là mấy tháng trước đây, vì anh Tam Ích hành văn khéo léo quá nên làm độc giả lầm tưởng rằng tôi mang quyển sách Mạnh Tử trong vali mà đi tìm Burnhams. Vậy tôi viết bài nầy để tỏ cùng với bạn gần xa lòng khinh bỉ của tôi đối với nhà "Nho" thời xưa, hay đối với bọn "organisateurs" ngày nay, là bọn trí thức đem cái học, cái tài của mình mà phụng sự cho hạng người không đáng trường tồn trên sân khấu lịch sử.

(Thi văn hiện đại - 1949)

Tìm đọc

NGƯỜI THÍCH NHÌN VÚ

Tập truyện

của NGUYỄN VĂN THÀ

"Bốn chữ 'Tinh ích cầu tinh' đáng dành để chúc mừng anh Nguyễn Văn Thà: anh Thà kiến thức rộng, văn có bản sắc riêng. Viết đã tinh, mong rằng càng ngày càng tinh thêm."

Trích thư của nhà văn Võ Phiến gửi nhà xuất bản.

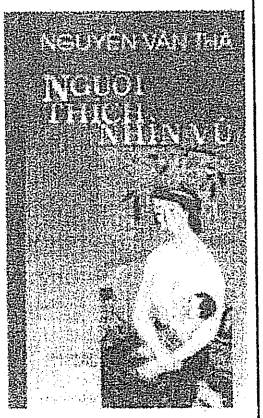

Nhiều ý nghĩa sâu xa ẩn đàng sau những câu chuyện của đời thường trong NTNV. Phải vượt qua định kiến chật hẹp mới nhìn thấy được những sự thật vẫn có đấy, nhưng không phải ai cũng có khả năng và đảm lược như Nguyễn Văn Thà để phanh phui.

Giá 15 Mỹ kim (trong nước Mỹ cộng $2.00 cước phí)

Liên lạc: **Yen Tran**

9702 Bolsa Ave. # 112

Westminster CA 92683 - USA

TỜ BÁO ĐẦU TIÊN CHỈ MỘT SỐ: TIỀN QUÂN

HỒ HỮU TƯỜNG

(Trích Chương I, cuốn Bốn mươi mốt năm làm báo)

Tháng 11 năm 1930, các báo ở Pháp đăng một tin sét đánh, nhứt là đối với sinh viên Việt. Bạo động bùng nổ ở Yên Bái, Hải Dương, Lâm Thao... Những nhà cách mạng lôi cuốn được lính khố xanh, đã cướp đồn, giết quan trấn thủ người Pháp, trong lúc mà nhiều nơi khác, lựu đạn thô sơ chế tạo trong xứ nổ lung tung. Rồi mấy ngày sau, báo nào cũng đăng tải tin tức về những cuộc dội bom, những khủng bố và thông cáo của chánh quyền thực dân cho biết "đã làm chủ tình thế."

Lúc ấy, tôi đương học tại Đại học Lyon, đã nạp luận án thi Cao học về toán, chờ thi. Còn việc học khoa sư phạm, dạy hai tháng tập sự tại trường trung học, để chuẩn bị thi thạc sĩ toán học đã hoàn tất. Trước ngày ấy, trước mắt tôi chỉ thấy cuộc thi thạc sĩ. Khi đi tập sự, giáo sư ngạc nhiên nói: "Đây là lần thứ nhứt mà có một thí sinh trẻ như thế này. Tôi lại nhạc nhiên hơn nữa, vì người ấy không phải là người Pháp, mà phải học với ngôn ngữ không phải là tiếng mẹ." Mấy lời khen, tuy thành thật, song không khỏi làm cho tôi phải thẹn, một cái thẹn có lẽ bởi quá hãnh diện mà ra. Kết quả là tôi còn học toán hăng hơn nữa.

Nhưng từ khi có tin bạo động ở Yên Bái, những hình, những phương trình, những định lý toán học bay đâu hết, không còn trong trí tôi, trước khi nhắm mắt ngủ. Lòng tôi sôi nổi luôn bởi những hoạt động cách mạng. Mà cách mạng như thế nào, tôi không có chút ý thức. Thành phố Lyon, trước kia đầy dẫy sinh viên Tàu. Họ có tổ chức những nhà trọ cho sinh viên ăn ở rẻ tiền, có công ăn việc làm, tức là một lối "sinh viên lao động." Bây giờ họ về xứ bớt. Nhưng tại Đại học, vẫn còn lưu lại một Institut franco-chinois, còn tấm bảng cẩm thạch to tướng gắn trong hành lang. Bầu không khí ấy làm cho tên của Tôn Dật Tiên được nhắc đến mãi. Mà vào tuổi sinh viên, câu được nhắc nhiều hơn hết là: "Nhất cách mạng, nhì phụ nhân." Đối với đa số sinh viên, hễ nhắc đến câu ấy, thì anh em cười xòa, cho rằng không đúng. Vì vào tuổi ấy, "nhất phụ nhân" mới phải..., nhứt là tại Lyon là thành phố mà thường giựt giải hoa hậu cho gái Pháp. Nhưng bấy giờ tôi mới thấy rằng Tôn Trung Sơn có lý. Trong nhà ngủ có mấy anh bạn thuê phòng ở trọ. Hễ cắm đầu học từ sớm cho đến sáu giờ, thì đầu đã nặng, cần nghỉ ngơi, lại gặp lúc mấy cô đầm tan sở ra về, ra đón mà tán, thì đầu óc mau tỉnh táo lại, để ăn tối, thì là một món khai vị rất ngon lành mà chẳng tốn tiền chi cả... Trừ khi người đẹp nhận lời ngay, thì đêm ấy giốc túi. Nhưng từ khi có bạo động Yên Bái, tôi bỏ cái lối "khai vị" nọ mà tản bộ dọc bờ sông Rhône để trầm tư về tiền đồ xứ sở.

Kết quả của một tháng trầm tư nầy, là tôi viết thơ cho anh Hội trưởng hội A.G.E.I. (Đông Dương sinh viên tổng hội: Association générale de étudiants indochinois, nay còn nhớ, trụ sở ở đường Gay Lussac, Paris V). Tôi nhờ cho biết ở Paris có thể đi dạy học tư, đủ tiền ăn trong tháng chăng? Vì từ hai năm qua, tôi không có được tiền từ bên nhà gởi qua, mà chỉ sống bằng cái nghề dạy học tư nầy.

Hơn tháng sau, tôi mới được thơ phúc đáp, ký tên Hồ Văn Ngà. Anh Ngà cắt nghĩa rằng anh mới vừa đắc cử hội trưởng, nghiên cứu hồ sơ, rồi phúc đáp sau khi dò hỏi kỹ lưỡng, nên trễ. Đáng lẽ, tôi đi ngay. Song chỉ còn mấy hôm nữa là tôi sẽ trình luận án thi Cao Học, nên nán lại.

Ngày trình luận án nầy, sáng sớm tôi đã đem rương đi gởi lên Paris, mua vé xe lửa. Đậu rớt gì cũng không cần. Sáng thi xong, chiều tôi đã ngồi xe lửa. Sáng hôm kế, tôi đã bước chơn xuống xe tại nhà ga Lyon ở Paris. Người đón rước tôi là Tạ Thu Thâu, bởi chức vụ của anh là đón rước người mình vừa đến Paris lần đầu cho khỏi bỡ ngỡ.

Xe taxi đưa tôi đến thẳng Caban, một xóm ngoại ô Paris. Đây là biệt thự do Huỳnh Văn Phương mướn và sắp trả vì mãn giao kèo. Khi sang Pháp học, Phương đã cưới vợ. Bên vợ giàu, cho chị Phương sang Paris theo chồng, cùng hai em trai đi du học. Gia đình đông đảo, có đàn bà,

nên thuê villa nhỏ ở cho rẻ và có nhiều tiện nghi hơn là ở phòng ngủ. Vào nhà, thì chị Phương đã về xứ trước với hai em. Trong nhà tôi lại gặp cụ Phan Văn Trường ở một phòng, khít với phòng tôi.

Cụ Phan vốn là một bực túc nho, sang Pháp trước thế chiến. Bên nhà, cụ đã học tiếng Pháp, sang bên nầy, cụ học thêm, để vào Đại học. Kịp đến khi cụ Phan Châu Trinh bị biệt xứ gởi sang Paris, thì cụ Phan Văn Trường sát cánh với cụ Tây Hồ. Chiến tranh Âu châu bùng nổ năm 1914. Lập tức, thực dân Pháp ra lịnh tuyển mộ lính và nhân công sang Pháp để "giúp mẫu quốc." Sợ tiếng nói của hai cụ Phan được những người tùng chinh nghe theo, Pháp dựng đứng một cuộc "âm mưu giả tạo" để chụp mũ hai cụ và một số người Việt khác, mà bắt nhốt vào ngục. Nhốt như vậy cho đến đời G. Clémenceau lên làm thủ tướng, nhờ luật sư Marius Moutet can thiệp, các cụ mới được thả ra. Cụ Phan Văn Trường có viết một hồi ký, nhan đề là *"một chuyện âm mưu người Annam ở Paris"* và đăng trong tờ l'Annam, mà cụ làm chủ nhiệm. Khi ra tù, hai cụ được Nguyễn Thế Truyền, học xong ở Toulouse lên hiệp tác. Đầu tháng bảy, cụ Tây Hồ móc nối được với Nguyễn Tất Thành, lúc đó ở London, nên viết thơ gọi về Paris. Nguyễn Tất Thành vốn là con trai của cụ phó bảng Nguyễn Sinh Sắc, sau cải danh là Nguyễn Sinh Huy, là bạn thân của cụ Tây Hồ, và cũng là đồng chí trong phong trào 1908. Đến 1918, nhóm nầy lại được Nguyễn An Ninh ở Sài Gòn sang nhập bọn. Người ngoài cho đó là năm con Rồng, bởi người Việt xưng mình là "con Rồng." Linh hồn của nhóm "ngũ long" nầy là cụ Phan Chu Trinh. Và khi chường ra công chúng, nhứt là khi viết báo chống thực dân, thì ý kiến thường do cụ Tây Hồ xướng ra, Nguyễn Thế Truyền, Phan Văn Trường và Nguyễn An Ninh thảo thành tiếng Pháp, và giao cho Tất Thành đem giao cho nhà báo với một bút hiệu chung.

Hồ Hữu Tường (1910-1980)

Về cái bút hiệu nầy, có một giai thoại kể ra buồn cười. Lúc ban đầu, các cụ chọn bút hiệu là Nguyễn Ố Pháp. Nghĩa là thằng Nguyễn ghét người Pháp. Tên nầy được độc giả Pháp hoan nghinh lắm, vì giọng nói dí dỏm đặc biệt của người Việt, lại thêm câu văn của Ninh và Truyền gọt giũa, nên có duyên. Độc giả gởi thơ đến nhà báo hỏi Nguyễn Ố Pháp là ai và tên ấy có nghĩa gì? Các cụ buộc lòng phải dịch cho ngay tình. Các bạn Pháp phản đối cai tên cực đoan và dễ ghét, mà tiếng Pháp gọi là sô vanh (chauvin), và đề nghị đổi đi. Từ đó, bút hiệu Nguyễn Ố Pháp bị đổi ra là Nguyễn Ái Quốc. Về sau, bốn vị kia tách ra, tên Nguyễn Ái Quốc còn lại riêng cho Hồ Chí Minh.

Khi ban đầu, tên mới lạ là Nguyễn Ố Pháp, chẳng bao lâu đổi thành Nguyễn Ái Quốc xuất hiện, ai cũng muốn biết người nầy bằng xương bằng thịt là ai. Nhứt là mấy thám tử của bộ thuộc địa. Một lần tại câu lạc bộ Faubourg, có một thanh niên đưa tay lên xin nói. Chủ tọa trước khi trao lời, hỏi tên họ để giới thiệu thì thanh niên xưng mình là "Nguyễn Ái Quốc." Làm cho thính giả chăm chú nghe. Và thám tử, đêm ấy vô cùng sung sướng, vì đã viết được một bản phúc trình về cho bộ trưởng. Bộ trưởng không tin, chỉ nghĩ rằng "Nguyễn Ái Quốc chỉ là một bút hiệu mới của Phan Châu Trinh mà thôi." Nhưng trước sự "bằng xương bằng thịt" dầu là ông bộ trưởng, làm sao mà cãi bây giờ. Bèn ra lịnh trát đòi "Nguyễn Ái Quốc đến cấp tốc tại bộ thuộc địa gặp ông bộ trưởng," nhưng lại đem trát giao tận nhà Phan Châu Trinh. Cụ Tây Hồ gọi Tất Thành đến giao tờ trát, Tất Thành cầm trát đến gặp ông bộ trưởng Pháp và câu đầu nói xỏ rằng "Nguyễn Ái Quốc là tôi. May mà trát gởi đến nhà chú tôi là Phan Châu Trinh, nên được chú tôi đưa lại. Không thì lạc mất rồi. Từ nầy về sau, hễ muốn gặp tôi, thì gọi ngay tôi nơi địa chỉ ... đừng làm phiền chú tôi nữa." Bộ trưởng bộ thuộc địa đành câm miệng hến. Ngày ấy, cụ Tây Hồ xỏ Tây tế nhị được, xuống chợ Mouffetard mua lòng lợn về mời đủ năm Rồng xơi một tiệc "khải hoàn."

Tôi ở chung với cụ Phan Văn Trường được hơn tuần, thì cụ về xứ. Trong thời gian đó, ngày nào tôi cũng quấn quít theo bên cụ, mà nghe cụ kể những mẩu chuyện thăng trầm của đời tranh đấu mình. Cụ rất vui tính, cười hề hề, dầu cho chuyện bi đát, cụ cũng tìm thấy vài nét ngộ nghĩnh để mà trào lộng. Cụ là một bực học giả uyên thâm,

các sách hay của Tây phương lẫn Đông phương, cụ đều đọc cả. Cụ nói:

- Tôi đọc được nhiều là nhờ nghèo. Mùa lạnh ở nhà rét quá chịu không nổi, mà mình không đủ tiền mua than củi để suổi. Đành vào thơ viện từ chín giờ sáng đến mười giờ tối, gián đoạn bằng hai lượt đi ăn. Vào thơ viện, phải im phăng phắc, thì đọc sách là việc bắt buộc.

Triết học, kinh tế học, lịch sử, xã hội học, tôn giáo... sách nào căn bản, cụ đều có nghiên cứu kỹ. Luận án thi tiến sĩ luật của cụ bàn về chủ nghĩa Bôn-sê-vích ở Nga, đem áp dụng vừa được cuộc cách mạng. Nhưng mà trong thâm tâm, cụ chê tất cả các triết gia Tây phương, ngay cả Marx nữa:

- Bọn nó vì tự cao ám thị mà chẳng chịu ngó đến văn hóa Đông phương, thành chui rút vào tháp ngà, không có một cái nhìn thống quan. Riêng có anh chàng Schopenhauer khiêm tốn, đọc sách Phật, nên tác phẩm của y đọc dễ chịu hơn.

Tôi xin hiến cho đàn hậu tấn nhận định của một bực tiền bối đã dày công đọc sách và suy gẫm.

Tôi vốn học toán. Những cái gì mà tôi biết về triết, là nhờ học lóm với cụ Phan Văn Trường trong thời gian nầy. Học chỉ ban ngày thôi. Đến tối, những anh Thâu, Phương và Chánh qui tụ về, ráp nhau cãi chính trị với cụ. Bấy giờ, ba anh nầy đã đi sâu vào chủ nghĩa Marx, thiên về cánh Trotsky, nên cố tình thuyết phục cụ Phan ngả theo lập trường chính trị của họ. Nhưng cụ Phan một mực chê Marx còn hẹp hòi. Ở đây nên nhắc lại một lời của cụ dường như là một tiên tri:

- Các anh rồi sẽ xem. Chủ nghĩa cộng sản mà sang qua Á đông mình, thì sẽ chẳng khác gì văn hóa Mông cổ chinh phục nhà Tống. Về chánh trị, họ sẽ thắng. Còn về mặt văn hóa, chủ nghĩa cộng sản sẽ bị Phật giáo đồng hóa, chẳng khác chi văn minh Mông cổ bị văn minh Tàu đồng hóa vậy.

Bốn mươi mốt năm đã qua, sự đụng chạm giữa chủ nghĩa cộng sản và Phật giáo mới bắt đầu. Hãy còn sớm mà phê phán lời tiên tri của cụ Phan Văn Trường.

*

(...) Khi vấn đề được đặt ra, cụ Phan Văn Trường khuyên đừng cho sống lại đảng Việt Nam Độc Lập cổ lỗ, mà cũng chưa nên tô màu sắc chính trị rõ rệt. Sau khi bàn cãi, chúng tôi chọn một tên rất nhu mì là "Nhóm Việt Kiều tại Pháp" (les Émigrés en France). Và tờ báo, cơ quan của nhóm lấy tên là Tiền Quân. Rút kinh nghiệm của mấy năm đã qua, không thể khai thác luật báo chí của Pháp mà ra báo công khai nữa. Như vậy là tôi vào làng báo với một tờ báo bí mật.

(...) Nhưng mà báo đương in chưa kịp phát hành, là chúng tôi tổ chức những cuộc biểu tình tại Paris. Bộ biên tập bị bắt tại trận, hoặc bị bắt nguội, bị trục xuất về Việt Nam. (...) Riêng có chủ nhiệm và chủ bút thì thoát khỏi. Nhờ bạn bè tổ chức vượt biên giới sang Bỉ-Lợi-Thì. Đi trọn một đêm, hừng sáng đến Bruxelles, hai anh em vào quán kêu gọi ăn sáng. Và lấy bút giấy viết thơ cho khắp bè bạn hay rằng hai chúng tôi lánh mình sang ngoại quốc để "duy trì tờ báo Tiền Quân." Và chủ nhiệm và chủ bút đồng ký tên. Nghe nó oai làm sao! Nhưng Tiền Quân chỉ biết số nầy là số đầu. Và cũng là số chót.

(...) Một tuần sau, hai tôi được gọi đến gặp A. Rosmer, từ Paris sang. Rosmer là một danh nhơn trong phong trào thợ thuyền Pháp. Trước giặc 1914-1918, ông là một lãnh tụ nghiệp đoàn. Khi chiến tranh bùng nổ, tất cả các lãnh tụ chính trị thiên tả đều từ chối lý tưởng quốc tế của mình, mà quay về ủng hộ chính phủ. Ở Pháp, chỉ có hai cán bộ nghiệp đoàn, là Monatte và Rosmer chống đối lại cái trào lưu ấy. Năm 1916, tất cả những chiến sĩ xã hội còn trung thành với quốc tế chủ nghĩa tổ chức một cuộc gặp gỡ nhau tại một làng hẻo lánh ở Thụy Sĩ là Zimmerwald, thì người Pháp đến đó chỉ có Rosmer và Monatte. Sau Lénine và Trotsky lấy được chính quyền ở Moscou và thành lập Đệ tam quốc tế, thì hai nhà lãnh tụ cộng sản nầy quí Rosmer lắm, nhứt định mời cho được Rosmer vào Quốc tế nầy. Nhưng khi Lénine qua đời, giữa Staline và Trotsky tương tranh, Rosmer đứng theo phe của Trotsky, và được các người đối lập lại cộng sản ở Tây phương cử lên làm lãnh đạo ở Pháp, Rosmer đứng làm chủ nhiệm của cơ quan nhóm nầy là báo La Vérité.

Đọc lịch sử của Âu châu, tôi đã biết danh của Rosmer lừng lẫy. Đến chừng tôi gặp ông già "bạn thân của Lénine" nầy, tôi lấy làm thất vọng. Ông nhu mì như một cô gái, mà con gái phương Đông nữa mới lạ. Trong hội nghị cả hai giờ, ổng nói chừng hai câu, mà giọng nhỏ nhẹ, lời hiền lành, không có chút ý nào nẩy lửa.

(...) Tôi ở Bruxelles hơn một tháng. Giao thiệp rất nhiều trong giới "chọc trời khuấy nước." Họ nói mỗi người hàng chục thứ tiếng, mà tiếng nào cũng như là tiếng mẹ đẻ của họ. Nên tôi chẳng biết quốc tịch họ là gì. Trước đây họ ở Paris hay Berlin, rồi bị cảnh sát lùa, chạy tạm ẩn ở Bruxelles. Và họ vượt biên giới như mình đi Thủ Đức ăn

nem vậy. Không làm sao biết được tên thiệt của họ và cũng không rõ họ hành tung ra thế nào. Nhưng trong câu chuyện, chỉ biết họ là người lỗi lạc, ở vào cấp lãnh đạo thôi. Khi nào cần gặp nhau, thì hẹn vào cụm rừng, mỗi người do một ngả mà đến. Khi chung đủ mặt thấy họ cư xử với nhau mới biết cấp bực tương đối ra sao.

Người lãnh đạo tất cả được chúng tôi gọi là Oben, tuổi độ ba mươi, có cô vợ nhan sắc tuyệt vời, tên Olga. Hai vợ chồng nói đủ các thứ thiếng của Tây phương và yêu nhau như cặp cu đất. Sau nầy, nghe ra tôi mới biết Oben là một ủy viên cao cấp của Quốc tế cộng sản, đặc trách về Tây phương bộ, chỉ huy cả Âu châu. Và chức tước, thì Oben theo Staline, nhưng bên trong lại phò Trotsky.

Theo bề ngoài nhận xét, thì Oben được Đệ tam quốc tế đặc trách chỉ huy cuộc hoạt động của đảng cộng sản Đức, lúc ấy là đảng mạnh nhứt, với hơn triệu đảng viên và năm triệu cử tri. Lúc ấy tôi chưa theo Trotsky, mà cũng không theo Staline. Cũng chưa hẳn theo chủ nghĩa Marx. Mà phái Trotsky cũng chưa tách ra khỏi Đệ tam quốc tế. Ngày nào tôi cũng gặp Oben lúc ăn cơm trưa, xong dắt nhau vào vườn hoa ngắm cảnh mà tán chuyện, hoặc có rảnh, thì rủ nhau đi vào rừng. Sau nhiều lần như vậy, Oben nhận tôi có thiên tư chánh trị, nên khuyên tôi:

- Ở Moscou, tôi gặp rất nhiều người an-nam như anh, mà chưa thấy ai lỗi lạc bằng anh. Anh đi Moscou, vào đại học cho các dân tộc Đông phương, anh sẽ là thủ khoa. Được đưa về xứ, anh sẽ làm lãnh tụ của đảng. Tôi có thể giúp anh đi tắt mà đến việc nắm quyền chỉ đạo phong trào cách mạng ở xứ anh.

Thú thật, lúc ấy lòng tôi lưỡng lự lắm. Tôi đã đọc nhiều sách về cộng sản. Tôi biết rất nhiều về cái bá đạo của Staline. Tôi cũng muốn nghe theo Oben tạm đầu Staline, nghĩ rằng đối với việc nội bộ của xứ Nga, mình chẳng cần xen vào, che mắt, bịt tai trong giai đoạn tùng học ở Moscou, xong về xứ, nắm quyền chỉ đạo đảng cộng sản Đông Dương, thì có cái thế to lắm. Nhưng mà tôi hoài nghi, liệu vào cái guồng máy, mình sẽ bị guồng máy nghiến nát, hay mình có thể sửa đổi nổi cái guồng máy ấy? Trong khi lưỡng lự, từ Paris, nhóm Trotsky gởi sang qua một phái đoàn gồm có R. Mollinier và G. Rosenthal mà gặp Hùm và tôi. Sau khi làm sôi nổi phong trào xã hội ở Pháp một hồi, Mollinier thôi hoạt động, bỏ xứ, sang Nam Mỹ và lập gánh hát. Còn Rosenthal bây giờ trở nên một luật sư lừng danh ở nước Pháp. Tôi đem vấn đề đi Moscou mà nói với hai người nầy. Họ bàn với nhau, coi bộ cũng đoán ý họ nói gì. Ngày hôm ấy, họ dắt tôi vượt biên giới mà về Pháp.

Trên đường về, ghé một làng nhỏ ở miền Bắc nước Pháp, họ ghé một quán nhỏ mà gặp một người thứ ba, tuy không giới thiệu cho tôi biết là ai, song sau này, nhìn ảnh đăng trong các báo, tôi nhớ lại là Maurice Thorez, vài năm sau, trở nên lãnh tụ của đảng cộng sản Pháp. Lúc ấy Thorez cũng như Oben, nửa thì có cảm tình với Trotsky, nửa thì còn ở trong guồng máy của Đệ tam Quốc tế và nắm vai trò quan trọng, công khai thì tranh đấu cho Staline, bí mật lại hợp tác với Trotsky. Tôi cũng xuýt làm như Oben và Thorez. Nhưng chỉ một sợi tóc, tôi lách mình ra, ngoài cái quĩ đạo ấy./.

THÁI ANH DUY

LỜI CỔ CÂM

Tôi nằm tức tưởi canh thâu
tan trong sân hận nát nhầu cái tôi
trăm năm một cuộc dong chơi
ngàn sau ánh chớp đoản hơi sức người
còn dư âm trận khóc cười
tan như xác pháo đỏ ngời trước sân
vàng thau cũng tới phong trần
sóng xô non nước phù vân tựu thành
sớm nay mở cửa bình minh
thấy ngày còn xoáy xoáy quanh trục đời
quê ta hay đó quê người
lên cao thăm thẳm nửa vời xuống xuôi
xa xôi xa lắm nước trời
thương ôi cố quốc một lời cổ câm.

Tháng Tám 2002

Một số trích đoạn từ cuốn

THẰNG THUỘC CON NHÀ NÔNG

HỒ HỮU TƯỜNG

(Các tiểu tựa do Tòa soạn đặt)

...

Thằng Thuộc ra đời như thế nào

Tết năm 1910, lúc ấy tôi còn ở trong bụng mẹ, tía tôi đã giao thiệp được một người không ai biết tên họ là gì, mà thiên hạ sau nầy đều gọi là thầy Quảng, vì có giọng nói Quảng Nam đặc biệt. Không ai thấy ông nầy làm nghề gì; nhưng người ta đồn ông làm thợ mộc, rồi bởi ông giỏi bùa Lỗ Ban nên thiên hạ sợ ông ếm mà không ai mướn cả. Ông say rượu cả ngày, ngồi trên một chiếc xuồng mà bơi đi hoài, ít ghé đâu cả. Mấy năm nầy, ông thường lui tới nơi vùng nầy và được tín đồ đạo Bửu Sơn Kỳ Hương kính nể lắm.

Mồng một Tết, ông ghé nhà tôi, thấy tía tôi ăn chay. Trong mâm chỉ có một dĩa dưa leo, một dĩa dưa cải và một dĩa chao. Ông hỏi tía tôi tu theo pháp môn nào. Tía tôi thật tình nói hết quan niệm của ông về tôn giáo và thêm rằng ăn chay chỉ ngày mồng một Tết, ấy là giữ lời khuyên của người trong mộng, chớ không theo đạo nào cả. Thầy Quảng khuyên tía tôi nên theo đạo Bửu Sơn Kỳ Hương và bày cho tía tôi rõ phần thâm viễn của đạo nầy là cái lý thuyết về hội Long Hoa, Di Lặc sẽ giáng trần chỉnh lại pháp cũ, làm cho Minh Đạo sẽ tái sanh. Thầy đọc cho tía tôi nghe cả tràng sấm ký của đạo và bàn về các lời sấm.

Nghe thì nghe vậy, tía má tôi bàn luận nhiều với nhau về sự nầy. Nhưng rốt rồi không theo.

Ngày lại qua. Đêm 28 sáng 29 tháng ba âm lịch, tía tôi nằm mộng. Ông thấy mình đang ngồi trong nhà, có một ông già đến, gọi ra ngoài sân. Ngoài trời đen tối, sao đầy giăng. Ông già ngoắc một cái, một ngôi sao rớt xuống rồi hóa ra một cái cánh sen. Ngoắc một cái, một ngôi sao nữa rớt xuống hóa ra cánh sen thứ hai. Và như vậy, có đủ ba mươi sáu cánh sen, ông già gắn nhau lại thành một cái hoa sen mà chưa có nhụy và cái gương non ở giữa. Sau rốt, ông già mốc đất và nắn nhụy và cái gương mà trám vào. Rồi cho tía tôi cầm. Tía tôi giựt mình thức dậy, vì nghe tiếng má tôi kêu. Bởi má tôi đau bụng gắt và tính ra cũng vừa đúng ngày sanh đẻ.

Tía tôi đẩy xuồng đi rước bà mụ, ở cách sông, xéo xéo nhà tôi. Rồi ông lo nấu nước sôi, chuẩn bị mọi thứ để đón tôi ra chào đời. Mà ông không ngớt suy nghĩ. Bởi vì suốt mấy tháng nay ông thầm van vái Tổ tiên để bói một quẻ. Ông thấy dòng tôi, ngót bà đời, đời ông Hồ Văn Phi, đời ông Hồ Văn Điểu và đời tía tôi, thảy đều sống hẩm hiu trong thân phận tá điền, tựa hồ ngóc đầu lên không nổi, nên ông tự hỏi: "Dòng họ Hồ nầy có một tương lai nào?" Rồi ông ta ra một ước lệ để bói. Hễ chuyến nầy mà sanh con gái thì tá liền còn mãi là tá điền. Còn sanh con trai, thì thằng nhỏ nầy thoát được số phận của ông cha. Vì vậy mà trong mấy giờ chờ đợi tôi ra đời, tía tôi hồi hộp như người đánh me sắp giở chén. Trai hay gái?

Gần sáng. Gà đã gáy. Tiếng bà mụ vọng ra: "Con trai!" Tía tôi mừng khấp khởi. Con trai! Thằng này sẽ thoát thân phận nông dân. Nhưng nó sẽ làm gì? Tía tôi nhớ lại điềm chiêm bao đã thấy mấy giờ trước đó, và tìm ý nghĩa nó ra sao. Song óc quê mùa thiếu học của ông không đủ cho ông thấy được năm sáu mươi năm về sau... Rồi vài chục phút trôi qua. Chim đậu trên các cây chung quanh nhà đua nhau kêu. Rồi tiếng các đoàn ghe đám cưới rầm rộ qua lại dưới sông, đếm cũng mười mấy đám. Má tôi nghe tiếng ghe đám cưới mừng lắm, nói: "Thằng nầy lựa ngày tốt quá mà ra đời!" Trong bầu không khí vui mừng nầy, tía tôi đưa bà mụ về nhà.

*

Khi trở về, vừa cắm xuồng, thì có một chiếc xuồng bán tôm cá bơi qua. Tía tôi kêu lại mua một rổ lớn, để làm một tiệc ăn mừng cho thằng con trai vừa sanh. Thì ông thầy Quảng bơi xuồng

vừa tới. Tía tôi mời ông ghé lại nhậu chơi và để nhờ ông bàn giùm điềm mộng.

Khởi đầu, ông thầy Quảng bấm cho tôi một quẻ tử vi. Tính toán xong, ông nói:

- Năm Canh Tuất, tháng ba, ngày 20 chín, giờ dần, thì tốt lắm mà cũng xấu lắm. Không có "Tuần" và "Triệt," thì số nầy là số Đế Vương. Bị hai sao nầy hãm, thì là làm vua mà không ngai, thêm luôn luôn gặp trở lực và hoạn nạn. Đi tu thì thoát khỏi nạn mà có thể làm đến giáo chủ, ứng vào cái cảnh làm Vua mà không ngai.

Tía tôi mới thuật việc bói quẻ của ông trong mấy tháng qua và nói tỉ mỉ về điềm mộng đã thấy hồi khuya. Thầy Quảng bàn:

- Theo sự cầu nguyện, sanh ra con trai là được điềm lành. Mà theo chiêm bao, thấy có người cho hoa sen, ấy cũng điềm lành. Cái hoa sen góp màu sắc từ khắp nơi, mà tinh túy của nó, là nhụy và gương non, thảy do nơi đất là chỗ chôn nhau cắt rún. Thằng nhỏ nầy sẽ kỳ lạ lắm. Ráng mà nuôi nó. Để tôi đặt tên cho xứng với cái điềm đã thấy.

Tía tôi hỏi:

- Thầy đặt tên cho nó là chi?

Thầy Quảng suy nghĩ một chặp, đáp:

- Chú bói xem họ Hồ sẽ có tương lai gì không, mà được con trai, ấy là họ Hồ được điềm lành. Vậy đặt tên cho nó là Hồ Hữu Tường, nghĩa là họ Hồ có điềm lành. Nó có "văn xương," "văn khúc," thì ắt không phải là nông dân như ông cha. Ít nữa cũng là một văn sĩ. Thì phải đặt cho nó một cái tự nữa.

- Tự là gì?

- Tự là cái tên riêng để nhắc cái tên chánh. Tên chánh của nó là Hồ Hữu Tường, do một sự bói xin mà được. Vậy tôi đặt cho nó cái tự là Khổng Cưu, ứng vào câu "Khổng cưu đắc hữu tường." KHỔNG là to, CƯU là bói, KHỔNG CƯU ĐẮC HỮU TƯỜNG là bói một cái bói to mà được điềm lành. Hễ nhắc tới Khổng Cưu thì người ta nhớ ngay là Hữu Tường. Và còn phải thêm cho nó một cái hiệu nữa.

- Hiệu là gì?

- Hiệu là cái tên thứ hai. Bởi nằm chiêm bao thấy có người tặng cho một hoa sen quí, nên tôi đặt tên cho nó cái hiệu là Bửu Liên.

Ông thầy Quảng và tía tôi bữa ấy say mèm. Tía tôi hy vọng cho thằng con trai mình sẽ thoát thân phận nông dân bằng cách đặt tên tốt cho tôi với tự, với hiệu cũng như trong các gia đình quyền quí và túc nho.

Thế là vài ngày sau, ông ra làng khai sanh cho tôi với tên Hữu Tường. Và sau tôi lớn lên, nhớ nhắc tôi cái tự và cái hiệu. Hiệu là Bửu Liên, tôi đã dùng mà ký mấy bài báo khi mới vào nghề và cộng tác với Nguyễn Văn Bá. Còn tự Khổng Cưu, tôi đã dùng mà ký tên vài quyển sách xuất bản ở Hà Nội và hiện nay thất lạc cả.

Ngày tôi được khai sanh là ngày 10 tháng 5 dương lịch 1910, sai biệt vài ngày với bữa 29 tháng 3 âm lịch (1).

*

Biết việc tôi tên Tường, lúc ấy chỉ có thầy Quảng, tía tôi và ông biện làng ghi vào bộ đời. Thuở ấy, ít khi ai lấy cái "bài rời" của lời khai hộ tịch làm chi.

Khi tía tôi đi khai sanh ở làng về, thì gặp bà ngoại tôi tới thăm. Ông ngoại tôi qua đời lúc má tôi mới mười hai tuổi. Bà ngoại tôi là vợ kế, nên còn trẻ lắm. Vì vậy mà bên ngoại tôi khuyên bà giao má tôi cho bà con nuôi, rồi tái giá, ở một nơi

cách nhà tôi hơn mười lăm cây số. Thỉnh thoảng bà mới tới thăm con cháu một lần, và nay nghe má tôi ở cữ, đến hỏi sức khỏe và xem cháu ngoại trai hay gái.

Má tôi không biết tía tôi đặt cho tôi tên gì. Đến khi bà ngoại tôi hỏi, tía tôi nói, thì bà rầy:

- Tường là tên của dượng ghẻ bây. Nhè lấy tên dượng ghẻ mà đặt cho con, ấy là làm một việc phạm thượng. Ổng biết được, ổng sẽ giận bây lắm và tao ăn nói làm sao với ổng cho được?

Tía tôi thú thật rằng không biết tên của ông ngoại ghẻ của tôi. Và việc đã dĩ lỡ rồi, bây giờ phải đặt tên lại. Ông bèn đặt cho một tên rất nôm na là Thuộc, không có chữ lót đẹp, mà chỉ dùng chữ Văn như phần đông người trong nhà quê. Rồi ông dạy nấu một nồi chè, một nồi cơm nếp mà cúng ông bà để tạ lỗi, hầu cải tên tôi là Hồ Văn Thuộc. Không có tự là gì, hiệu là gì nữa cả. Tía tôi tưởng làm như vậy là đủ rồi, không cần ra làng mà cải lại trong bộ đời. Trong đời của ông, có lúc nào ông cần sao lục bản sanh mà nạp cho ai đâu? Và có lẽ, lúc sanh ra ông, ở xứ mình chưa có cái lệ lập khai sinh kìa!

Trong mười mấy năm, tôi trưởng thành với cái tên Thuộc. Tía tôi làm ăn quanh năm, quên phức cái tên đẹp, có chữ lót, quên tên tự, tên hiệu. Má tôi, anh tôi, hai chị tôi cũng không biết nốt, nói gì là lối xóm.

Tại sao tía tôi đặt cho tôi là Thuộc? Ông cắt nghĩa:

- Anh hai mầy tên Phú, là tao hy vọng nó giàu. Chị ba mày tên Thọ, ấy là tao cầu cho nó được sống lâu. Chị tư mầy tên Lễ ấy là tao mong cho nó giữ được lễ với thiên hạ. Còn mày tên Thuộc là tao mong sau này, ai dạy mầy cái gì, mày cũng thuộc cả.

Cái hy vọng nầy, ông nhờ phong trào Duy Tân nung đúc cho. Ông thấy người ta rần rộ lo gởi người xuất dương du học, ông cũng muốn cho con trở nên người có học thức, cái gì cũng biết, cái gì cũng "thuộc." Và điều này, lúc nhỏ tôi thường nghe ông nhắc nhở.

...

Hầu tướng

Cậu Sáu tôi, vị hội đồng chủ đất của chúng tôi, gốc là Minh Hương, nên thỉnh thoảng có người Minh Hương từ xa đến viếng. Tôi lúc nhỏ, lại thường đến nhà cậu mà chơi; vì là con hụt của cậu, nên cậu cưng. Vườn cậu lớn minh mông, trồng đủ loại cây ăn trái rất nhiều để bán, nên ngày nào cũng có trái chín để đãi tôi. Cậu lại nuôi quạ mà cậu đã dạy nói được, két cũng biết nói, nhồng, nhàn sen, trích và một con khỉ. Những con thú ấy là bạn của tôi, để cho tôi đùa với chúng, khi nào tôi không có gì lạ để nghe mà học lóm.

Một hôm có một ông thầy Minh Hương đến và biết xem tướng. Cậu nhờ xem tướng cho đứa cháu nội nhỏ hơn tôi một tuổi. Xem xong, thấy tôi cà rà quanh đó, thầy coi luôn cho tôi mà lần nầy kỹ hơn. Thầy bắt tôi giăng thẳng tay, đứng thẳng, chàng hảng mà đo, rồi đi tới đi lui, đi qua đi lại cho thầy nhìn. Lúc ấy tôi cạo trọc đầu, thầy bảo tôi đưa cái sọ cho thầy rờ bóp. Rồi thầy không nói gì khác hơn là câu "Tốt lắm! Hầu tướng."

Thầy tướng đi. Tôi hỏi cậu tôi ông thầy nói gì. Cậu tôi cắt nghĩa rằng ông thầy nói tôi có tướng con khỉ. Nghe như vậy tôi buồn lắm, vì tôi lúc ấy thấy con khỉ xấu lắm, răng nhô ra, mắt chớp, nhăn nhăn cả ngày, tay chơn lòng thòng, mà chẳng biết nói và chỉ cà khọt. Tôi có cảm tình với con quạ, con két, con nhồng nói chuyện rất khôn kìa! Tôi giấu chuyện ấy, không khoe với tía má tôi rằng tôi có "hầu tướng."

Hai mươi mấy năm sau, tôi bị tù, đày ra Côn Đảo, nhốt chung với hơn trăm người, toàn là những mác xít duy vật. Lúc ấy chúng tôi cạo đầu trọc lóc cả, vì không nước để giặt đồ, nên hạn chế sự ăn mặc, có người hạn chế đến toàn diện và sống như con nhộng. Tôi để ý có một người thuộc phái Đệ Tam, làm thầy thuốc bắc, cứ theo nhìn tôi mãi. Cả mấy tháng như vậy, hắn mới kéo tôi mà nói riêng nho nhỏ:

- Tôi nói cái nầy biết rằng anh không tin. Song tôi nói để anh thí nghiệm. Và anh đừng nói cho người nào nghe cả, vì người ta sẽ phê bình rằng tôi duy vật mà còn mê tín duy tâm.

Tôi hứa sẽ không nói lại cho anh em khác trong phòng. Vững bụng, anh tiếp:

- Hồi trước tôi học nho khá lắm, rồi mới học thuốc bắc. Lúc theo nho học, tôi có học đủ các khoa tử vi, bói quẻ diệc và ma y thần tướng. Mấy năm theo cách mạng, tôi bỏ hết các khoa ấy. Nhưng thấy tướng anh, tôi không khỏi ngạc nhiên, mà theo nhìn hoài. Anh có hầu tướng. Hai chơn cong, cách đi giống của khỉ đột. Hai tay dài, ngón dài như ngón khỉ. Răng không phải hô, mà hàm nhô ra. Tôi không tin rằng tướng có thể nói được tương lai, song có thể nói được tánh tình. Tánh tình anh là tánh tình của con khỉ đột. Nhập vào đàn, anh thích làm chúa đàn, mà cũng được đàn cử lên cầm đầu.

Trong đàn, con khỉ đột được các con khỉ cái trọng, thì anh cũng vậy: tướng anh là tướng có số đào hoa, mặc dù anh xấu trai. Phe nữ mến tài anh và mê anh lắm...

Tôi cười hỏi vặn lại:

- Đi làm cách mạng mà lôi thôi về phụ nữ, quần chúng đâu còn tin mà theo mình?

Anh Mác xít duy vật đáp:

- Cái đó tùy anh. Song họ mê là một chuyện, còn từ đó đến ái tình, duyên nợ, hãy còn xa lắm. Họ mê anh, rồi mơ tưởng suông thôi, cũng là mê rồi, lựa là tâm tình với nhau... Để tôi nói nốt về tướng anh. Nhờ anh cạo đầu trọc, mà tôi xem rõ sọ anh. Sọ anh, phía sau, có cái ẩn tướng, trong sách gọi là sọ của Châu Du. Anh không chịu thua ai hết. Anh muốn hơn người ta luôn luôn. Châu Du có cái sọ như vậy, nên mặc dầu kém tài hơn Không Minh vẫn chẳng chịu phục Khổng Minh. Nếu anh không có hầu tướng, thì cái sọ ấy đủ khiến anh giống Châu Du, mà tiểu nhơn, tìm kế hãm hại Khổng Minh. Cũng may, nhờ anh có hầu tướng, nên mỗi lượt anh thấy thua kẻ khác, anh rút lui có trật tự để nghiền ngẫm, tìm phương sách, để khi xuất hiện lại, anh hơn người ta... Cũng là một cách không chịu thua.

Bốn năm sau, 1945, tôi đi Hà Nội. Tại Huế, tôi bị một nhà Mác xít duy vật khác xem tướng lén. Bạn tôi, ông Đào Duy Anh, mấy tháng sau, thuật cái giai thoại ấy như vầy. Lúc anh Thâu và tôi đến chỗ hẹn mà lên chiếc cam nhông chở đường để đi Hà Nội, thì Đào Duy Anh có cho một vị lãnh đạo cộng sản hay trước, đến ở đó mà xem chúng tôi lên xe.. Và đây là cảm giác của vị lãnh tụ cộng sản, mà theo lời Đào Duy Anh, tuy là tín đồ của chủ nghĩa Mác Lê, song vẫn còn tin nơi phép xem tướng của Tàu: "Hai đứa nó là kỳ tài là phải lắm. Tạ Thu Thâu tướng con vượn. Hồ Hữu Tường tướng con khỉ đột. Con vượn yểu tướng, e Tạ Thu Thâu chết sớm. Con khỉ đột sống dai hơn." Đào Duy Anh thuật lại lời ấy rồi, thì vài tháng sau, tôi nghe Tạ Thu Thâu bị giết ở Quảng Ngãi.

Người lãnh tụ cộng sản xem tướng ấy là Tôn Quang Phiệt, hiện nay là một trong những ông kẹ ở miền Bắc. Tôi viết lại giai thoại nầy lên đây, thành thật mà khen tài xem tướng của người. Còn nếu những dòng nầy lọt dưới mắt của Đảng, làm cho Đảng phê bình người gắt gao, rằng sao đã là Mác xít duy vật mà còn tin vào mê tín, thì việc ấy không can chi đến lòng thành thật khen tài, do tôi nói tự đáy lòng.

Từ ấy, tôi hết ghét thầy tướng nào nói tôi có tướng con khỉ đột. Vì Tôn Quang Phiệt chúc tôi sống lâu cà! Tôi lại có cảm tình với con khỉ đột, và đem hình ảnh con khỉ đột mà đặt tên cho cái chính lược mà tôi sáng tạo. Các bạn thân tôi thường hay nghe tôi nói câu "hầu tử xuất động," ấy là do duyên cớ đó.

...

Bài học vỡ lòng về văn chương

Qua năm 1917, tôi đã học lớp Dự bị trong hai năm và sắp sửa học năm thứ ba, cũng lớp ấy. May ra, gần nhà tôi, vừa mở một trường tư. Rể của cậu sáu tôi trước đó làm ký lục ở tòa bố Cần Thơ, lương tháng ba chục mà phải ở phố, trả tiền chợ, thêm cờ bạc, nên không đủ sống. Bà con bèn xúi về nhà cậu tôi mà ở, mở lớp dạy em cháu còn dễ sống hơn. Lớp mở ở trại ghe sau nhà, giữa một vườn quít xiêm, và từ sau nhà tôi đi lại, chỉ có nhảy ngang qua mấy cái mương nhỏ. Học trò chia làm ba hạng, bốn năm đứa, ở hạng chót, học vỡ lòng. Năm sáu đứa theo chương trình của lớp Dự bị. Còn hạng trên, có bốn chị gái của tôi, thì học chữ Tây, theo chương trình lớp Sơ đẳng.

Vào thời ấy, học trò lớp Dự bị đã quọt quẹt học ba chữ Tây rồi. Sang qua lớp Sơ đẳng, thì tiếng Tây là tiếng học thừa, còn tiếng Việt chỉ dạy hai giờ mỗi tuần, một giờ dạy Làm văn, một giờ dạy Chính tả. Bốn chị gái vốn không phải từ một trường công mà đến, lại do một lớp tổ chức riêng, nên học chữ Tây khá cứng. Một chị lớn hơn tôi bốn tuổi, ba chị kia lớn hơn hai, thành ra mấy lúc đầu, tôi phải ráng lắm. Song rồi theo kịp, kế dẫn đầu lớp, nhờ học gì thì "thuộc" nấy! Chừng đó, tan học về nhà, tôi không cần học lại bài vở, vì khi nghe cắt nghĩa tại lớp, thì đã thuộc rồi. Tôi bấy giờ có nhiều giờ dư, bởi khỏi phải đi lại xa xôi, tôi lại đọc truyện nữa.

Cậu sáu tôi có người con trai nhỏ, anh năm Cẩn, học ở Hà Nội về khoa Công chánh. Thỉnh thoảng, anh có gởi sách về, những sách mà anh mua ngoài Bắc và đọc xong. Trước đó, tôi chỉ đọc những sách xuất bản ở Nam, quen giọng. Bây giờ đọc sách từ Hà Nội gởi vào, giọng văn khác xa, tôi có nhiều ấn tượng mới lạ. Cuốn đầu tiên mà tôi đọc là BÍCH CÂU KỲ NGỘ, làm cho tôi thích thú vô cùng. Những chuyện thần tiên đấu phép, PHONG THẦN, TÂY DU, PHONG KIẾM, XUÂN THU... khi nhỏ tôi vừa đọc, tôi biết ngay là chuyện bịa đặt cho vui, mà không gợi trong trí tôi rằng có thể có thần tiên được. Vả lại, tía tôi bởi ghét thầy pháp, tuyên truyền mãi cho tôi chớ

mê tín chuyện quái đản, nên xem chuyện thần tiên của Tàu, mà không tin có những thần tiên ấy. Nay đọc BÍCH CÂU KỲ NGỘ, tôi thấy chuyện kể một cách thật thà, hồn nhiên, dễ làm tôi tin. Hoặc giả người viết là một bực thiên tài, chuyện không có mà thừa nghệ thuật để làm cho người đọc tin được. Hoặc giả là chuyện có thiệt, thì là một điều đáng suy nghĩ lắm. Năm 1945, tôi ra Hà Nội, cùng vài người bạn trẻ, có đi ngang qua đền Tú Uyên. Trong bọn cùng đi, có cô ái nữ của nhà văn Hoàng Ngọc Phách chỉ cái đền mà giới thiệu, làm cho tôi suy nghĩ vô cùng. Trong văn chương ta, có hai chuyện thần tiên. Một là chuyện Từ Thức, thì chưa ai chỉ rõ chỗ Từ Thức gặp tiên là chỗ nào. Hai là chuyện Tú Uyên mà cái đền nầy, do lời cô sinh viên nói, là cất ngay nơi chỗ mà Tú Uyên và nàng tiên xây tổ uyên ương. Lấy óc scientiste mà bác những chuyện như chuyện Từ Thức, chuyện Tú Uyên bằng một lời tuyên án rằng dị đoan, chuyện ấy, bất cứ ai đã học qua loa chương trình Trung học, thảy có thể làm được. Nhưng điều cần là có những nhà khảo cứu, có một nền học thức vững chắc, có những phương pháp suy tầm và phê phán xác đáng, để "xét lại" những chuyện "dị đoan" những chuyện của Tú Uyên, chuyện vua Lê Thánh Tôn đi cùng xe với một bà tiên rồi bà thình lình biến đi mà nay hãy còn miếu thờ để kỷ niệm...

Cái ấn tượng thứ hai là tôi thấy văn hay. Và lần đầu tôi có cái mỹ cảm về văn hay. Trước kia, lúc đọc, tôi chỉ biết ngốn câu chuyện.

Trong chuyện có hành động nhiều, nhân vật nhiều, éo le nhiều, thì tôi bị hấp dẫn. Bây giờ trong BÍCH CÂU KỲ NGỘ câu chuyện đơn giản quá, nhân vật lơ thơ, tình tiết không éo le, nhưng tôi cảm nhiều hơn, không cố đọc mau mau để ngốn cho nhiều, lại đọc chậm chậm, gọi là nhâm nhi, để thưởng thức cái hay của mỗi câu, mỗi chữ, nhờ BÍCH CÂU KỲ NGỘ mở lối mà tôi đọc bài vỡ lòng về văn chương.

Lần lượt, tôi đọc CUNG OÁN NGÂM KHÚC, CHINH PHỤ NGÂM, HOA TIÊN. Nhiều điển tích tôi chưa hiểu nổi làm cho tôi không được thích thú bằng. Nhưng đến tuổi già, so sánh lại, tôi vẫn cho rằng những quyển sau này thảy thua BÍCH CÂU. Giá trị của một áng văn không ở nơi chỗ có nhiều điển tích. Dẫn nhiều điển tích, ấy là mình suy tư và tư tưởng sẵn có của kẻ khác, mà không sáng tạo hình ảnh nào mới, ấy là sắp những sáo ngữ lại cho thành một câu chuyện mà thôi. Một đôi hình bóng không thể tả hơn được nữa, bắt buộc phải dẫn của tiền nhân, điều ấy không dung được. Nhưng hệ thống hóa sự dùng điển tích để làm văn thì không làm sao có tiến bộ. Dùng điển tích của Tàu nhiều, ấy là chứng tỏ một cách khách quan rằng mình hãy còn dưới ách "nô lệ văn hóa" của Tàu.

Nhiều lượt, nghĩ đến trẻ em Việt, không có sách đẹp và hay để làm quà cho chúng. Trong trí tôi có thoáng qua cái ý muốn xuất bản một quyển BÍCH CÂU, khổ lớn như khổ các sách trẻ em của các nước Âu Mỹ, in nhiều màu, bìa cứng chắc, mỗi trang độ vài ba câu thơ, mà cái hình thật lớn, thật đẹp. Được sách như vậy, con nít vừa biết đọc sẽ đọc mê say bực nào.

Đã nói đến sách cho trẻ em, cũng nên mở ra một dấu ngoặc mà nói đến một cuốn khác là "TRUYỆN CON TẤM CON CÁM." Hồi nhỏ xíu lúc chưa biết đọc, tôi đã nghe kể chuyện con Tấm con Cám và thuộc rành rồi. Lớn lên, thấy một cuốn thơ về chuyện nầy, tôi có mua đọc lại, nhưng không thấy có giá trị văn chương nào. Khi ra Hà Nội, mỗi tuần chúng tôi có tổ chức "một đêm không ngủ văn nghệ," trong ấy có nhà thơ Tú Mỡ tham gia. Tôi có ý tiếc rằng một câu chuyện hay như chuyện con Tấm con Cám và rất phổ cập trong dân gian, lại không có một áng văn chương đánh dấu là một khuyết điểm lớn. Tú Mỡ đồng ý với tôi lắm và cho hay rằng đương cố gắng mà "kể chuyện" nầy bằng thơ rất bình dân ta là thơ lục bát. Hiện nay, tôi không rõ cái mộng của Tú Mỡ đã thực hiện được chưa. Nếu lời thơ của Tú Mỡ là hay, thì xuất bản theo loại sách trẻ em quả là một phần thưởng xứng đáng cho đám măng vừa mọc.

Sẵn nói về chuyện con Tấm con Cám, cũng nên cởi lòng phứt một chuyện vặt vãnh, kẻo không có cơ hội nhắc lại. Trong những năm làm ở Thơ viện Quốc gia Paris, tôi có thấy được một cuốn sách Tàu nói về tiểu thuyết, hay là gom nhiều tiểu thuyết gì đó. Đọc nhiều, nhớ không hết, lắm khi râu ông nầy cắm cằm bà kia. Mang máng tôi nhớ như là trong THÁI BÌNH QUẢNG KÝ thì phải. Sách nầy viết vào đầu thời nhà Tống, do một ông vua nhà Tống chủ trương và có đủ bá quan cộng tác, mỗi người kể một chuyện hay mà mình đã nghe hoặc thấy. Trong đó có thuật chuyện con Tấm con Cám và người kể chuyện nói rõ rằng xuất xứ của chuyện lại ở "Lĩnh Nam" tức là ở vùng đất Việt ta... Rồi tôi cũng đọc thấy đâu đó, rằng hai trăm năm sau Marco Polo viếng nước Tàu, đem chuyện hay bên Tàu về du nhập ở Âu

châu, và chuyện con Tấm con Cám biến ra chuyện Cendrillon... Năm tôi ở Côn Sơn, nhơn một bài phỏng vấn của BÁCH KHOA, tôi có nói phác họa về cái "hành trình" của chuyện con Tấm con Cám, từ đất Việt (Lĩnh Nam) sang Tàu rồi sang Âu. BÁCH KHOA cự nự tôi về chỗ ấy. Ở trong tù, thiếu tự do, thiếu "sử liệu" để làm bằng, tôi chịu thua. Thua mà còn ức. Sau đó tôi đọc được quyển *Famous Chinese short stories* (Những truyện ngắn nổi danh của Tàu) của Lâm Ngữ Đường (Linyou Tang), về chuyện ấy, văn sĩ họ Lâm cũng nói xuất xứ của chuyện từ phương Nam... Tôi đưa cái đề nầy cho các cậu sinh viên nào muốn viết luận án về "hành trình của chuyện con Tấm con Cám" thì theo những cái móc ấy mà dò. Nếu giả thuyết của tôi là đúng, thì cũng là một hãnh diện chung của dân tộc, có một áng văn chương bình dân chinh phục được lòng độc giả khắp hoàn cầu...

...

Chấn gia thanh

Tết năm ấy tía tôi đưa một sáng kiến. Ông nói rằng bây giờ ít ai biết đọc chữ Nho, dán liễn đối viết bằng chữ Nho, không ai đọc thì không có nghĩa. Vậy phải viết liễn bằng chữ quốc ngữ. Lãnh lịnh ấy, thằng Hoài mài mực, anh hai tôi và tôi rọc theo những rẻo giấy hồng đơn, lấy viết chì họa các nét của chữ, rồi lấy bút lông chấm mực Tàu mà đồ. Tấm biển treo ngay giữa bàn thờ thì giữa là hai chữ KẾ THẾ, hai bên hai chữ HỒ PHỦ. Ngay hàng cột cái, giữa thì tấm biển ĐỨC LƯU PHƯƠNG. Bên này thì THIỆU CƠ CẦU. Bên kia thì CHẤN GIA THANH. Học đã hết lớp nghe sách, anh hai tôi có thể cắt nghĩa được những câu ĐỨC LƯU PHƯƠNG, THIỆU CƠ CẦU, CHẤN GIA THANH. Anh dạy tôi rằng: "Chỉ có cái đức mới để lại danh thơm về sau, thì ý nghĩa của tấm biển là khuyên trong nhà nên lập đức để cho danh thơm lưu lại. Còn cơ là cái thúng, cầu là cái áo bằng da lông con hồ cừu. Thiệu cơ cầu là nói con cháu hay nối nghiệp của cha ông, tỉ như con nhà thợ làm cung giỏi thì tuy không khéo được bằng cha, nhưng cũng suy được ý cha mà bắt chước cách làm cây cung để uốn nắn thanh tre mà làm thành cái thúng; cũng như con nhà thợ hàn giỏi, tuy không được khéo bằng cha, nhưng cũng có thể mô phỏng được ý của cha, mà biết chắp vá loài da để làm áo cầu." Tía tôi chận ngang nói: "Tấm biển nầy, tao hỏi thầy chọn chữ để dạy cho mầy là thằng Phú đó. Tao vốn làm ruộng giỏi năm nào cũng trúng mùa. Tao muốn cho mầy nối được nghiệp này mà làm ruộng cho trúng để làm giàu. Hồi tao vào đời, không có của ông bà để lại, mà một tay làm được khá như vầy. Theo cái đà nầy, mầy ráng làm theo, có thể giàu được,

LƯU HY LẠC

THÁNG GIÊNG/ HAI [1]

nhớ Vũ (2)

Qua giêng chỉ hăm tám ngày,
tháng ngắn ngủn sao tỏ bày cho xong!
đời như nước trôi trên sông
lại đêm hôm miếng mật tông trễ tràng
bước một bước đếm một hàng,

Có chi đâu ngoài mộ; hang
khúc xương rụng rơi ra giàn giậu trưa
tròn hăm tám buổi đẩy đưa
với nắng/ với gió- với mưa móc đời
chẳng có gì phía sau lời.

Trong khoảnh khắc như gì rơi,
tợ tiếng động sợi tóc rời rã kêu
hăm tám hôm cũng ít, nhiều
tâm tưởng phơi với sớm chiều xanh xao
da, dáng ngày một- một hao

Tháng giêng hai cứ nguyên màu
trắng câm lặng, trắng trước/ sau con đường
rồi cũng như đêm- như sương.

Cước chú:
[1] Tựa một tùy bút
[2] cùng đề từ của Mai Thảo.

đúng như ước mong của tao khi đặt tên Phú cho mầy."

Còn tấm biển CHẤN GIA THANH, thì anh hai tôi cắt nghĩa rằng: "Chấn là làm cho phấn phát lên, Thanh là tiếng. Chấn gia thanh là làm cho danh tiếng của nhà được phấn phát lên." Tía tôi mới nói với tôi: "Tấm biển nầy là cho thằng Thuộc. Trong nhà, một thằng con trai làm giàu rồi, tao còn mong cho một đứa làm cho danh tiếng nhà được nổi lên."

Về sau, đến khi anh Phú qua đời, tôi tính sổ lại, thì anh chẳng "thiện cơ cầu" được chút nào. Làm ruộng, anh bỏ bê vợ con làm gì thì làm, nên luôn luôn thất bát. Thời giờ, anh dành để đi cờ bạc, mang nợ nần, thêm lao tổn mà sanh bịnh lao. Có một thằng con trai, chẳng nuôi nổi ăn học. Mấy đứa con gái phải tựa vào cô chúng nó. Ấy là cái hy vọng của tía tôi thành ra ảo vọng, đối với anh tôi. Còn cái mộng "Chấn gia thanh" của tía tôi đặt cho tôi, hồi ở Paris, tôi có thuật lại cho Triều Sơn nghe chơi. Triều Sơn tánh hay trào phúng, để đùa chơi, kể chuyện một anh nhà quê miền Bắc, thấy người ta sao mà tên đăng lên báo và nhờ đó mà danh vọng nổi cùng, nên nghĩ ra cách là ra Hà Nội nhắm vào ô tô đang chạy mà lao mình vào. Kết quả, tuy khỏi chết mà được đưa vào nhà thương, song phải mang tật suốt đời. Nhưng anh hãnh diện, mua tất cả các tờ báo có đăng tin xe hơi cán anh, để dành, trịnh trọng như của quí, hầu khoe với kẻ lạ người quen biết đến danh tiếng của mình tên đã đăng lên báo. Rồi Triều Sơn kết luận: "Anh mà muốn thực hiện được cái mộng của ông cụ, thì tôi bày cho anh cách là gây một cái scandale (2) quốc tế. Anh cho mua tất cả tờ báo ấy, đủ thứ tiếng, đóng một cái hộp quí mà cất vào. Rồi mỗi năm, vào ngày kỵ cơm ông cụ, anh đặt hộp báo ấy lên bàn thờ ông cụ và khấn rằng anh đã đáp sở vọng ông cụ mà làm "Chấn gia thanh."

Dè đâu sự nói chơi của Triều Sơn lại hóa ra sự thật. Năm 1957, tôi bị án tử hình. Tin ấy được các thông tấn xã rao truyền khắp nơi và nhiều tờ báo đăng lên. Rồi một cuộc vận động nổi lên để xin miễn án cho tôi. Quả là một cuộc "chấn gia thanh" vĩ đại. Nằm ở Côn Sơn, nhiều lúc nhớ bạn Triều Sơn, tôi tức cười về câu chuyện trào phúng trên đã thực hiện y như ý muốn của anh. Khác có điều là tôi không tìm mua tất cả tờ báo đăng khắp đó đây tên của tôi, để đóng vào hộp quý mà đặt lên bàn thờ tía tôi mà khấn vào ngày giỗ.

...

Mộng ước

Vào dịp bãi trường mùa hè 1918, anh năm Cẩn từ Hà Nội đi tàu về chơi. Cậu Sáu cho người ra Cần Thơ đón anh. Về tới nhà là vừa chạng vạng. Người ta bu lại hỏi thăm về Hà Nội xa xăm. Anh về với một cái rương to, chứa những nghệ phẩm quí mà trong Nam không có. Thiên hạ trầm trồ, chia nhau xem những hộp, những bình. Còn tôi mê say xem một cây đờn vĩ cầm và một cây đờn măng-đô-lin, thấy hình vóc rất mới lạ, mà chẳng biết âm thanh ra thế nào. Thấy tôi mân mê, anh cười nói: "Thằng Thuộc mầy muốn học làm nhạc sĩ không?" Để đãi cái cười tủm tỉm của tôi, anh năm Cẩn lấy hai cây đờn ra khỏi hộp, rao nơi mỗi cây vài câu, làm cho tôi mê say những âm mà tiếng cò, tiếng kìm chưa hề đem lại được. Hà Nội đem lại trong óc tôi mơ mộng huyền ảo về nghệ thuật, văn chương, âm nhạc. Tôi hẹn lòng tôi làm sao lớn lên, tôi sẽ ráng làm được như anh năm Cẩn mà được ra Hà Nội để học.

Vài hôm sau, tôi theo thỏ thẻ, hỏi làm cái cách nào để có thể ra Hà Nội học? Anh vạch cho tôi thấy rằng nghèo, thì có con đường là học thiệt giỏi, để lấy học bổng mà đi học. Ban đầu học ba năm ở trường Sơ học. Kế đó học bốn năm ở ban Thành chung. Sau cùng ba năm ở trường Cao đẳng Hà Nội. Chỉ công phu trong mười năm, tốn chút ít tiền để sắm quần áo, để sắm sách vở và tiêu vặt. Còn thì bao nhiêu, nhờ vào học bổng. Tôi thấy tàm tạm được. Nhưng rồi anh hỏi: "Mầy muốn ra Hà Nội để học nghề gì?" Tôi đáp rằng: "Tôi chưa biết muốn học nghề gì cả. Tôi chỉ muốn học làm sao viết văn cho hay, để sau nầy làng Thường Thạnh có một người vào làng văn như thủ khoa Nghĩa hay ông cử Trị." Anh vỗ đầu tôi cười lớn nói: "Nhà nước cho học bổng chỉ cho kẻ nào làm việc cho họ thôi. Đâu có thứ học bổng cho những người như mầy, học để viết văn chơi?" Tôi vỡ mộng. Mà cũng buồn tủi cho một hoạt động không được nhà nước đỡ đầu. Lớn lên, tôi biết rằng nhà nước khi ấy là một nhà nước đô hộ, chỉ cần có tay sai, chớ cần chi người tô điểm cho văn chương của dân Việt. Tôi tự an ủi bằng cái lý đó. Nhưng bây giờ, tôi cũng chưa thấy có học bổng nào để đào tạo nhà văn cho xứ sở. Tôi cảm thấy rằng từ mấy chục năm trước, nước mình chưa tiến được là bao.

Chú thích:

(1) 8 Mai 1910.

(2) Tôi dịch không nổi, mà tra Pháp Việt tự điển của Đào Duy Anh cũng không thấy danh từ nào diễn đúng ý.

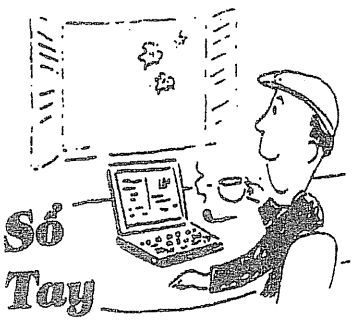

NGÔ NHÂN DỤNG

Lãnh tụ cũng ngáp như mọi người

Có một bức hình thời sự cũ, hình chụp ông Giang Trạch Dân trong phiên họp quốc hội Trung Quốc hồi tháng Ba năm nay, đáng coi là báo hiệu một giai đoạn mới trong lịch sử báo chí ở Trung Quốc. Hình rất đặc biệt, cứ nhìn vào đôi mắt lim rim mơ màng và cái miệng của ông nguyên chủ tịch Cộng Hòa Nhân dân Trung Hoa mở toang hoác vô tư, thoải mái như một em bé, phải thấy là đặc biệt.

Giang Trạch Dân

Ông Bush có ngáp cũng không sao. Ông Chirac lỡ ngáp một cái cũng là chuyện thường. Chúng ta có thể đã được coi nhiều bức hình các ông Tổng thống, Thủ tướng của các nước dân chủ tự do đang ngáp hoặc đang ngủ gật. Nhưng xưa nay đã có ai được thấy trên báo in hình ông Stalin hay các ông Mao Trạch Đông, Đặng Tiểu Bình ngáp bao giờ chưa? Chắc là chưa bao giờ.

Không biết phóng viên nào đã chụp bức hình này rồi đem bán cho hãng AP, hay là nhiếp ảnh viên của họ chụp lấy. Nhưng khi một nhà nhiếp ảnh được phép vào tòa nhà Đại sảnh Nhân dân chụp cả hình ông cựu chủ tịch đảng Cộng Sản Trung Quốc lúc ông đang ngáp, ở một xứ cộng sản đó là chuyện hoàn toàn mới lạ. Tuy đã từ bỏ nhiều chức vụ nhưng bây giờ ông Giang vẫn đóng vai "bố già" của đảng. Với chức chủ tịch quân ủy Trung ương, ông vẫn nắm quyền sinh sát mặc dù không còn phải chịu trách nhiệm nào rõ rệt cả. Quyền trùm lên bá tính, nhưng trách nhiệm lại không rõ ràng, đó cũng là một đặc điểm của chế độ cộng sản.

Bức hình này có tính cách lịch sử. Nó chứng tỏ ở Trung Quốc họ đang thay đổi. Hoặc là các lãnh tụ đảng cộng sản đã thay đổi, họ chấp nhận chính họ cũng giống như người bình thường, khi buồn ngủ cũng ngáp như mọi người, ai chụp hình cho chụp. Hoặc là các người làm báo ở Trung Quốc đã thay đổi, họ dám chụp hình một lãnh tụ tối cao đang há miệng ngáp mà không run, không sợ ngay buổi tối bị công an đến nhà mời đi làm việc.

Cởi trói thời "xa hậu"

Nhưng sau vụ bệnh dịch viêm phổi cấp tính SARS lan nhanh khắp Trung Quốc làm chết gần 300 người trong số hơn 5,000 bệnh nhân, và đảng Cộng Sản Trung Quốc công khai nhận lỗi, người làm báo ở xứ này có vẻ đang trở nên táo bạo hơn. Nhiều người đã tự cởi trói. Khi bệnh XA này phát khởi ở Quảng Đông (rồi lan tới Bắc Kinh đúng vào lúc chủ tịch Giang Trạch Dân đang ngáp,) thì Đảng Cộng Sản Trung Quốc đã ra lệnh báo đài phải giữ kín không được đăng tin. Khi được phép loan tin thì viết sao cho "phải đạo," nghĩa là làm sao cho bệnh nó nhẹ đi. Nhưng các con vi khuẩn không theo lệnh của Đảng, không thể kiểm soát bệnh dịch bằng cách kiểm soát tin tức! Chính sách bưng bít tin tức đó đã tạo ra tác dụng ngược và tai hại. Không biết tin, nhiều người không biết có bệnh dịch, từ nhân viên nhà thương tới dân thường bị mắc bệnh một cách oan uổng. Và chết oan, vì đángl ẽ ra họ biết thì có thể tránh được. Dân chúng Trung Quốc bắt đầu thấy chủ trương kiểm soát thông tin của Đảng Cộng Sản là một chủ trương chết người.

Các nhà báo càng giận hơn nữa. Vì đáng lẽ họ có thể đã làm những việc thông tin có ích lợi, thành những con người hữu dụng cho đồng loại, thì họ lại bị trói buộc, cấm đoán! Sau khi đảng Cộng Sản phải công khai nhận lỗi bưng bít tin tức nên không đề phòng để bệnh lan truyền, nhà báo trở nên bạo dạn hơn khi săn tin, viết tin về bệnh SARS. Có thể nói sau vụ đảng Cộng Sản thất bại trước bệnh SARS

là một thời kỳ mới cho giới báo chí, truyền thông Trung Quốc. Có thể gọi là "Thời kỳ Sau bệnh Sars," chữ Hán Việt là "Xa Hậu." Các nhà báo Trung Quốc cho thấy họ đã thay đổi.

Trong một cuộc họp báo về bệnh SARS gần đây, một nhà báo đã bất ngờ dám cắt ngang lời ông tỉnh trưởng Sơn Tây Lưu Chấn Hoa, trong lúc ông đang trả lời một câu hỏi, ngay trên đài truyền hình trung ương, phát hình trực tiếp trong giờ đông khán giả coi ti vi nhất! Hành động đó làm nhiều viên chức chính quyền kinh ngạc! Họ chưa bao giờ thấy một nhà báo hỗn như vậy! Thường mỗi khi các quan chức đảng lên truyền hình là mọi câu hỏi, câu trả lời phải được chuẩn bị trước, tập rượt thông thạo, không để sơ xuất một lời nào; các phóng viên đâu có quyền tự sáng tác ra câu hỏi bất ngờ do mình mới nghĩ ra?

Tỉnh Sơn Tây là một tỉnh nghèo nhất nước, đó cũng là nơi bệnh SARS lan tới sớm nhất và nhanh nhất. Không những không cách ly các bệnh nhân và báo động dân trong tỉnh đề phòng, tỉnh Sơn Tây còn "xuất cảng" bệnh nhân và vi khuẩn tới Bắc Kinh nữa! Chỉ vì các quan chức tỉnh này thi hành đứng đắn chủ trương của đảng, không cho ai biết tin tức nếu là tin xấu! Theo đường lối của đảng thì khi đài truyền hình Trung ương lchiếu cảnh ông Lưu Chấn Hoa giải thích tại sao bệnh phát mạnh ở tỉnh ông, mục đích là để giải bớt tội cho đảng; chứ phóng viên đâu có thể nhân cơ hội bắt ông ta phải nói sự thật? Nhất là ai cho phép nhà báo ngắt lời một cán bộ cao cấp trước mắt hàng trăm triệu khán giả ti vi?

Tại sao thời kỳ Xa Hậu đã thay đổi tác phong các nhà báo? Trước hết là vì các độc giả và khán, thính giả Trung Hoa, chính họ đã thay đổi. Người dân Trung Hoa hoảng sợ về bệnh SARS. Hàng triệu người ngụ cư đã chạy trốn các thành phố như Bắc Kinh để đáp xe tầu về quê, dù về nhà là phải ăn bám vào cha mẹ. Người dân muốn biết tin tức bệnh SARS vì đó là chuyện sống hay chết của họ. Mặt khác, từ khi mở cửa kinh tế thị trường, các đài truyền hình ở Trung Quốc cũng cạnh tranh với nhau. Một đài trực tiếp truyền hình các cuộc họp báo và phỏng vấn về bệnh SARS thì đài khác cũng làm theo; số các chương trình chiếu trực tiếp ngày càng nhiều hơn. Ngày xưa, các tin tức nhậy cảm phải chờ đảng ủy địa phương đãi lọc rồi mới bật đèn xanh cho báo, đài loan tin. Bây giờ hàng trăm triệu người muốn nghe ngay câu trả lời về những vấn đề bệnh SARS. Như: Bệnh nhân nào đã trốn khỏi bệnh viện, trốn rồi chạy đi đâu, làm sao mà họ trốn được, vân vân. Các đài ti vi tự ý đi tìm hiểu chứ không đợi lệnh của đảng ủy nữa. Họ còn dám đòi các quan chức xác nhận tin tức về những vụ biểu tình bạo động đã xẩy ra vì bệnh SARS: ở đâu, tại sao, vân vân.

Thời Xa hậu, các nhà báo không thể chỉ đóng vai tuyên truyền cho đảng cộng sản, họ muốn và cần phải thông tin nữa. Ông Lý Tự Quang, giám đốc Trung tâm Truyền thông Quốc tế thuộc Đại học Thanh Hoa, Bắc Kinh, nhận xét: "Bệnh SARS sẽ có ảnh hưởng lớn trong nghề làm báo cũng như nganh giáo dục báo chí ở Trung Quốc. Sau bệnh SARS, người dân Trung Quốc muốn có các tin tức chính xác, trung thực và nhanh chóng. Đó là những quy tắc cơ bản của nghề báo, không phải là của nghề tuyên truyền." Ngay chính quyền trung ương ở Bắc Kinh cũng ra lệnh cấp dưới phải báo tin tức về bệnh SARS "chính xác và nhanh chóng," nếu không thì phải chịu trách nhiệm. Thị ủy Thượng Hải trong tháng trước cũng phát chỉ thị cho các quan chức phải thông báo tin tức "một cách nhanh chóng, trung thực và khách quan."

Một đảng Cộng Sản mà ra lệnh cho cán bộ không được nói dối, không được che đậy; đây phải coi là một cuộc cách mạng! Các nhà báo được khích lệ trở nên mạnh bạo hơn. Nhật báo Thanh Niên của đoàn Thanh niên cộng sản đã cử một phóng viên và một nhiếp ảnh viên túc trực ở khu cách ly các bệnh nhân SARS trong bệnh viện Đại Tân để săn tin. Xưa nay các nhà báo nhàn nhã hơn, bao giờ ở trên bảo đi đâu thì mới đi, bảo chụp hình nào, viết cái gì cứ thế mà làm, đỡ vất vả hơn nhiều. Nay họ bắt đầu làm báo thật!

Thừa thắng xông lên, nhiều tờ báo đã tự cởi trói mà không chờ lệnh, họ loan tải cả những tin tức mới không thuộc phạm vi bệnh SARS. Trong tháng này có vụ hầm mỏ nổ làm chết hàng chục công nhân, Tân Hoa Xã thấy đã báo tin ngay lập tức. Ngày xưa, họ thường phải chờ cơ quan điều tra làm việc xong, ra thông cáo rồi mới đăng lại. Và vụ tầu ngầm của Hải quân Trung Hoa bị nạn làm 70 người chết cũng được loan báo ngay, mặc dù đó là tin quân sự.

Nhưng đây chỉ là một phong trào tự phát của các nhà báo, do nhu cầu của người dân Trung Quốc, nhờ thời kỳ xa hậu mà sinh ra. Còn chính sách của đảng Cộng Sản Trung Quốc chưa thay đổi. Họ chỉ nới lỏng vòng dây

chứ chưa cởi hẳn dây trói. Họ vẫn muốn kiểm soát mọi tin tức. Và đảng cộng sản đang tìm cách ngăn bớt phong trào báo chí tự phát cởi trói. Họ thay thế một số tổng biên tập các tờ báo để mọi người hiểu rằng đảng vẫn đóng vai ông chủ lớn. Và chứng tỏ đường lối của đảng trước sau như một vẫn là không cần thông tin trung thực. Ngay sau khi Thủ tướng Ôn Gia Bảo kêu gọi mọi người loan tin bệnh SARS nhanh chóng và đầy đủ thì chủ bút tờ nhật báo Ngôi Sao Bắc Kinh bị khiển trách. Tội lỗi của ông ta là đã loan tin ông bộ trưởng Y tế bị cách chức với hàng tựa chữ in lớn quá! Chỉ in tựa chữ cỡ lớn hơn ý đảng là đã có tội rồi! Ở tỉnh Quảng Đông, nơi bệnh SARS xuất hiện sớm nhất từ tháng 11 năm ngoái nhưng bị đảng ủy ra lệnh bưng bít, chủ bút của tờ báo Nam Phương Cuối Tuần và của công ty Nam Phương là chủ nhân của báo này đều bị cách chức. Vì chủ nhân trên tất cả vẫn là tỉnh ủy Quảng Đông!

Chúng ta phải chờ coi liệu nhân dân Trung Hoa và giới làm báo xứ này sẽ cúi đầu chấp nhận quyền kiểm soát thông tin của đảng Cộng Sản đến bao giờ. Sau khi được cởi trói, nếm mùi chút tự do của thời kỳ xa hậu, khi bị mất tự do chắc các nhà báo, độc giả và khán giả truyền hình bị mất tự do sẽ nhớ lắm, thèm lắm. Chắc các nhà báo sẽ tìm cách lấn tới, lấn từng bước. Không được thì họ sẽ quay trở về thời Xa Tiền, chờ một thảm họa mới khiến đảng Cộng Sản Trung Quốc lại phải cởi trói cho họ? Nhớ lại lời một nhân vật của nhà báo Phùng Gia Lộc; người cha già này hỏi người con làm báo: "Chúng mày là người hay là chó mà nay thì họ cởi trói, mai thì họ đem trói lại?" Phùng Gia Lộc nay đã qua đời, đọc lại vẫn động lòng thương cảm. Khi nhắm mắt anh có cảm thấy còn dây trói trên mình hay không?

ĐEM CON BỎ CHỢ

Đầu tháng Năm, Nhật báo *New Straits Times* và Thông tấn xã Quốc gia Mã Lai Á đều loan tin tòa án Mã Lai đã ra lệnh đánh đòn năm người Việt Nam mỗi người một roi về tội cư trú bất hợp pháp sau khi giấy phép nhập cảnh bị thu hồi từ năm ngoái. Năm người chịu nộp tiền nhưng họ kháng án về hình phạt đánh đòn xúc phạm nhân phẩm, nhưng đơn bị tòa trên bác bỏ. Năm người Việt bị đánh đòn, đồng bào mình ở khắp thế giới cảm thấy cùng chung nỗi nhục. Luật lệ xứ người ta như vậy, vào nước người ta kiếm ăn thì đành chịu nhục. Nhưng còn một nỗi nhục mà 50 người Việt khác cũng ở Mã Lai Á đang chịu thì thậm vô lý, người có lương tâm ai cũng phải phản đối.

Nhật báo *The Star* cũng ở Mã Lai Ásố ra ngày Thứ Tư, 7 tháng 5, 2003, cho biết có 50 người Việt đã cắm lều trước cửa sứ quán Việt Nam tại thủ đô Kuala Lumpur. Họ phản đối vì đã bị các chủ nhân bóc lột, mà sứ quán cộng sản cứ để cho họ "cắm trại" từ 20 ngày qua không giải quyết. Những người đàn ông tuổi từ 16 đến 45 cho biết họ làm việc cho nhiều công ty Mã lai mà không được trả lương trong suốt năm tháng. Không những thế, các chủ nhân còn giữ hộ chiếu của các công nhân này, khiến cho họ lo sợ ra đường bị bắt vì không giấy tờ hợp pháp. Một phụ nữ Việt Nam lấy chồng Mã Lai đã thông dịch giúp các công nhân đồng chủng khi tiếp xúc với nhà báo, cho thấy tình đồng bào ở đâu cũng sâu đậm. Chúng ta ở xa cũng phải lên tiếng phản đối với chính phủ Mã Lai Á! Nhưng sứ quán cộng sản Việt Nam ở đó làm gì? Không thấy tin tức nào cả!

Có thể sứ quán cộng sản Việt Nam ở Mã Lai cũng thông đồng với các chủ nhân bản xứ, vì đảng Cộng Sản đã đem "bán sức lao động" của các công nhân Việt Nam cho các vị chủ nhân này. Nhưng một điều mà sứ quán của quốc gia nào cũng làm được, là bảo vệ hộ chiếu của kiều dân đang đi du lịch hoặc sinh sống ở nước ngoài. Giấy thông hành, hộ chiếu của bất cứ người nào cũng thuộc quyền sở hữu của chính quyền nước họ chứ không phải tài sản cá nhân. Những xí nghiệp Mã Lai giữ giấy hộ chiếu của công nhân Việt Nam là bất hợp pháp, nhưng tại sao đại diện chính quyền cộng sản Việt Nam ở đó vẫn không dám phản đối?

Nỗi oan ức nhục nhã của đồng bào ở Mã Lai vẫn còn nhẹ, chúng ta cần phải thông cảm với đồng bào ở các nước cựu cộng sản Đông Âu nhiều hơn nữa.

Không lẽ cứ chịu nhục mãi?

Các sứ quán cộng sản thường là những tổ chức kinh tài chỉ lo kiếm tiền chứ không bao giờ biết bênh vực đồng bào của họ cả. Nhân viên các sứ quán cộng sản tại nhiều quốc gia Âu Mỹ vẫn lợi dụng quyền mua hàng miễn thuế, họ mua thật nhiều rồi đem bán lậu. Bộ Ngoại giao nhiều nước phải đặt câu hỏi tại sao người Việt trong các sứ quán hút nhiều thuốc và uống nhiều rượu gấp trăm, gấp ngàn lần người bình thường mà do bí quyết nào họ vẫn còn sống! Còn ở các nước Nga và Đông Âu, các sứ quán cộng sản ngoài việc buôn

lậu và bòn rút tiền người Việt còn phụ trách đàn áp đồng bào theo lệnh đảng Cộng Sản nữa.

Tiêu biểu là hành động mới rồi của sứ quán cộng sản Việt Nam tại Praha, thủ đô Cộng Hòa Tiệp. Sứ quán cộng sản Việt Nam ở Tiệp đã ra lệnh các chủ chợ, chủ cửa hàng Việt Nam ở Tiệp không được phép bán Tạp chí *Đàn Chim Việt*. *Đàn Chim Việt* là một nguyệt san của những thanh niên trí thức Việt Nam sống ở Ba Lan, có người đã từng là đảng viên cộng sản nhưng không thể chấp nhận chế độ độc tài nên đã bỏ đảng. Tờ tạp chí đã sống ba năm, đang được đồng bào khắp Đông Âu tìm đọc, vì đây là một tờ báo rất ít quảng cáo, sống được là nhờ độc giả mua. Nhưng tiếng nói độc lập này là một cái gai trước mắt đảng Cộng Sản Việt Nam, nên đảng đã ra lệnh các sứ quán phải trấn áp. Ở Ba Lan họ không làm gì được Đàn Chim Việt vì có nhiều tờ báo địa phương và các tổ chức văn học, báo chí Ba Lan ủng hộ tinh thần tranh đấu cho dân chủ tự do của các người Việt Nam ở Ba Lan. Và ở xứ này luật lệ cấm các đảng cộng sản sinh hoạt, cấm tuyên truyền chủ nghĩa cộng sản. Cho nên cộng sản Việt Nam đã đánh lén Tạp chí *Đàn Chim Việt* ở các nước khác, bắt đầu là Cộng Hòa Tiệp. Nếu thắng thế ở đó, họ sẽ tấn công ở nơi khác. Nhưng làm như vậy là họ đang vi phạm luật pháp của các quốc gia sở tại.

Người Việt cư ngụ ở các nước phương Tây không thể hiểu được cảnh một cổ hai ba tròng mà đồng bào chúng ta ở phía Đông vẫn phải chịu đựng, không khác gì họ vẫn còn sống ở trong nước. Có thể nói, trong thế giới người Việt ở nước ngoài vẫn có một "bức màn sắt" phân đôi, người phía Tây thoát còn người phía Đông vẫn nằm trong hệ thống kiểm soát của đảng cộng sản. Vì đồng bào ta ở các nước Nga và Đông Âu đại đa số chưa được nhập tịch, kể cả các chủ chợ và những người làm ăn, họ phải lụy vào sứ quán cộng sản trong việc gia hạn giấy tờ, hộ chiếu, khi làm giá thú, khai sinh. Mỗi chữ ký, mỗi con dấu đều tốn tiền, đều phải chờ đợi và năn nỉ, đút lót. Ngoài ra nhiều người còn thân nhân và cơ sở làm ăn ở trong nước, có ngày họ sẽ phải trở về, cho nên càng dễ bị bắt nạt. Đồng bào ta ở phía Đông ra đường thì được tự do nếu sống và làm ăn hợp pháp, nhưng ai bước vào trong cổng sứ quán là trở lại thân phận một người dân sống dưới ách độc tài chuyên chế! Cho nên đa số đồng bào ở "bên kia bức màn sắt" phải chịu nhẫn nhục làm theo lệnh sứ quán khi họ cấm bán sách báo, băng nhạc, mặc dù làm như vậy là vi phạm quyền tự do thông tin nơi họ đang cư ngụ và làm ăn. Trên các sạp báo, trong các chợ, từ Đông Berlin đến Budapest thường chỉ thấy bán những tờ báo công an như An ninh Thế giới, không ai được bày bán những tờ báo tiếng Việt xuất bản ở Pháp, ở Đức, Mỹ, vân vân.

Tạp chí *Đàn Chim Việt* đã gửi kháng thư cho đại sứ cộng sản Việt Nam ở Praha và thư yêu cầu Tổng thống Cộng Hòa Tiệp can thiệp. Sau đó, các chủ sạp hàng trong chợ Sapa ở thủ đô Praha đã bãi công chống chủ chợ tăng giá thuê chỗ. Nhân viên tòa đại sứ Việt Nam phải đến can thiệp, và trong lúc nhân viên sứ quán nói, có năm người Tiệp đã tới phân phối báo Đàn Chim Việt, được bà con đua nhau tìm đọc. Tất cả mọi cơ sở truyền thông tiếng Việt ở khắp thế giới phải hỗ trợ cuộc tranh đấu đòi quyền tự do thông tin cho Tạp chí *Đàn Chim Việt*. Đây cũng là một dịp để chúng ta, những người Việt sống ở phương Tây bầy tỏ tình đoàn kết đối với đồng bào ở phương Đông. Vì sống xa cách cả không gian lẫn thời gian, thiếu dịp tiếp xúc, chúng ta hiểu biết rất ít nên ít có cơ hội thông cảm với nỗi khó khăn của các người ruột thịt vẫn còn ở "bên kia bức màn sắt."

Một câu chuyện xẩy ra ở phi trường Mát Cơ Va có thể tiêu biểu cho sự khác biệt giữa những người Việt Nam sống ở hai phương trời.

Ở Cộng Hòa Nga, dân chúng cũng như cảnh sát thường kỳ thị người Việt. Họ còn oán hận việc chính phủ Liên xô đã viện trợ súng đạn cho đảng Cộng Sản Việt Nam theo đuổi cuộc chiến tranh chiếm xâm miền Nam - đến bây giờ vẫn chưa trả hết nợ - trong khi dân Nga thiếu ăn thiếu mặc. Tới bây giờ người Việt đi làm ăn vẫn bị mafia Nga bóc lột, ra đường lo cảnh sát hỏi, vào sứ quán thì bị móc tiền dịch vụ! Người Việt ra đường là có thể bị cảnh sát Nga gọi lại hỏi giấy tờ bất cứ lúc nào, và ai cũng biết thân, phải chuẩn bị rút tiền ra hối lộ. Ở phi trường cũng vậy.

Một mục sư người Việt Nam từ Mỹ qua Mát Cơ Va, khi ra cửa phi trường bị hỏi giấy, rồi viên công an tiện tay cầm mấy trăm mỹ kim của ông ta đút túi. Thoải mái vô tư như anh ta vẫn làm khi gặp bất cứ người Việt nào. Cùng lúc đó cũng có nhiều người Việt khác đang qua cửa hải quan, họ cũng bị móc túi như vậy. Riêng ông mục sư trẻ này không chịu. Ông gọi điện thoại cho tòa đại sứ Mỹ ở Mát Cơ Va than phiền. Nhân viên sứ quán Mỹ bảo ông hãy chờ đó, đợi họ

liên lạc với Bộ Ngoại giao Nga phản đối. Sau đó, nhân viên sứ quán Mỹ đi cùng với một viên chức Nga đến phi trường, yêu cầu người công an phi cảng phải trả lại tiền cho nạn nhân! Viên công an Nga đã phải thò tay vào móc tiền trong túi ra trả lại hết.

Vị mục sư bèn quay sang mấy đồng bào Việt Nam khác cũng vừa bị viên công an Nga bóc lột, mách kế: "Bà con đòi lại tiền đi, đừng có chịu thua chúng nó! Tôi có điện thoại cầm tay đây, bà con gọi ngay cho sứ quán Việt Nam mình bảo họ can thiệp cho!" Nhưng các người Việt Nam khác lắc đầu: "Ông mới tới không biết thôi! Chúng tôi ở đây lâu đã quen rồi. Không đòi lại được đâu! Gọi sứ quán đến, chúng nó còn bắt mình trả tiền dịch vụ nữa!"

Đoạn kết câu chuyện tuy vậy cũng có hậu, tuy không biết nên khóc hay nên cười. Về tới khách sạn, ông mục sư ở Mỹ qua mới khám phá ra là viên công an Nga, khi móc túi lấy tiền trả lại, không những đã trả đủ số tiền lấy của ông mà hắn còn trả cho ông cả những tờ đô la Mỹ lấy của những người khác nữa. Đồng bào thương nhau thật, nhưng ông biết tìm các đồng bào đó ở đâu mà trả lại?

Đó là cảnh sống một cổ hai ba tròng mà bà con ở "bên kia bức màn sắt" phải chịu đựng từ mấy chục năm nay. Khi một người dân Việt bị nhục ở nước ngoài, cả nước chia nỗi nhục nhã. Không lẽ 80 triệu người cứ chịu nhục mãi như vậy?

Đô la xuống giá

Ông George Soros là một tỷ phú người Mỹ gốc Hungary và việc kinh doanh của ông thì ở khắp thế giới. Ông chuyên mua bán các chứng khoán, cổ phần cũng như trái phiếu, và nổi tiếng nhất là về tiền tệ. Tháng trước có lúc ông Soros tiết lộ rằng ông đã bán rất nhiều đô la Mỹ để kiếm lời, vì ông tin đô la còn xuống giá. Cứ bán đô la đổi lấy tiền Âu châu hay tiền Nhật Bản, vân vân, khi nào giá đô la xuống thấp nhất lúc đó sẽ mua lại, bí quyết đó cũng không có gì lạ. Chỉ cần có khả năng đi vay tiền rồi có gan đánh cá là đô la sẽ xuống.

Trong cuộc phỏng vấn của đài truyền hình CNBC, ông Soros không những tiết lộ bí mật làm ăn, mà còn lên tiếng chỉ trích Bộ trưởng Tài chánh Mỹ John Snow về những lời tuyên bố làm hạ giá đồng đô la. Thông thường khi nói một đồng tiền nào đó mạnh, người ta nghĩ ngay tới hối suất cao. Nếu giá đô la xuống so với đồng yen hay đồng euro thì ai cũng nghĩ là đô la không mạnh. Nhưng ông John Snow đã tránh không nói tới hối suất mà đưa ra một định nghĩa khác. Ông vẫn nói chủ trương đồng đô la phải mạnh, không khác các vị bộ trưởng cũ; nhưng khi nhà báo xin ông giải thích "đô la mạnh nghĩa là gì," thì ông không nói gì đến hối suất mà chỉ nói chung chung về vai trò của tiền tệ, giống như đọc một trang sách giáo khoa: Đô la mạnh là khi nào người ta muốn giữ đô la và dùng đô la để giao dịch! Tuần lễ trước đó, ông John Snow còn nói rằng giá đô la xuống thấp rất tốt cho các xí nghiệp Mỹ, vì hàng hóa Mỹ bán ra ngoại quốc sẽ thành ra rẻ hơn. Thị trường bèn nghĩ ngay rằng chính phủ Mỹ không quan tâm đến việc bảo vệ giá mỹ kim.

Ông Soros chê rằng ông Snow tuyên bố như vậy là sai lầm. Vì nếu chính phủ Mỹ tính giữ cho giá đô la thấp để hàng hóa Mỹ xuất cảng giá rẻ hơn, thúc đẩy kinh tế Mỹ phục hồi trong khi kinh tế các nước khác bị thiệt thòi, các nước khác thế nào cũng trả đũa. Nếu các nước đều tìm cách hạ giá đồng tiền của mình thì rồi tất cả sẽ bị thiệt.

Ít khi có một nhà buôn tiền tệ nào lại tiết lộ bí quyết làm ăn ra như ông Soros. Nhưng ông Soros là một người đặc biệt. Khi chế độ cộng sản còn ở Hungary ông đã đem hàng ngàn máy photocopy về tặng các trường học ở đó, ông lý luận rằng ở đâu thông tin nhanh hơn thì đều làm các chế độ độc tài yếu đi. Nhưng ông Soros nổi tiếng vì ông từng thành công trong việc buôn bán tiền, tiền không thôi. Năm 1992 nghe Thủ tướng Anh tuyên bố nhất định không phá giá đồng bảng Anh, ông Soros nói thẳng là ông không tin. Ông đi vay rất nhiều tiền Anh đem ra bán, đổi lấy tiền các nước khác. Sau đó, đồng tiền Anh quả nhiên phá giá thật, ông mới đem tiền đi mua lại bảng Anh để đem trả. Nghe nói ông lời một tỷ đồng trong vụ đó chỉ nhờ bán lúc đắt, mua lúc rẻ.

Nhật muốn đồng Yên không lên

Đô la xuống giá thì hàng Mỹ bán ra ngoài rẻ hơn, hàng Nhật và Âu châu đắt hơn ở khắp thế giới, vì thương mại quốc tế được trao đổi bằng đô la Mỹ. Liệu các chính phủ kia họ có chịu ngồi yên cho Mỹ cạnh tranh hay không? Nhật Bản đang suy thoái kinh tế, các xí nghiệp còn đứng vững được là nhờ xuất cảng. Chính phủ Nhật phải đẩy giá đồng yen xuống, thúc cho đô la lên, đáp lại chính phủ Mỹ. Muốn vậy, họ sẽ in thêm đồng yen lấy tiền đi mua đô la.

Trong tuần lễ thứ ba của tháng Năm, tự nhiên số công trái

của chính phủ Mỹ bán cho người ngoại quốc tăng vọt lên thêm 20 tỷ đô la. Nhiều nhà phân tích kinh tế cho là một số Ngân hàng Trung ương các nước đã đi mua công trái Mỹ, tức là họ phải đi mua 20 tỷ đô la để cho chính phủ Mỹ vay thêm, chỉ trong vòng một tuần. Người ta đoán rằng trong số những người đi mua đô la đó phải có Ngân hàng Trung ương Nhật Bản, vì Nhật Bản muốn đi mua mỹ kim để giữ cho giá đồng yen vẫn ở mức thấp so với mỹ kim. Nước Nhật hiện vẫn chưa phục hồi được kinh tế sau cả chục năm lận đận, cả nước trông mong vào xuất cảng. Nếu giá đồng yen lên thì hàng sẽ đắt hơn, khó xuất cảng. Vì vậy, trong ba tháng đầu năm nay chính phủ Nhật đã "can thiệp" vào thị trường hối đoái bằng cách đem yen đi mua đô la. Hành động đó không có kết quả bao nhiêu vì giá đồng yen vẫn tiếp tục lên.

Trong ba tháng đầu năm nay Nhật Bản đã đi mua hơn 2 tỷ mỹ kim về cất để dành. Quỹ dự trữ ngoại tệ của chính phủ Nhật 500 tỷ mỹ kim, cuối năm nay trù tính sẽ lên tới 600 tỷ; và dự đoán tới năm 2008 sẽ thành 1,000 tỷ. Trung Quốc cũng sẽ đi mua đô la Mỹ, dự trữ ngoại tệ năm nay từ 280 tỷ sẽ lên 330 tỷ mỹ kim.

Còn Âu châu, phiên họp các Bộ trưởng Tài chánh đã công nhận kinh tế cả khối này có nguy cơ suy thoái. Tiếp theo, Ngân hàng Thế giới báo động rằng nước Đức đang có nguy cơ "giảm phát," nghĩa là giá cả sẽ xuống đều đều. Nếu đồng euro cứ lên giá thì các xí nghiệp Âu châu xuất cảng sẽ khó bán hơn vì giá hàng tăng lên. Trong lúc đô la Mỹ xuống, nếu chính phủ Nhật cố giữ cho giá đồng yen không đổi, thì cuối cùng những người giữ đồng euro của Âu châu được lợi, vì giá euro sẽ lên so với cả mỹ kim lẫn yen. Nhưng các xí nghiệp Âu châu, từ hãng Philips đến Volkswagen đang kêu trời vì bán hàng trên thế giới đem đô la về, khi đổi sang đồng euro chẳng được bao nhiêu. Nhiều công ty đáng lẽ lời tự nhiên bị lỗ chỉ vì đô la xuống giá!

Âu châu là khách hàng quan trọng nhất của Mỹ, nếu Âu châu suy thoái thì cũng không có tiền mua hàng của Mỹ nữa. Và chắc các chính phủ cùng Ngân hàng Trung ương Âu châu cũng phải hành động để giá euro không lên cao quá so với đô la Mỹ. Nếu chính phủ Mỹ tiếp tục để cho đô la xuống giá, các nước khác sẽ phản ứng, và trong cuộc chạy đua đó tất cả kéo nhau vào cảnh trì trệ.

Chắc giá đô la còn xuống nữa

Nhưng hiện nay giá đồng đô la Mỹ có khuynh hướng còn xuống nữa. Một lý do là người Mỹ mua nhiều hàng ngoại quốc và bán ra ít hơn. Muốn có tiền mua hàng ngoại thì phải đổi đô la lấy tiến nước khác để mua. Dòng tiền Mỹ chẩy ra luôn luôn cao hơn dòng tiền chảy vào, cán cân chi phó của Mỹ thâm hụt mỗi năm lên đến 500 tỷ mỹ kim. Mỗi ngày phải có hàng tỷ rưởi đô la khác chẩy vào nước Mỹ để cân bằng lại, cho giá đô la không đổi. Trước đây, số tiền đó có được là nhờ người ta đem tiền đầu tư vào Mỹ.

Lý do thứ hai là lãi suất ở Mỹ rất thấp so với Âu châu. Nếu quý vị chịu trách nhiệm giữ hộ thân chủ những số tiền lớn hàng tỷ bạc, thì dù chỉ giữ trong một tháng, quý vị cũng phải tìm cách kiếm suất lời cao nhất. Khi lãi suất ở Mỹ chỉ có 5%, còn ở Âu châu là 6% chẳng hạn, thì tốt nhất là quý vị đi vay tiền đô la ở Mỹ, đem đổi lấy euro mà cho người khác vay. Vay một tỷ đô la, trả 5% là 50 triệu một năm, đổi qua euro lấy lãi 6%, tính ra một năm cũng lời được 10 triệu. Khi tất cả mọi người đều nghĩ như vậy thì họ cùng đi vay đô la ở Mỹ để đổi lấy euro, đô la cứ thế chẩy ra ngoài, giá đô la phải xuống so với euro.

Nhưng tại sao trước đây lãi suất ở Mỹ vẫn thấp hơn ở Âu châu mà giá đô la mới xuống trong vòng một năm nay mà thôi? Vì trước kia có một dòng tiền khác chẩy vào nước Mỹ rất quan trọng là tiền của những người đi mua cổ phần trên thị trường chứng khoán hoặc đem vào Mỹ kinh doanh lấy lời. Từ năm 2000 đến nay tình thế đã khác. Kinh tế Mỹ xuống, các cổ phần cũng như đầu tư trực tiếp ở Mỹ không còn hấp dẫn nữa. Dòng tiền chẩy vào giảm đi, trong khi dòng tiền chẩy ra vẫn như cũ, đô la Mỹ phải xuống giá.

Nhưng chính phủ và Ngân hàng Trung ương Mỹ sẽ không can thiệp để nâng giá đô la lên. Chính phủ Mỹ hiện nay thấy đô la xuống thì mừng vì hy vọng các công ty Mỹ sẽ xuất cảng được nhiều hơn. Còn Quỹ Dự trữ Liên bang thì có thể sẽ còn giảm lãi suất trong phiên họp tháng Sáu này để ngăn ngừa chuyện giảm phát mà họ đang lo lắng. Một nhà kinh tế của ngân hàng HSBC (trước có tên là ngân hàng Hồng Kông Thượng Hải) đã tiên đoán rằng đến cuối năm 2004 giá một euro có thể lên tới 1.35 mỹ kim. Năm ngoái có lúc 96 xu Mỹ đã mua được một euro rồi! Và lúc đồng euro mới ra đời, đầu năm 1999, giá chính thức chỉ có hơn 1.17 mỹ kim mà ai cũng chê là cao quá! Ai có tiền có thể bắt chước ông Soros, đi vay mỹ kim mà bán đi, sang năm sẽ mua lại!

HẠ BỆ SADDAM và TƯƠNG LAI DẦU HỎA TRUNG ĐÔNG

ÔNG TÂY BỊ NHỠ TẦU

TRẦN VĂN KHỞI

Người bực mình và cay đắng nhất trước thái độ và hành động của Ngoại Trưởng Pháp Dominique de Villepin ở Hội Đồng Bảo An Liên Hiệp Quốc trong vụ hạ bệ Saddam Hussein có lẽ không phải là Ngoại Trưởng Colin Powell hay bất cứ một yếu nhân Hoa Kỳ nào khác, mà là ông Thierry Desmarest, Chủ Tịch Tổng Giám Đốc của TotalFinaElf, công ty dầu lớn nhất của Pháp. Bởi vì thái độ đầy xúc cảm và hành động thiếu lý trí đó của Pháp đã tự đặt nước Pháp ra khỏi chính giòng, không được tích cực tham gia vào những sắp xếp chiến lược cao cấp nhất trong một trật tự mới ở Trung Đông, và tiếp tục đẩy TotalFinaElf xuống hàng các công ty hạng nhì trong kỹ nghệ dầu hỏa quốc tế.

Chủ yếu là dầu hỏa

Dù các phát ngôn nhân Hoa Kỳ có bình luận tránh né cách nào đi nữa, chủ yếu việc hạ bệ Saddam ở Iraq tất nhiên là liên quan đến dầu hỏa – nhưng không phải là để chiếm hơn một trăm tỷ thùng dầu dự trữ của Iraq, mà quan trọng hơn nữa là nhằm bảo toàn một trật tự về dầu hỏa trong tương lai ở toàn vùng Vịnh, nơi có 2/3 tổng số lượng dự trữ trên toàn thế giới, trong bối cảnh mới mẻ và đầy thử thách của rất nhiều bất trắc của hoạt động khủng bố Hồi Giáo cực đoan, cùng với nguy cơ của sự lan tràn của vũ khí giết người hàng loạt.

Dầu hỏa là huyết mạch của nền văn minh cơ khí của thế kỷ 20 vừa qua, và tiếp tục trong thế kỷ 21 hiện nay. Không một ai trong nền tiêu thụ tiền tiến lúc nầy mà không dính líu đến dầu hỏa – xăng nhớt giao thông vận tải, sợi nhân tạo, plastic cứng plastic mềm, hóa phẩm gia dụng, bột giặt, dược phẩm, v.v. Tính trên căn bản dầu thô, mỗi ngày cả thế giới tiêu thụ khoảng 75 triệu thùng, trị giá chỉ vào khoảng 2.0-2.5 tỷ Mỹ kim, ước lượng chỉ độ trên dưới 3% của sản lượng kinh tế – nhưng đó lại là 3% *không-có-không-được*. Mỗi ngày cả thế giới đều theo dõi giá dầu và tình trạng cung cầu dầu thô. Khi dầu hỏa "nhảy mũi" thì kinh tế thế giới bắt đầu lên cơn sốt, mà khi dầu hỏa lên cơn sốt như hồi đầu các thập niên 70 và 80, thì kinh tế thế giới gần như tê liệt.

Hiện nay không có dấu hiệu có tài nguyên hay kỹ thuật nào có thể thay thế dầu hỏa.

Lúc nầy thì hầu như ai cũng nghe tới OPEC, tổ chức các quốc gia xuất cảng dầu hỏa. Nhưng thật ra OPEC ít nhiều chỉ còn là một danh hiệu. Tuy hiện nay OPEC gồm 11 quốc gia (Algeria, Iran, Iraq, Kuwait, Lybia, Nam Dương, Nigeria, Qatar, Ả Rập Saudi, Venezuela và United Arab Emirates UAR), nhưng một số quốc gia như Algeria, Nam Dương hay Nigeria thì chỉ có một quá khứ dầu hỏa mà không có nhiều tương lai. Hầu hết các quyết định sản xuất chi phối thị trường lúc nầy đều nằm trong tay Ả Rập Saudi, và tương lai của OPEC, của dầu hỏa, là ở trong khu Hồi Giáo ở vùng Vịnh – Kuwait, UAE, Iraq, Iran và nhất là Ả Rập Saudi.

Vai trò của Hoa Kỳ và Anh trong quá khứ

Từ 50-60 năm nay, có thể nói là bất cứ hoạt động quân sự hay ngoại giao nào của Hoa Kỳ ở Trung Đông cũng đều liên hệ mật thiết tới hoặc dầu hỏa, hoặc Do Thái, hoặc cả hai:

* tới dầu hỏa kể từ một ngày tháng Hai năm 1945 khi Tổng Thống Franklin Roosevelt ghé thăm Vua Ibn Saud trên một chiếc tầu ở kênh Suez, sau khi họp xong Hội Nghị Yalta với Joseph Stalin của Liên Sô và Winston Churchill của Anh;

* tới Do Thái kể từ ngày Hoa Kỳ ủng hộ lập quốc hồi 1948;

* và tới cả hai từ sau khi dầu được sử dụng như là vũ khí trong tranh chấp Do Thái-Ả Rập trong đầu thập niên 1970, và khi Hồi Giáo cực đoan lật đổ chính phủ ở Iran hồi cuối thập niên 1970, rồi chiến tranh Iran-Iraq sau đó làm xáo trộn nguồn cung cấp dầu hỏa.

Khi nói chuyện với Tổng Thống Roosevelt, một trong những mối quan tâm mà Vua Ibn Saud lưu ý Tổng Thống Roosevelt là chính sách thuộc địa của Anh.

Từ sau thế chiến thứ nhất, Anh Quốc đã được ủy nhiệm bảo hộ nhiều vùng đất ở Trung Đông, và đã bắt đầu độc quyền đi dò tìm dầu hỏa. Trong khoảng thời gian trước và ngay sau thế chiến thứ hai, sau khi thấy Hoa Kỳ tích cực nhập cuộc ở Trung Đông thì Anh vội vàng khôn khéo phối hợp chính sách Trung Đông với Hoa Kỳ.

Kết quả của chính sách dầu hỏa nầy là hàng chục năm dầu thô cung cấp dồi dào cho thế giới, với giá hạ, làm động cơ đẩy mạnh kinh tế hậu chiến phát triển liên tục và điều hòa, nâng cao mức sống cho gần như khắp mọi nơi trên thế giới.

Tác nhân thực thi hữu hiệu chính sách dầu hỏa này ở Trung Đông, đem lại nhiều thành quả thương mại, kinh tế và chính trị to lớn cho Hoa Kỳ và Anh, là một nhóm đại công ty dầu hỏa quốc tế vốn được gọi là Bẩy Chị Em (Seven Sisters): năm công ty của Hoa Kỳ là Standard Oil of New Jersey (Esso), Mobil, Texaco, Standard Oil of California (Chevron), và Gulf Oil; và British Petroleum (BP) và Shell của Anh và một phần Hòa Lan. (Nhiều người Việt Nam trước 1975 có thể nhớ lại hoạt động thương mại của một số các công ty này qua StanVac con ngựa bay – một tổ hợp của Esso Standard và Vacuum, tên cũ của Mobil; qua Caltex, một tổ hợp của Standard of California và Texaco), và qua Shell.

Hiện nay, bảy chị em đã tụ tập lại còn bốn, sau khi các công ty mua nhau, và hợp nhất lại để gia tăng hiệu năng: lớn nhất thế giới là ExxonMobil, rồi tới Shell và BP, còn ChevronTexaco thì ở hạng dưới.

Sau thập niên 1970, chế độ đặc nhượng dầu hỏa đã cáo chung ở Trung Đông; dầu đã được quốc hữu hóa và do các công ty quốc doanh quản lý. Nhưng các đại công ty dầu hỏa nầy vẫn đóng vai trò "nhà thầu" làm việc cho các công ty quốc doanh, và các công ty quốc doanh hiện nay vẫn còn tùy thuộc nặng nề vào các đại công ty về kỹ thuật, quản trị, tài chánh cũng như tiếp thị quốc tế.

Compagnie Francaise des Petroles (CFP)

Thật ra thì Pháp đã thấy tầm quan trọng của dầu hỏa từ trong thời chiến – không phải thế chiến thứ hai mà là thế chiến thứ nhất. Lịch sử còn ghi lại rằng hồi đầu tháng Chín năm 1914, thành phố Paris bị quân Đức đe dọa trầm trọng. Quân tiếp viện của Pháp nằm kẹt ở Paris, không có phương tiện đưa ra chận quân Đức đang tiến về Paris. Vào tối ngày mồng 6, Tướng Gallieni chợt có ý kiến là huy động tất cả xe taxi để đưa quân ra chiến trường – và viện quân đã kịp thời chận đứng quân Đức, bảo vệ được thành phố Paris. Quả thật kỳ đó dầu hỏa đã cứu Paris.

Sau ngày ngưng chiến hồi 1918, Thượng Nghị Sĩ Bérenger, Giám Đốc Ủy Ban Dầu Hỏa của Pháp, đã thẳng thừng tuyên bố "dầu là máu của địa cầu, và cũng là máu của chiến thắng. Dầu đã là máu của chiến tranh, rồi đây cũng sẽ là máu của hòa bình." Rồi ông nổi hứng tuyên bố bằng tiếng Anh: "More oil, ever more oil!"

Kế đó, khi phân chia ảnh hưởng ở vùng Lưỡng Hà Mesopotamia (sau này là Iraq), Anh Quốc chiếm vùng phía nam, và Pháp nắm được vùng Mosul, phía bắc thành phố Baghdad. Nhưng sau đó Thủ Tướng Lloyd George của Anh đã yêu cầu Thủ Tướng Georges Clemenceau của Pháp giao vùng Mosul cho Anh, và ngược lại Anh sẽ dành cho Pháp toàn quyền kiểm soát ở Syria. Trong lúc nầy thì Pháp tự nhận thấy không có kinh nghiệm gì về tìm kiếm và khai thác dầu hỏa.

Mấy năm sau, thấy mấy đại công ty dầu hỏa Anh Mỹ hăng say tung ra tìm dầu, Thủ Tướng Raymond Poincaré hồi 1922 đã quyết định thành lập một công ty quốc doanh để tranh đấu cho quyền lợi dầu hỏa của Pháp, và đã nhờ Đại Tá Ernest Mercier, một chuyên gia Polytechnicien, thiết lập Compagnie Francaise des Petroles (CFP) như là cơ quan sẽ đem lại vinh quang dầu hỏa cho nước Pháp. Sau nầy, CFP cũng còn được gọi là Total vì bán xăng dưới nhãn hiệu Total.

Theo chiều hướng chung của kỹ nghệ dầu hỏa là hợp nhất lại để gia tăng hiệu năng như Exxon mua Mobil, BP mua AMOCO và ARCO, Chevron mua Gulf (lâu rồi) và mới mua Texaco, và Shell mua Pennzoil, CFP cách đây hai năm đã hợp nhất với công ty Elf-Erap cũng của Pháp và mua công ty PetroFina của Bỉ để hình thành đại công ty TotalFinaElf. Hiện nay, TotalFinaElf là công ty lớn đứng hàng thứ năm trên thế giới, sau ExxonMobil, Shell, BP, và Yukos-Sibneft mới đây của Nga.

CFP tìm cách làm ăn lẻ

Suốt hàng chục năm trước và sau thế chiến thứ hai, CFP không len vào được trong tập đoàn dầu hỏa Anh Mỹ. Kỹ nghệ dầu hỏa ở Trung Đông, và cả quốc tế, đều do Bẩy Chị Em cùng nhau chi phối. Trong khi bốn chị em Hoa Kỳ là Esso, Mobil, SoCal va Texaco nắm độc quyền ở Ả Rập Saudi qua Aramco, và hai chị em Gulf và BP toàn quyền ở Kuwait, thì ở các nơi khác là tổ hợp của các chị em cộng thêm với nhiều công ty khác. CFP được

tham dự trong các tổ hợp nầy, như ở Iraq và Iran, nhưng với một tỉ lệ rất khiêm nhường, và CFP không hề được quyền điều tác các mỏ dầu. Có người nói CFP chỉ được coi như là một chị em ghẻ.

Gần đây, CFP thấy có cơ hội xé rào, tách ra không đi chung với Anh Mỹ, và tìm cách đi riêng. Đó là lúc Hoa Kỳ áp đặt chính sách cấm vận, như ở Iran. Các công ty Mỹ không được phép hoạt động ở Iran, và BP của Anh cũng nghe theo. Nhưng CFP thừa dịp đã móc nối để nắm được vài hợp đồng dầu hỏa – thí dụ như đã dành hai mỏ dầu trong vịnh Ba Tư mà công ty Conoco (nay là ConocoPhillips) phải giao hoàn lại cho Iran theo lệnh của Tổng Thống Clinton hồi 1995.

Gần đây hơn, TotalFinaElf cũng đã tìm cách đi đêm với Iraq, vượt ra ngoài những cấm vận của Liên Hiệp Quốc, để cố dành hợp đồng khai thác ở hai mỏ dầu lớn là Majnoon và Nasiriyah – mà tổng số dự trữ lên tới 26 tỷ thùng, tương đương với toàn tổng số dự trữ hiện nay của Hoa Kỳ.

Thật ra thì trách vụ bảo toàn an ninh cung cấp dầu hỏa cho Pháp quả thật là nặng nề đối với một mình công ty TotalFinaElf.

Trong số năm hội viên thường trực của Hội Đồng Bảo An, Pháp tương đối là quốc gia yếu kém nhất về dầu hỏa. Trong khi Nga và Anh lúc nầy có thừa dầu để xuất cảng, thì Trung Hoa, Hoa Kỳ và Pháp đều phải nhập cảng: Trung Hoa 1.9 triệu thùng một ngày tương đương với 35% nhu cầu; Hoa Kỳ gần 10 triệu thùng một ngày hay 50% nhu cầu, và Pháp tuy chỉ nhập cảng 1.7 triệu thùng một ngày nhưng lại là 85% của nhu cầu, và còn gia tăng cao hơn nữa trong tương lai.

Nhiều người cho rằng triển vọng độc quyền khai thác hai mỏ dầu khổng lồ ở Iraq là một động lực chính yếu, cùng với những lợi lộc mua bán máy móc và vũ khí, đã thúc đẩy chính phủ Pháp tìm cách lấy lòng Saddam Hussein và chống đối chính sách dùng vũ lực hạ bệ Saddam của Hoa Kỳ ở Hội Đồng Bảo An.

Nếu quả vậy thì đó thật là một tính toán sai lầm nghiêm trọng.

Trật tự về dầu hỏa Trung Đông

Nhiều người chống đối Hoa Kỳ vội vàng cho rằng Mỹ đánh Iraq là chỉ nhằm vào hơn 100 tỷ thùng dầu dự trữ. Một số khác, ủng hộ phe Cộng Hòa và lạc quan hơn nhưng cũng không kém hấp tấp, lại cho rằng rồi đây Hoa Kỳ sẽ mở các ống dẫn dầu ở Iraq, tràn ngập thị trường để hạ giá xăng, tha hồ thỏa mãn các xe hơi ăn xăng như xe SUV, dễ dàng lấy phiếu của cử tri trong năm tới.

Nhưng thật ra mục tiêu của Hoa Kỳ không phải là lập đế quốc cướp chiếm tài nguyên của Iraq hay Trung Đông, mà cũng không phải là phung phí bừa bãi tài nguyên cho thỏa mãn ngắn hạn. Mục tiêu thực tế của Hoa Kỳ là bảo đảm một trật tự lâu dài về dầu hỏa ở Trung Đông để tiếp tục cung cấp dầu hỏa cho toàn thế giới, điều hòa và liên tục, với giá phải chăng, như là động cơ phát triển kinh tế và cải thiện mức sống cho mọi người như đã thể hiện trong gần 60 năm qua.

Trong 60 năm qua, việc cung cấp dầu hỏa Trung Đông bị gián đoạn hai lần, ảnh hưởng tai hại tới hoạt động kinh tế toàn cầu: hồi 73-74 khi

NGUYỄN VĂN CƯỜNG

THOÁNG TRÚC MAI AM

(nhân đón mùa Phật Đản)

Hỏi trẻ chăn trâu
Lối lên thăm chùa Trúc
Bỗng ni sư niệm Phật:
- Khách đến viếng am Mai?
Tôi đáp, A-Di-Đà...
Và bước theo chân hành giả.

Lễ Phật xong,
Sư mời tôi dùng trà
Vài tuần quen chủ, khách
Chợt mắt sư thoáng xa...
Tôi cũng vừa ngờ ngợ!

Bỏ ý định vãng cảnh
Nhẹ gót, tôi lui ra
Sư vẫn tĩnh không động.

Mây là thật thấp
Không biết sau lưng
Sương hay mưa,
Trước tôi
Dốc chúi, mờ mờ.

các quốc gia vùng Vịnh phong tỏa dầu hỏa trong trận chiến với Do Thái, và hồi 79-81 khi có đảo chánh của Hồi Giáo cực đoan ở Iran, và trong trận chiến Iran-Iraq sau đó. Cả hai lần gián đoạn tuy tương đối ngắn hạn nhưng đã gây hậu quả kinh tế vô cùng trầm trọng trên khắp thế giới. Nhưng từ đó đến nay cũng gần 20 năm mà không có thêm biến cố quan trọng nào đe dọa việc cung cấp dầu hỏa.

Về giá cả, trong suốt gần 30 năm sau thế chiến thứ hai, giá dầu thô chỉ ở vào khoảng 2-3 Mỹ kim một thùng. Nếu tính thêm lạm phát, thì dầu thô đã tiếp tục suy giảm mãi lực. Chính vì vậy mà OPEC đã được thành lập, với mục tiêu tiên khởi duy nhất là ngăn chận không cho giá dầu tụt xuống nữa. Nhưng OPEC phải chờ đến đầu thập niên 1970, trong đợt phong tỏa chống Tây phương, giá dầu mới lên tới khoảng 12 Mỹ kim một thùng, tính ra thì cũng chỉ vừa đủ để bù trừ cho mãi lực bị sút kém vì lạm phát hàng chục năm qua. Nhưng sự gia tăng nhảy vọt tức thời một lúc gấp 4-5 lần đó đã gây nên một chấn động kinh tế tai hại mà các quốc gia trên thế giới dù giầu hay nghèo cũng không thể nào chuẩn bị để đối phó.

Đợt phong tỏa thứ hai đưa giá dầu lên tới gần 40 Mỹ kim, theo thời giá hồi 1981, lại gây thêm một chấn động mới. Thế giới tuy có chuẩn bị hơn lần trước, nhưng hậu quả kinh tế cũng không kém phần khốc liệt,

Giá dầu gia tăng nhanh quá đã vậy, nhưng nếu giá dầu tụt dốc thình lình thì cũng gây tạo những bất-thăng-bằng kinh tế mà phải cần nhiều năm mới hoàn chỉnh lại được. Ai ở Houston cũng còn nhớ vào khoảng giữa thập niên 1980, khi giá dầu thô tụt xuống chỉ còn 10 Mỹ kim một thùng lúc đó, thì nhiều công ty dầu bị phá sản, và nạn thất nghiệp lan tràn khắp mọi hoạt động trong kỹ nghệ dầu hỏa. Có nhiều kỹ sư dầu hỏa và chuyên gia địa chất bỗng chốc phải ra đi, bỏ cả nhà lại cho ngân hàng vì không đủ tiền trả tiền nhà hàng tháng, và đã bất đắc dĩ tạm thời làm "homeless" trong các lều ở công viên quanh Houston. Ảnh hưởng dây chuyền sau đó đã tiếp tục dai dẳng từ năm này qua năm khác ở Houston. Ngoài ra, cả một lứa chuyên viên mọi ngành dầu hỏa đã bỏ nghề đi làm chuyện khác, tạo một khoảng trống lớn ngay ngày hôm nay trong hàng ngũ thưa thớt chuyên viên trung niên kinh nghiệm ở các công ty dầu.

Trong bốn năm qua, giá dầu OPEC trung bình là 24.57 Mỹ kim một thùng, ở vào chính khoảng giữa hai mức 22 Mỹ kim và 28 Mỹ kim mà OPEC đã dự liệu. Đó cũng là giá dầu mà các nhà làm chính sách dài hạn ở Hoa Kỳ cho là tối hảo cho cung cũng như cho cầu : từ 20 Mỹ kim đến 30 Mỹ kim, trung bình là 25 Mỹ kim. Họ tính toán rằng giá dầu trên 30 Mỹ kim sẽ gây tạo một gánh nặng kinh tế, làm sút giảm mãi lực tiêu thụ và ảnh hưởng đến nhịp độ phát triển kinh tế nói chung. Mặt khác, giá dầu dưới 20 Mỹ kim sẽ tạo phung phí về xăng dầu, làm trở ngại việc dò tìm những nguồn dự trữ mới, gây khó khăn ngân sách cho các quốc gia OPEC, và đặc biệt ở Hoa Kỳ sẽ gây khủng hoảng cho hàng trăm ngàn giếng-dầu-vét (giếng có đầu ngựa gật gù) ở nội địa nước Mỹ, và gây lỗ lã cho hàng trăm mỏ dầu mới trong vùng nước sâu cả mấy ngàn thước trong Vịnh Mễ Tây Cơ, và rốt cục là sẽ đưa tới nguy cơ tài chánh cho toàn kỹ nghệ dầu hỏa Hoa Kỳ.

Từ rất nhiều năm nay, thăng bằng cung cầu dầu hỏa có vẻ như đã tìm được thế ổn định thường trực. Nhưng sau ngày 11 tháng 9 năm 2001 thì nhiều người đã bắt đầu lo ngại về thế thăng bằng nầy.

Osama và 15/19

Biến cố 11 tháng Chín đã bắt buộc Hoa Kỳ xét lại toàn bộ vị thế an ninh của mình, từ mọi lãnh vực nội an đến an ninh kinh tế và an ninh chiến lược, trong số ưu tiên hàng đầu là an ninh cung cấp dầu hỏa. Là quốc gia nhập cảng 50% số tiêu thụ, với chỉ 5% dân số mà lại tiêu thụ tới 25% dầu hỏa của thế giới, và với một nguồn dự trữ ngày càng suy giảm (các nguồn có nhiều triển vọng thì lại bị cấm khai phá vì các lý do môi sinh như ở Alaska, và ngoài khơi California và Florida), Hoa Kỳ đã tìm mọi cách để chấn chỉnh nguồn cung cấp. Nhưng đi với Nga hay cam kết dài hạn với Venezuela cũng không thể nào đủ bảo đảm cho nhu cầu trong tương lai – mà phải hướng về dầu hỏa Trung Đông như đã làm trong 60 năm qua.

Người Hoa Kỳ đã kinh hoàng nhìn tận mắt sự tàn khốc vô nhân đạo của ba cuộc tấn công bằng phi cơ của nhóm khủng bố, không thể ngờ và hiểu rằng có người điên khùng lại thù ghét Hoa Kỳ đến độ đó. Nhưng các nhà làm chính sách thì lại càng điên đầu và bối rối hơn nữa khi thấy đám khủng bố đó không phải là gốc Palestine phá hoại hay một nhóm quá khích nào khác, mà lại là từ Ả Rập Saudi: 15 trong số 19 tên khủng bố là người Saudi, trong khi Osama bin Laden là người không xa lạ gì với hoàng tộc Saudi, và đã làm giàu nhờ chính phủ Saudi để rồi sau đó đi tài

trợ cho các hoạt động khủng bố chống Tây phương - Saudi, một đồng minh thân thiết của Hoa Kỳ, rường cột của OPEC với 25% dự trữ dầu hỏa trên thế giới!

Họ không thể cho đây chỉ là một sự tình cờ, mà lo ngại không biết cái gì sẽ xẩy ra cho an ninh cung cấp dầu hỏa ở Ả Rập Saudi và ở toàn vùng Trung Đông.

Rõ ràng là bên dưới những bất mãn của Hồi Giáo về vụ Palestine còn có những đợt sóng ngầm ở Saudi và ở Trung Đông mà Hoa Kỳ chưa hiểu nổi; và có thể có những thử thách trước mặt mà Hoa Kỳ chưa thấy và sẽ không biết làm sao mà đối phó – lại có thêm vấn đề vũ khí giết người hàng loạt.

Chỉ biết chắc chắn là chính sách cũ sẽ khó lòng đáp ứng được với hoàn cảnh mới – và Trung Đông cần có một trật tự mới để bảo đảm cho trật tự dầu hỏa.

Những kế hoạch lâu dài

Có nhiều dấu hiệu cho thấy Hoa Kỳ vẫn chưa hoàn tất được một kế hoạch toàn bộ cho Trung Đông, mà chỉ mới phác họa được những nét chính yếu, những đề án căn bản cho tương lai an ninh của toàn vùng.

Hạ bệ Saddam là bước đầu tiên – loại bỏ một tay độc tài sát nhân có quá trình xâm lăng láng giềng, và chận đứng việc phát triển và lan tràn vũ khí giết người hàng loạt (đồng thời rửa hận cho Bush Già). Bước đầu tiên này cũng phần nào như cảnh cáo các lãnh tụ độc tài khác trong vùng, dù là độc tài khắc nghiệt như ở Syria hay độc tài cổ hũ phản tiến bộ như ở Iran và Ả Rập Saudi . Trong trận chiến Iraq, Trung Đông cũng như cả thế giới đều đã thấy tận mắt trên vô tuyến truyền hình sự chính xác kinh hồn của vũ khí của không lực Hoa Kỳ.

Rồi đây sẽ có những chi tiết nhằm ổn định Iraq, ngõ hầu đưa tới một chính thể dân chủ pháp trị. Trong những ngày tới, sẽ có lộ đồ cho hòa bình cho hai quốc gia Do Thái và Palestine sống bên nhau, giải tỏa một nguồn uẩn ức và bất mãn triền miên hàng chục năm qua của khối Hồi Giáo.

Có lẽ cũng sẽ có những biện pháp mạnh mẽ nhằm ngăn chận và loại trừ vũ khí giết người hàng loạt, và tiếp tục dẹp tan các nhóm khủng bố. Rồi sẽ có những nỗ lực nhằm khuyến khích từ từ dân chủ hóa các quốc gia khác trong vùng, và gia tăng trao đổi và siết chặt thông cảm giữa các dân tộc trong vùng Vịnh với thế giới Tây phương.

Viễn tượng lâu dài sẽ là hướng về một vùng Trung Đông sống chung hòa bình, không còn khủng bố, gia tăng phát triển, dân chủ, tiến bộ và văn minh. Trong viễn tượng đó, dầu hỏa sẽ được cung cấp điều hòa, với giá phải chăng, tiếp tục giúp đẩy mạnh phát triển kinh tế nhịp nhàng trên toàn thế giới. Mọi quốc gia lớn nhỏ đều sẽ hưởng lợi như đã hưởng lợi trong hàng chục năm qua – dù là xuất cảng dầu hỏa như OPEC hay Nga, hoặc nhập cảng dầu hỏa như Hoa Kỳ, Nhật Bản, Đức, Trung Hoa – và Pháp.

Còn Pháp sẽ đứng ngồi ở đâu?

Viễn tượng nói trên có thể là vô cùng lạc quan, kế hoạch nào khi thi hành thì cũng sẽ đụng chạm với muôn vàn thử thách trong thực tế, và sẽ phải cần điều chỉnh lại. Nhưng trong căn bản thì Hoa Kỳ khó có thể có chọn lựa tích cực nào khác để đối phó với những khúc mắc gắn bó nhau của khủng bố Hồi Giáo, vũ khí giết người hàng loạt, và trật tự dầu hỏa ở Trung Đông.

Tất nhiên Anh Quốc sẽ là đồng minh thân thiết của Hoa Kỳ trong tiến trình sắp xếp chiến lược nầy ở Iraq và ở Trung Đông, như đã cùng nhau sát cánh 60-70 năm trước. Hoa Kỳ và Anh rồi cũng sẽ không quá tham lam trong những sắp xếp thương mại. Liên Hiệp Quốc cũng sẽ có một vai trò; cả Liên Hiệp Âu Châu nữa.

Ngoài ra, Hoa Kỳ sẽ cần sự hợp tác của Nga vì vị thế địa lý chính trị của Nga đối với Trung Đông, và Nga cũng sẽ đáp ứng lại vì Nga sẽ là một nước xuất cảng dầu hỏa quan trọng, và Nga cũng có những quan tâm nội bộ liên quan đến sắc dân Hồi Giáo. Và Hoa Kỳ chắc cũng sẽ yêu cầu, và sẽ nhận được sự hợp tác của Trung Hoa, dù chỉ là tượng trưng.

Chỉ còn Pháp - ông Tây đã hung hăng quên mất lịch sử mà bỏ lỡ một cơ hội ngàn vàng để đi tay ba với Anh và Mỹ ở Trung Đông.

Rốt cuộc thì chắc là Pháp cũng sẽ được phép dự phần, nhưng chỉ khiêm nhường và gần như trong bóng tối thôi, đứng bên góc và ngồi ở chiếu dưới trong các cuộc đàm phán.

Và rốt cuộc thì mặc dù ông Thierry Desmarest là một quản trị viên xuất sắc, nhưng vì chính sách ngoại giao điên rồ của Pháp mà TotalFinaElf cũng vẫn sẽ thuộc hàng các công ty dầu hỏa hạng nhì trên thế giới./.

Ông Trần Văn Khởi, một chuyên viên về dầu hỏa, là tác giả cuốn *Dầu Hỏa Việt Nam 1970-1975: Những Ngày Còn Nhớ.*

ĐÀI LOAN VÀ CỘI NGUỒN BÁCH VIỆT

NGUYỄN ĐỨC HIỆP, Ph.D.

Năm 2000, một sự kiện lịch sử xảy ra ở ven bờ Thái Bình Dương. Sự kiện đó không phải là Thế vận hội 2000 ở Sydney mà thế giới chú ý đến trong vài tuần, mà là một diễn biến ít người để ý đến. Một sự kiện sẽ có ảnh hưởng lâu dài đến chính trị và có thể làm thay đổi cách nhìn với thế giới bên ngoài của nhiều nước trong vùng. Sự kiện đó là kết quả bầu cử ở hòn đảo Đài Loan nhỏ bé. Ứng cử viên Trần Thủy Biển (Chen Shui-Bian) của đảng Dân Chủ Tiến Bộ (Democratic Progressive Party) đã thắng Quốc Dân Đảng và trở thành Tổng Thống Đài Loan, một sự thay đổi chính quyền không đổ máu, không bạo động lần đầu tiên trong lịch sử mấy ngàn năm của Trung Quốc. Lịch sử của Trung Quốc? Thực ra trong tâm của vị tân tổng thống thì hướng đi của chính sách mà ông đã theo đuổi từ nhiều năm trước, mà đại đa số dân đã đồng ý, thì hòn đảo này với dân số hơn 20 triệu sẽ không còn là bộ phận của Trung Quốc nữa. Nó sẽ là một quốc gia khác đứng ngoài quỹ đạo của dân tộc Trung Hoa, nó không còn dính gì trực tiếp đến Trung Quốc hay lịch sử Trung Quốc nữa, cũng như Hoa Kỳ hơn 200 trăm năm trước đây đã cắt lìa khỏi nước Anh để tạo riêng vận mệnh lịch sử của mình.

Phản ứng của Trung Quốc thật dữ dội và giận dữ, báo chí Trung Quốc dùng những lời lẽ nặng nề chưa từng thấy với một cá nhân, không kém những từ ngữ dùng trong cách mạng văn hóa với các kẻ thù giai cấp và đế quốc xưa kia trong thập niên 1960. Mấy tuần trước ngày bầu cử, hải quân Trung Quốc đã tập trận bắn tên lửa ở eo biển Đài Loan. Trên đất liền, Trung Quốc dàn tên lửa hướng về Đài Loan đe dọa tinh thần dân chúng, đặt áp lực với chủ ý sẽ làm cử tri run sợ chiến tranh mà phải bầu cho ứng cử viên Quốc Dân Đảng! Oái ăm thay, Quốc Dân Đảng là kẻ thù trước đây của đảng cộng sản Trung Quốc. Lúc này cả hai lại cùng chính sách, cùng quan điểm rút từ một nền tảng tư tưởng trung ương tập quyền Đại Hán truyền thống lâu đời.

Điều gì đã gây ra sự cố động trời như vậy? Ngoài sự kiện ông Trần Thủy Biển (Chen Shui-Bian) là một người Đài Loan bản xứ chính cống, không phải từ lục địa di đến khi Quốc Dân Đảng thua bỏ chạy sang, thì tư tưởng và hoài bão của ông, đại diện cho hoài bão của đa số người Đài Loan bản xứ, chính là điều mà Trung Quốc sợ hãi hơn hết. Thật sự thì không phải mà đột nhiên có sự tự phát, xuất hiện một tư tưởng tự chủ như vậy, mà nó đã có một lịch sử khá lâu dài. Tư tưởng ấy đã bị đè nén, thay thế bởi một tư tưởng khác từ bên ngoài ép đặt trên văn hóa, tư tưởng của dân tộc Đài Loan trong nhiều năm qua.

Tôi đặc biệt chú ý đến lịch sử Đài Loan và hoài bão của người dân khi tôi viếng Đài Loan trong một dịp dự hội nghị khoa học về môi trường khí quyển ở thành phố Đài Trung (Taitung), do hai Viện Hàn Lâm Khoa Học Đài Loan và Hàn Lâm Khoa Học Úc tổ chức vào tháng 6/2000. Trước đây tôi chỉ để ý và nghiên cứu chút ít về người bản xứ thổ dân sống ở Đài Loan trước khi người Hoa từ lục địa di dân sang.

Bài này có mục đích tìm hiểu những diễn biến về sự thay đổi trong xã hội, văn hóa và tư tưởng của người dân Đài Loan trong vòng 20 năm nay. Nó gợi lại trong lịch sử và trong tiềm thức của người Việt những gì tương tự mà dân tộc Việt Nam đã trải qua cách đây hơn 1.000 năm.

1- Cách mạng văn hóa hay tuyên ngôn độc lập?

Buổi lễ nhậm chức tổng thống ngày 20/5/2000 ở Đài Bắc được tổ chức tại sân trước của dinh Tổng Thống, một kiến trúc thời Minh Trị xây trước đây làm dinh cho viên toàn quyền của Nhật khi họ còn cai trị Đài Loan. Dinh này cũng biểu trưng quyền lực của Quốc Dân Đảng trong bao năm trước đây khi họ nắm quyền hơn nửa thế kỷ. Những sự kiện xảy ra ở buổi lễ mang đầy những biểu tượng đáng kể, mà một nhà nghiên cứu ở Viện Xã Hội học, thuộc Hàn Lâm Trung Hoa

(Academia Sinica) ở Đài Bắc đã viết lại như sau trên diễn đàn điện tử thảo luận về Đông Nam Á (Southeast Asia Discussion List, SEASIA - L) (1).

Buổi lễ bắt đầu 9:50 sáng, quan khách trong và ngoài nước tưởng sẽ nghe bài quốc ca Cộng hoà Trung quốc (Republic of China) đầu tiên, nhưng tất cả đều ngạc nhiên khi một nhóm nhạc sĩ thổ dân của bộ lạc Bunum bản xứ (thuộc tộc Austronesian) đứng lên hát bài ca dân tộc truyền thống "Báo tin vui". Sau đó là phần trình diễn của các bộ lạc bản xứ Austronesian khác, tiếp theo là bài hát dân ca của người Hakka (Khách trú) và dân ca người Hoklo. Chỉ khi Tổng Thống Trần Thủy Biển và Phó Tổng Thống, bà Annette Lu bước ra từ dinh Tổng Thống thì bài quốc ca mới được hát sau cùng. Người hát quốc ca là cô ca sĩ nổi tiếng ở Đài Loan (và Trung Quốc) Chang Hui-Mei, gốc người thổ dân bộ lạc Puyma. Cô rất được thính giả ái mộ, không những ở Đài Loan mà còn ở Trung Hoa lục địa. Trước kia không bao giờ có sự có mặt của văn hóa địa phương trong những nghi lễ trịnh trọng. Nay thì ngay cả bài quốc ca cũng xuống hàng thứ yếu. Sự phá vỡ nghi thức này rất có ý nghĩa. Nó có chủ đích cho thấy là chính phủ mới từ đây về sau sẽ theo đuổi chính sách đứng trên quan điểm của người địa phương (Hoklo, Hakka, Austronesian) chứ không như chính phủ Quốc Dân Đảng trước kia đứng trên quan điểm trọng Hán.

Hiểu được hậu ý của chính phủ Trần Thủy Biển, Trung quốc đã giận dữ, ngay cả Amei cũng không thoát khỏi sự tức giận ấy. Sau khi cô tham dự và hát bài quốc ca Đài Loan (Cộng Hòa Trung Hoa) ở lễ nhậm chức của tổng thống Trần Thủy Biển, chính phủ Trung Quốc ra lệnh tẩy chay Amei. Đài truyền hình, truyền thanh từ ngày đó không được trình chiếu, phát hành các bài hát của ca sĩ Amei. Báo chí bị cấm đề cập đến cô, ngay cả các biểu ngữ quảng cáo cũng không được đăng các hình ảnh ca sĩ Amei. Ở Bắc Kinh và Thượng Hải, hình Amei trên các bảng quảng cáo nước ngọt Sprite của công ty Coca-Cola bị bôi xoá đi. Tuy vậy các đĩa CD của cô, người ta vẫn còn có thể tìm thấy được ở một số các cửa hàng nếu chịu khó lùng kiếm. Wu Bai, một nam ca sĩ nổi tiếng ở Đài Loan và Trung Quốc, cũng chịu chung số phận, khi ông hát và ủng hộ Trần Thủy Biển.

Bài diễn văn của Trần Thủy Biển rất ít đề cập đến sự quan hệ với Trung Quốc, một vấn đề thời sự nóng bỏng lúc đó, mà hầu hết là về lịch sử và văn hóa Đài Loan, về cải tổ chính trị và chính sách đối nội. Trần Thủy Biển nói đến Đài Loan 40 lần, Cộng Hoà Trung Hoa (ROC) chín lần, Trung Quốc chỉ một lần nhưng Formosa (tên cũ của đảo Đài Loan) hai lần và bốn lần nhấn mạnh nói lớn "Đài Loan đứng lên !"

Đài Loan thực sự đã đứng dậy về văn hóa và chính trị. Trần Thủy Biển nêu lên những sự áp bức, xâm lược bởi đế quốc mà dân chúng ở cả Trung quốc lẫn Đài Loan đã là nạn nhân trong thế kỷ 20. Thật sự Đài Loan còn khổ sở nặng hơn dưới chế độ thực dân Nhật. Những kinh nghiệm lịch sử tương tự như thế đáng ra đã mang lại sự thông cảm giữa hai dân tộc ở hai bên eo biển Đài Loan để từ đó đặt nền tảng cho việc thiết lập tự do, dân chủ và nhân quyền cùng với nhau. Tuy nhiên, do sự phân ly lâu dài trong lịch sử, hai vùng đã phát triển theo hai hướng khác nhau, đi đến sự khác biệt tột độ về nhiều phương diện, từ hệ thống chính trị đến văn hóa và phong cách sống. Điều này đã cản trở sự thông cảm và thiết lập tình hữu nghị giữa hai nước.

Bài diễn văn này là một tuyên bố chính trị quan trọng. Ông phân biệt rõ sự khác biệt giữa lịch sử Trung Quốc và lịch sử Đài Loan. Đài Loan đã trải qua thời kỳ bị Nhật đô hộ lâu dài và đã có lịch sử riêng chứ không phải chỉ có lịch sử mới đây tách ra khỏi Trung Quốc bắt đầu từ 1949, với nhãn quan của người Hán đặt trọng tâm vào cuộc nội chiến quốc - cộng. Ông nói là cách đây 400 năm, Đài Loan được gọi là Formosa, hòn đảo xinh đẹp, nay Đài Loan còn là một hòn đảo có một nền dân chủ trưởng thành. Ông cho rằng lịch sử Đài Loan tiếp diễn cách đây 400 năm từ di sản của thổ dân Austronesian, cư dân đầu tiên, chứ không phải xuất phát từ 5.000 năm của lịch sử Trung Quốc. Ông là vị Tổng Thống Đài Loan đầu tiên đã đặt trọng tâm của vũ trụ quan vào lịch sử đảo và vào di sản Austronesian.

Ông đặc biệt nói về văn hóa địa phương, các tổ chức của cộng đồng phi chính phủ đã được thành lập để phát triển, bảo tồn lịch sử, văn hóa ở mọi địa phương, làng xã. Tất cả đó là một phần của văn hóa Đài Loan. Đài Loan là một xã hội đa văn hóa, trong đó mọi người dân chấp nhận sự đa dạng và giao lưu với nhau giữa các người Austronesian, Hoklo, Hakka và người Hoa ở lục địa sang. Ông nói về văn hóa Hoa kiều và đặt cộng đồng người Hoa ở Đài Loan giống như cộng đồng người Hoa trên thế giới như ở Singapore, Sydney hay San Francisco trong môi trường đa

văn hóa, chứ không phải người Hoa giữa dân số của một nước Trung Quốc thống nhất.

Ông nhấn mạnh đến cuộc sống "văn hóa" thường ngày của người dân bình thường và nói về bản thân ông xuất thân là con của một tá điền trong một gia đình nghèo và đã vươn lên để trở thành tổng thống của một nước được tín nhiệm của dân Formosa, những người con của Đài Loan như ông.

Tinh thần từ bài diễn văn giống như tinh thần của một bản tuyên bố độc lập hơn là của một bài diễn văn nhậm chức bình thường.

2 - Các dân tộc ở Đài Loan

Vì đâu mà ông Trần Thủy Biển đã "tuyên bố độc lập" như vậy? Bài ông nói đã phản ảnh được những gì sâu xa xảy ra trong tư tưởng của xã hội Đài Loan trong nhiều năm vừa qua ở nhiều lãnh vực.

Một hiện tượng xã hội đáng chú ý gần đây là một số vấn đề nghiên cứu trong phạm vi khoa học có liên hệ đến các dân tộc ở Đài Loan đã lan ra khỏi phạm vi hạn hẹp và trở thành một đề tài nóng bỏng trong xã hội mà trước đây ít xảy ra.

Giáo sư Lâm Mã Lý, nhà di truyền học ở bệnh viện Mckay Memorial ở Đài Bắc, đã bỏ ra nhiều năm nghiên cứu về nguồn gốc di truyền của các bộ tộc thổ dân sống lâu đời từ thời tiền sử ở Đài Loan. Một đề tài hầu như lúc đó không ai ở Đài Loan để ý. Sau khi công bố kết quả nghiên cứu trên tạp chí khoa học vào năm 2000 (2), bà đã nhận được rất nhiều thư, điện thư từ những người "Đài Loan" không phải thổ dân (Mân Nam và Hakka) muốn tìm hiểu thêm về nguồn gốc của họ, họ không cho rằng họ có nguồn gốc từ người Hán. Giáo sư Lâm Mã Lý từ đó chuyển trọng tâm nghiên cứu của bà sang người Minnam (Mân Nam) và Hakka.

Sau hơn một năm nghiên cứu di truyền trên hệ thống miễn nhiễm (Human Leucocyte Antigen, HLA) ở nhiễm sắc thể 6 (chromosome 6) qua máu của các dân Mân Nam (Hoklo), Hakka và các mẫu máu từ nhiều nước kết hợp được trong tổ hoạt động quốc tế về HLA (International Histocompatibility Workshop) ở Nhật năm 1998, giáo sư Lâm Mã Lý đã công bố kết quả (3) về sự liên hệ và khoảng cách của các nhóm dân trên sơ đồ cây di truyền. Kết quả cho thấy người Mân Nam và Hakka rất gần với người Việt, Thái và các dân thuộc chủng Mongoloid Nam Á, khác xa với người Hán thuộc chủng Mongoloid Bắc Á. Giáo sư Lâm Mã Lý cho rằng người "Đài Loan" thuộc dân tộc Mân Việt (Min Yueh) chứ không phải dân tộc Hán, mặc dù đã có sự pha trộn trong lịch sử với người Hán di cư từ phương Bắc.

Trong cuộc phỏng vấn trên báo Taipei Times (Đài Bắc thời báo) (4), có câu hỏi là có phải nghiên cứu của bà đã gây chú ý và bàn luận rất nhiều là vì nó đã thách thức chủ nghĩa Hán trung tâm cho rằng người Hán và văn minh Hán Hoa là cội nguồn của tất cả, do đó đã gây nên cuộc tranh luận chính trị về sự thống nhất với Trung Quốc. Bà trả lời là bà đã biết trước kết quả nghiên cứu di truyền sẽ khơi động cuộc tranh cãi, nhưng bà cũng nói rằng kết luận của nghiên cứu cũng không phải là gì mới lạ vì trước đây hai nhà nhân chủng học nổi tiếng đã công bố lâu rồi về dân tộc và văn minh của người Mân Việt, Hakka và Bách Việt. Kết quả của bà chỉ chứng minh một cách khoa học thêm mà thôi. Cả hai công trình nghiên cứu này đã được biết từ lâu trước khi có chủ đề bàn luận về thống nhất hay độc lập ở Đài Loan. Đó là công trình nghiên cứu của Lin Hui Shaing, *"The Ethnology of China,"* xuất bản năm 1937 và W. Meacham, *"Origins and development of the Yueh coastal neolithic : A microcosm of cultural change on the mainland of East Asia,"* công bố vào năm 1981. Cả hai đã có cùng kết luận về nguồn gốc của dân Bách Việt .

Cũng trong cuộc phỏng vấn này, có câu hỏi là có phải nghiên cứu của bà có mục đích chính trị không, vì hiện nay có rất nhiều người đã dùng nghiên cứu của bà trong chính trường. Bà nói rằng mọi người nên hiểu biết về nguồn gốc của mình. Và bà chỉ muốn tìm ra nguồn gốc của người địa phương sống lâu đời ở Đài Loan. Bà không hiểu tại sao người Mỹ gốc Phi lại có thể đi tìm được nguồn gốc của họ, mà người Đài Loan lại không thể nói được *"Chúng ta là người Mân Việt cổ xưa."* Bà muốn rằng người Đài Loan nên xem mình là người địa phương Mân Việt chứ không phải Hán từ bắc Trung Quốc. Bà nói : *"Bài nghiên cứu của tôi đơn giản là chỉ để hiểu biết về nguồn gốc. Tôi không biết gì về chính trị và không thuộc tổ chức chính trị nào."*

Để có một cái nhìn tổng quát về tình hình Đài Loan và hiểu thêm về các dân tộc và văn hóa ở hòn đảo này, chúng ta phải bắt đầu từ các dữ kiện lịch sử và dân tộc học mà tôi cố gắng tóm lược như sau.

Bộ tộc Austronesian

Những người bản xứ thuộc dòng ngôn ngữ Austronesian là những dân đã sống lâu đời ở Đài

Loan từ trước thế kỷ 17 khi những người ngoại quốc như Hoà Lan, Tây Ban Nha và sau này từ Trung Quốc bắt đầu đến chiếm đóng và định cư. Ngôn ngữ của các bộ tộc bản xứ cũng rất đa dạng và khác nhau, nhưng tất cả đều thuộc họ ngôn ngữ Austronesian, cùng họ với ngôn ngữ Phi Luật Tân, Indonesia, Mã Lai và ở nhiều đảo khác trong Thái Bình Dương. Hiện nay người thổ dân Austronesian chỉ còn có khoảng dưới 2% dân số

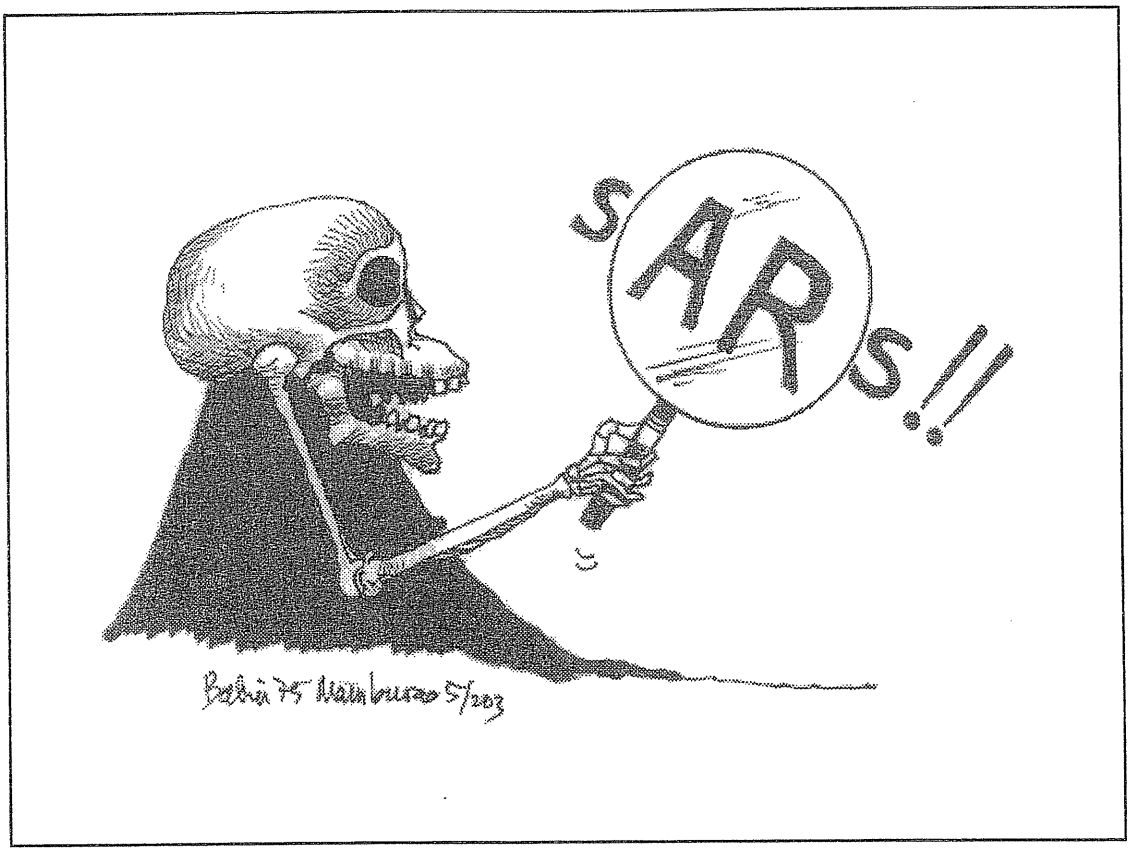

Đài Loan và gồm các bộ tộc sau (theo thứ tự dân số) : Amis (130,000), Paiwan (60,000), Tayal (50,000), Bunun (38,000), Taroko (30,000), Puyuma (8,000), Rukai (8,000), Tsu (6,000), Yami (4,000), Saisiat (4,000), Thao (250). Một số bộ tộc khác ở đồng bằng và bờ biển trước đây đã biến mất, qua sự đồng hóa trong cộng đồng các người Hoklo, Hakka di dân từ Trung Quốc trong các thế kỷ trước. Ngôn ngữ của các bộ tộc này chỉ còn giữ lại trong các tự điển và bài viết về họ của người Hòa Lan, Nhật và Đài Loan sau này, và một số từ còn sót lại trong tiếng Hoklo.

Trong suốt lịch sử từ 1624, khi người Hòa Lan đến chiếm, cho đến thời kỳ thuộc nhà Thanh, rồi thuộc Nhật Bản và gần đây dưới chế độ Quốc Dân Đảng, người thổ dân thường bị phân biệt, chèn ép trong xã hội. Có lúc họ đã nổi dậy, như năm 1930, một bộ lạc đã nổi lên chống Nhật nhưng họ đã bị đàn áp đẫm máu. Đất đai của họ đã bị lấn chiếm và mất dần (cách đây không lâu, có nơi đất của họ đã được dùng để chôn các chất thải nguyên tử nguy hiểm). Năm 1984, Liên minh thổ dân Đài Loan đã được thành lập bởi một số trí thức và các vị lãnh đạo các bộ tộc để bảo vệ quyền lợi và văn hóa thổ dân. Họ đã tranh đấu trong nhiều năm cùng với đảng Dân Chủ tiến bộ đối lập chống lại các chính sách văn hóa và bất công của chính quyền. Ngày nay, quyền lợi và văn hóa thổ dân đã được khuyến khích phát triển nhất là từ khi chính phủ Trần Thủy Biển nắm quyền vào năm 2000.

Như các người Austronesian khác ở Đông Nam Á (Mã Lai, Phi Luật Tân, Nam Dương), các bộ tộc thổ dân đều có tục ăn trầu và xâm mình. Đặc biệt người Atayal còn xâm hình rất nhiều lên mặt. Theo truyền thuyết của họ, lúc khởi thủy chỉ có hai anh em. Vì muốn dòng giống được lưu truyền,

người em gái đã xâm hình lên mặt để che dấu hầu gạt anh mình mà kết thành chồng vợ, sinh sản con cháu. Người Rukai, trong lễ hội xuân còn có phong tục chơi đu xích đu. Người con gái đu xích đu, trong khi người con trai đẩy và bắt lấy. Trò chơi ở lễ hội xuân này tương tự như trò chơi trong lễ hội của người Việt và chúng có nguồn gốc phồn thực.

Vì là thiểu số, hiện nay văn hóa của người thổ dân có nguy cơ biến mất khi đa số thanh niên cố gắng hòa nhập vào xã hội Đài Loan. Trước đây vì bị phân biệt, đa số đã cố gắng dấu đi nguồn gốc thổ dân của mình. Ngày nay với chính sách bảo vệ và phát triển văn hóa bản xứ trong giáo dục, chính trị và kinh tế, họ đã có mặt ở mọi thành phần trong xã hội Đài Loan và hãnh diện là người có gốc tích thổ dân, dân cư đầu tiên của nước Đài Loan. Cuối năm 2001, ở Đài Trung, nơi có nhiều thổ dân thuộc các bộ tộc khác nhau, đã có lễ hội về văn hóa Austronesian, với sự hiện diện của nhiều học giả thế giới đến dự hội nghị nghiên cứu Austronesian tổ chức cùng thời gian. Chang Hui-Mei (Amei), ca sĩ nổi tiếng Đài Loan, là người gốc thổ dân thuộc bộ lạc Puyuma bản xứ đã trình diễn nhiều bài dân ca Austronesian khai mạc liên hoan văn hóa này. Viện Hàn Lâm Academia Sinica cũng đã xuất bản nhiều công trình nghiên cứu về văn hóa và con người Austronesian. Cùng với "Hiệp hội nghiên cứu tiền sử Ấn và Thái Bình Dương", Academia Sinica đã tổ chức nhiều hội nghị quốc tế về người Austronesian, như ở Đài Trung và Đài bắc vừa rồi .

Người Hoklo

"Hoklo", từ cổ xưa gốc địa phương nay được dùng để chỉ chung giống người dân tộc và ngôn ngữ vùng Phúc Kiến thay vì dùng từ Phúc Kiến như trước đây thường xử dụng để chỉ người thuộc địa phương Phúc Kiến ở Trung quốc. Các từ thường dùng khác như Hokkien, Minnan (Mân Nam), Min (Mân), hay Đài Loan cũng đã được dùng để chỉ dân tộc này. Nay thì từ "Hoklo" bản địa có khuynh hướng được dùng nhiều (nhất là trong giới hàn lâm nghiên cứu) vì nó thống nhất cho một giống dân trong dân tộc học, không mang màu sắc chính trị, thích hợp hơn là dùng danh từ về vị trí địa lý của một tỉnh. Người Hoklo không những cư trú ở Phúc Kiến mà còn có mặt ở nhiều nơi như Hải Nam, Đài Loan và ở nhiều nước khác trong khu vực Đông Nam Á do truyền thống đi biển của họ. Ở Đài Loan, hiện nay 70% dân số là người Hoklo.

Ngôn ngữ người Hoklo có nguồn gốc cổ xưa ở Nam Trung Quốc. Theo nhà ngôn ngữ học Norman và Mei Tsu Lin (5) (6) thì tiếng Hoklo (Mân), Hakka và Quảng Đông có cùng nguồn gốc. Chúng xuất phát từ các bộ tộc Bách Việt phi Hán sống ở phía Nam sông Dương Tử. Những ngôn ngữ này có các thành phần gốc Thái cổ, Austronesian và Austroasiatic ở tầng ngôn ngữ dưới pha trộn với tiếng Hán ở trên. Thành phần Austronesian và Thai (Austro - Thai) có trội hơn thành phần Austroasiatics, nhưng cả ba đều hiện diện trong các ngôn ngữ này. Họ ngôn ngữ Austroasiatics, như ta biết, gồm có các ngôn ngữ Mon - Khmer, Việt, Munda. Điều này cho thấy là các tộc người nói tiếng Austroasiatics đã có mặt ở Nam Trung Quốc từ lâu đời, trước thời kỳ nhà Tần - Hán (6). Hiện nay trong ngôn ngữ Mân Nam Hoklo, ta vẫn còn tìm thấy có các sự liên hệ với ngôn ngữ Việt thuộc họ Austroasiatics qua các từ gốc (6). Một vài thí dụ về các từ Hoklo với các từ trong tiếng Việt như:

vat[bat4] - Việt : biết, Bahnar : băt.

gnial[kian2] - Việt : con, Khmer : koun.

daam[tam5] - Việt : đẫm (ướt).

daanggi[tang5ki1] - Việt : đồng (lên), Proto-Mân : dung, d@ng, Mon : dong.

doh[toh4] - Việt : đâu (ở).

và một số từ có nguồn gốc Austroasiatics - Austronesian (theo thuyết Austric) như :

dehh[teh4] - Việt : đè, Proto-Malay : tedes.

qiul [giu2] - Việt : giật (kéo), Quảng Đông : jau1, proto-Malay : guyud

lut[lut4] - Việt : lột, Hakka : lôụt, Quảng Đông : led1,

Indonesian : lucut, Malay : luchut, Hawai Polysnesian : lu.

lerng[leng7] - Việt : lõng, proto-Malay : luan.

Ngoài ra, theo tôi một số các từ Hoklo sau đây cũng có gốc chung (cognates) với các từ Việt :

bou[pơ1] - Việt : bố (cha)

voul[bơ2] - Việt : bu (vợ)

za[cha1] - Việt : ta (người), Proto-Malay : tau, cau.

dẫn tới từ Hoklo, zabou nghĩa là người đàn ông và zavoul nghĩa là người đàn bà.

Ngoài sự liên hệ về ngôn ngữ giữa người Hoklo (Mân Việt) và người Việt, trong lịch sử, ta cũng được biết là tổ tiên của nhà Trần, một triều đại rực rỡ văn hóa Việt ở Việt Nam, đã đi từ Phúc Kiến (Mân) theo đường biển đến định cư ở Việt

Nam vào thế kỷ 13. Họ sống về nghề đánh cá dọc theo bờ biển Nam Trung Quốc.

Người Hoklo ở Đài Loan sau bao thế kỷ chung sống và hợp chủng với nhiều bộ tộc bản xứ ở vùng thấp và đồng bằng đã dẫn đến sự biến mất của một số các bộ tộc. Qua quá trình giao lưu này, một số ngôn từ Austronesian đã được thu nhận và ngôn ngữ Hoklo ở Đài Loan có nét địa phương khác với ngôn ngữ Hoklo ở tỉnh Phúc Kiến trong lục địa. Ngôn ngữ Hoklo ở Đài Loan nay được gọi là Đài ngữ.

Người Khách trú (Hakka)

Từ "Hakka" chữ Hán có nghĩa là "khách trú", do người Quảng Đông dùng để chỉ những người di dân xuống địa phận vùng Bắc Quảng Đông và Nam Phúc Kiến hiện nay. Thật sự người Hakka đã có mặt từ ngàn năm trước ở vùng phía Nam sông Dương Tử, chủ yếu ở khu vực Nam tỉnh Giang Tây, giáp giới với Phúc Kiến. Vì hoàn cảnh địa lý và lịch sử họ đã di dân xuống Quảng Đông. Hiện nay chúng ta không rõ lịch sử và khi nào từ này đã được dùng, chỉ biết là người Quảng Đông đã đối xử phân biệt với họ, cho họ là dân phi Hán thuộc một loại dân tộc mọi man di, như các tộc Thái, Choang (Zhuang) hay Mèo (Miao), ở miền núi hoang dã di dân vào ở các khu vực Hán. Thật sự thì cả người Quảng Đông cũng không phải nòi Hán, nhưng vì bị Hán hóa quá lâu, nên cộng đồng của họ đã không còn giữ được trong ký ức trước kia họ thuộc chủng phi Hán.

Vì bị coi như người ngoài đến lấn chiếm, và bị đối xử phân biệt nên một số người Hakka đã cũng tự cho họ là người Hán từ Bắc Trung Quốc đi xuống. Quyển sách cổ điển nói về nguồn gốc của người Hakka là của giáo sư Lo Hiong Lim, xuất bản năm 1933 (*"An introduction to the study of the Hakkas: its ethnic, historical*

TRẦN MỘNG TÚ

THƠ Ở SAMMAMISH

Gửi PPM

Tôi đứng nhìn mặt hồ
mặt hồ thầm thì gọi
tôi đứng nhìn buổi chiều
buổi chiều se tiếng nói

tôi đứng im nhìn sóng
sóng nhìn tôi lặng im
tôi thả tôi vào sóng
tôi đứng nhìn tôi chìm

bên kia bờ thông gọi
mầu xanh ơi! mầu xanh
mầu xanh đi theo nước
mất ở một khúc quành

Chàng đang đứng phương nào
có hoang mang như gió
không biết bay về đâu

chàng là chim bói cá
đi tìm hoài bóng tăm
trong chiếc hồ ký ức

hay chàng là đám mây
bơ vơ không chỗ đến
hay chàng là bầu trời
xa cao và vô lý

hay chàng là cây sậy
hát mãi một bài ca

chàng đã già như núi
cúi xuống một đời im

tôi thả tôi vào sóng
tôi đứng nhìn tôi chìm.

Tháng Năm/ 03

and cultural aspects"). Ông chủ yếu dựa vào gia phả cho rằng người Hakka là từ Bắc Trung Quốc đã di dân xuống phương Nam qua nhiều đợt vì quê hương của họ đã bị các rợ phương Bắc xâm lăng.

Ngày nay, nhiều công trình nghiên cứu khảo cổ, ngôn ngữ học và di truyền học đã cho thấy là thuyết của ông Lo không đúng. Ngay cả tư liệu gia phả cũng không chính xác và có nhiều sai lầm. Nhà ngôn ngữ học J. Norman cho rằng tiếng Hakka, Mân (Min) và Quảng Đông "Việt" (Yue) có cùng một nguồn trong lịch sử, đã hiện diện ở Nam Trung Quốc từ trước thời Hán, mà ông gọi chung là tiếng Cổ Nam Trung Quốc (Old Southern Chinese) (5).

Nhà ngôn ngữ học Laurent Sagart trong một nghiên cứu mới đây (2002) về nguồn gốc tiếng Hakka, đã cho thấy là ngôn ngữ này có nguồn gốc ở phía Nam Trung Quốc, với lớp tầng cổ nhất thuộc họ ngôn ngữ Mèo - Dao (Miao - Yao), hay còn gọi là Hmong - Mien (4). Ngôn ngữ Hakka cũng rất gần với ngôn ngữ của người Gan (Cám) cư ngụ dọc lưu vực sông Cẩm Giang. Hiện nay ở vài khu vực các tỉnh Giang Tây (Jianxi), Triết Giang, Phúc Kiến, Quảng Đông, người She, thuộc họ ngôn ngữ Hmong - Mien vẫn còn hiện diện. Ông Sagart cho rằng chính họ là tổ tiên của người Hakka và Gan, sau này đã bị Hán hóa dần từ thời Tống. Trước đây, nhà ngôn ngữ học Haudricourt cũng đã cho rằng tiếng Quảng Đông và Hakka có nguồn gốc từ tiếng Thái và Mèo - Dao, sau khi trải qua các quá trình Hán hóa lâu dài trong lịch sử (7).

Giáo sư Fong Hok Ka, trong sách nghiên cứu về người Hakka xuất bản ở Trung Quốc năm 1994 (*"Investigating in depth about the origin of Hakka"*), đã dùng những tài liệu lịch sử và khảo cổ tìm được ở các vùng của người Hakka trước đây cư ngụ. Ông cho thấy đã có một nền văn minh rất cao hiện diện rất lâu trước khi thời kỳ nhà Tần đánh chiếm các dân tộc phương Nam. Từ đó (221BC) bắt đầu có quá trình Hán hóa cho đến các giai đoạn sau thời Bắc triều - Nam triều (589AD), khi nhóm Tiền - Hakka (Proto - Hakka) bắt đầu được thành lập và phát triển.

Nói chung các công trình nghiên cứu của ông Norman, Sagart và Fong là có cơ sở hơn hết về nguồn gốc con người và ngôn ngữ Hakka.

Sau người Hoklo, người Hakka bắt đầu di dân vào đảo Đài Loan vào khoảng thế kỷ 18, nhiều nhất là dưới triều Thanh. Hiện nay, dân số người Hakka có khoảng 3 triệu, tức khoảng 15% dân số Đài Loan, đứng hàng thứ 2 sau dân Hoklo.

3 - Vài nét về lịch sử hiện đại Đài Loan

* Đài Loan đã có người thổ dân Austronesian sinh sống từ lâu đời. Tài liệu xưa nhất ở Trung quốc đề cập đến Đài Loan là vào năm 230 AD, nói về một số người chạy loạn từ bờ biển Phúc Kiến, Quảng Đông đến trú ngụ tại đảo. Một tài liệu địa lý khác ở thế kỷ thứ 3 có nói về các bộ tộc sống trên đảo (9). Họ có phong tục và cách sống rất khác nhau, chứ không phải thuần nhất.

Từ cuối thế kỷ 16 đến năm 1624, chỉ có một số rất ít người từ lục địa sang sinh sống dọc theo bờ biển phía bắc. Họ sống ngoài vòng kiểm soát của triều đình Trung Quốc. Trong đó không ít là cướp biển. Thỉnh thoảng có một số người bị đắm tàu trôi dạt vào đảo. Họa hoằn lắm mới có các thương thuyền của người Bồ Đào Nha, Hòa Lan và các nước tạt qua trên đường hàng hải buôn bán với Nhật và Trung Quốc. Người Bồ Đào Nha gọi đảo này là Formosa ("hòn đảo đẹp"). Thổ dân Austronesian trên đảo cũng có tiếng là hung dữ, nhất là ở phía sâu trong đảo. Thêm nữa vì không có cảng hay thành phố mà chỉ có các làng mạc thưa thớt dọc biển, nên không ai để ý đến.

Với sự cạnh tranh càng ngày càng gia tăng của các nước Tây phương trong thị trường thương mại hàng hải với Nhật và Trung Quốc, người Hoà Lan đầu tiên chiếm các đảo nhỏ ở eo biển Đài Loan như quần đảo Pescadores và bắt đầu từ năm 1624 đến lập các cơ sở ở bờ biển phía Tây Đài Loan. Người Tây Ban Nha cũng đến phía Bắc đảo để chiếm đóng và lập các căn cứ làm thuộc địa từ năm 1626. Người thổ dân bị lấn chiếm và không chống trả nổi. Chiến tranh giữa Hòa Lan và Tây Ban Nha diễn ra liên tục trên đảo. Trong thời gian này, người Hoa từ lục địa cũng bắt đầu di dân sang ở một vài nơi phía Tây và Nam trên đảo.

Biến cố 28/2 - Thảm sát ở Đài Bắc và khắp Đài Loan

Cuối năm 1945, sau khi Nhật đã đầu hàng Đồng Minh, chính phủ Trung Quốc của Quốc Dân Đảng gởi người và quân đội đến Đài Loan để giải giới và thiết lập chính quyền mới trên đảo. Họ đến từ lục địa nhưng nắm hết quyền trong chính phủ, quân đội. Từ sự cách biệt gần 100 năm lịch sử trong thời kỳ lệ thuộc Nhật và trước đó trong thời nhà Thanh, lối sống xã hội của người

Đài Loan bản xứ đã khác nhiều với tập tục, suy nghĩ và nếp sống của những người tràn qua từ đất liền.

Điều này bắt đầu dẫn tới những bất đồng và căng thẳng, nhất là sự hối lộ, tham nhũng, vơ vét, áp bức dân địa phương của chính quyền Quốc Dân Đảng trong các năm đầu khi họ vừa đến Đài Loan. Người dân bản sứ không quen về tệ nạn tham nhũng, vơ vét khi còn dưới thời Nhật cai trị, nên rất ta oán. Họ đã biểu tình phản đối bắt đầu từ Đài Bắc rồi lan ra khắp Đài Loan. Quốc Dân Đảng đã phản ứng lại bằng cách dạy dân địa phương một bài học, như một số tướng và nhân vật Quốc Dân Đảng đã tuyên bố. Trong ngày 28/2/1947, quân đội đã nổ súng vào đoàn biểu tình và mở chiến dịch càn quét tấn công vào dân bản xứ, hậu quả thật khốc liệt, hơn 20,000 người đã bị thảm sát. Thiết quân luật đã được ban hành và áp dụng trên toàn lãnh thổ. Biến cố này là một bản lề quan trọng nhất trong lịch sử cận đại Đài Loan.

Năm 1949, chính phủ Quốc Dân Đảng ở Trung Quốc sau khi bị thua trận trong cuộc nội chiến đã phải chạy ra đảo Đài Loan. Thiết quân luật được áp dụng chặt chẽ hơn, viện cớ tình trạng chiến tranh với đảng Cộng sản ở Trung Hoa lục địa. Thiết quân luật chỉ chấm dứt sau này vào năm 1987. Biến cố ngày 22/8/1947 có ảnh hưởng sâu rộng và đã hằn sâu trong tiềm thức của dân Đài Loan. Mặc dù nó đã bị các chính phủ Quốc Dân Đảng che đậy và cấm đề cập đến từ lúc đó cho đến cuối thập niên 1980, nhiều trí thức bản xứ và ngay cả một số trong Quốc Dân Đảng ly khai đã đặt lại vấn đề và từ đó thành lập đảng Dân Chủ Tiến Bộ đối lập với chính quyền.

Năm 1972, Đài Loan đã lỡ một cơ hội để trở thành một nước độc lập gia nhập vào Liên Hiệp Quốc. Trong thời điểm này Mỹ đang hòa hoãn với Trung Hoa lục địa (Cộng hoà Nhân dân Trung quốc). Liên Hiệp Quốc cũng vừa công nhận chính phủ Cộng hoà Nhân dân Trung quốc (PRC) đại diện cho Trung Quốc ở Liên HiệpQuốc, thay thế chính phủ Cộng Hoà Trung Hoa (ROC) của Quốc Dân Đảng ở Đài Loan. Đài Loan lúc đó có thể từ bỏ chính sách là mình có chủ quyền ở Trung Hoa lục địa và là thực thể đại diện cho tất cả mọi người dân Trung Hoa. Thay vào đó, Đài Loan nên tuyên bố độc lập xin vào Liên Hiệp Quốc với tư cách một nước mới. Đây cũng là hành động mà Mỹ khuyên Đài Loan nên theo trong cơ hội này lúc Mỹ thương lượng với Trung Quốc, nhưng chính phủ Đài Loan đã từ chối và tiếp tục theo đuổi đòi chủ quyền cho cả Trung Hoa lục địa. Đây là một sai lầm chiến lược lớn mà sau này Đài Loan hối hận. Nhiều người đã đặt lại vấn đề là tại sao lại không có hai hoặc ba nước nói tiếng Hoa trong Liên Hiệp Quốc, cũng như Liên Sô trước đây đã có Ukraine và Bylorussia hiện diện trong tổ chức này. Chính sách sau này của chính phủ Quốc Dân Đảng Đài Loan là cố gắng thiết lập được quan hệ ngoại giao với mọi nước (đa số là các nước nhỏ ở Trung Mỹ và Thái Bình Dương) và xin được vào các tổ chức quốc tế như Y Tế Thế Giới (WHO), Phát Triển Văn Hóa (UNESCO), Thương Mại (WTO)..

Từ lúc đảng Dân Chủ Tiến Bộ đối lập được thành lập, đấu tranh về đường lối giữa Quốc Dân Đảng và đảng Dân Chủ diễn ra rất gay gắt trong suốt thập niên 1980. Đến cuối thập niên 1990 thì người địa phương Đài Loan đã thực sự thắng lợi, với bản sắc Đài Loan được đặt làm nền tảng cho mọi chính sách đối ngoại và đối nội. Ngay cả Quốc Dân Đảng đã chọn người địa phương Đài Loan, ông Lý Đăng Huy, là vị tổng thống với chính sách mới ở giai đoạn cuối cùng trước khi đảng Dân Chủ lên nắm quyền năm 2000, mở đầu cho một kỷ nguyên và một thế kỷ mới.

4- Sự hình thành và phát huy văn hóa truyền thống bản địa của các dân tộc ở Đài Loan

Tôi đến Đài Trung (dọc bờ biển hướng Tây, cách Đài Bắc 150km phía Nam) vào tháng 6 năm 2000, một tháng sau khi ông Trần Thủy Biển nhậm chức Tổng Thống. Trung Quốc vẫn còn giàn hỏa tiễn hướng về Đài Loan ngăn cách qua một eo biển nhỏ hẹp. Dân chúng tuy vậy rất bình tỉnh, tự tin và không còn sợ hải như trước đây. Mặc dầu thị trường chứng khoán chưa hồi phục ở mức bình thường như trước lúc khủng hoảng, hoạt động kinh tế đã trở lại như trước, các trung tâm thương mại rất náo nhiệt trừ các trung tâm của các công ty Nhật có rất nhiều ở Đài Loan vẫn vắng khách như xưa vì giá rất cao. Thành phố Đài Trung là thành phố lớn mà dân Hoklo hầu như chiếm gần hết, với một số ít còn lại là người các dân tộc thổ dân Austronesian.

Thành phần dân ở Đài Loan gồm khoảng 15% là người Hakka (khách trú), 70% là người Phúc Kiến, 2% là người bản xứ thổ dân và 13% là người từ các vùng ở Trung Hoa lục địa đến gần đây. Mặc dầu không phải là đa số, nhưng người từ Trung Hoa lục địa đã chiếm lĩnh các vị trí quan

trọng trong chính phủ, quân đội. Các hoạt động kinh tế phần lớn nằm trong tay họ, trong số đó có một số công ty có sự liên hệ rất mật thiết với Quốc Dân Đảng. Ngay Quốc Dân Đảng cũng có những công ty riêng rất lớn với nguồn tài chánh và lợi nhuận khổng lồ. Tình trạng trên kéo dài trong hơn 40 năm, cho đến năm 1988, đảng Dân Chủ Tiến Bộ (DPP) đối lập được thành lập. Đảng Dân Chủ Tiến Bộ đòi hỏi có sự công bằng và đấu tranh giành lại quyền chính trị với khuynh hướng độc lập, từ bỏ là đại diện Trung Quốc để lấy lại Hoa Lục của chính thể Đài Loan từ khi Quốc Dân Đảng thua chạy qua tá túc ở Đài Loan. Mặc dầu có nhiều khó khăn và trở ngại do chính phủ Quốc Dân Đảng tạo ra, dần dần tiếng nói của dân bản xứ đã được thể hiện. Trong những năm cuối của thập niên 1980s và đầu 1990s, sự đối lập của đảng Dân Chủ Tiến Bộ và Quốc Dân Đảng về khuynh hướng và chính sách, không những gay gắt trên chính trường (nhiều khi đưa đến xô xát bạo động trong quốc hội, các nơi diễn thuyết công cộng giữa hai phe mà chúng ta thường thấy trên truyền hình) mà còn được thể hiện ở dân chúng tùy theo dân thuộc thành phần nào, bản xứ hay không bản xứ.

Năm 1996, ông Trần Thủy Biển được bầu làm Thị Trưởng thành phố Đài Bắc. Trong thời gian làm Thị Trưởng, ông đã đổi tên đại lộ trước dinh Tổng Thống từ "Đại lộ Tưởng Giới Thạch muôn năm" thành "Đường Ketagalan". Ketagalan là tên một bộ lạc thổ dân Austronesian cư ngụ vùng xung quanh Đài Bắc đã bị tuyệt chủng từ lâu sau khi họ đã bị đồng hóa vào xã hội Đài Loan. Mặc dù không phải là người thổ dân, nhưng ông Trần Thủy Biển đã tích cực ủng hộ và phát triển quyền lợi và văn hóa thổ dân khắp Đài Bắc.

Quan trọng hơn, ông đã lập ra một viện bảo tàng giữa một công viên lớn trong trung tâm thành phố tưởng niệm biến cố ngày 28/2/1947. Công viên được đổi tên là công viên Hòa Bình 282. Tôi có ghé thăm công viên và viện bảo tàng trong dịp viếng Đài Bắc năm 2000. Thật là cảm động khi thấy những hình ảnh, thơ từ, áo của các nạn nhân mang những lổ đạn, sách, báo chí, chứng từ, nói lên sự bất nhẫn qua hình ảnh của quân đội Tưởng Giới Thạch bắn giết hơn 20,000 người... Viện bảo tàng mang một biểu tượng với dòng chữ *to "confused identity leads to tragedy - Taiwan has to know its past tragic event in 22/8/1947" (không rõ nguồn gốc chúng ta là ai sẽ dẫn đến thảm kịch - Đài Loan phải biết quá khứ lịch sử của biến cố ngày 22/8/1997).* Dĩ nhiên viện bảo tàng đã bị chính phủ Quốc Dân Đảng lúc bấy giờ chống đối và lên án. Nhưng cũng từ lúc ấy, đa số người Đài Loan bản xứ (Hakka và Hoklo) đã bắt đầu ý thức được quyền độc lập và tự hào về sự khác biệt của văn hóa, lịch sử, ngôn ngữ của họ với văn hóa quan thoại của Quốc Đân Đảng và của Trung Hoa lục địa.

Ngay cả trong Quốc Dân Đảng, nhiều người (nhất là các đảng viên gốc người bản xứ), đã đòi hỏi phải có cải tổ, thay đổi chính sách để thể hiện nguyện vọng của dân một cách thực tế và áp dụng được trong tình hình mới. Nó phải thích hợp với khuynh hướng và trào lưu dân chủ mà quần chúng đòi hỏi. Lý Đăng Huy, vị Tổng Thống Quốc Đân Đảng cuối cùng trước khi Trần Thủy Biển lên thay, là người bản xứ, đã có những chính sách cởi mở. Chính ông cũng có những hoài bão độc lập giống như đảng Dân Chủ Tiến Bộ. Điều này đã làm cho chính quyền Trung Quốc rất tức giận và hằn học, gây nhiều khó khăn cho ông Lý Đăng Huy, ngay cả khi ông không còn trong chính trường và là một công dân bình thường như hiện nay. Thí dụ như khi ông dự định đi đến viếng các nước như Anh, Mỹ, và gần đây Nhật với tư cách cá nhân riêng tư, chính quyền Trung Quốc cũng đã gây sức ép đến các nước sở tại để không cho ông thị thực nhập cảnh (visa). Ai nói là thù sẽ phai nhạt theo thời gian ?

Để có thể phân biệt và tạo ra được sự khác nhau về xã hội, văn hóa giữa Đài Loan và Trung Quốc, Đài Loan từ Lý Đăng Huy đến Trần Thủy Biển đã khuyến khích phát triển và quảng bá rộng rãi văn hóa của những dân tộc thổ dân trong văn hóa Đài Loan. Ý thức về sự quan trọng của nền văn hóa thổ dân có nguồn gốc Mã Lai (Malayo - Indonesian) vào sự đóng góp chung với các văn hóa Hakka và Phúc Kiến để tạo dựng nên một nền văn hóa khác biệt với văn hóa Hán Trung Hoa. Điều này đã được chấp nhận là yếu tố quan trọng bậc nhất đặt nền tảng cho sự thành hình một căn cước (identity) mới cho Đài Loan. Thêm nữa, mặc dầu Đài Loan đã có thời gian ngắn chỉ khoảng hơn 80 năm là một phần của Nhật Bản, trong thời kỳ Nhật cai trị, nhưng ảnh hưởng văn hóa Nhật đã thể hiện một phần trong văn hóa và con người Đài Loan. Đài Loan và Nhật hiện nay có quan hệ kinh tế và văn hóa khá sâu rộng.

Đặc tính riêng biệt là điều kiện tiên quyết cho sự khởi đầu thành lập quốc gia của một quần thể với văn hóa riêng. Quá trình văn hóa, tư tưởng

như nói trên xảy ra ở Đài Loan trong việc tạo thành một nước có bản sắc riêng cũng mang máng tựa như quá trình mà người Việt đã trải qua trong thời kỳ Bắc thuộc. Trong quá trình này, nguy cơ văn hóa bản xứ có thể bị Hán hóa và tiêu diệt, trước khi có sự độc lập trong thế kỷ thứ 10 là rất cao, nếu không nhờ có văn hóa làng xã thuần Việt ở nông thôn được giữ vững.

Sau bao nhiêu năm dưới các chính phủ Quốc Dân Đảng, ngôn ngữ Hakka, Hoklo và các thổ ngữ bị cấm dùng trong nền giáo dục và các công sở, thay thế bởi ngôn ngữ chính thức Quan Thoại (Mandarin). Trước đây, một số trí thức Hakka và Hoklo đã cố gắng giữ gìn tiếng nói của họ bằng nhiều phương cách. Một trong những phương tiện là sáng tạo ra chữ viết mới dùng chữ Hán tạo ra loại chữ gọi là Koa-a-chheh vào thế kỷ 17 dưới thời kỳ thuộc nhà Thanh. Cấu tạo loại chữ này cũng tương tự một phần như chữ Nôm (Việt Nam), hoặc dùng âm chữ Hán để chỉ chữ địa phương hoặc dùng nghĩa chữ Hán cho âm địa phương. Tuy nhiên các tiêu chuẩn chưa được thống nhất và có sự tùy tiện của người viết. Đến cuối thế kỷ 19, loại chữ viết này biến mất dần. Đầu thế kỷ 20, chữ cái Latin cũng được dùng để thể hiện tiếng nói địa phương (tương tự như chữ Quốc Ngữ sau này ở Việt Nam). Nhưng hệ thống chữ này, gọi là Poe-oe-ji, đã không thành công, một phần là do chính sách của Quốc Dân Đảng. Chính sách của Quốc Dân Đảng là phát triển chính thức chữ Hán Quan Thoại để nó trở thành phổ thông trong đời sống xã hội, chính trị. Chữ mới này có thể gây nguy cơ giúp văn hóa địa phương phổ biến đe dọa sự độc tôn của Hán văn cổ điển mà Quốc Dân Đảng xây dựng khi đến Đài Loan (8), vì thế chính quyền Quốc Dân Đảng đã ngăn cấm loại chữ mới này.

Vì chính sách ngôn ngữ và văn hóa độc tôn, trọng Hán của chính phủ Quốc Dân Đảng trước đây, rất nhiều thanh niên thuộc các thế hệ mới gần đây đã quên đi tiếng mẹ đẻ của họ. Chính sách này được thể hiện qua sự cấm dùng tiếng địa phương ở các nơi công cộng, công sở, hay giảm thiểu tối đa tiếng địa phương trên truyền thanh và truyền hình. Không những thế, trường học nào để học sinh nói tiếng địa phương, không phải Quan Thoại bị phạt tiền.

Ông Trần Thủy Biển (và trước đó ông Lý Đăng Huy) hiện nay đã có chính sách cho phép các ngôn ngữ địa phương được dùng và dạy trong môi trường đa văn hóa ở xã hội Đài Loan. Bảo tồn và phát triển các loại văn hóa bản xứ đều được khuyến khích. Ở Đài Bắc, Cao Hùng và nhiều nơi khác, các trung tâm văn hóa Hakka, Hoklo,

NGUYỄN HÀ TUỆ

TRỜI ĐẤT MỘT MÀU MÂY

Có gì xa xôi quá
Trời đất một màu mây
Có gì xao xuyến lạ
Ngày đêm một bóng gầy

Và rồi tôi buồn bã
Và rồi tôi hoang vu
Biển vỗ vô cùng tận
Trời xanh xanh vô bờ

Trăng vàng tung thác sóng
Chiều nhuộm đỏ sông xưa
Tôi tìm hoài đợi mãi
Điều không đến bao giờ

thổ dân đã được thành lập. Tháng 4/2001, ông Trần Thủy Biển cũng đã chính thức khánh thành viện bảo tàng văn hóa và lịch sử Hakka lớn nhất Đài Loan ở thành phố Meinung, thuộc quận Cao Hùng. Trong nội các chính phủ, ông thành lập Ủy Ban Văn Hoá Hakka, với hy vọng sẽ biến Đài Loan thành trung tâm nghiên cứu về văn hóa Hakka cao cấp nhất trên thế giới.

Từ giữa thập niên 1980s cho đến nay, song song với sự thành lập phong trào dân chủ và đảng đối lập Dân Chủ Tiến Bộ, có phong trào Taibun (Đài Văn) phổ biến văn học bản xứ Taigi (Đài ngữ). Mục đích của phong trào Đài Văn là phát triển văn học Đài Loan, dùng ngôn ngữ, và chữ viết địa phương trong các địa hạt giáo dục, xã hội, để chống lại quan điểm là chỉ có văn học Hán văn viết về Trung Quốc là có văn hóa cao được quý trọng. Còn văn học viết về Đài Loan chỉ là văn hóa "xóm làng " ở địa hạt nhỏ bé trong văn học rộng lớn Trung Quốc. Quan điểm coi nhẹ, đánh giá thấp văn hóa địa phương từ trước đến nay của chính quyền Quốc Dân Đảng và của đa số các nhà trí thức Hán học quan thoại cổ điển từ lục địa đi qua, đè nặng vào lối suy nghĩ tâm linh của họ, đã bị chỉ trích .

Phong trào Đài Văn ngược lại lấy văn học, những gì liên quan hay viết đến Đài Loan bản xứ làm sự hãnh diện chứ không phải là một sự hổ thẹn "xóm làng". Phong trào Đài Văn một phần đã thành công trong sự gợi dậy niềm tin và phát triển văn hóa, cũng như ngôn ngữ Đài Loan bản địa (Hoklo). Nhưng sự thống nhất và tiêu chuẩn hóa chữ viết chưa thực hiện được. Lý do chính là vì có nhiều hệ thống chữ dùng từ Hán để phát âm, (tương tự như chữ Koa-a-chheh trước đây) được sáng chế khác nhau. Ngay cả khi một trong các loại chữ này, như chữ Ganbun chẳng hạn, được nhiều người dùng hơn, thì vấn đề kỹ thuật trên máy tính và phần mềm xử lý để tạo ra chữ Ganbun đã gặp khó khăn. Vì hiện nay chỉ có chữ Hán là có sẵn và phổ thông trên thị trường máy tính mà thôi. Do đó hiện nay chỉ có chữ Hán Đài ngữ và Latin Đài ngữ (Peh-oe-ji) là được dùng nhiều nhất trong phong trào Đài văn.

Nói tóm lại, có thể cho rằng tình trạng của các dân tộc Hakka, Hoklo ("Mân Việt") ở Đài Loan cũng giống như tình hình ở Giao Châu trước khi Ngô Quyền giành độc lập cho Lạc Việt. Dân tộc Lạc Việt đã cố gắng giữ gìn văn hóa trong gần 1,000 năm Hán thuộc mà không bị Hán hóa. Nhưng tình hình ở thế kỷ 21 có khác nhiều về không gian thế giới, do đó tình trạng của họ có khó khăn nhiều hơn và có thể không có nhiều hy vọng trên con đường tiến đến độc lập như chúng ta thuở trước. Tuy vậy không ai có thể đoán trước được những gì sẽ xảy ra trong tương lai. Đối với Việt Nam, những gì sẽ xảy ra ở Đài Loan đều có ảnh hưởng ít nhiều về phương diện kinh tế và chính trị. Quan trọng hơn, nó còn chứa nhiều ý nghĩa đáng cho ta suy nghĩ về chính mình trong lãnh vực tư tưởng.

Tham khảo

1- Scott, S., "*Formosa diary #22, May 20 : A great proletarian cultural revolution*", Southeast Asia Discussion List, 25 May 2000.

2- Lin, M., Chu L., Lee H. et al, *"Heterogeneity of Taiwan's indegenious population: possible relation to prehistoric Mongoloid dispersals"*, Tissue Antigens, 2000:55:1-9.

3- Lin M, Chu CC, Chang SL, Lee HL, Loo JH, Akaza T, Juji T, Ohashi J, Tokunaga K., *"The origin of Minnan and Hakka, the so-called "Taiwanese"*, inferred by HLA study". Tissue Antigens 2001; 57: 192-199.

4- Tsai Ting-I, *"Tracing Taiwanese bloodlines"*, The Taipei Times,6 May 2001.

5- Norman, J., "*Chinese*", Cambridge language surveys, Cambridge University Press, 1988.

6- Norman, J. , Mei Tsu-lin. "*The Austroasiatics in ancient south China: some lexical evidence*", Monumenta Serica, 1976, 32.274-301.

7- Sagart, L., "*Gan, Hakka and the formation of Chinese dialects*", tài liệu qua liên lạc cá nhân (chưa đăng trên tạp chí).

8- Wi-vun Taiffalo Ching, "*Language, Literacy and nationalism: A comparative study of Taiwan and Vietnam*", Vietnam Journal, Vol. 1, Oct. 2001.

9- Melton, T., Clifford S., Martinson J., Batzer M., Stoneking M., *"Genetic evidence for the proto-Austronesian homeland in Asia : mtDNA and nuclear DNA variation in Taiwanese aboriginal tribes"*, Am. J. Hum. Genetics, 63 : 1807-1832, 1998.

10- Sagart, L., "*The vocabulary of cereal cultivation and the phylogeny of East Asian languages"*, 17th Indo-Pacific Prehistory Association Congress (IPPA 1715), 9 September 2002, Taipei.

11- Oppenheimer, S., Richards, M., *"Fast trains, slow boats, and the ancestry of the Polynesian islanders"*, Science Progrss, 2001, 84(3),157-181.

12- Gibbons, A., "*The peopling of the Pacific*", Vol. 291,No. 5509. 2 march 2001,1735-1737.

13- Bellwood, P., "*The Austronesian dispersal and the origin of languages*", Scientific American 265, 70 (1991).

NGUYỄN VĂN TƯỜNG VÀ SÁCH LƯỢC CHỐNG PHÁP DƯỚI TRIỀU NGUYỄN

NGUYỄN QUỐC TRỊ

(Tiếp theo)

II. Nguyễn Văn Tường và việc chống Pháp sau triều Tự Đức

A. Sự thoái hóa của công cuộc chống Pháp

Rất tiếc là vua Dục Đức đã không thỏa mãn các điều kiện đó, như các tác giả cuốn Nguyễn Phúc Tộc Thế Phả của Hội đồng trị sự Nguyễn Phúc Tộc, [nhà Xuất bản Thuận Hóa, Huế, 1995] đã nói: "*Trước đây ngài vốn có giao thiệp qua lại với người Pháp, từ năm Tân tị [1881] ngài đã từng chuyển giao nhiều tài liệu quan trọng về việc nước cho trú sứ Pháp là Rheinart... Tôn thất Thuyết và Nguyễn Văn Tường vốn nắm mọi quyền hành trong nước sợ tai họa khi ngài lên nối ngôi nên thừa dịp này âm mưu việc phế lập. ...*" (t.371; NQT nhấn mạnh). (Về tài liệu xác nhận sự kiện này, xin xem: D.A.O.M. Gouv. Gén. Indo., dossier 9574, do Nguyễn Thế Anh viện dẫn, *Monarchie et fait colonial au Viet-Nam.* Paris, l'Harmattan, t. 58, ct. 4; Thư Rheinart gởi Le Myre 14-5-1882, *Livre Jaune*, pièce 119, annexe II, do Fourniau dẫn, *Vietnam*, 310; Trần Trọng Kim, *Việt Nam Sử Lược*, 233). Một điều đáng lưu ý ở đây là vua Dục Đức không chết ngay sau khi bị truất phế, như nhiều sử sách đã nói để mạt sát hai ông phụ chính là tàn nhẫn, mà chỉ bị quản thúc cùng gia đình trong hoàng thành, rồi gần một năm sau, phải dời ra giam tại nhà lao Thừa phủ cho an ninh hơn, vì lúc này Rheinart đã trở lại làm khâm sứ tại Huế. Rheinart là người đã từng liên lạc mật với vua Dục Đức, lúc ngài còn là Hoàng tử trưởng; và cũng là người mới vừa dùng võ lực để ép buộc triều đình đưa Gia hưng Vương lên thay vua Hàm Nghi, nhưng không thành. Có lẽ triều đình sợ Rheinart âm mưu đưa vua Dục Đức lên ngôi lại, nên phải dời riêng ngài ra nhà giam Thừa phụ cho chắc hơn, và rồi vua mất ở đó trong một trường hợp mờ ám, mà chính sử nghi là do bàn tay của hai ông phụ chính.

Về việc vua Hiệp Hòa, cái lý do ngài bị truất phế sau ba tháng tại vị cũng là vì muốn theo Pháp. Cuốn Thế Phả nói trên viết:

"*Bấy giờ vấn đề giao thiệp với Pháp là quan trọng nhất, ý kiến của ngài và một số hoàng thân trái ngược với ý kiến của hai phụ chính ông Tường và ông Thuyết, ngài muốn để Pháp bảo hộ cho yên, nên ủy thác cho Tuy Lý Vương thay ngài trực tiếp giao thiệp với đại diện Pháp ở Huế, điều này làm ông Thuyết lo sợ và bất bình. [ ] Thấy hai viên phụ chính coi thường nhà vua nên hai Hoàng Thân... Hồng Phì và... Hồng Sâm... bàn với ngài tìm cách giết đi, bằng cách mượn tay quân Pháp để trừ ông Tường và ông Thuyết. Hồng Sâm lãnh sứ mạng đi điều đình với Khâm sứ De Champeaux và đồng ý ngày giờ để thủy quân Pháp tấn công bộ Binh bắt Tôn Thất Thuyết. Việc này chẳng may bị tiết lộ. Liền sau đó ngài tiếp kiến với De Champeaux tại Văn Minh điện do Tuy Lý Vương hướng dẫn làm Tường Thuyết tức giận và lo sợ mất quyền mà còn bị hại, nên ngày 30 tháng 10 hai ông họp các quan lấy sớ tâu lên Lưỡng Cung buộc phải phế ngài. Trong sớ buộc tội ngài tư thông ngoại quốc, dung dưỡng bọn phản quốc... ngài phải viết chiếu thoái vị, định quay về tư dinh thì bị Ông Ích Khiêm và Trương Văn Để theo lệnh Thuyết đón ngoài cửa Hiển Nhân bắt ngài đem giam ở Dục Đức Đường. Sau đó họ ép ông phải uống thuốc độc mà mất. Ông Thuyết muốn hại ngài gấp vì sợ người Pháp biết mà can thiệp.*" (*Ibid.*, 366, NQT nhấn mạnh; Xin xem thêm: *ĐNTL, XXXV*, 255-260; CAOM [Aix], c.16,A-30[58] do Vũ Ngự Chiêu dẫn, *Các vua cuối nhà Nguyễn 1883-1945*, T. 1, 336, ct. 49; A.E., Mém. & Doc., *Asie, vol.* 40, fo 14-15, do Anh dẫn, op. *cit.*, 73, ct. 41).

Việc truất phế vua Hiệp Hòa xảy ra sau khi cửa Thuận bị hạm đội của đề đốc Courbet oanh tạc dữ dội, rồi một hiệp ước bảo hộ được ký kết ngày 25-8-1883 giữa Trần Đình Túc và Nguyễn Trọng Hợp và Tổng Trú Sứ Harmand. Theo hiệp ước này, Việt Nam phải công nhận quyền bảo hộ của nước Pháp với tất cả những hậu quả về phương diện luật lệ ngoại giao Tây phương, như giao hẳn quyền ngoại giao cho Pháp hành xử thay cho mình. Mặc dầu hiệp ước không hề được hai bên

phê chuẩn, và sẽ được thay thế bằng hiệp ước Patenôtre ngày 6-6-1884, nó cũng có những hậu quả thực tế tức thì do bên thắng trận áp đặt, như quân Pháp chiếm đóng vĩnh viễn cửa Thuận An, De Champeaux trở lại làm Khâm sứ với quyền diện kiến vua bất kỳ lúc nào y muốn. Ngoài ra, theo hiệp ước này, triều đình phải: triệu hồi quân đội đã gởi ra Bắc về, và đặt Bắc Kỳ vào tình trạng hòa bình; ra lệnh cho quan lại trở về nhiệm sở, và bổ viên chức mới ở những chỗ khuyết, và lâm thời thỏa thuận với Pháp để hợp thức hóa những quan viên do Pháp đã bổ nhiệm. Khi thi hành hiệp ước, người Pháp đã ức hiếp và hạ nhục các quan ta mà vua không bênh vực được, gây không biết bao uất hận đối với thỏa hiệp cầu hòa. Do đó, thành phần các quan lại chống Pháp, tham gia vào cuộc chính biến lật đổ vua Hiệp Hòa, khá đông đảo. (*ĐNTL, XXXVI*, 35-37)

B. Phe chống Pháp quật khởi: "Trung lập" để mưu chiến

Vua Kiến Phúc lên ngôi thay vua Hiệp Hòa mới có 15 tuổi, là hoàng tử thứ ba được vua Tự Đức đặt kỳ vọng vào nhiều nhứt trong ba người con nuôi, nhưng vì còn trẻ quá nên không được chỉ định kế vị. (*Thế Phả*, 383; *ĐNTL, XXXV*, 198). Hai ông phụ chính đã giúp vua gây lại niềm tin ở chế độ, cải tiến guồng máy hành chánh, thu dụng nhân tài, bổ dụng những thành phần có lòng trung quân ái quốc, chống Pháp, vào những chức vụ then chốt, như Phạm Thận Duật, đã từng đánh giặc với hai ông ở ngoài Bắc, làm phụ chính thứ ba kiêm sung Cơ mật viện đại thần. Vào đầu 1884, ông Duật thay NVT làm thượng thư bộ hộ, kiêm sung tham tri bộ Công để dễ dàng chuyên trách việc xây dựng và củng cố căn cứ Tân Sở. NVT đổi qua bộ Lại để lo: động viên nhân tài ra giúp nước bằng cách 'triệu dụng các tiến sĩ phó bảng tại quán và các ấn quan tại quán.' (*ĐNTL, XXXVI*, 81); bổ nhiệm các quan lại lớn nhứt và có nhiều thành tích nhứt vào các chức vị ở các sơn phòng gần quê hương mình, như Võ Trọng Bình làm thương biện tỉnh vụ Nghệ An, Nguyễn Chính sung làm sơn phòng sứ Hà Tĩnh, Nguyễn Trọng Hợp sung làm phó sơn phòng sứ Thanh Hóa,... Trần Văn Chuẩn làm dinh điền sứ Quảng Bình (*Ibid.*, 81) để chuẩn bị cuộc kháng chiến lâu dài. Mặc dầu hiệp ước Harmand đã đưa quốc gia vào một tình trạng hầu như là tuyệt vọng, triều đình đã cố gắng hết mình để gìn giữ chủ quyền bằng cách 'châm chước thời cơ', đi với Tàu để chống hay kèm Pháp, như NVT đã từng đề nghị với vua Tự Đức:

"Xem khắp Đông phương, đất rộng dân đông không nước nào bằng nước Thanh, thế của họ có thể làm được; nghe họ tạo thuyền, đúc máy, học kỹ nghệ, luyện quân binh; chí của họ cũng không cam chịu khuất phục lâu ngày, thì việc trừ bạo rửa nhục tưởng nên đợi đến lúc Đại Thanh xướng lên mà các nước ứng theo, thì mới hoàn tất..." (Bản tấu ngày 10-8 Tự Đức 26, 1873).

Để giảm bớt áp lực của Pháp, NVT đã một mặt áp dụng chánh sách trung lập giữa Tàu và Tây, một mặt vẫn lơ là để cho các quan lại ở Bắc hợp tác ngầm với Tàu để đánh Pháp. Thật vậy, theo chính sử thì lúc đó

"Quan Viện Cơ mật cho rằng nước ta ở giữa hai nước lớn, đối với nhà Thanh là kẻ phiên phục ngàn năm, theo nghĩa không nên đoạn tuyệt. Mà đối với nước Pháp thì lại là nước xa lửa gần, thế buộc không thể đừng được, chi bằng cứ đứng trung lập, đợi hai nước hành động thôi." (ĐNTL, XXXVI, 40).

Song cái thế trung lập chính thức đó, dùng để tỏ cho phía Pháp là mình đã tuân thủ hiệp ước 1883 để tồn tại, đã không ngăn cấm quan lại ở Bắc liên kết với quân Tàu để đánh Pháp bằng cách từ chức, lãnh bằng sắc của Tàu, hay đánh rồi lẩn trốn vào các sơn phòng, dưới sự che chở ngầm của các đồng nghiệp. Pháp cũng cảm thấy hiệp ước Harmand, vì áp bức quá độ, đã là nguyên nhân của cuộc lật đổ Hiệp Hòa, và đã xô đẩy các quan Việt về phe với Tàu để đánh Pháp, nên triệu hồi Harmand không lâu sau đó, đồng thời thoa dịu triều đình bằng cách áp dụng hiệp ước một cách mềm dẻo, và hứa sẽ sửa đổi cho nó bớt khắt khe, khi sứ thần Tricou ghé qua Huế trên đường đi Bắc Kinh. Từ trước, de Champeaux đã tuyên bố không thừa nhận vua Kiến Phúc, vì đã lên ngôi không có sự đồng ý của Pháp là nước bảo hộ. Nay Tricou qua cần diện kiến để xin vua ký một văn kiện chịu tạm chấp nhận hiệp ước cho đến khi Tổng thống Pháp xét lại, nên nhân đó thừa nhận vua Kiến Phúc là vua nước Đại Nam.

Triều đình cũng bênh vực các quan chống Pháp ở Bắc rất hữu hiệu. Khi De Champeaux đòi hỏi Việt Nam phải công khai cách chức một số rất đông các quan lại ở Bắc Kỳ đã tiếp sức với quân Tàu đánh Pháp, triều đình đã bác bỏ đòi hỏi đó và thẳng thắn trả lời rằng nước chúng tôi

"với nước Thanh vốn có tình giao hảo cũ, gần đây quân lính của họ sang đóng, các quan tỉnh

Sơn, Bắc cũng khó ngăn giữ. Hai viên tỉnh thần ở đó như Đình Nhuận, Quang Đảng là quan giữ đất, không phải vì thông đồng với quân Thanh mà đặt ra. Tá Viêm sau lần giảng hòa ấy cũng đã triệt thoái về tỉnh Sơn... nguyên không phải là trái lệnh triều đình. Nay nếu đem hai viên quan đó kết tội là trái mệnh triều đình và yết cáo cách chức thì thật là phi lý trái tình... ý quan khâm sứ cũng ưng thuận..." (*ĐNTL, XXXVI*, 41-2).

Sau khi quân Tàu, quân Cờ Đen, và quân của Hoàng Kế Viêm thua Pháp ở các trận Sơn Tây, Bắc Ninh và Hưng Hóa từ 11/1883 đến 4/1884, Tàu và Pháp ký Thỏa hiệp Thiên Tân ngày 11-5-1884, theo đó Tàu bằng lòng rút lui khỏi Bắc Kỳ. Ngay sau đó, Patenôtre ghé Huế, trên đường đi Bắc Kinh nhận chức sứ thần ở Trung Hoa, để ký với triều đình một hiệp ước mới, thay thế hiệp ước Harmand được xem như quá khắt khe. Hiệp ước được ký ngày 6-6-1884 và thường được kêu là Hiệp ước Patenôtre, là một văn kiện làm sẵn bên Pháp rồi, có đỡ hơn Hiệp ước Harmand, nhưng tựu trung cũng là một hiệp ước bảo hộ. NVT tìm cách đổi chữ 'bảo hộ' thành chữ 'bảo trợ', nhưng vô hiệu, nhứt là lúc này Việt Nam đã mất hậu thuẫn của Tàu sau khi thỏa hiệp Thiên Tân được ký. Dù sao, NVT cũng *'châm chước thời cơ'* dùng kế gây mâu thuẫn giữa Tây và Tàu trở lại: NVT chỉ bằng lòng thủ tiêu công khai cái ấn của vua Tàu ban cho Vua Gia Long, bằng cách thụt lửa cho chảy ngay trước mặt mọi người trước khi ký hiệp ước, chớ nhất định không chịu để cho Patenôtre gởi về Pháp, giữ kín rồi về sau cất vào viện bảo tàng, như Patenôtre đã khẩn khoản yêu cầu nhiều lần. (Jules Patenôtre, *Souvenirs d'un diplomate*. Paris Librairie Ambert, s.d., 106-110). Việc Patenôtre bắt phía Việt long trọng trao chiếc ấn rồi đưa thiêu hủy công khai chiếc ấn, do hãng thông tấn Pháp Havas truyền đi, đã làm nhục nước Tàu đến độ khiến Tàu xé bỏ Thỏa hiệp Thiên Tân và kéo

TRẦN HUY SAO

GIÃ TỪ HIÊN TRĂNG BROOKHURST

mai này ta sẽ xa đi
đường trăng xưa có gởi gì cho ta!

Ta đi nhé! Hiên Trăng Brookhurst!
Gởi những Mùa Trăng vắng bóng người
Con Dế kêu đêm buồn rã rượi
Giọt sương thầm lặng mái hiên khuya

Dòng Trăng chảy mượt trời hiu quạnh
Ngỡ ngàng không thấy dáng người xưa!
Phòng Văn giờ cũng đâu còn nữa!
Vầng Trăng cũng lạc mất vần Thơ

Dễ đã chín năm dài gắn bó
Ta với Trăng cùng trọ mái hiên
Ta với Trăng khi tròn khi khuyết
Khi đầy vơi theo với dòng đời

Buổi ta ở, Hiên Trăng vời vợi
Nay ta đi hiên lạnh trăng mờ
Đèn lụn bấc nhòa câu thơ cổ
Đường trăng xưa lạc dấu Người Thơ

Sao cứ mãi ôm hoài nỗi nhớ
Những Mùa-Trăng-Kỷ-Niệm còn đâu!
Ở nơi chốn đã là yêu dấu
Nay xa đi, buồn lặng nỗi buồn!

Ta đi nhé! Hiên Trăng Brookhurst!
Níu dòng trăng tiễn biệt người xa
Chân bước đi lòng còn ngoảnh lại
Trăng mười phương chỉ nhớ phương này

Escondido 3/03

dài cuộc chiến một cách dữ dội với Pháp trong một năm nữa. Nhờ đó Việt Nam kéo dài thêm được tình trạng 'trung lập' của mình. Tàu lại càng giận Pháp hơn nữa, vì trong thỏa hiệp Thiên Tân mới vừa ký trước đó, Pháp đã cam kết không làm điều gì chạm đến uy tín của nước Tàu trong các hiệp ước sẽ ký với Việt Nam.

Thật vậy, hơn hai tuần sau khi Hiệp ước Patenôtre được ký, thì trận chiến Bắc Lệ, Lạng Sơn xảy ra trong đó Pháp thiệt hại nặng, rồi đến các trận đánh lớn ở Phúc Châu, Đài Loan kéo dài cho đến ngày Hiệp ước Thiên Tân thiệt thọ được ký ngày 9-6-1885. (Fourniau, *Vietnam*, 334-346). Người ta thường cho rằng vụ Bắc Lệ xảy ra là do sự hiểu lầm giữa quân đội Tàu và Pháp tại địa phương, nhưng trong khi đánh lớn với Pháp, Tổng lý Nha môn đã gởi một bức thư luân lưu cho các đại diện ngoại quốc ở Bắc Kinh xác nhận vụ chiếc ấn là nguyên nhân cuộc tái chiến giữa Pháp và Tàu:

"Nước Tàu không còn gì để nhượng bộ nữa; nước chúng tôi chỉ còn cách kêu gọi sự trọng tài của mọi nước, và phản đối việc tấn công các hải cảng của chúng tôi mà không tuyên chiến. ***Chính nước Pháp đã xé bỏ thỏa hiệp Thiên Tân bằng cách buộc vua nước An Nam phải giao lại cái ấn và và sắc phong do vua Tàu ban."*** *("M. Rheinart" BAVH,* số 1 & 2,1943, 226; NQT dịch và nhấn mạnh; Gosselin, *op. cit.*, 13).

Bàn về vai trò của NVT trong việc này, Silvestre, giám đốc chính trị và hành chánh của chính quyền Pháp ở Bắc Kỳ, một người chủ trương thủ tiêu hai ông phụ chính Tường và Thuyết, đã kể rằng sau khi NVT

"vẽ xong chữ ký [trên Hiệp ước 6-6-1884, NQT ct.], ông quay sang ông Patenôtre và vừa nói vừa mỉm cười: 'Đây là một chữ ký mà tôi chú tâm đến nhiều và chữ ký sẽ có giá trị lâu bền'. ***Cái gì lâu bền, thật ra, và không thay đổi tí nào, là sự thông đồng với nước Tàu và sự tiếp diễn các âm mưu của ông đệ nhứt phụ chính và các viên chức của ông."*** *(Ibid.*, 230, NQT dịch và nhấn mạnh)

C. Xúc tiến phong trào Cần Vương

Ngày 31-7-1884, vua Kiến Phúc mất vì bệnh, sau tám tháng tại vị. Hoàng Thái Phi, mẹ nuôi của Vua, triệu tập Tôn nhơn đình thần, truyền bảo Vua di chúc rằng: "*Hoàng đế đức mỏng, có em là Ưng Lịch, có học có hạnh, hoàng đế như có mất đi, truyền bảo tôn nhân phụ chính nên lấy Ưng Lịch vào nối ngôi lớn...*" (*ĐNTL, XXXVI*, 151-2). Sau khi các *'Tôn nhân phủ văn võ đình thần'* đồng thuận, họ **'bèn hợp từ tâu lên Từ Dụ thái hoàng thái hậu, hoàng thái hậu rước công tử Ưng Lịch...** *vào nhà tang xưng là tự quân...' (ĐNTL, XXXVI, 151) sau thành vua Hàm Nghi.* Việc vua Hàm Nghi lên ngôi, theo chính sử của nhà Nguyễn là như vậy, mà sử sách ta, bị ảnh hưởng của chiến dịch tuyên truyền của thực dân, cho đến nay vẫn cho rằng *'... Tôn Thất Thuyết và Nguyễn Văn Tường lập ngài lên nối ngôi vì thấy ngài nhỏ tuổi dễ thao túng dưới sự phụ chính của họ.' (Thế Phả, 387)* Vua Hàm Nghi sinh ngày 3-8-1871 lúc lên ngôi là khoảng đầu tháng 8, 1884, tức đã được 13 năm tròn, tức 13 tuổi Tây và 14 tuổi ta. Sách Pháp có cuốn nói đúng, có cuốn nói hạ xuống 12 tuổi để nhấn mạnh thêm vào dụng ý chuyên quyền của hai ông phụ chính. Sử gia Trần Trọng Kim (*Việt Nam Sử Lược*, 224), Phạm Văn Sơn (*Việt Sử Toàn Thư*, 465) đều nói rằng Vua Hàm Nghi lên ngôi lúc 12 tuổi, rồi độc giả Việt đọc lại hiểu thành 11 tuổi Tây, tức bớt thêm một tuổi nữa, càng dễ cho hai ông Tường Thuyết chi phối hơn nữa!

Đó là chưa nói đến các tin đồn khác do thực dân tung ra nhân dịp này, như: NVT tư thông với Hoàng Thái Phi bị vua Kiến Phúc bắt gặp, nên bỏ thuốc độc giao bà Thái Phi cho vua uống, rồi ngày mai lại vua chết. Hơn nữa, không biết bao nhiêu nghi vấn khác được nêu ra với ác ý xuyên tạc, bôi lọ, như NVT và Tôn Thất Thuyết đã: "*đồng ý giết vua Kiến Phúc để tôn một vị vua nhỏ tuổi hơn, mong nắm trọn quyền bính,*" hay đã: "*cho rằng hoà ước Giáp Thân quan lại ta nhân danh vua Kiến Phúc để ký với Pháp mà nay vua không còn thì hòa ước sẽ mất hết hiệu lực." (Thế Phả*, 384) Những lời tố cáo này, cọng với không biết bao nhiêu tin tức khác, như NVT đã bị cách chức vì bị dân kiện lúc làm phủ doãn Thừa Thiên, NVT ăn hối lộ của nhà buôn Tàu, v.v. đều là tin bịa đặt, do phe thực dân dựng lên để triệt hạ uy tín của một kẻ thù không đội trời chung của họ. Các câu chuyện bôi lọ đó sẽ được bàn trong một dịp khác, với đầy đủ sử liệu và chi tiết. Bài này chỉ nói qua là việc chọn vua Hàm Nghi lên ngôi, cho dù là do hai ông phụ chính chuyên quyền đưa lên đi nữa, thì cũng chỉ dựa vào một tiêu chuẩn tiên quyết là chống lại sự xâm lăng của Pháp và bảo toàn quyền lợi quốc gia và triều đại. Tư cách bất khuất của vua Hàm Nghi, trong suốt cuộc đời tranh đấu nơi rừng sâu núi thẳm rồi lưu đày ở xứ người của ngài, đã chứng minh tính cách đúng đắn của sự lựa chọn đó. Nếu NVT lo cho quyền lợi vị kỷ

của mình thì có thể đã vận động đưa Hoàng Tử Chánh Mông [Vua Đồng Khánh] lên rồi, vì ông này, cũng như vua Kiến Phúc, là em ruột cùng một mẹ với bà Công Tôn Nữ Như Khuê, vợ của ông Nguyễn Văn Tộ, con thứ tư của NVT; còn vua Hàm Nghi chỉ là em khác mẹ của các người này. Rồi NVT cùng với vua Đồng Khánh đi theo với Pháp thì ổn biết mấy cho cá nhân và gia đình NVT! Tại sao lại phải rắc rối đưa vua Hàm Nghi lên để rồi đi lưu đày ở Côn Đảo và Tahiti, rồi bỏ thân nơi xứ người? Thật vậy, chiến dịch bôi lọ của thực dân đã có ảnh hưởng quá độc hại đến tư cách của NVT, đã biến cải một nhân vật lịch sử trung quân, ái quốc và đầy lòng tận tụy hy sinh cho đại cuộc như ông thành một tên phản trắc, gian nịnh, và vị kỷ, gây một ấn tượng rất xấu về ông trong đầu óc các sử gia Pháp và Việt, làm cho họ phê phán quá sai lầm về con người và hành động của ông, mãi cho đến ngày nay.

Trở lại vấn đề vua Hàm Nghi lên ngôi, thì quả nhiên Khâm sứ Pháp Rheinart phản đối ngay và đòi hỏi triều đình phải đình chỉ việc tấn tôn, hoặc truất phế vua Hàm Nghi. Nếu muốn yên thì đưa lá bài soạn sẵn của y là Gia Hưng Vương, phụ chính thân thần lên ngôi, vì, theo y, Gia Hưng Vương lớn tuổi và có kinh nghiệm, còn cả vua Kiến Phúc và Hàm Nghi đều là vị thành niên, một bên không đủ tư cách để làm di chúc, một bên không đủ tư cách để làm vua. Ngoài ra, Rheinart nhất quyết không thừa nhận vua Hàm Nghi, vì không có sự chấp thuận của chính quyền bảo hộ. NVT và triều đình cũng nhất quyết tiến hành lễ tôn vương, bất chấp lời phản kháng, hăm dọa của Khâm sứ. Rheinart, một viên chức thực dân 'hạng nặng' không chịu thua và xin thượng cấp ở Paris và Tướng Millot, Tổng chỉ huy quân đội Pháp cung cấp quân lực để buộc triều đình đưa Gia Hưng Vương lên. Paris và Millot không nghe, Rheinart mất mặt gởi đơn từ chức.

Rút cục, Pháp cho Đại Tá Guerrier đem 750 quân sĩ với một dàn trọng pháo từ Bắc Kỳ vào Huế, và gởi tối hậu thư hăm dọa oanh tạc hoàng thành, nếu sau 12 giờ phía Việt Nam không chịu theo những điều kiện của phía Pháp. Cuối cùng, NVT đã thương thuyết được một giải pháp dung hoà là Gia Hưng Vương không lên thay, vua Hàm Nghi vẫn còn, chỉ phải tái diễn lễ tấn tôn với sự hiện diện của các viên chức Pháp, sau khi phía triều đình gởi thư qua xin lập ngài lên ngôi kế vị vua Kiến Phúc. ("M. *Rheinart*", *BAVH, Ibid.*, 152-155) Mặc dầu mọi áp bức của Pháp, NVT và triều đình vẫn nhẫn nhịn đối phó để vượt qua cơn khủng hoảng một cách khá êm thắm. Vua Hàm Nghi vẫn còn đó, như không có gì xảy ra, và chính sử đã tường thuật vụ tái tấn phong như là một cuộc triều kiến của các phái viên cao cấp Pháp mừng lễ tấn quang của vị tân vương mà thôi.

Theo chính sử thì vua Hàm Nghi chỉ biết rõ việc này khi Gia Hưng Vương, về sau, bị Chấn Tĩnh quận công Miên Trí đàn hặc về việc *'tiết lộ quân quốc trọng sự, gia dĩ thêm thói dâm dục [cùng với công chúa Đồng Xuân can tội tước tịch, đổi theo họ mẹ là Hồ Thị Đốc thông gian sinh con]...' (ĐNTL, XXXVI,* 156) Nhân vụ xử tội này, phụ chính Thuyết và NVT mới phúc trình cho vua rõ tự sự. Rheinart cương quyết can thiệp không cho triều đình xét xử Gia Hưng Vương, nhưng lúc đó Lemaire đã đến thay y, NVT viện cớ đó là chuyện thường phạm thuộc chủ quyền nội bộ của Việt Nam, Pháp không có quyền can thiệp. Lemaire, một nhà ngoại giao chuyên nghiệp, hành xử chức vụ tổng trú sứ của mình một cách đứng đắn chiếu theo hiệp ước 1884, đã chấp nhận quan điểm của NVT. Dù sao, mặc dầu phía Pháp đã không đưa người của họ lên ngôi, họ đã gây nên được một tiền lệ cho việc chọn vua về sau, là phải có sự chấp thuận của họ. Rồi từ đó họ lấn lần đến chỗ chọn phụ chính, thượng thư cũng phải có sự đồng ý của họ, như trường hợp bổ nhiệm Võ Trọng Bình làm thượng thư bộ Hộ bị Lemaire phản kháng vì ông này có thành tích chống Pháp. (*ĐNTL, XXXVI,* 197-8) Một trường hợp áp bức lộ liễu nữa là sự chiếm đóng Mang Cá, ngay sát kinh thành Huế, nhân việc 750 quân Pháp vào tấn phong vua Hàm Nghi, bất chấp sự phản kháng rất chính đáng và hợp pháp của NVT, rằng việc đó phải đợi ít nhất là đến sau khi hiệp ước 1884 được hai bên phê chuẩn xong đã mới thực hiện được.

Vậy là ở Kinh đô Huế bấy giờ đã có quân Pháp đóng ở Cửa Thuận An, Tòa Khâm sứ, và Trấn Bình Đài Mang Cá. Dĩ nhiên là triều đình phải lo củng cố, chấn chỉnh các sơn phòng ở các tỉnh tả kỳ và hữu kỳ, nghĩa là ở phía Bắc và phía Nam Kinh đô. Chính sử đã cho ta một ý niệm về công tác chuẩn bị kháng chiến chống Pháp lúc đó và sự hợp tác của ông Phan Đình Phùng với triều đình:

"Đắp thêm phòng sơn phòng ở Hà Tĩnh, nguyên trước phòng ấy ở huyện Hương Khê, trong tiếp với Quảng Bình, Quảng Trị, ngoài thông với Thanh Hóa Nghệ An. Thượng du lại tiếp với Xiêm

La. Nhưng lúc buổi đầu đóng giữ ở đây chỉ phải có 300 người. Tự Nguyễn Chính sung làm chánh sứ và bọn phó sứ là Phan Trọng Mưu, tham biện là Phan Đình Phùng, trù tính xin làm, đã tư viện thần chước định: xây đắp thành lũy, công đường tư thất và các nơi kỳ đài pháo đài, phái vệ binh 830 người chia ban đóng giữ, đặt súng gang, súng lớn 20 cỗ, súng vượt núi 50 cỗ. Phái quân thần cơ hai đội, đổi phiên nhau phụ đóng giúp việc. Lại mộ lính Mán, tên nỏ thuốc độc để đủ sai khiến...; mở hai con đường ở trên: phía nam thông với sách Thanh Lãng đến sơn phòng Quảng Bình, phía bắc thông với huyện Thanh Chương, đến sơn phòng Nghệ An." (*ĐNTL, XXXVI*, 184-5, NQT nhấn mạnh).

Trong lúc bên ta chuẩn bị phòng thủ thì phía Pháp lại tiếp tục lũng đoạn nội bộ triều chính, hăm dọa mua chuộc quan lại ở Bắc, như trường hợp ông Nguyễn Hữu Độ, làm quyền lý Hà-Ninh Tổng đốc mà vâng lời quan Pháp, tự cho như có quyền thay vua bổ nhiệm các quan lại cho cả xứ Bắc. (*ĐNTL, XXXVI*, 210). Hơn nữa, Tướng tổng chỉ huy quân đội Pháp Brière de L'Isle lại còn thành lập hai trung đoàn lính chiến người Việt ở Bắc Kỳ đặt dưới quyền chỉ huy trực tiếp và duy nhất của Pháp, để dùng người Việt đánh người Việt. Khi nhận được thư của Tổng trú sứ Lemaire thông báo tin này, triều đình nhận thấy phía Pháp đã đi quá xa trong việc xâm phạm chủ quyền nội bộ của mình, và đã không ngần ngại phản kháng và bác khước, một cách thẳng thắn và mạnh mẽ, mọi đòi hỏi trợ giúp của Pháp trong việc tuyển mộ lính.

Thư trả lời cho Lemaire gởi vào khoảng tháng 6 năm 1885, mà sử Pháp hay nói là của ông Thuyết, gồm có một bức thư của Cơ Mật Viện [tức viện trưởng NVT] chuyển cho Lemaire bản sao một bản tấu lên Vua trình rằng: việc thành lập hai trung đoàn lính Việt của Tướng Pháp là một hành động độc đoán thiếu căn bản pháp lý vì Hiệp ước 1884 không có nói gì đến việc đó cả, nên Viện đã giao phó cho thượng thư bộ Binh trả lời cho Tổng trú sứ Pháp, để ông này yêu cầu Tướng Pháp đừng làm việc đó; và Viện thấy cần chỉ thị cho các quan tỉnh phải tuân theo hiệp ước, không được thi hành lệnh tuyển mộ của Tướng ấy. Nếu họ không nghe thì sẽ bị tội chống lại vua và tội khi quân. Và Viện đợi chỉ của thánh thượng để thi hành. Trong thư, Viện cũng đính kèm theo thơ đề ngày 3-4 Hàm Nghi 1 [16-5-1885] của Thượng thư bộ Binh Tôn Thất Thuyết trong đó ông này, sau khi lặp lại những ý kiến của Viện Cơ Mật nói trên, đã thống trách không chút dè dặt những hành vi mà ông cho là lộng quyền, áp chế, bất chấp hiệp ước của phía Pháp và Tướng tổng chỉ huy, như: Đòi cái gì cũng lấy danh nghĩa bảo hộ; bắt bớ giam cầm các đại quan như tổng đốc, tuần phủ, bố chánh, án sát; bổ dụng làm quan lớn những kẻ không xứng đáng chút nào, và làm những việc đó không cho triều đình biết, và khi triều đình can thiệp thì không chịu nghe, coi như là chính phủ, triều đình Việt Nam không còn nữa; triều đình không còn chịu nổi sự lăng nhục và khinh miệt nên đã rút hết các quan ra khỏi Bắc Kỳ, để cho Tướng tổng chỉ huy muốn làm gì thì làm, hoặc gởi thư khiếu nại lên Tổng thống Pháp; tướng đó đã lấy từ 20.000 đến 30.000 dân phu mà nhiều người không thấy được về, nay đòi lấy thêm lính nữa, dân chúng Bắc Kỳ sẽ khiếp đảm và dấy loạn; việc đánh quân Tàu là việc riêng của Pháp, không dính gì Việt Nam cả, nay sắp điều đình với Tàu rồi, còn tuyển thêm lính làm gì nữa cho tốn tiền; nếu Tướng tổng chỉ huy không làm nổi thì hãy rút hết quân thủy bộ về, chỉ cần để lại một sĩ quan và bốn hay năm công sứ cùng chúng tôi làm việc trong vài tháng mọi sự sẽ xong hết. (ASME, t. 704, t. 1424-1435 - t. 816, số 42, do Võ Đức Hạnh dẫn, *La place du Catholicisme dans les relations entre la France et le Viet-Nam de 1870 à 1886*. Berne; New York: P. Lang, 1992, 1176-1187).

Tóm lại, đó là một bức thư ngoại giao rất đặc biệt trong đó ông Tường và ông Thuyết, với lời lẽ một bên ôn hòa, một bên quá khích, cho phía Pháp biết rằng Triều đình không còn chịu đựng nổi cách đối xử ức hiếp của Pháp và sẵn sàng cắt đứt liên lạc ngoại giao, và chống lại Pháp bằng võ lực. Giải thích ý nghĩa bức thư này cho Tướng De Courcy, Đức Cha Puginier đã nhấn mạnh rằng đó là của toàn thể triều đình, chớ không phải riêng gì của ông Thuyết, và đặc biệt lưu ý De Courcy về các điểm sau:

"Những công trình chuẩn bị ở Cam-lộ, Trấn-ninh, để thiết lập ở đó một kinh đô mới, sự thành lập những căn cứ kín, gọi là sơn phòng ở miệng núi, trong những vùng hiểm trở khó đến, những căn cứ ở đó họ đã tập trung một số lượng lớn bạc và gạo, tất cả những cái đó chứng tỏ rõ ràng ý muốn tối hậu của họ, chính ở những nơi đó mà họ cố gắng chống cự, khi mà sự đoạn tuyệt ngoại giao xảy ra." (*Ibid.*, 1184; NQT dịch)

(Còn tiếp)

LÝ THUYẾT GIÁO HUẤN VÀ CHÍNH SÁCH "TRỒNG NGƯỜI"

NGUYỄN HỮU CHI
Tiến sĩ Tâm Lý Chính Trị Học

(Tiếp theo và hết)

III. Vài Luận Thuyết Về "Cách Mạng Văn Hóa" Ở Hải Ngoại

Đất nước của chúng đã rơi vào trong tình trạng suy vi nhiều năm lắm rồi, thế mà vẫn chưa ngóc đầu lên được. Tại sao vậy?

- Rất có thể vì các vua chúa thời xưa không có đủ khả năng trị quốc, hoặc vì văn hóa Việt Nam quá cổ hủ, dân tộc tính quá lạc hậu, nên đất nước rơi vào cảnh suy vi.

- Rất có thể vì Việt Nam nằm ngay trục giao thông hàng hải nên đã bị các cường quốc dòm ngó và lũng đoạn, không khác gì tình cảnh nước Ý nằm giữa Địa Trung Hải nên đã bị chia năm xẻ bẩy cả ngàn năm, mãi đến cuối thế kỷ thứ 19 mới trở thành một nước độc lập và thống nhất.

- Rất có thể vì phong thủy không thuận lợi, hoặc vì các tên Thái Thú ngày xưa "ếm đất" làm cho dân mình không ngóc đầu lên được.

- Rất có thể vì oan hồn dân Chiêm Thành trở về báo oán nên dân tộc ta đã phải chịu cảnh điêu đứng bao nhiêu thế kỷ nay.

Còn nhiều lý do siêu hình hoặc hữu hình khác mà chúng ta chưa nghĩ ra. Nhưng hiện nay, một số tư tưởng gia hải ngoại coi "văn hóa cổ hủ" là nguyên nhân và "xã hội suy vi" là hậu quả. Nếu quả thật như vậy thì ta phải coi các cấp lãnh đạo là chính phạm và toàn dân là tòng phạm. Chính phạm thì cần phải phế thải, tòng phạm thì cần phải hướng dẫn để trở thành "công dân tốt." Đó là luận thuyết của bốn vị học giả mà tôi sẽ trình bày trong phần này.

1. Việt Nam Cần Một Ngàn Vị Lãnh Đạo

Trong cuốn ***Tổ Quốc Ăn Năn*** (Paris, 2001), Kỹ sư Nguyễn Gia Kiểng cho rằng dân tộc đã sống trong cảnh điêu đứng bao nhiêu thế kỷ nay chỉ vì văn hóa Việt Nam là một thứ *"văn hóa tồi tệ"* (tr. 268); giới lãnh đạo *"tồi hèn ... đổ lỗi cho nhau, luận tội nhau chỉ là để xem ai tồi hơn ai"* (tr. 312); *"kẻ sĩ... chỉ biết sống với số phận tôi tớ... nghề làm quan... là nghề quỳ"* (tr. 313); còn dân thì *"thiếu tự hào dân tộc," "không biết đọc, không biết viết, không biết nói"* (tr. 107), có *"óc thủ cựu, óc bất dung,... sùng bái người xưa một cách bệnh hoạn và logic bạo lực"* (tr. 301), *"tâm lý người Việt Nam bệnh hoạn"* (tr. II), v.v... Khi so sánh với *"các nước phương Tây"* thì ông nhận thấy *"văn hóa của họ lành mạnh, tâm lý của họ đúng đắn,"* chứ không như văn hóa và dân tộc Việt Nam (tr. II). Ở đây tôi không bàn về những nhận xét của Ks Kiểng là đúng hay sai, hoặc văn hóa Tây phương có thực sự *"lành mạnh"* hay không. Tôi tạm coi những điều ông nhận xét về đất nước của chúng ta là đúng, để tiện việc phân tách chương trình cách mạng văn hóa của ông.

Theo Ks Kiểng, muốn xóa bỏ nền *"văn hóa tồi tệ,"* Việt Nam cần phải thiết lập ngay một chế độ *"tự do dân chủ đa nguyên"* biết kính trọng quyền tự do kinh doanh và được điều hành bởi một *"chính quyền tối thiểu"* mà ông gọi là chế độ *"laissez faire"* (tr. 525-528). Trong ngành chính trị học, ai cũng nghĩ rằng chế độ *"laissez faire"* không phải là chế độ "welfare state" như ta đã thấy ở Thụy Điển hoặc Canada hiện nay, mà là chế độ tư bản cực đoan ở các nước Âu Mỹ kéo dài từ thế kỷ 18 cho tới đầu thế kỷ 20. Trong thời kỳ hoàng kim của giới tư bản này, người nghèo không được cứu trợ, thợ thuyền không có quyền đình công, v.v.. Liệu chế độ *"laissez faire"* có thích hợp với các nước chậm tiến hay không?

Tôi tạm đồng ý với lập trường khuynh hữu của Ks Kiểng, vì câu hỏi tôi muốn nêu ra ở đây là: làm sao thiết lập được một chế độ *"tự do dân chủ đa nguyên"* với một *"chính quyền tối thiểu"* để phát triển một xã hội *"bao dung"* không *"bệnh hoạn"*? Theo ông, vấn đề này không khó khăn gì

cho lắm vì *"Đất nước đang lâm nguy, đang cần những người giữ được ý chí và niềm tin... một ngàn người như thế đủ để thay đổi dòng lịch sử"* [1].

(1) Trước hết, làm sao chúng ta có thể tin rằng *"ý chí và niềm tin"* của *"một ngàn người"* có đủ sức mạnh để xóa bỏ một nền văn hóa *"tội tệ."* Lịch sử loài người đã nhiều lần chứng minh rằng *"ý chí và niềm tin"* rất có thể là dấu hiệu của một tâm trạng cuồng tín. Còn người nào có *"ý chí và niềm tin"* mãnh liệt hơn Hitler, Mao Trạch Đông, hoặc Khomeini? Yêu chuộng *"tự do dân chủ"* một cách quá khích cũng có thể đi tới độc tài dưới danh nghĩa tranh đấu cho lý tưởng tự do dân chủ. Như trong thời Cách Mạng Nhân Quyền 1789 ở Pháp, những tên Robespierre hăng say bảo vệ chế độ tự do dân chủ nên phải chặt đầu những người không thích sống dưới chế độ tự do dân chủ theo kiểu Robespierre. Tiếc thay, "tự do," "dân chủ," "nhân quyền," v.v. là những lý tưởng đã bị các lãnh tụ độc tài *"có ý chí và niềm tin"* lợi dụng bao nhiêu thế kỷ nay. Dân ta quả đã khổ sở chỉ vì câu *"Còn gì sướng bằng tự do và độc lập."*

Ngay cả nước Mỹ cũng không tránh được mâu thuẫn trầm trọng trong khi thực hiện lý tưởng dân chủ và tự do vì đa số dân Mỹ đã dùng lá phiếu của mình để đàn áp thiểu số. Sau khi người Mỹ thoát khỏi ách bóc lột của Đế Quốc Anh (1776), chế độ nô lệ vẫn còn được duy trì gần 100 năm sau đó (1862). Rồi mãi đến giữa thập niên 1950, dân da đen mới được hưởng quyền tự do ngang hàng với dân da trắng. Ta phải chờ đến năm 1965, toàn thể dân Mỹ mới được quyền tự do bầu cử mà không phải qua một kỳ thi sát hạch về trình độ học vấn (literacy test), một chiến thuật dùng để gạt giai cấp bần cùng và thiên tả ra ngoài chính trường.

(2) Giả dụ chúng ta có một ngàn vĩ nhân có *"ý chí và niềm tin"* để thiết lập một chế độ tự do dân chủ theo mô hình Âu Mỹ. Vậy ai đưa những vị này lên nắm quyền lãnh đạo quốc gia? Nếu dân Việt Nam là những người *"bệnh hoạn," "tồi tệ," "bất dung"* được quyền tự do bầu cử theo đúng chính sách *"tự do dân chủ"* như Ks Kiểng đã đề ra, rất có thể đa số cử tri sẽ bầu ra những người đồng tâm, đồng tình với họ, tức là những người *"bệnh hoạn," "tồi tệ," "bất dung"* như họ v.v... Với tập đoàn lãnh đạo như vậy, làm sao chúng ta sẽ có thể thiết lập được một chế độ *"lành mạnh"* như ở các nước Tây phương? Để tránh trường hợp này, tất nhiên các vị lãnh đạo cách mạng phải dùng võ lực để cướp chính quyền, và người dân chỉ còn ngồi mong các vị này sẽ dùng quyền uy của mình để thiết lập một chế độ tự do dân chủ. Ta thử hỏi nếu phong trào cách mạng bắt đầu bằng một chế độ võ đoán, thì làm sao chế độ võ đoán đó có thể tự cải dạng thành một chế độ tự do dân chủ? Ai là người có đủ lực lượng để kiềm chế người nắm trọn quyền bính trong tay? Lịch sử đã nhiều lần chứng minh rằng nếu người dân không ý thức được quyền công dân thì không *"cha già dân tộc"* nào muốn thoái vị một cách dễ dàng cả. Nếu may mắn lắm thì "chế độ vĩ nhân" sẽ trở thành "chế độ bảo hộ"!

Ta nên nhớ sau ngày dân Mỹ vùng lên giải phóng đất nước, "chế độ vĩ nhân" không có dịp thành hình ở nước Mỹ vì dân Mỹ ý thức được quyền chính trị của họ nên không bao giờ muốn trao khoán quyền hành cho một nhóm vĩ nhân nào mà không có sự kiểm soát chặt chẽ. Ngay từ đầu, Hiến Pháp Mỹ đã phân chia quyền lãnh đạo quốc gia cho ba ngành (hành pháp, tư pháp và lập pháp), và ba ngành này lại luôn luôn kiềm chế lẫn nhau bằng một cấu trúc gọi là *"checks and balance"* để tránh hiểm họa độc tài có thể xảy ra. Quyền hành công an cảnh sát cũng bị chia năm sẻ bảy ra thành nhiều tổ chức khác nhau để phân tán quyền lực. Quyền cai trị của chính phủ trung ương cũng bị thu hẹp bởi quyền tự trị của các tiểu bang. Sau này dân Mỹ lại còn thay đổi hiến pháp không cho phép một vị tổng thống Mỹ nào có quyền tái cử sau hai nhiệm kỳ, dù vị đó là một bậc vĩ nhân được toàn dân muôn vàn mến yêu.

(3) Sau hết, giả dụ nước ta may mắn được nằm dưới quyền lãnh đạo của một ngàn vĩ nhân, những vị này phải dùng phương pháp nào để cải tạo gần 80 triệu dân *"bệnh hoạn," "tồi tệ," "bất dung"*? Hơn nữa, định chế giáo huấn phải thiết lập như thế nào để truyền lại những tư tưởng *"lành mạnh"* cho các thế hệ sau? Lẽ dĩ nhiên dưới chế độ *"laissez faire"* (chính quyền tối thiểu), Ks Kiểng phải để cho gia đình mỗi người dân quyền tự do giáo huấn theo lối suy nghĩ của họ. Nhưng tiếc thay, nếu cha mẹ *"bệnh hoạn," "tồi tệ," "bất dung"* thì con cái tránh sao tâm trạng tật nguyền để có dịp hấp thụ một nền văn hóa *"lành mạnh"* như văn hóa Âu Mỹ? Ta cũng nên nhớ rằng câu hỏi này đã được thực dân Pháp trả lời để biện minh cho chủ nghĩa thực dân: "Mẫu quốc Pháp có trách nhiệm mang ánh sáng văn minh Tây phương tới dân bán khai ngu tối" (mission civilizatrice).

Tôi còn nhiều câu hỏi về "chế độ vĩ nhân". Những câu hỏi này sẽ nêu ra trong đoạn sau.

2. Việt Nam Cần Thang Giá Trị Hàng Ngang

Cũng như Ks Kiểng, Giáo sư Tôn Thất Thiện cho rằng văn hóa cổ hủ đã làm cho đất nước suy vi. Như ông đã viết: *"Chúng ta là một dân tộc không có triết gia và tư tưởng gia vì thế chúng ta không chủ động được lịch sử và số phận của chúng ta. Văn hóa của chúng ta chỉ là kết hợp của nếp sống phù sa – lúa, nước và văn hóa Khổng Giáo mà kẻ thống trị phương Bắc áp đặt trong hàng ngàn năm nay... Chế độ cộng sản ... không gì khác hơn là một sản phẩm của chính văn hóa truyền thống của chúng ta trong khi va chạm với phương Tây"* [2].

Cũng như Max Weber [3], ông dựa trên chủ nghĩa duy tâm để suy luận rằng *"văn hóa là yếu tố quyết định của phát triển"* [4], và cũng là *"yếu tố chính quyết định thực tại xã hội"* [5]. Do đó, ta không ngạc nhiên khi thấy ông ca tụng *"các triết gia và các tư tưởng gia... như Rousseau, Voltaire, Montesquieu, v.v."* [6].

Trong chương trình cách mạng văn hóa cho Việt Nam, Gs Thiện khuyên chúng ta cần phải loại bỏ thành phần *"Sĩ"* trong thang giá trị cổ truyền (Sĩ, Nông, Công, Thương) vì theo ông, *"Sĩ... chỉ biết thi đỗ để ra làm quan, không đóng góp gì vào việc tạo ra của cải."* Rồi ông đề nghị thay thế *"Sĩ"* bằng *"Kỹ"* vì *"Kỹ"* là những người chuyên môn trong ngành *"quản lý và khoa học kỹ thuật,"* đồng thời cũng là người *"tạo ra của cải"* [7]. Hơn nữa, theo ông nghĩ, *"thang giá trị hàng dọc"* cổ truyền cần phải thay thế bằng một *"thang giá trị hàng ngang... Kỹ, Nông, Công, Thương"*, tức là người dân phải được hướng dẫn để coi bốn ngành hoạt động kinh tế này có uy tín ngang nhau. Vậy để uốn nắn người dân vào nền văn hóa mới, Gs Thiện cho rằng Việt Nam *"cần phải có một nhóm người lãnh đạo có nhiều tâm huyết, sáng suốt, biết rõ phải làm gì, có quyết tâm thực hiện những điều cần thiết, có tài tổ chức, biết vận động quần chúng, có khả năng lôi kéo thôi thúc 76 triệu người..."* [8]. Chế độ cách mạng này tương tự như "chế độ vĩ nhân" của Ks Kiểng. Hiểm họa độc tài tiềm tàng trong các "chế độ vĩ nhân" đã được tôi nêu ra ở đoạn trên. Bây giờ tôi chỉ xin đề cập tới vài điểm khúc mắc trong luận thuyết của Gs. Thiện.

(1) Trước hết, tôi đồng ý với sự nhận xét của Gs Thiện về vai trò của các nhà triết gia Âu Tây như Rousseau, Voltaire, Montesquieu, v.v.. Các vị học giả này đã mở đường cho cuộc Cách Mạng Nhân Quyền 1789 ở Pháp, và giải phóng dân Pháp khỏi tình trạng phong kiến cổ hủ. Họ quả là những nhà trí thức, thuộc thành phần *"sĩ"* theo đúng tinh thần **sĩ phu** biết lo cho quốc gia dân tộc (khác hẳn nhóm **nho sĩ** *"chỉ biết thi đỗ ra làm quan"*). Tiếc thay, trong xã hội *"Kỹ, Nông, Công, Thương"* của Gs Thiện dành cho Việt Nam, thành phần *"Sĩ"* lại bị loại ra ngoài chính trường có lẽ vì đã phạm tội *"không đóng góp gì vào việc tạo ra của cải."* Tôi không hiểu tại sao ông ca tụng các sĩ phu Tây phương trong công cuộc cách mạng văn hóa ở các nước đó, nhưng ông lại không cho những sĩ phu Việt Nam quyền tham dự vào cuộc cách mạng văn hóa ở Việt Nam. Tại sao lại có sự đối xử khác biệt như vậy? Có lẽ vì Gs Thiện còn lưỡng lự không biết nên dựa vào quan điểm triết lý nào trong luận thuyết của ông. Một đằng ông theo chủ nghĩa **duy tâm** khi coi *"văn hóa quyết định thực tại xã hội."* Đồng thời ông lại có vẻ theo chủ nghĩa **duy vật** khi ông coi những người *"tạo ra của cải"* mới là thành phần đáng đứng ra để hoàn thành nhiệm vụ cách mạng văn hóa. Quan điểm duy vật này tôi sẽ đề cập trong đoạn sau.

(2) Tôi đồng ý với Gs Thiện khi ông cho rằng hai đặc tính – *"quản lý và khoa học kỹ thuật,"* và *"tạo ra của cải"* – rất quan trọng trong vấn đề phát triển kinh tế quốc gia. Tuy nhiên, hai đặc tính đó chưa chắc đã là những đặc tính cần thiết của một người có khả năng lãnh đạo quốc gia. Thực vậy, trên thế giới hiện nay, có ai giỏi hơn là Bill Gate trong ngành *"quản lý và khoa học kỹ thuật"* và *"tạo ra của cải"*? Tiếc thay những đại thương gia và kỹ nghệ gia như Bill Gate lại ít khi suy tư về tương lai dân tộc như các bậc sĩ phu như Rousseau, Voltaire, Montesquieu v.v.. Trái lại, nếu ta nhìn vào lịch sử các nước Âu Mỹ, ta thấy ngay là hầu hết tất cả các nhà lãnh đạo tài ba của các nước này (như Churchill, Roosevelt, v.v.) đều thuộc thành phần *"Sĩ"* chứ không phải là những người thành công rực rỡ trong ngành *Kỹ, Nông, Công* hoặc *Thương*. Trong khi đó, bốn thành phần mà Gs Thiện đề cao (*"Kỹ, Nông, Công, Thương"*) lại có thể là những tên làm hại đất nước hơn ai hết. Như ta đã thấy trong chế độ Đức Quốc Xã, những chuyên viên trong ngành *"quản lý và khoa học kỹ thuật"* lại là những tay đã giúp Hitler phát triển kỹ nghệ chiến tranh để tàn phá thế giới, và áp dụng kỹ thuật tân tiến để giết hơn bốn triệu người vô tội một cách hữu hiệu. Còn thành phần

"Nông" lại sẵn sàng sống chết cho tên đồ tể Hitler, một số xung phong vào ngành công an diệt chủng (SS).

Thực ra, không một xã hội nào có thể điều hòa được nếu chỉ gồm có bốn thành phần *"Kỹ, Nông, Công, Thương"* và gạt ra ngoài những thành phần khác như các vị lãnh đạo tinh thần, các nhà trí thức, các văn nghệ sĩ, các nhân viên an ninh và quân đội, v.v.. Nhiều khi chính những thành phần *"không đóng góp gì vào việc tạo ra của cải"* lại giữ một vai trò quan trọng hơn là những thành phần *"tạo ra của cải."* Một xã hội chỉ hướng về nồi cơm manh áo (*"tạo ra của cải"*) là một xã hội sống theo đoản kỳ, và nếu không thức tỉnh, sẽ hoàn toàn tùy thuộc vào nền văn minh ngoại bang.

(Nhân tiện đây, tôi xin đưa ra thêm một chi tiết. Thang đẳng cấp cổ truyền ở Việt Nam gồm sáu thành phần: *Sĩ, Nông, Công, Thương, Binh,* và *"xướng ca vô loài"* – chứ không phải chỉ có bốn thành phần như Gs Thiện đã nghĩ. Hơn nữa hệ thống cổ hủ này đã bị dân Miền Nam bắt đầu bác bỏ từ ngày Tây sang, và gần như hoàn toàn triệt tiêu khi Mỹ tới. Như ta đã thấy, dân Sài-Gòn đã dùng giọng châm biếm thông thường để liệt kê bốn thành phần chính trong thang đẳng cấp thời Đệ Nhị Cộng Hòa: *Tiên* (gái điếm), *Sư, Cha, Tướng*").

(3) Một vấn đề đáng nêu ra ở đây liên quan đến vai trò của thành phần *"Sĩ"*. Theo Gs Thiện, thành phần *"Sĩ"* nên loại ra ngoài thang giá trị vì họ *"không đóng góp gì vào việc tạo ra của cải."* Quan điểm duy vật này đã được Karl Marx đưa ra cách đây hơn một thế kỷ. Marx đã dùng lý thuyết "thặng dư giá trị" để lên án giai cấp tư bản, coi như là một thứ ký sinh trùng ăn bám vào giai cấp thợ thuyền, cần phải tiêu diệt. Mao lại còn coi *"giới trí thức không bằng một cục phân"* vì *"cục phân"* ít nhất cũng có công *"tạo ra của cải."* Cũng vì vậy, từ Lenin cho tới Mao, các chế độ cộng sản phải thiết lập ra hệ thống "chấm công" theo năng xuất *"tạo ra của cải."* Các "công nhân" trong các "xưởng đẻ" có công giúp nhân số lao động gia tăng, nên được hưởng mấy ký gạo một ngày. Các "văn công" cũng được Nhà Nước nuôi dưỡng vì nhờ công tác văn nghệ của họ nên giới lao động vô sản mới hồ hởi thi đua *"tạo ra của cải."*

Tiếc thay trong thực tế, ý niệm *"của cải"* không có thể đo lường một cách xác thực được. Vì thế, vấn đề "chấm công" theo năng xuất *"tạo ra của cải"* là một vấn đề nan giải mà ta đã từng thấy trong tất cả mọi chế độ duy vật chuyên chính. Thí dụ như những nhà khoa học gia đại tài như Newton, Galileo, v.v. họ quả là những người không *"tạo ra của cải"* gì cả, vậy phải "chấm công" cho họ ra làm sao? Nếu bắt những thiên tài này về nhà quê gắp phân bón để tăng gia sản xuất thì làm sao ngày nay có những cuộc du hành trên không gian. Hơn nữa, những cuộc du hành trên không gian có *"tạo ra của cải"* gì đâu, nhưng nếu không có những cuộc thí nghiệm phí phạm *"của cải"* này thì làm sao thế giới có vệ tinh nhân tạo để các hãng truyền thông có dịp *"tạo ra của cải"*?

Thực ra *"của cải"* chỉ là những thứ dùng vào việc thỏa mãn nhu yếu con người. Vì thế, giá trị *"của cải"* cũng như khả năng *"tạo ra của cải"* bị chi phối bởi nguyên tắc cung cầu của thị trường. Chúng ta đã từng thấy trong lịch sử nghệ thuật có nhiều họa sĩ trứ danh phải sống một đời rất là nghèo khổ vì trong lúc sinh thời những sản phẩm mà họ tạo ra không được ai coi là *"của cải,"* nhưng một vài thế kỷ sau lại trở thành *"của cải"* trong tay các nhà tỷ phú. Ý niệm *"tạo ra của cải"* quả thực đượm mầu "thời cơ chủ nghĩa" (opportunism). Phải chăng người nào may mắn làm ăn thành công là người *"tạo ra của cải,"* còn người nào chẳng may làm ăn thất bại là người không *"tạo ra của cải"* hay sao.

Hơn nữa, nếu ta loại vấn đề đạo đức ra ngoài hoạt động *"tạo ra của cải,"* ta sẽ gặp ngay những vấn đề khó xử. Chẳng hạn như những tên sản xuất và phân phối ma túy. Chúng là những *"kỹ nghệ gia"* biết áp dụng *"khoa học kỹ thuật"* trong công việc sản xuất, và biết *"quản lý"* thương nghiệp của mình một cách rất là chu đáo. Chúng đã thành công rực rỡ, vì khả năng *"tạo ra của cải"* của chúng cao hơn cả ngàn lần những người làm ăn lương thiện. Những tên *"tạo ra của cải"* một cách phi pháp này hội đủ đặc tính mà Gs Thiên đã đề cao. Vậy chúng ta phải đối xử những tên bất lương này như thế nào? Nên bỏ chúng vào tù, hay cho chúng tham dự vào chương trình xây dựng đất nước?

(4) Sau hết, tôi thấy chương trình cách mạng văn hóa của Gs Thiện, cũng như Ks Kiểng, dựa trên nhiều ẩn đề làm cho chúng ta phải suy tư. Thí dụ, nếu một ngàn vị lãnh đạo quốc gia không đồng ý với nhau và vị nào cũng đều *"quyết tâm thực hiện những điều cần thiết,"* và cho mình là người *"sáng suốt"* và *"có tâm huyết"* hơn tất cả những người khác, thì ai là người đứng ra giải quyết những sự bất đồng chánh kiến trong đám

vĩ nhân này? Tiếc thay, những người *"có tâm huyết"* tự cho mình là đại diện "lương tâm của thời đại" lại thường lên án những người đối lập là những "tên đồi trụy"; và những người *"sáng suốt"* thường coi những người khác ý với mình là "mù quáng" vì không nhìn ra đường đi tới "đỉnh cao trí tuệ của loài người." Vì tâm trạng đó, ta không ngạc nhiên khi thấy những bất đồng ý kiến trong nhóm lãnh đạo cộng sản thường đưa tới những cuộc thanh trừng nội bộ đẫm máu.

Khuynh hướng tự tôn quá đáng cho mình là người *"sáng suốt"* và là người có *"tâm huyết"* biểu hiệu một tâm trạng bệnh hoạn bởi "mặc cảm Nã Phá Luân." Mặc cảm này làm cho người lãnh đạo không biết nhân nhượng khi gặp phải những người không đồng ý với mình. Trái lại, đối với những người yêu chuộng tự do dân chủ, mọi bất đồng ý kiến tương đối dễ giải quyết hơn vì họ có một tâm hồn cởi mở và có một lòng tự tin chừng mực. Nhiều khi họ nghi ngờ ngay cả chính bản thân họ và không biết là họ có đủ *"sáng suốt"* để lãnh đạo quốc gia hay không. Vì vậy, họ chịu khó nghe những điều "phải-trái," và hướng về chính sách hòa giải hơn là chính sách đàn áp.

3. Việt Nam Cần Học Tập "Đạo Đức Kinh Tế"

Sau hết, hai người đáng làm cho chúng ta chú ý ở đây là Luật sư Nguyễn Hữu Liêm và Tiến sĩ Kinh Tế Phạm Đỗ Chí. Hai vị học giả này đặt vấn đề tâm lý lên hàng đầu khi mang *"yếu tố con người trong phát triển"* [9] ra mổ sẻ. Hai ông tỏ vẻ tương đắc với lời than của một ông giáo sư canh nông: *"muốn bỏ việc trồng cây để lo sang việc trồng người,"* vì hai ông thấy rằng *"con người kinh tế Việt Nam ... chưa có một nền tảng **đạo đức kinh tế** cần thiết,... hay bị chao đảo trong chọn lựa thang giá trị,... mặc cảm e dè, tâm lý sợ hãi,... thiếu thận trọng khi hành động,... xem nhẹ tinh thần trọng pháp,... có tham vọng không giới hạn trong việc*

LÊ THỊ KIM

GỌI SUỐT THIÊN THU

1
Ngón tay em gọi gió
Ngón tay em gọi mưa
Ngón tay em gọi mùa
Gọi ngọt ngào trái đắng

2
Anh đi trong giông bão
Trong gió cồn đêm thu
Trong mưa đau mịt mù
Trong khóc cười đam mê

Mắt trong veo mộng đời
Một hôm trào cay đắng
Chìm sâu trong biển thẳm
Giấc mộng đời chợt quên

3
Ba mươi sáu nàng tiên
Bỗng trở thành quỉ dữ
Dẫn anh qua hoang mộ
Giữa rong rêu đọa đày

Nụ cười hoa vô ưu
Đêm héo sầu nhận đắm
Tóc sõng dài sợi trắng
Xô nhăn vầng trán đau

4
Em gọi mãi thiên thu
Cõi lòng như biển rộng
Em gọi suốt bốn mùa
Có êm vầng trán động

Có dịu cõi lòng anh
Ơi chàng trai phiêu lãng
Ơi chàng trai thông minh
Trời đọa đày lận đận.

làm giàu, xem nhẹ giá trị và tinh thần của chữ tín...." (tr. 37-38).

Để xóa bỏ những tật xấu này, hai ông đưa ra một chính sách *"trồng người"* gồm có hai phần:

(1) Thực hiện *"một cuộc cách mạng pháp chế"*, tức là xây dựng lên một chế độ pháp trị để thay thế chế độ luật rừng hiện hành.

(2) Thiết lập một chương trình giáo dục bậc đại học để *"huấn luyện những thế hệ nhân sự kinh tế mới."* Chương trình này phải *"gồm các khóa về đạo đức kinh tế"* và *"các kỳ thi tốt nghiệp phải bao gồm đề tài đạo đức này."* Ngoài ra, các cán bộ làm việc trong lãnh vực kinh tế *"phải có trình độ đại học, được huấn luyện về đạo đức kinh tế, có quá trình đạo đức trong sạch"* (tr. 39).

Đệ nghị (1) không đáng bàn ở đây đã được các nước Âu Mỹ và các tổ chức tiền tệ thế giới khuyên răn Hà Nội nhiều lần, nhưng vì quyền lợi riêng tư của người cầm quyền nên Nhà Nước vẫn không muốn cải tổ một cách đứng đắn. Đề nghị (2) đáng cho chúng ta chú ý hơn, vì nó có đặc tính của một chính sách *"trồng người"* để phát triển *"đạo đức cách mạng"* theo "định hướng thị trường." Thực vậy, theo Ls Liêm và Ts Chí, Nhà Nước cần phải xây dựng *"Một nền tảng 'đạo đức cách mạng' mới... nhằm kiến tạo một văn hóa kinh tế... mà **chữ tín** được tôn trọng"* (tr. 39). Khi thấy nói đến *"chữ tín,"* tôi lại nghĩ đến nền văn hóa Nho giáo thời xưa, với lời khuyên răn đạo đức tóm tắt trong năm chữ: *Nhân, Nghĩa, Lễ, Chí, Tín*. Vì vậy, tôi đành phải bàn về *"chữ tín"* trong chương trình *"trồng người"* của hai vị học giả này.

Trước hết, Adam Smith không đặt vấn đề đạo đức trong các hoạt động kinh tế trong khi giải thích và biện minh cho nền kinh tế tư bản. Ngay đến Karl Marx khi chỉ trích chế độ tư bản cũng ca tụng các nhà kinh doanh tư bản đã có công phát triển kinh tế tư bản đến mức cao độ để giai cấp lao động ý thức được vai trò cách mạng vô sản của mình (proletarian class consciousness). Theo quan điểm duy vật Marxist, đạo đức nói chung và *"chữ tín"* nói riêng, đều là sản phẩm của hạ tầng cơ sở kinh tế, nên không cần ai học ai, ai dạy ai về vấn đề này. Các trường đại học tại các nước tư bản cũng không có môn nào dậy sinh viên về *"đạo đức kinh tế"*. Các kinh tế gia hiện nay đều cho rằng động lực căn bản của mọi tính toán tư bản là quyền lợi cá nhân (self interest) với mục đích kiếm lời tối đa, tức là *"tham vọng không giới hạn trong việc làm giàu"* – một điều mà hai Ls Liêm và Ts Chí đã chê bai.

Những nhà đại tư bản Âu Mỹ rất trọng *"chữ tín,"* không phải vì họ có tác phong người quân tử Tàu, thực ra vì họ nghĩ đến công việc làm ăn dài hạn nên không làm thịt "con ngỗng đẻ trứng vàng." Những doanh nhân Việt Nam đâu có tối dạ đến mức mà không hiểu nguyên tắc "kiếm lời tối đa" và tính toán xác xuất "rủi ro tối thiểu." Sau khi bị trừng phạt vì tội "tư sản mại bản," và sau ba lần bị bại sản vì Nhà Nước "đổi tiền," còn ai dám nghĩ dài hạn được nữa? Nhà Nước đã mất *"chữ tín"* đối với người dân ngay từ đầu, rồi lại còn nay "cởi" mai "trói" thì làm sao người dân còn dám tin tưởng vào tương lai. Người nào tin vào kế hoạch dài hạn có thể mất cả vốn lẫn lời vì *"chữ tín,"* nhất là trong tình cảnh bị cán bộ địa phương "nhòm ngó" hàng ngày. Với môi trường kinh tế bất ổn và hành chánh thối nát như vậy, các nhà đại tư bản Âu Mỹ cũng còn lưỡng lự, huống chi các doanh nhân Việt Nam là những người đã ít vốn lại còn nằm dưới bàn tay sắt của Nhà Nước.

Bây giờ hai nhà học giả lại muốn lập ra chương trình *"trồng người"* bắt sinh viên và kinh tế gia Việt Nam thấm nhuần *"chữ tín"* quả là không đi sát với thực tế doanh thương. Chúng ta đều biết ở đời này có những người mắc phải tật ăn gian nói dối (born liar) vì bị một bệnh tâm thần nào đó. Đối với loại người này, dù ta có bắt họ học *"chữ tín"* ngày đêm, họ cũng không thể trở thành một người thật thà được. Thực ra, những người bệnh hoạn này cần một bác sĩ tâm thần hơn là một nhà đạo đức. Hơn nữa, trong đời sống hàng ngày, con người có thể thành thật với nhau hoặc lường gạt nhau, tùy theo hoàn cảnh xã hội. Thí dụ như trong tổ chức Mafia, *"chữ tín"* đối với nhóm người này rất là quan trọng tuy rằng chúng không biết *"chữ nhân"* là gì. Thật vậy, người nào lường gạt chúng hoặc thất hứa với chúng chắc chắn sẽ bị trừng phạt một cách rất tư là bất nhân bằng một lưỡi dao hoặc bằng một viên đạn. Trong xã hội tự do pháp trị, cũng có những biện pháp chế tài đối với những người không biết trọng *"chữ tín,"* tuy rằng những hình phạt không quá đáng như nhóm Mafia. Thí dụ như một công ty quảng cáo không đúng sự thật, ban giám đốc có thể bị truy tố về tội lường gạt, hoặc ít nhất thì cũng bị người tiêu thụ trừng phạt bằng cách tẩy chay không mua hàng. Nói tóm lại, các doanh nhân tư bản đâu có cần phải học *"chữ tín"* để biết rằng *"chữ tín"* là điều kiện tối thiểu để đi đến thành công. Do đó, tôi nghĩ rằng bắt các sinh viên dùi mài cuốn ***Đạo Đức***

Kinh Tế cũng có hiệu quả như bắt họ phải ngồi nghiền ngẫm cuốn ***Đạo Đức Kinh*** của Lão tử vậy! Có lẽ Nhà Nước nên thiết lập ngay một chương trình dạy cán bộ học *"chữ nhân"* cho dân đỡ khổ hơn.

Ai dám nói là ông Khổng Tử đã hết thời?

4. Kết Luận: Vài Nhận Định Về Vấn Đề "Cách Mạng Văn Hóa"

Văn hóa là một hệ thống gồm nhiều thành phần, cái nọ ràng buộc vào cái kia. Ta không thể thay đổi một thành phần nào đó mà không nghĩ đến ảnh hưởng dây chuyền của các thành phần khác. Thí dụ, nếu ta chỉ chú trọng vào chương trình phát triển tinh thần công vụ *"chí công vô tư,"* ta sẽ gặp sức cản trở của truyền thống *"một người làm quan, cả họ được nhờ"* – truyền thống này đưa đến chế độ "gia đình trị" mà chúng ta đã thấy ở Miền Nam.

Trên lý thuyết, cách mạng văn hóa là một công việc khó khăn, nhưng không phải không thực hiện được nếu chương trình cách mạng văn hóa hội đủ được ba điều kiện sau đây:

- **Điều kiện 1**: Chương trình cách mạng văn hóa không làm xáo trộn quá nhiều đời sống hàng ngày của người dân.
- **Điều kiện 2**: Chương trình cách mạng văn hóa phải kéo dài ra nhiều thế hệ để người dân có dịp quen dần với lối sống mới.
- **Điều kiện 3**: Chương trình cách mạng văn hóa phải tạo ra những lợi ích thiết thực cho người dân nhận thấy ngay trước mắt.

Tiếc thay bất cứ một cuộc cách mạng văn hóa nào đều thiếu cả ba điều kiện, nên khó có hy vọng thành công.

- Trước hết, văn hóa cổ truyền luôn luôn đi liền với đời sống hàng ngày của người dân. Vì thế, Nhà Nước không thể xóa bỏ văn hóa cổ truyền mà không làm xáo trộn nếp sống quen thuộc của người dân. (Thiếu **Điều kiện 1**)
- Hơn nữa, nghèo đói là một vấn đề khẩn trương. Nếu cho rằng *"cách mạng văn hóa"* sẽ giải quyết tình trạng khẩn trương này, thì chương trình *"cách mạng văn hóa"* cũng có tính cách khẩn trương như vậy. Người dân sẽ bất mãn vì bị cưỡng bách phải thay đổi lối sống của mình một cách đột ngột. (Thiếu **Điều kiện 2**)
- Sau hết, người dân không tin và cũng không thấy chính sách cách mạng văn hóa sẽ cải thiện đời sống hàng ngày của họ, nên không có lý do gì họ phải bỏ tập quán cũ để theo đuổi "chuyện ruồi bu." (Thiếu Điều kiện 3)

Trước khi chấm dứt, tôi xin xét lại định đề căn bản trong các luận thuyết về cách mạng văn hóa: *"văn hóa là yếu tố quyết định tình trạng kinh tế."* Các nhà xã hội học đều công nhận rằng "văn hóa," "kinh tế," và "chính trị" là ba thành phần có liên hệ mật thiết với nhau. Tuy nhiên, "liên hệ" không có nghĩa là "hoàn toàn trùng hợp" như một phương trình toán học. Hơn nữa, dây "liên hệ" không ám chỉ một chiều hướng nguyên nhân và hậu quả nào đó. Vì thế, ta không thể khẳng định rằng văn hóa cổ truyền tạo ra tình trạng kinh tế hậu tiến. Rất có thể tình trạng nghèo đói thất học là lý do tại sao văn hóa cổ truyền vẫn còn tồn tại đến bây giờ (kinh tế là nguyên nhân, văn hóa là hậu quả). Rất có thể chính sách thiếu thực tế của Nhà Nước làm cho đất nước đã nghèo đói lại trở nên nghèo đói hơn trước (chính trị là nguyên nhân, kinh tế là hậu quả).

Nói tóm lại, khoa xã hội học, kinh tế học, và chính trị học chưa phải là những khoa học chính xác để cho phép chúng ta xác định dây nối giữa nguyên nhân và hậu quả một cách rõ ràng. Do đó, tôi rất nghi ngờ tất cả mọi chính sách *"trồng người,"* vì nó dựa trên một tiền đề chưa ai chứng minh được là hoàn toàn đúng hay là hoàn toàn sai. Thực vậy, tiền đề duy tâm trong chính sách *"trồng người"* của ông Mao, ông Hồ, và một số tư tưởng gia khác chỉ là một khẳng định thiếu chính xác, không hơn gì tiền đề duy vật trong lý thuyết Marxist.

Chú Thích

1. Đinh Quang Anh Thái, *"Phỏng Vấn Nguyễn Gia Kiểng, Tác giả cuốn Tổ Quốc Ăn Năn"*, ***Thế Kỷ 21,*** số 144, tháng tư 2001, trang 115.
2. Tôn Thất Thiện, *"Một Vấn Đề Then Chốt..."*, ***Thế Kỷ 21***, số 152, tháng 12, 2001, tr. 24.
3. Max Weber, ***The Protestant Ethic and the Spirit of Capitalism* (London, 1965).**
4. Tôn Thất Thiện, *"Tiến Trình Chuyển Biến Văn Hóa Từ 'Cổ Truyền' Đến 'hiện Đại',"* ***Thế Kỷ 21***, số 156, April 2002, tr. 12.
5. Tôn Thất Thiện, *"Một Vấn Đề Then Chốt..."*, ***Thế Kỷ 21***, số 152, tháng 12, 2001, tr. 23.
6. Ibid., tr. 26
7. Ibid., tr. 25
8. Ibid. tr. 26
9. Nguyễn Hữu Liêm và Phạm Đỗ Chí *"Móc Nối Còn Thiếu: Yếu Tố Con Người Trong Phát Triển,"* ***Thế Kỷ 21***, số 153, tháng 1 & 2 2001, tr. 36-39.

NHẬT KÝ DU HÀNH

NGUYỄN DOÃN VƯỢNG

(Tiếp theo và hết)

Nhật Ký Du Hành #8: China – Miền Giang Nam

Chưa có nơi đâu du lịch theo kiểu backpacking mệt bằng ở Tàu, mấy năm trước ghé Taipei đã hết hồn vì đường xá toàn chữ Tàu không, không có tiếng Anh, bây giờ ở Tàu còn mệt hơn nữa là vì chặn đường mười người để hỏi thăm thì hết mười người không biết tiếng Anh, ngay cả tụi trẻ cũng không biết, còn đi kiếm quán Internet Cafe thì kiếm hoài không ra, nên không thể nào gửi được email. Cái xứ này anti-tourist quá nên ít thấy người ngoại quốc đi ở ngoài đường. Thôi để kể tiếp nghe.

Sau khi rời Quảng Châu, V. bay lên miền Giang Nam, vùng châu thổ sông Dương Tử (hay còn gọi là Trường Giang), nơi đây phong cảnh đẹp và hữu tình nên thời xưa vua Càn Long đã bảy lần "hạ giang nam."

Nam Kinh: (Nanjing) Thành phố này từng là cố đô của nhiều triều đại, nên khu phố cổ rất đẹp, có đền Khổng tử, có trường thi thời xưa, với giải đất để sĩ tử cắm lều thi. Gần thành phố Nam Kinh có dãy núi Trung Sơn, rừng trúc, rừng cây bạt ngàn đẹp và hùng vĩ lắm, lên núi chơi thấy trên đó có ngôi mộ Chu Nguyên Chương, khai sáng nhà Minh, và lăng Tôn Dật Tiên, cha đẻ của nước Trung Hoa hiện đại. Ông này từng là thủ lãnh của Quốc Dân Đảng, nên tới lăng của ông thấy cờ và hiệu của Quốc Dân Đảng mọi nơi. Điều này làm mình ngạc nhiên, vì tưởng xưa nay Cộng Sản và Quốc Dân Đảng, đánh nhau chí chóe, phải ghét nhau như Việt Cộng ghét cờ và dấu hiệu của Việt Nam Cộng Hòa vậy, không ngờ không phải vậy, tất cả các di tích của Tôn Dật Tiên và Tưởng Giới Thạch đều được giữ nguyên và trở thành tụ điểm du lịch. Có lại thăm nhà nghỉ mát của Tưởng Giới Thạch và vợ là Tống Mỹ Linh ở chân núi Trung Sơn, biệt thự này tên là Biệt Thự Mỹ Linh, vô trong đó đọc các lời ghi chú thì thấy rằng cộng sản Tàu vẫn còn tôn trọng Tưởng Giới Thạch lắm.

Vô Tích: (Wuxi) Thị trấn này mới xây pho tượng Phật lớn nhất thế giới, từ xa đi tới, thấy giữa hai ngọn núi nhô lên cái lưng và cái đầu của Đức Phật, làm thiên hạ hết hồn vì thấy to quá, tới gần thì thấy to thiệt. Nói chung cảm nghĩ đi thăm các chùa chiền ở Tàu là họ đang biến thành trung tâm du lịch để thu tiền thiên hạ chứ chẳng còn là nơi tu hành gì nữa, vô chùa bỏ tiền vô thùng phước sương là tự động một hồi kinh "Nam mô a di đà phật" tự động tụng cho mình liền, sướng chưa, máy móc tu dùm cho mình. Thị trấn này cũng nổi tiếng về Trà, ở chân núi có một cái giếng mà Lục Vũ, sư tổ về trà đạo từng ca tụng là trong nhất, bây giờ được dẫn theo ống về đóng chai để thiên hạ ghiền trà ở khắp nơi mua về pha trà. Ở đây cũng có loại đất sét rất tốt để làm bình trà và chén trà.

Tô Châu: (Suzhou) Thành phố này nổi tiếng là gái đẹp qua câu nói nổi tiếng trong dân gian, "Sinh ở Tô Châu (mẹ đẹp thì sinh con đẹp), sống ở Hàng Châu (phong cảnh đẹp đẽ hữu tình), ăn ở Quảng Châu (đồ ăn ngon ... tui ăn rồi, dở ẹt vì dầu không) và chết ở Liễu Châu (nơi đây có gỗ tốt)." Nói thì nói vậy nhưng đi ngoài đường chẳng thấy cô nào đẹp cả. Thành phố này có nhiều vườn rất đẹp, xây kiểu Tàu xưa, có hồ, có hòn non bộ, v.v... Ở đây cũng là nơi mà nhà thơ Trương Kế từng làm bài thơ nổi tiếng:

Nguyệt lạc ô đề sương mãn thiên,
Giang phong ngư hỏa đối sầu miên,
Cô Tô thành ngoại Hàn San tự,
Dạ bán chung thanh đáo khách thuyền

Bài thơ này V. thuộc từ lâu rồi và cũng đã từng tưởng tượng về khung cảnh khi Trương Kế làm bài này, đến bây giờ mới đến tận Hàn San Tự, rờ vào cái chuông đã gợi ý cho Trương Kế, ra bờ sông, ngồi đợi tàu ở bến Phong Kiều, chỉ còn thiếu cảnh đêm với sương trắng mù trời, văng vẳng tiếng quạ kêu và ngọn đèn hiu hắt của chiếc thuyền khua nước trên sông nữa thì là y như đã sống lại thời Trương Kế.

Ở Tô Châu còn có Thái Hồ rất lớn, ở ngoài đó có nhiều hòn đảo nhỏ, trên các hòn đảo và chung quanh hồ thấp thoáng nhiều mái chùa, đền thờ,

tượng rất nhiều, khi đi thuyền ra thăm đảo, trở về chiều bắt đầu tối, muỗi nhiều như trấu, vo ve rượt theo đốt muốn chết.

Chu Trang (Zhouzhuang): Thị trấn này giống như Venice của Ý vậy, ngõ hẻm là những con rạch dẫn ra sông lớn, thuyền nhỏ đi lại trên sông, chui dưới những cái cầu nhỏ, nhiều nhà có bãi parking riêng để đậu thuyền nữa. Từ ngoài sông, chui qua cái cầu nhỏ ở cửa nhà, chèo ra sau vườn, đậu lại dưới một cái mái nhà nhỏ, xong bước lên vườn và lên nhà trên. Từ trong nhà, ngồi trên hàng hiên uống trà đọc sách có thể thấy được ngôi vườn và chiếc thuyền nhỏ đậu cạnh vườn. Cảnh thơ mộng lắm. Muốn xem thêm hình ảnh thì vào http://www.zhouzhuang.net để xem, đẹp lắm!

Thượng Hải (Shanghai): Thành phố này là thành phố hiện đại nhất của Tàu, có tòa nhà cao thứ hai trên thế giới (sau tháp Petronas ở Kuala Lumpur của Mã Lai), có tháp truyền hình cao nhất Á Châu, có hệ thống xe điện ngầm tốt lắm, có khu dạo phố giống như khu Times Square của New York vậy. Xa lộ xuyên qua thành phố cũng hai, ba tầng và kẹt xe cũng thê thảm. Nhưng khi ra ngoài những khu sầm uất, thì thấy Thượng Hải cũng giống như những thành phố khác của Tàu, nhiều cao ốc, những hẻm chật chội với những cửa tiệm nhỏ, những xe bán thức ăn v.v....

Hàng Châu (Hangzhou): Sau khi đi qua những thành phố của tỉnh Giang Tô, ngày hôm nay tới Hàng Châu, thủ phủ của tỉnh Triết Giang. Thắng cảnh nổi tiếng nhất ở đây là Tây Hồ, lớn chắc cũng ngang với Hồ Tây Hà Nội, nhưng có thêm những đảo nhân tạo và những con đường xuyên qua hồ với hàng liễu rũ, khi đi thuyền trên hồ gặp một đoàn du lịch từ Mỹ Tho ở Việt Nam cũng đi trên cùng chuyến thuyền. Ngày hôm sau đi thăm một cơ sở nuôi ngọc trai dưới hồ. Khi mình tới, họ vớt một con trai lên, cạy vỏ ra thấy trong mình nó có đến cả chục viên ngọc màu hồng lớn nhỏ khác nhau, ngọc trai nước ngọt không có tròn như nước mặn nên giá rẻ hơn nhiều. Đi chung với một đoàn du lịch tỉnh Quảng Đông, thấy họ "xa luân chiến," thay phiên nhau tấn công (trả giá) người bán hàng thấy vui lắm, có nhiều người mua đồ rồi, nhưng thấy mấy ông Quảng Đông trả giá tới lui còn rẻ mạt, thì lại bắt người bán hàng phải tính giá bằng mấy ông Quảng Đông mới được. Đi chung với mấy người này mới thấy rằng cả đoàn mười mấy người chỉ có năm,sáu ông thay phiên nhau trả giá, còn mười mấy người kia ngồi đợi, sau khi đạt được giá hạ nhất rồi thì mấy người đợi kia mới ào vô mua, thấy vậy từ đó mình cũng bắt chước, đi tới đâu cũng đợi mấy ổng trả giá xong rồi thì nhảy vô mua ké. Buổi chiều, ghé thăm một cơ sở sản xuất tơ lụa, lần đầu tiên trong đời mới thấy họ bỏ những kén tằm vô nước sôi xong rồi tách sợi tơ ra, tám sợi tơ nhỏ mới vấn lại thành một sợi lớn quấn thành cuộn, trước khi mang cuộn này đi dệt thành một tấm lớn, hay thiệt.

Thiệu Hưng (Shaoxing): Ghé thăm nơi sinh ra, với trường học, lớp học, bàn học và nhà ở, vườn, nhà thờ của văn hào Lỗ Tấn (tên thật là Chu Thụ Nhân).

Ghé thăm thành phố cổ Ninh Ba, trước khi lên máy bay trở lại Quảng Châu, và từ đó về lại Kuala Lumpur.

Qua gần mười ngày ở Trung Hoa, nhận xét rằng nước Tàu đang cố gắng hiện đại hóa các đô thị bằng cách đập những tòa nhà cũ, xấu xí để xây lại những cao ốc mới tối tân hơn, xây xa lộ, xe điện ngầm, nói chung là xây dựng tối đa cơ sở hạ tầng. Nhưng dường như họ chỉ chú tâm đến thành thị mà thôi, còn về nông thôn thì thấy vẫn còn nghèo nàn lắm, có điều ở nông thôn thì hơn Việt Nam là dân ở nhà gạch, cho dù cũ kỹ, xập xệ nhưng không phải nhà tranh vách đất như ở VN, Cambodia, Indonesia. Tuy nhiên thấy nếp sống người dân Trung Hoa vẫn còn nhà quê lắm, chưa bắt kịp với nếp sống văn minh đâu. Ngồi xe buýt gắn máy lạnh, kín mít với dấu hiệu rõ ràng "No smoking" mà họ vẫn hút thuốc nhả khói ào ào, xong rồi khạc nhổ xuống sàn xe. Vô nhà hàng ăn thì nhà hàng đưa cho chậu nước sôi để mỗi người tự trụng nước sôi chén, dĩa, muỗng của mình; đồ ăn thì món nào cũng có dầu, khi ăn thì phun xương, phun bả phì phì lên bàn .... sợ luôn. Đọc báo thấy nhà nước thú nhận rằng với lề lối nấu ăn và cách ăn uống của Tàu, rất khó mà recycle garbage ...

*

Nhật Ký Du Hành #9: Malaysia - Kuala Lumpur

Vì không có chuyến bay tới Phnompenh (Cambodia), nên phải ở lại Kuala Lumpur một ngày, đủ thời giờ đi thăm một vài viện bảo tàng.

Tại Muzium Negara (National Museum) đang có một triển lãm tên là Malaysia Maritime Archaeology Exhibition. Ở đây trưng bày các thành quả đạt được trong việc dò tìm và vớt các thuyền bị chìm trong vùng biển Nam Hải và hải

đạo Malaka. Vì Malaysia nằm trên tuyến đường hàng hải quan trọng của vùng Đông Nam Á, nên từ xưa đến nay đã có nhiều thuyền qua lại và... chìm cũng nhiều. Gần đây Mã Lai thành lập ngành Maritime Archaeology và có nhiều công ty dò vớt được lập ra.

Trong số các thuyền cổ được vớt lên, thấy đồ gốm Việt Nam cũng có xuất hiện chung với đồ Thái và Trung Hoa, điều đó chứng tỏ thời xưa đồ gốm Việt Nam xuất cảng cũng khá nhiều.

Đặc biệt trên chiếc tàu "The Royal Nanhai," khoảng năm 1460, chở khoảng 40000 - 50000 đồ gốm, có một số ít đồ gốm Việt Nam. Điều đặc biệt nhất là trên chiếc tàu này có một ngăn bí mật (secret compartment), chứa chỉ một vài món đồ mà thôi, điều đó chứng tỏ là ngăn này chứa đồ hiếm và quý, những món đồ đó là:

- Một cái ấn bằng đồng hình con voi, đáy có khắc hình con thỏ. Chú thích ghi là: The Royal Seal from the Royal Nanhai: Only royalty & high ranking officials carried bronze seals in the early Ming dynasty . Royal seals were given to friendly rulers as evidence of political affiliation, to scare off agressor. Deceased Chinese Emperors were buried with their seals to avoid misuse . Ordinary seals were made of soapstone or jade and could be resurfaced to change the name . Royal seals were permanent, why this seal was on board the Royal Nanhai and hidden in the "secret" compartment is a matter of fascinating speculation.

- Một hộp hình tròn, đồ gốm của Việt Nam (Vietnam covered box): Vietnam blue and white porcelain was scarce in the mid 15th century . The Royal Nanhai carried 2 smillar boxes in the "secret" compartment. Althought made in Vietnam, there were probably procured in Thailand that had good trading relation with Vietnam.

- A Ludongping bowl: The porcelain bowl was also found in the "secret" compartment and shows one of the Eight Chinese Immortals: Lu Dong Ping, with his famous sword on the back. Lu Dong Ping was one of two great swordsmen in Chinese History. According to mythology, he archived incredible feats - sexual and otherwise.

Ngăn bí mật chỉ có vài món đồ mà cái hộp hình tròn của Việt Nam cũng có trong đó thì chắc hộp Việt Nam là đồ quý rồi. (Kỳ vừa rồi, đấu giá Hội An, tui cũng có mua vài cái hộp y chang giống như vậy đó!!)

Viện bảo tàng này có bán một số cổ vật vớt được (chắc tại vớt lên nhiều quá phải bán bớt), xin vào website: http://www.mingwrecks.com để xem.

*

Nhật Ký Du Hành #10: Cambodia - Hoàng hôn trên tháp Angkor Wat

Ngày 8 tháng 6 năm 2002: Vừa mới ra khỏi phi trường Pochentong của Phnompenh, cảm giác đầu tiên là nước này nghèo quá, nghèo nhất trong tất cả những nước đã từng đi qua. Về thành phố trên con đường đầy bụi bặm, ven đường nhiều bãi đất hoang, nhà cửa xập xệ, rất ít chỗ buôn bán, người dân đứng ngơ ngác trên đường, không biết làm gì.

Khi xưa, có lẽ thành phố Phnompenh rất đẹp với dấu vết còn sót lại là những biệt thự kiểu Pháp sơn vàng, trên những con đường đầy phượng đỏ, những bãi cỏ khi xưa ở trung tâm đường ngày nay chỉ còn là những vũng sình lầy đầy bụi bặm. Ra bờ sông Mekong, nước đục ngầu, thành phố thiếu cây cối. Chỉ có vài ba chỗ đáng xem là Viện Bảo Tàng Quốc Gia chứa đầy các tượng phật và Hindu deities, chùa Bạc với hơn 5000 miếng bạc lót làm sàn nhà, trong đó có tượng Phật bằng ngọc. Phnompenh chỉ cần một ngày xem là đủ, ngày hôm sau đón thuyền đi Angkor. Dọc theo sông Mekong, từng làng mạc, phố xá hiện ra rồi biến đi, càng xa thành phố, vẻ nghèo càng hiện rõ, nhiều nhà chỉ là một cái sạp, ban đêm ngủ ở trên sạp, ban ngày bày ra bán đồ, trẻ con ở truồng đen đủi xuống tắm dưới sông vẫy tay chào du khách trên thuyền.

Hơn 10 ngày ở Trung Quốc, không lúc nào thấy bầu trời xanh, bầu không khí có vẻ ô nhiễm nặng với bầu trời xám xịt và khói ở khắp mọi nơi, bây giờ về Cambodia, tuy nóng hơn, nhưng trời xanh, mây trắng làm mình nhẹ nhõm hẳn. Đi hơn bốn tiếng đồng hồ thì tới biển hồ Tonlesap, rộng mênh mông, ba mặt không thấy bờ.

Tới Seam Reap, nước cạn đi, phải đi thuyền nhỏ vào bờ, xuyên qua những làng nổi trên mặt nước. Văng vẳng đâu đây bản nhạc cải lương Tiếng Trống Mê Linh bằng tiếng Miên, vô sâu thêm chút nữa thì nghe rõ bản cải lương khác bằng tiếng Việt. Hỏi ra thì mới biết dân ở cái làng nổi này 50% là người Miên, 50% là người Việt, những cái thuyền là nhà ở có ghi "Tiệm thuốc Nam," "Cắt tóc," v.v...

Vào tới trung tâm Seam Reap, thấy thành phố tuy nhỏ hơn nhưng khá hơn Phnompenh, với những con đường đầy cây cao, những kiến trúc còn sót lại từ thời Pháp thuộc làm dịu mắt du khách rất nhiều.

Ngày hôm sau đi thăm Angkor Wat, cách Seam Reap 12 Km, con đường đi rất đẹp, rộng rãi, cây cao bên hai vệ đường. Tiếng ve kêu, chim hót làm cảnh thơ mộng thêm.

Khu Angkor rất rộng, cả chục cái đền thờ, và đi xe xem hết cũng khoảng 70 km, nên phải đi xem ba ngày mới hết. Nếu chỉ có một ngày để đi xem những cái chính thì vé 20 dollars, nếu không thì mua vé ba ngày 40 dollars, không có vé hai ngày.

Khung cảnh Angkor huy hoàng và tráng lệ không thể nào tả nổi, đẹp nhất là hai đền thờ Bayon với những khuôn mặt thật lớn. Nghe lời người ta, mình cũng bắt chước dậy thật sớm, 5g sáng ra đền thờ, ngồi ngó những bức tượng chằm chằm trong màn đêm đen thui, đến khoảng 5g30 sáng, ánh sáng ban mai từ từ hiện ra, những đường nét của những khuôn mặt cũng hiện ra từ từ và lung linh như đang cười với mình một cách sống động đến rùng mình...

Buổi chiều, leo lên đỉnh đồi Phnom Bakheng, nhìn xuống đền Angkor ở giữa rừng rậm phía dưới, đợi cảnh hoàng hôn. Phía sau đền Angkor là bầu trời màu xám, hơi xanh, hơi tím, những ánh sét chớp ngoằn nghèo phía sau đỉnh tháp ở xa xa. Rừng cây chung quanh màu lá xanh đậm, những tàng cây phượng gần đồi Phnom Bakhghen thì có hoa màu đỏ, khi mặt trời lặn dần thì những tia nắng chiếu về đền làm cho năm ngọn tháp của đền có sắc vàng nổi bật trên nền trời, sau đó đổi sang cam, rồi hồng, rồi tối dần, tối dần và lịm hẳn... Chưa bao giờ thấy buổi hoàng hôn nào đẹp hơn buổi hoàng hôn của Angkor.

Trong các đền thờ thì đầy các tượng Phật, tượng thần Hindu, cũng như các hình chạm nổi trên tường rất sống động, chỉ tiếc một điều là hầu hết các đầu tượng Phật đều đã bị tụi Khmer đỏ cắt đi mang bán ra nước ngoài hết rồi, nghe nói đâu mỗi cái đầu trị giá cũng vài triệu đô. Nhiều đền thờ có cây rừng mọc hàng trăm năm, bây giờ rễ cây mọc to ra như những con rắn quấn quanh thành cổ điêu tàn, gạch đá ngổn ngang.

Angkor là nơi đẹp nhất từ trước đến giờ V. đã đi, nếu ai có dịp đi VN hay Thái Lan, phải tìm cách ghé thăm Angkor một lần cho bằng được, bỏ qua rất uổng vì đây đúng là kỳ quan nhân tạo của thế giới, mà đi tới đây rất dễ và rất rẻ. Từ Bangkok đi xe bus tới Seam Reap chỉ mất có 7 dollars, từ Saigon đi xe bus tới Phnompenh mất 6 dollars, rồi đi xe bus từ Phnompenh đến Seam Reap chỉ có 7 dollars. Khách sạn thì chỉ khoảng 6 dollars một đêm, mắc nhất là tiền visa vô Cambodia: 20 dollars. Ăn uống thì hơi mắc, khoảng 3 dollars một bữa, vì mình là du khách nên chúng tha hồ chặt... đẹp. Nhưng thôi thấy Cambodia nghèo quá nên xài hơi mắc một chút cũng không sao, lại còn cảm thấy vui vì như mình đang giúp đỡ họ.

Rời Angkor trong niềm tiếc nuối, và hy vọng sẽ có ngày trở lại thêm lần nữa...

Xuống miền nam Cambodia, tắm biển ở Kompong Som (Sihanouk Ville) hai ngày, bãi biển cát trắng đẹp.

Trở về Phnompenh, ngày mai sẽ đi Phuket, Thailand.

*

Nhật Ký Du Hành #11: Thailand - Khiêu Vũ Dưới Ánh Trăng

Ngày 18 tháng 6 năm 2002: Các bờ biển của đảo Phuket thật là đẹp, có nhiều bãi y như là hình postcard vậy, cát trắng, hàng dừa nghiêng trên mặt biển, nước xanh như ngọc... Gần Phuket là vịnh Phang Nga, nếu đứng trên một bãi biển nhìn ra thì đẹp như là Hạ Long vậy . Tuy nhiên vịnh Hạ Long có nhiều đảo hơn (hơn 2000 đảo, nhưng rộng quá làm sao thấy hết được), vịnh Phang Nga có ít đảo hơn (chỉ khoảng hơn 100 đảo), nhưng cảnh thì giống vậy và các bãi biển thì tuyệt hơn Hạ Long nhiều . Tại vì nhiều đảo quá và có nhiều hứa hẹn về các bãi biển tuyệt đẹp trên các đảo nên V. "island hopping," nhảy như cóc vậy, đi hết từ đảo này sang đảo khác suốt nguyên

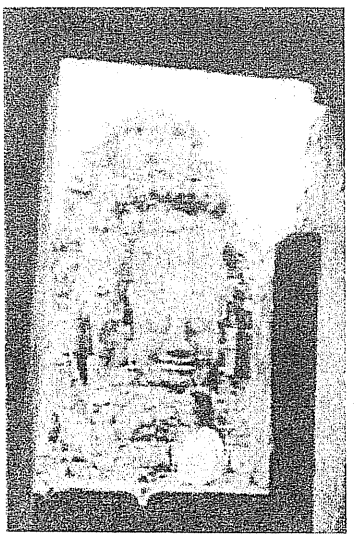

Đế Thiên Đế Thích

một tuần để tìm "perfect island."

Có ghé thăm hòn đảo đã được Leonardo Di Caprio dùng để đóng trong phim "The Beach." Tuyệt đẹp, hòn đảo này tên là Ko Phi Phi, hòn đảo kế cạnh nó cũng đẹp không kém. Nó hình số 8 với cái eo giữa thật dài ngăn thành hai bãi với hàng dừa ở giữa. Rời đảo vào đất liền, ghé Krabie tắm biển ở hai bãi Hatley và Phra Nang. Bãi Phra Nang chắc là đẹp nhất ở Thái Lan, có núi đá và hang động sát bờ biển, có khỉ, từ bãi biển nhìn ra khơi thấy nhiều đảo nằm phơi mình trong nắng như Hạ Long vậy. Nói tới "phơi mình" mới nhớ là trước giờ đi biển ở Indonesia, Cambodia, nơi thì quá tôn giáo, nơi thì là cộng sản nên mấy cô không dám cởi nhiều, còn ở xứ Thái Lan bình yên này, mấy cô Tây thoát y thoải mái và thật đông... thật đã!

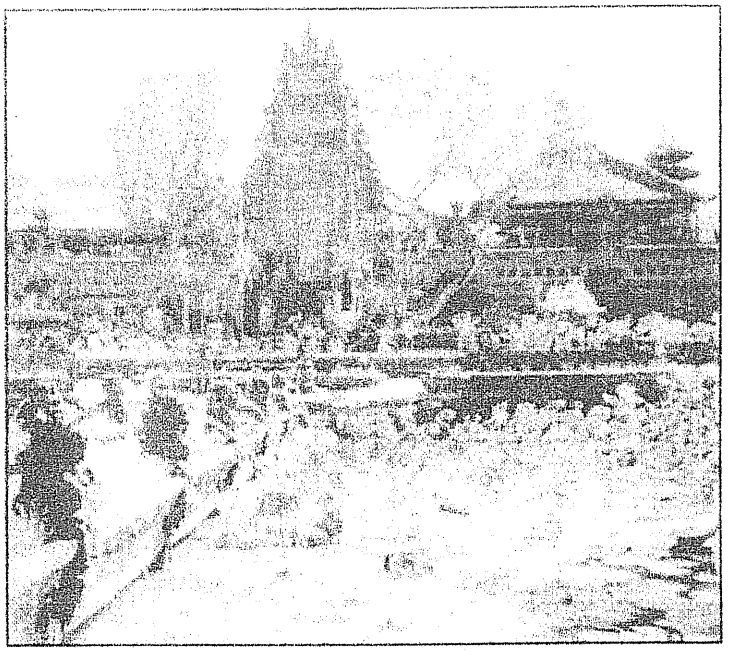

Cảnh chùa ở Thái Lan

Ngày 24 tháng 6 năm 2002: Tới hòn đảo Ko Phangan nhằm đúng ngày rằm, là lúc lễ hội Full Moon Festival được tổ chức hàng tháng trên hòn đảo này . Đợi tối mới có lễ, nên ban ngày mướn một cái xe honda đi thám hiểm khắp hòn đảo. Từ trước đến giờ đây là lần đầu tiên chạy xe Honda, mỗi lần sang số, xe rú lên như bị chọc tiết. Bờ biển phía bắc đảo Ko Phangan thật tuyệt, vừa cạn và có nhiều cá nên đi snorkeling thật là tuyệt vời. Còn trên bãi biển có nhiều bungalow thật rẻ và vắng vẻ, nếu mướn đây, buổi sáng ngủ dậy bước ra sẽ thấy nguyên một bãi biển của riêng mình. Chiều về, lái xe đi Hat Rim Nok, không ngờ phải leo qua khoảng gần chục con dốc, có vài cái dốc hơn cả dốc ở San Francisco. Mới tập đi honda mà phải lái xe qua mấy cái dốc này thật là khổ sở, lúc nào cũng để số 1, có lúc bị tắt máy, tuột dốc, thiên hạ phải xúm lại đẩy giúp lên dốc không thôi là lật gọng. Tới Hat Rim Nok khoảng 8 giờ tối, bãi biển đã đông nghẹt người, khoảng bảy ngàn cho tới 10 ngàn người đang uống bia, rượu, nhảy theo điệu nhạc dập dìu phát ra từ hơn chục quán khác nhau, đèn màu quay cuồng ánh lên cả sườn núi, trên trời thì ánh trăng vàng vằng vặc chiếu xuống xuyên qua những cành dừa và đám người quay cuồng ở dưới... Đứng ngó thiên hạ một lát rồi cũng vô chơi vài ba chai bia, khoảng một tiếng sau thì cũng xỉn, cũng hò hét và nhảy theo tiếng nhạc khắp nơi... phê không thể tả.... Đến khoảng ba giờ sáng thì thiên hạ bắt đầu quá xỉn, nằm gục ngủ đầy trên bãi biển, xa xa hình như thiên hạ còn có sex trên bãi biển nữa... Còn mình thì leo lên xe Honda, lết qua gần chục ngọn đồi để về nhà ngủ cho chắc ăn....

Ngày hôm sau đi phà trở về đất liền, chuyến phà nào cũng đông nghẹt dân du lịch ngủ gà ngủ gục bởi vì tối qua quá xỉn trên bải biển. Ngủ trên xe bus suốt 12 tiếng, tới Bangkok lúc sáu giờ sáng. Vì chuyến xe đi Chieng Mai bắt đầu lúc 7g chiều, nên còn 12 tiếng rảnh rỗi, V. đáp xe lửa đi Ayuthaya, cách Bangkok khoảng một tiếng đồng hồ. Ayuthaya là cố đô của Thái Lan, bây giờ chỉ còn những đền thờ đổ nát, những bức tường gạch còn sót lại bên cạnh cái hào nước ngăn đôi thành cũ và bên ngoài thành . Tuy vậy Ayuthaya còn rất nhiều tháp, đền, tượng Phật, v.v.... Tuy không bằng Huế, nhưng Ayuthaya cũng có vẻ quyến rũ riêng của nó.

Trở về Bangkok, nhảy lên xe bus ngủ một giấc 12 tiếng, sáng hôm sau tới Chieng Mai ở phía tây bắc Thái Lan. Thành phố này đẹp lắm, vẫn còn một số bức tường gạch ở bốn góc thành cũ, có hào bao quanh thành, hai bên hào là hàng cây và hoa, xe cộ chạy hai bên hào, trông giống một góc nào đó của Amsterdam ở Hòa Lan. Buổi chiều đi taxi leo lên ngọn đồi sát thành phố, trên đó có ngôi chùa Doi Suthep nổi tiếng với bậc thang dài khắc hình con rắn Naga, lên tới nơi, trên đỉnh đồi

Các vũ công Thái

là một ngọn tháp stupa phủ đầy vàng, nổi bật giữa bầu trời xanh lơ, từ đỉnh đồi nhìn xuống thành phố Chieng Mai, khung cảnh thật hùng vĩ.

Ngày hôm sau, theo một nhóm gồm hai Canada, hai Đan Mạch, một Nam Phi, hai Áo, một Đài Loan vô rừng treking suốt ba ngày hai đêm, leo núi vượt đèo giữa trời mưa như trút nước, đường bùn trơn trợt, té chỏng gọng không biết bao nhiêu lần, băng qua không biết bao nhiêu con suối, bị muỗi chích, ruồi chích, loại ruồi này mới độc vì có vòi thật nhọn chuyên hút máu voi, da voi mà nó còn hút được thì mỗi lần nó chích mình thì người đau điếng, phải vói tay đập chết nó liền. Ngoài ra còn bị vắt hút máu nữa, vắt hút máu thì không đau, nhưng bứt nó ra khỏi da mình thì máu chảy đầm đìa.... Đi qua những bản làng người Hmong, Mèo, Karen, v.v... Tối ngủ lại trong những bản làng còn hoang dã vì ánh sáng văn minh và điện khí chưa tới, cũng vui vì ban đêm không có gì làm, phải ngồi tụ tập quanh ánh lửa trò chuyện hỏi han nhau, có thổ dân mặc đồ đẹp lại múa hát cho mình coi... Khi tàn ánh lửa thì leo lên nhà sàn ngủ, vì quá mệt mỏi, thân thể nhức mỏi, chân tay rã rời nên ngủ như chết. Tuy nhiên đến 5g sáng mấy con gà mắc dịch lại gáy tứ phương làm tất cả phải dậy để bắt đầu một ngày leo đèo vượt suối tiếp, có nhiều lúc đi qua những đồi cỏ cao lút đầu, cỏ quấn vào chân như không muốn cho mình đi. Đến chiều thì có một đoàn voi đón nguyên cả đoàn để đi tiếp, ngồi trên lưng voi ngất ngưởng, voi đi xuống dốc từ trên đồi xuống, ngồi trên lưng voi mà mình cứ sợ té, những sợi lông voi cứng cứ đâm vào mình hoài, lâu lâu nó lại cong vòi lên phà hơi vào những người ngồi trên lưng làm vài cô rú lên. Ngồi trên lưng voi khoảng hai tiếng, xuống tới một bờ sông thì dừng lại, ở đó đã có sẵn một dãy nhà sàn để ngủ đêm lại. Ngày hôm sau lấy dây tre, buộc những thanh tre lại làm những bè tre, xong cả đoàn leo lên bè xuôi dòng. Khung cảnh hai bên bờ sông thật êm đềm và nhẹ nhàng, so với những ngày leo đèo vượt suối, có điều, qua hai ngày nóng nực, bị mưa bị nắng, nên người nào người nấy hôi như cú, không ai dám ngồi gần ai vì ai cũng hôi hết!! V. té từ trên bè xuống nước hai, ba lần vì bị cành cây trên bờ quẹt xuống bè... Chiều tới điểm hẹn, xe đưa cả đoàn về khách sạn, tắm rửa xong, thân thể nhức mỏi, nằm lăn trên giường với máy lạnh mở tối đa, chưa có bao giờ trên đời cảm thấy... phê hơn nữa !!!

Tính ngày mai sẽ đi Luang Prabang, cố đô của Lào ...

*

Phần Kết

Khi ghé Luang Prabang, tôi không viết nhật ký vì không có thời giờ ghé tiệm Internet Cafe. Sau đó tôi trở về Bangkok ở chơi thêm vài ngày trước khi đáp máy bay đi Việt Nam. Vì quá nhiều người đã đi du lịch ở Việt Nam, nên tôi không có viết nhật ký du hành trong thời gian ở Việt Nam, bởi vì mục đính chính của việc viết nhật ký là kể lại kinh nghiệm du lịch những nơi lạ cho bạn bè của tôi hay. Mặc dầu vé AccessAsia Pass của hãng Malaysia Airlines cho phép ghé thăm miễn phí 24 thành phố ở Á Châu, nhưng kỳ du lịch này tôi đã không đi thăm các nước Đại Hàn, Nhật, Đài Loan, Hongkong, Singapore, Philippines vì đã đi rồi trong chuyến du lịch trước. Mong ước nhật ký du hành này sẽ giúp một chút kinh nghiệm cho các bạn nào cũng có hứng thú đi du lịch như tôi. Các vé All Asia Pass của hãng Cathay Pacific và AccessAsia Pass của hãng Malaysia Airlines vẫn còn được bán, xin vào các website mà tôi đã kể để biết thêm chi tiết. Chúc các bạn những chuyến du lịch vui và kỳ thú.

ĐỌC "NẮNG HỒNG PHƯƠNG NAM" TIỂU THUYẾT CỦA NGUYỄN CHÍ KHAM

NGUYỄN MẠNH TRINH

Nắng Hồng Phương Nam, truyện dài của Nguyễn Chí Kham,
Tuổi Xanh xuất bản, 1050 trang, giá US$28.00

Hình như, có một ai đã viết: Cuộc đời của một người Việt Nam tị nạn bình thường cũng có đủ chất liệu cho một trường thiên tiểu thuyết ngoại hạng. Ở đời thường, dẫy đầy những cảnh ngộ của lẫn lộn giữa hội ngộ và chia tan, hy vọng và tuyệt vọng. Những mẫu số chung của cả một thế hệ đã thành nét đặc thù. Những thanh niên lớn lên, lao mình vào khói lửa chiến tranh, để rồi một ngày tàn cuộc chiến, trở thành những người bại trận và hứng chịu tất cả những hằn thù của những ngày chém giết..

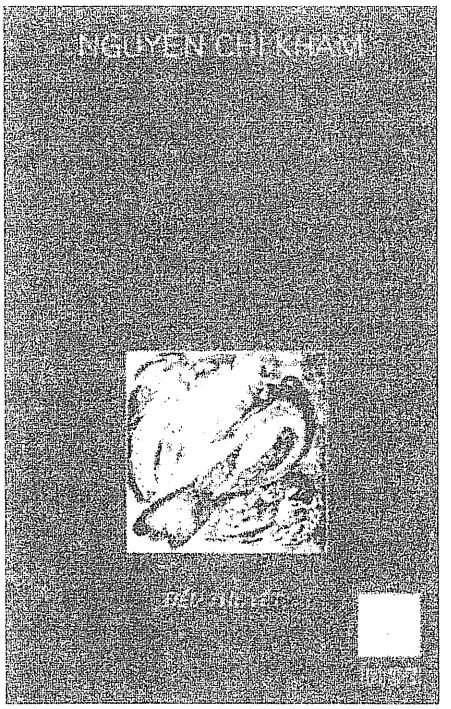

Ở Việt Nam, người ta đã quen thuộc với những biến cố ghê gớm, và sự chìm nổi truân chuyên không còn là sự lạ lùng. Giữa cái chết và cái sống, lằn ranh chỉ là phút giây ngắn ngủi. Con người, trong mọi tình huống vẫn có phản ứng mãnh liệt để sống còn và vẫn cố ngoi lên dù đã tận cùng dưới đáy. Chuyện đổi thay dâu bể đã thành truyện kể hàng ngày.

Nguyễn Chí Kham đã viết về đời sống ấy. "Nắng Hồng Phương Nam" là một tường ca u uất của một thế hệ thanh niên lớn lên trong chiến tranh và tàn lụi trong hoà bình. Mấy chục năm qua, bao nhiêu là xương máu. Cả triệu người bỏ nước ra đi, và cũng có cả triệu người bỏ thân xác trên biển cả. Những mảnh đời riêng, những tâm sự ngậm ngùi. Cũng có những ước vọng để trông ngóng về một tương lai tươi sáng nhưng cũng có những quỵ ngã giữa nẻo đường đầy gai chông. Thời của Việt Nam là thời của cơn hồng thủy. Tất cả cuốn đi theo cơn lốc bạo tàn thời thế.

Đọc tiểu thuyết Nguyễn Chí Kham, tôi chợt giật mình vì tìm ra được những phó bản của chính đời mình phảng phất trong đó. Sống lại đâu đây, những ngày đầu tiên vào cải tạo. Cũng ngôn ngữ ấy, tình cảnh ấy, của những con đường bị bít lối. Cũng những tâm tư ấy, bời bời trăm mối. Và những nỗi niềm của " lũ chúng ta lạc loài dăm bảy đứa, bị quê hương ruồng bỏ giống nòi khinh." U uất không tan, dường như núi sông cảnh vật cũng cùng một niềm thao thiết. Những thân phận tội tù, nhìn lên trời xanh mà nén tiếng thở dài.

Qua nhân vật Nguyện trong "Nắng Hồng Phương Nam," con đường nhân sinh toàn là những chặng chông gai dông tố. Đi lính, đi tù, đi vượt biên, đi H.O, đi định cư, những cái đi dường như trong cửa miệng mọi người. Chữ đi dường như mang theo ý nghĩa của bềnh bồng cuộc sống. Không còn một chút nào cho cuộc sống vững bền, tất cả chao đảo, nghiêng ngả như trong cơn địa chấn.

Thế mà tác giả lại viết một cách vô cùng điềm tĩnh. Những chương sách nối những chương sách, cuộc đời cứ trải dài ra những không gian, thời gian. Làm người kể chuyện, ông không bỏ sót một chi tiết. Có lúc ông là người tả cảnh xuất sắc. Núi rừng, sông suối, dù ở xó khuất thượng du của trại tù nhưng cũng có vẻ thơ mộng riêng. Có khi ông lại là người lãng mạn, đọc thơ người xưa để rồi rưng rưng nước mắt :

"Tôi đọc xong bài hành Bành Nha, nước mắt sa xuống giàn dụa. Lập thấy bồi hồi, anh im lặng để nén nghe tiếng thở dài trong lòng mình. Lặng lẽ, Lập nói:

-Có bạn, tôi hiểu thêm được mình. Từ ngày đi

tù tới giờ, tôi cứ có cảm tưởng số phận mình cứ mang nặng thơ của Đỗ Phủ.

Tôi uống hớp nước, cảm thấy đói. Nhưng nhìn ra sân, thấy trăng còn huyền diệu, êm ái, lòng cảm thấy nhẹ vơi đi.

-Tôi bắt đầu nhớ thơ Đỗ Phủ khi ra ngoài này. Ở đây, cảnh trí của núi rừng, chim chóc, với những lối mòn đi sâu hút trên con đường. Lúc nào, tôi cũng thấy đó là thơ của Đỗ Phủ. Hai đứa tôi mải nói chuyện đến khuya. Nước mắt khô cạn, rồi buông thả mình rớt trong giấc ngủ lúc nào không hay biết."

Muốn viết tiểu thuyết hay, phải có duyên kể chuyện và biết nên đề cập đến những chi tiết nào của cuộc sống đang diễn ra phức tạp ngoài kia. Sự lựa chọn để có được cái riêng trong cái chung là một điều tất yếu. Trước Nguyễn Chí Kham đã có rất nhiều người viết về đề tài này. Có người viết với tư cách một nhân chứng sống, có người viết như một thiên tự thuật cho nên thật khá khó khăn để tìm được cái riêng một cõi trong cái chung đã gần như thành quen thuộc đến bão hòa.

"Nắng Hồng Phương Nam" ngoài sự mô tả cuộc sống của một thời kỳ đặc biệt của đất nước còn có những mối tình đẹp. Nhân vật Nguyện thế mà tốt số. Mình chàng đã có tới vài ba bóng dáng người đẹp kể cả hồn ma bóng quế cứ đi theo hoài từng bước chân tù tội. Mối tình nửa thực nửa hư có phong vị của những truyện Liêu Trai không làm sởn da người đọc mà trái lại tạo một không khí lãng mạn cho những ngày tù tội.

"... Tôi nghe tiếng nàng thở nhẹ một hơi thở, rồi tôi ngồi dậy bên nàng. Nàng bảo tôi:

- Em nhớ anh lắm, em đi tìm anh.

- Anh rất nhớ em, mà không nói ra được.

- Hiểu rồi.

- Thương nhau trong giấc mơ cũng được phải không ?

- Ờ, cứ nghĩ như vậy đi.

Nàng đáp, rồi đưa tay qua nắm lấy tay tôi. Tôi hơi rụt rè đặt tay lên vai nàng, rồi ôm kín hết thân nàng. Nàng ưng thuận. Tôi ngửi đầy mùi thơm trên mái tóc nàng. Khi nàng ngả người trên cánh tay tôi, nàng hé môi, chờ đợi tôi cúi xuống hôn nàng. Tôi đặt môi xuống, bắt đầu cảm nhận từng chút vị ngọt. Một lúc lâu, nàng bỗng kéo người tôi ngả xuống. Không ngờ, lúc đó giấc mơ của tôi trở nên đằm thắm. Nàng và tôi hôn nhau quấn quít, rồi sau đó nàng gỡ nhẹ từng cúc áo rời ra để cho tôi nhìn thấy rõ tấm thân của nàng. Nàng bảo, tôi hãy nhắm mắt lại, ngủ đi. Không đáp, tôi nghe lời nàng bảo, nằm yên. Tôi mê đắm trong giấc mơ và luôn tùy thuộc vào cánh tay của nàng. Lòng tôi sung sướng được yêu nàng và hai người hết sức rộn ràng, say nồng trong cảm giác yêu đương. Rồi thì, bằng một bàn tay dịu dàng, nàng đứng dậy và buông thả hết. Tôi im lặng nhìn nàng. Nàng qùi xuống, hai cánh tay ôm chặt lấy cổ tôi, một giọng nói nhỏ nhẹ bảo tôi làm theo ý nàng. Tôi nghe lời với điều nàng muốn. Im lặng, từ phút ấy hai người cùng một nhịp thở. Nhưng rồi, sau một lúc bừng tỉnh tôi đưa tay quờ quạng tìm kiếm, thì không thấy vật gì quanh mình cả...."

Thực và mộng quẩn quanh quấn quít, những đoạn văn như thế rất nhiều trong tiểu thuyết đã làm nhẹ bớt đi những cam chịu của đời sống khổ ải gian nan của những người tù cải tạo khổ sai không án. Đi xa hơn, tác giả còn kể chuyện một cuộc nói chuyện tay đôi giữa người tù và người cai tù như hai kẻ tri âm tri kỷ với nhau. Theo tôi hiểu biết thì chuyện ấy khó là sự thực. Dù có muốn thì hai người cũng biết được hệ thống theo dõi và trừng phạt của những trại giam nổi tiếng khắc nghiệt ở miền thượng du Bắc Việt. (câu chuyện giữa Nguyện và Quang từ trang 512 đến 528).

Viết tiểu thuyết theo G. g. Marquez là trộn lẫn giữa thực và mộng. Nguyễn Chí Kham cũng dùng kỹ thuật ấy để tạo một hình thức mới cho văn phong của mình. Cuộc thử nghiệm ấy có lúc đạt lúc không. Ông Thượng Đế cũng có lúc oái oăm có lúc khác người. Vóc dáng nhân vật khác thường hiếm có trong đời thường lại có sức hấp dẫn hơn. Nhất là trong một cảnh hỗn mang của những chấn động làm thay đổi cả những cuộc đời. Với "Nắng Hồng Phương Nam," có lẽ tác giả còn có tham vọng hơn là một người kể chuyện hấp dẫn và duyên dáng. Có lúc, ông làm một nhân chứng, ghi chép lại chân thực những mảnh đời mà bị thời thế làm cho vỡ vụn nát tan.

Không gian, thời gian của tiểu thuyết ấy dài và rộng lắm. Mười mấy năm trên một bối cảnh từ Sài Gòn, Huế, Đà Lạt, Pleiku... ra đến Hà Nội, hay những vùng thượng du nước độc diễn ra biết bao nhiêu là mảnh đời, những chứng liệu của thương tích dân tộc.

Với hơn một ngàn trang sách, Nguyễn Chí Kham đã muốn nói nhiều bằng ngôn ngữ văn chương một ý tình. Tất cả những khổ đau rồi sẽ qua đi để đời sống sẽ như nắng hồng tươi đẹp của quê hương rạng rỡ.

QUẬN CAM

Cây bút nữ Việt Nam đi vào văn chương Hoa Kỳ: Monique Truong với The Book of Salt

ANH THÀNH

Khoảng 200 người đã đến tham dự buổi ra mắt tác phẩm đầu tiên của nhà văn nữ Việt Nam Monique Trương giới thiệu tác phẩm *The Book of Salt* (tạm dịch: Cuốn sách về Muối) tại phòng hội của Little Saigon Radio vào chiều ngày Mồng 3 tháng Năm năm 2003.

Sau lời chào mừng của ông Lê Tinh Thông, đại diện cho Little Saigon Radio, nhà báo Bùi Bảo Trúc đã lên giới thiệu về tác giả và tác phẩm *The Book of Salt*. Ông Bùi Bảo Trúc nói rằng thường một nhà văn dù ở đâu, trước khi nổi tiếng phải qua nhiều chặng đường đắng cay. Ông kể trường hợp văn hào Ernest Hemingway cũng phải trải qua những thử thách lâu dài trước khi được cả thế giới ngưỡng mộ văn tài của ông. Nhưng riêng Monique Trương là một trường hợp đặc biệt, chỉ với tác phẩm đầu tay *The Book of Salt* đã có đến 20 nhà phê bình Hoa Kỳ nhiệt liệt tán thưởng văn tài của bà. Một đặc điểm khác là bà Monique Trương đã tốt nghiệp Tiến Sĩ Luật Khoa Đại Học Yale, Columbia, đã hành nghề luật sư nhưng sau đó bà ngưng để chuyển qua viết văn.

Về tác phẩm *The Book of Salt* với không gian là Paris, Pháp, thời gian là khoảng thập niên 1930, nhân vật là Bình được tác giả dàn dựng như là một người đầu bếp giỏi và trẻ thuộc giới đồng tính luyến ái (Gay) từ Việt Nam sang được ít lâu còn bở ngỡ. Nhân vật sau đó đã phân vân khi phải đứng trước ngã ba đường chọn lựa đi Mỹ với hai người phụ nữ Mỹ cũng đồng tính với một đời sống kỳ lạ của họ, hoặc Bình phải chọn trở về Việt Nam hay ở lại Pháp. Phần kết luận của *The Book of Salt* với những câu hỏi mà tác giả Monique Trương dành cho đọc giả chọn lựa thay cho nhân vật.

Tiếp theo là tác giả Monique Trương đã lên diễn đàn ngỏ lời với cử tọa qua một trích đoạn nói lên tâm sự của mình qua nhân vật trong tác phẩm. Tác giả đã dành một phần lớn thời gian để trả lời những câu hỏi của các bạn trẻ liên quan đến tác giả và tác phẩm.

Trả lời một câu hỏi liên quan đến nhan đề của tác phẩm, Monique Trương đã nói rằng: "Muối có trong thực phẩm, trong đại dương, trong mồ hôi và nước mắt. Trong chữ Salary là tiền lương cũng có chữ 'sal.' Vậy thì có thể nói Muối là sức lao động, là giá trị thực thụ của cuộc sống. Trong Cựu Ước có một nhân vật nữ tên Lot chỉ vì nuối tiếc quay đầu trở lại nhìn về thành phố Sodom mà đã biến thành Muối. Nhân vật Bình của tác giả vừa là một Sodomist vừa là một người nhớ quê hương."

Monique Trương sanh năm 1968 tại Saigon rời khỏi Việt Nam lúc sáu tuổi, tốt nghiệp Tiến Sĩ Đại Học Luật Khoa năm 1997 chuyên về luật Tác quyền. Bà là cháu ngoại của cụ Phạm Văn Tươi, người đã chủ trương nhà xuất bản Học Làm Người từ thập niên 1950.

Monique Trương nói rằng tác phẩm The Book of Salt khởi đầu do được một học bổng có tên là Van Lier Fellowship giúp cho bà tạm ngưng hành nghề luật sư để hoàn thành tác phẩm và từ đó cuộc đời đã rẽ qua một ngả khác. Thời còn sinh viên, Monique Trương đồng biên tập một tập văn thơ cùng với nhiều tác giả Việt Nam khác mang tựa đề Watermak (Thủy Mạc). Tiểu luận của bà Welcom to America được đọc trên làn sóng điện phát thanh quốc gia Hoa Kỳ National Public Radio. Bà được giải thưởng Award of Excellence của Trung Tâm Nghiên Cứu Việt Mỹ tại trường Đại Học San Francisco State University và Giải thưởng của Lannon Foundation Writing Residency năm 2001. Bà hiện cư ngụ ở Brooklyn, New York.

The Book of Salt dầy 261 trang in đẹp, bìa cứng do nhà xuất bản Houghton Mifflin Company, Boston và New York phát hành năm 2003.

Phạm Duy làm người mẫu cho nhiếp ảnh và hội họa

Một buổi sinh hoạt nghệ thuật đã diễn ra tại quán cà phê LUP của ca sĩ Lê Uyên vào chiều ngày 10 tháng Năm 2003: những người tổ chức đã mời nghệ sĩ Phạm Duy ngồi làm người mẫu cho gần 30 họa sĩ và nhiếp ảnh gia và cameraman vẽ chân dung, quay phim và chụp ảnh.

Nghệ sĩ Phạm Duy năm nay đã 83 tuổi, vẫn

Phạm Duy mặc quốc phục làm mẫu

còn khang kiện và "đẹp lão." Ông đã lần lượt xuất hiện từ con người đời thường với quần Jean áo puli cho đến áo the thâm, quần satin trắng bóng đầu đội khăn đen suối đờn như bậc nho sĩ thuở xưa. Trong dịp này ông cũng mặc bộ bà ba nâu cổ miền Trung mà theo ông cho biết hiện nay coi như ít còn thấy người Huế mặc nữa.

Bầu không khí quán LUP rất văn nghệ với ca sĩ Lê Uyên và gia đình trông nom đã cùng với họa sĩ Etcetera có sáng kiến tổ chức sinh hoạt này, mang một sinh khí mới lạ cho nghệ thuật. Nhạc sĩ Phạm Duy trong dịp này cũng cho biết nghệ thuật cần phải có sinh hoạt đều đặn thì mới có thể tạo nguồn cảm hứng cho nghệ sĩ. Họa sĩ Etcetera cho biết các tác phẩm hội họa về người mẫu Phạm Duy vẽ trong chiều nay sẽ được triển lãm ngay tại quán LUP. Cuộc triển lãm dã chiến dài hay ngắn tùy theo sự hưởng ứng của quần chúng.

SAN FRANCISCO

PHIM TÀI LIỆU "SAIGON, USA": NHỮNG LÝ DO NGƯỜI VIỆT CHỐNG CỘNG SẢN

BÙI VĂN PHÚ

Saigon, USA là một phim tài liệu dài gần một giờ đồng hồ, do Lindsey Jang và Robert C. Winn thực hiện dựa vào một biến cố xảy ra hồi đầu năm 1999, khi Trần Văn Trường, một thương nhân người Mỹ gốc Việt, đem hình Hồ Chí Minh và cờ đỏ sao vàng treo trong tiệm của ông ở thành phố Westminster, miền nam California, nơi được coi là thủ đô của người Việt tị nạn tại Hoa Kỳ. Sự việc này đã khiến người Việt trong vùng tổ chức biểu tình ngày đêm trong gần hai tháng trước cửa tiệm để phản đối. Những cuộc biểu tình được truyền thông Hoa Kỳ chú ý vì có ngày đã có hàng chục ngàn người tham dự, trong không khí tương đối ôn hòa, trừ đôi lúc sự xuất hiện của chủ nhân đã tạo ra những sự cố khiến cảnh sát phải can thiệp.

Tối thứ Sáu ngày 9 tháng 5, 2003 vừa qua, Trung Tâm Nghiên Cứu Đông Nam Châu Á của Đại Học U.C. Berkeley tổ chức một buổi chiếu phim và thảo luận dành cho sinh viên, công chúng và đã có chừng một trăm người tham dự.

Mở đầu, giáo sư sắc tộc học Kiều Linh Caroline Valverde, chuyên nghiên cứu về Việt kiều, hiện giảng dạy tại Đại Học U.C. Davis, có đôi lời giới thiệu phim *Saigon, USA* và đạo diễn Lindsey Jang. Giáo sư Kiều Linh nói rằng nghiên cứu về từng làn sóng người Việt đến Mỹ định cư, từ những người ra đi khi Sài-gòn sụp đổ, đến người vượt biển, con lai, HO hay đoàn tụ gia đình thì họ có một mẫu số chung là "chống cộng" và tinh thần ấy đang giảm đi trước những thay đổi và cởi mở đang được thực hiện trong nước Việt Nam. Giáo sư Kiều Linh nhận xét phim này phản ánh trung thực về cộng đồng người Việt ở Mỹ.

Nói vắn tắt về tác phẩm của mình, đạo diễn Jang cho biết sự việc có hàng chục ngàn người Việt tập họp biểu tình là một điều lạ vì ông ít thấy điều này xảy ra trong cộng đồng người Châu Á tại Hoa Kỳ. Jang và Winn làm phim Saigon, USA vì muốn tìm hiểu nguyên do tại sao người Việt lại có những phản ứng mạnh mẽ và quyết liệt trước sự xuất hiện của những biểu tượng cộng sản tại tụ điểm của họ.

Phim nói lên lịch sử thành hình của Little Saigon ở nam California, khởi đi bằng cuộc di tản vào tháng 4, 1975, rồi đến những làn sóng vượt biển. Hàng chục ngàn người Việt đã chọn thành phố Westminster để định cư, nơi mà trước năm 75 còn hoang sơ, còn những con bò chạy trên đường phố. Người Việt đổ về đây, sau mười năm đã biến Westminster thành một thị xã trù phú với những trung tâm thương mại sầm uất.

Nhiều người Việt xuất hiện trong phim để nói về lý do tại sao họ đã, hoặc không tham gia, biểu tình. Tham gia biểu tình có cựu Đại Tá Lê Khắc Lý, sĩ quan không quân Chuyên Nguyễn, nhân viên xã hội Xuyến Đông-Matsuda. Không tham gia có họa sĩ Vi Lý; Vũ Nguyễn, 24 tuổi, con trai của ông Chuyên; Bảo Nguyễn, sinh viên Đại Học U.C. Irvine. Nhiều người khác nữa cũng đã nói

lên quan điểm của họ về lý do tại sao chống cộng sản và bày tỏ phản ứng về vụ treo cờ đỏ sao vàng và hình Hồ Chí Minh.

Người lớn tuổi kể lại những mất mát khi Sài-gòn rơi vào tay cộng sản. Đại Tá Lý mất hết quyền bính, mất cả quê hương. Qua Mỹ, dù ông biết tiếng Anh và đã chuẩn bị tinh thần để chấp nhận một cuộc sống mới, nhưng khi phải đi lau chùi nhà vệ sinh thì tự nhiên nước mắt ông cứ tuôn trào vì cảm thấy như đang từ đỉnh cao bị rớt xuống hố sâu. Ông vẫn mơ có một ngày lấy lại quê hương. Gia đình của họa sĩ Vi Lý, người Việt gốc Hoa, phải ra đi khi Hà Nội áp dụng chính sách đánh tư sản mại bản. Lúc đầu Vi cảm thấy xấu hổ, cô không hiểu tại sao chỉ vì một lá cờ, một tấm hình mà người Việt lại xôn xao biểu tình như thế. Cuối phim, Vi nói sau khi nghe được những câu chuyện của người tị nạn thì cô lại nghĩ khác đi về những cuộc biểu tình đó.

Bảo Nguyễn lên tiếng bênh vực việc treo cờ và hình cộng sản của người chủ cơ sở thương mại. Nhưng khi thấy hành động này bị phản đối quá thì Bảo nói ở Mỹ không có tự do. Trong một lần khác, khi đông đảo người Việt tổ chức vận động bầu cử ủng hộ thượng nghị John McCain, Bảo và các bạn có mặt để phản đối việc ông dùng một từ mang tính miệt thị: "gook," để gọi cai tù Việt Cộng, nhưng Bảo cho rằng danh từ đó ám chỉ chung các sắc dân Châu Á. Hôm đó Bảo và các bạn bị những người Việt khác đuổi khỏi nơi TNS McCain đang vận động.

Vũ Nguyễn lúc đầu cũng suy nghĩ như Vi Lý về các cuộc biểu tình, như Bảo về TNS McCain, sau hiểu được thì cùng bố, nhà hoạt động cộng đồng Chuyên Nguyễn, tham gia sinh hoạt cộng đồng vì anh tin mọi sinh hoạt là một phần của cộng đồng nơi anh sinh sống, dù chấp nhận nó hay không. Vũ nói một câu hết sức có lý: "Nước Việt Nam Cộng Hòa với lá cờ vàng ba sọc đỏ bên kia đại dương thì không còn nữa, nhưng nó đã được chuyển qua đây." Phần Bảo, sinh ra trong trại tỵ nạn ở Thái Lan, thì muốn được cùng theo mẹ về Việt Nam để tìm hiểu về nguồn cội của mình. Còn Xuyến Đồng-Matsuda thì muốn làm một gạch nối giữa hai thế hệ người Việt, hai nền văn hóa.

Sau khi chiếu phim là phần đặt câu hỏi và thảo luận với đạo diễn Jang và giáo sư Kiều Linh.

Một sinh viên Việt nói trong gia đình không có những chia xẻ giữa cha mẹ và con cái nên những câu chuyện của người lớn không được kể lại cho con cháu. Một câu hỏi khác về quan hệ trong gia đình người Việt có gì khác biệt so sánh với những sắc dân khác như Trung Hoa, Nhật, hay Hàn Quốc là những cộng đồng có chung nguồn gốc văn hóa Khổng Mạnh, với đẳng cấp trong gia đình mà người cha là trên hết. Còn so sánh với những gia đình gốc da trắng như Ba Lan, Đức thì giữa cha mẹ và con cái có những sự thảo luận trong môi trường cởi mở hơn không? Giáo sư Kiều Linh nhận định rằng trong gia đình Việt Nam vì có nhiều vấn đề như ngôn ngữ, hội nhập, quá khứ bị mất hết cả vì cộng sản, khi nói đến những điều này chỉ làm cha mẹ thêm uất ức. Giáo sư không có câu trả lời về những so sánh với những sắc dân khác. Đạo diễn Jang khi làm phim này cũng đã nghĩ đến việc so sánh quan hệ giữa cha mẹ và con cái trong gia đình Việt với những sắc dân Châu Á khác, nhưng không thực hiện được, vì thế cũng không có câu trả lời.

Một người da đen chỉ trích những sự nghịch lý trong xã hội Mỹ khi mà người Châu Á có thể biểu tình phản đối, còn người da đen thì lại không làm được như thế. Một người da trắng nhận xét rằng không biết sinh viên Bảo Nguyễn muốn nói gì trong phim, vì lúc thì anh coi mình là người Mỹ, nhận đây là đất nước của anh, lúc thì anh lại coi như không phải người Mỹ vì nơi đây không có tự do.

Một người Việt, 47 tuổi, sáu năm sống với cộng sản, kể rằng gia đình ông sống ở vùng đồng bằng Cửu Long, cộng sản vào lấy ruộng, tịch thu nhà cửa của bố mẹ ông. Ông cám ơn đạo diễn Jang đã làm phim này để nói lên sự thực về nguyên do người Việt bỏ nước ra đi. Theo ông, nhiều Việt ủng hộ TNS McCain vì ông thượng nghị sĩ này cũng đã từng bị cộng sản giam tù. Ông cũng thông cảm với giới trẻ như sinh viên Bảo, lớn lên ở Mỹ, chống TNS McCain vì cảm thấy bị kỳ thị.

Vụ treo hình Hồ Chí Minh và cờ cộng sản Việt Nam ở Westminster là một biến cố đã khơi dậy những đau thương và tinh thần chống cộng của người Việt. Trong phim, nhà báo Andrew Lâm đã so sánh việc phô trương những biểu tượng cộng sản giữa Little Saigon chẳng khác nào đem hình Adolf Hitler treo giữa nơi có đông người Do Thái, hay đem hình Fidel Castro mà trưng giữa Little Havana.

Biến cố này không phải là đã không được dự báo trước. Sách hướng dẫn du lịch Việt Nam do nhà xuất bản Lonely Planet, ấn bản 1993-94, trong phần viết về những món quà mà khách du lịch có thể mua ở Việt Nam, trong đó có áo thun in hình Hồ Chí Minh (Ho Chi Minh T-shirt), tuy nhiên tác giả cũng không quên cảnh cáo rằng: "Nếu không muốn phải tốn nhiều tiền đi nha sĩ làm răng thì đừng mặc áo thun này mà đi nghênh ngang giữa Little Saigon." *(15 tháng 5, 2003)*

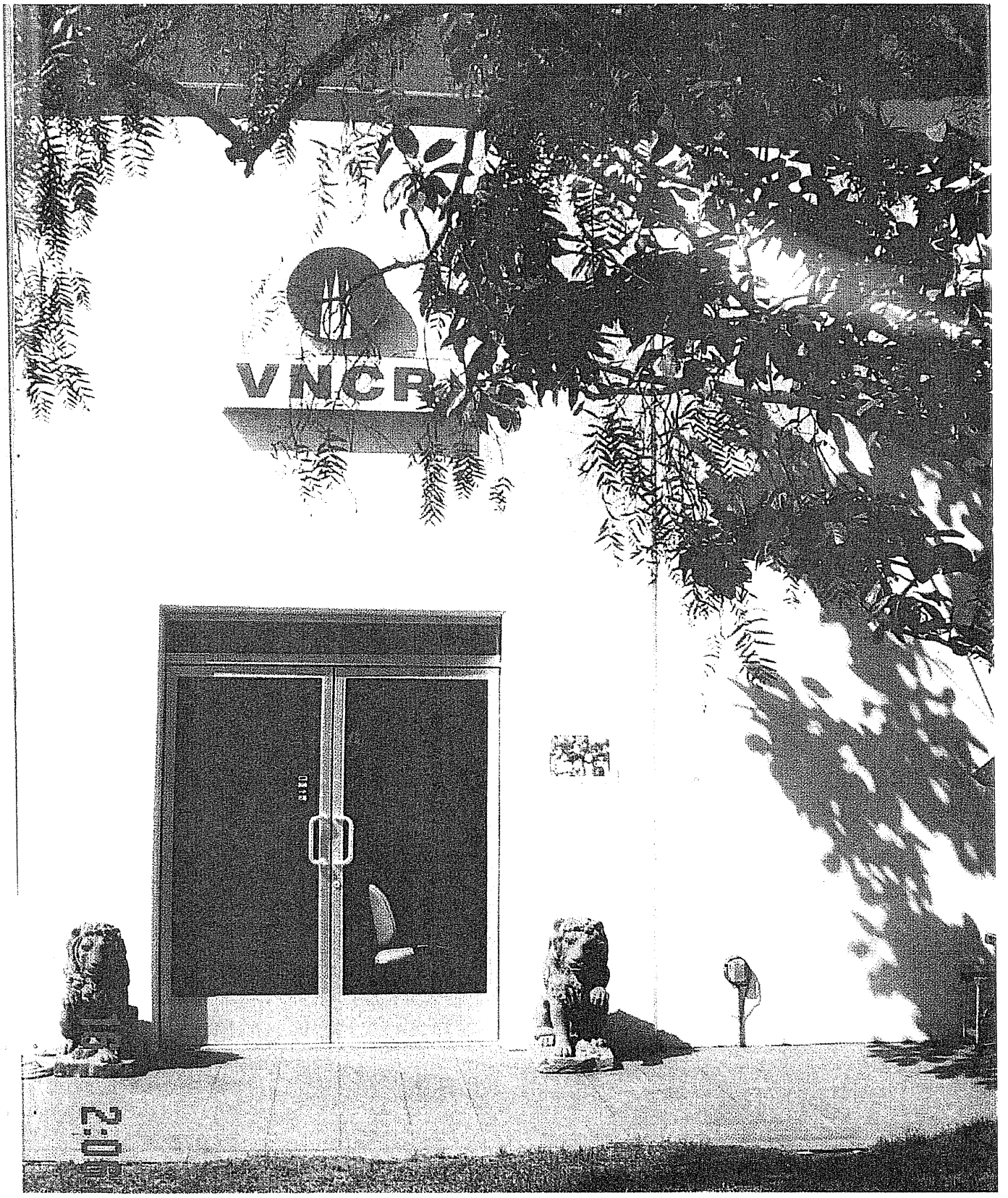

Đài Phát Thanh VNCR 106.3 FM

Viet Nam California Radio

Vùng thẩm âm rộng ra ngoài Orange County:
Los Angeles, Pasadena, Riverside, Capistrano đều nghe được.
Với Tin Tức, Thời Sự mỗi ngày phối hợp giữa VNCR và Saigon Houston (Texas)

14781 Moran Street, Westminster, CA 92683
Điện thoại: (714) 891-8142 * (714) 891-8152 * (714) 891-8162 * (714) 891-8172
Fax: (714) 891-8190

HÙNG SƠN

DIAMONDS CENTER

Jewelry

Diamonds and Beauty are Forever

G.I.A CERTIFICATE DIAMONDS

9200 Bolsa Ave. # 128 Westminster. CA 92683

Tel: 714-897-6600

Ấn Phí: 5 Mỹ Kim